

CÔNG TY TNHH BAO BÌ GIẤY NHÔM NEW TOYO



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**
của cơ sở

“CÔNG TY TNHH BAO BÌ GIẤY NHÔM NEW TOYO”

Cụ thể là sản xuất giấy nhôm đủ màu, công suất 7.000 tấn sản phẩm/năm;
sản xuất giấy bìa đủ màu, công suất 8.000 tấn sản phẩm/năm; sản xuất giấy lõi gà đủ
màu, công suất 3.000 tấn sản phẩm/năm; sản xuất giấy bìa tráng màng PET,
công suất 420 tấn sản phẩm/năm; sản xuất giấy bìa tráng màng phim, công suất 300 tấn
sản phẩm/năm, cắt xén giấy, công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm; sản xuất đồ gia dụng từ
giấy các loại, giấy nhôm, giấy bìa đủ màu, giấy bìa tráng màng PET, giấy bìa tráng màng
phim các loại (không thực hiện công đoạn in trên sản phẩm) như cốc, chén đĩa, khay,
ống hút, nắp và bao bì giấy khác, công suất 2.500 tấn sản phẩm/năm”

Địa chỉ: Lô số 15, 17, 19 và 21, khu công nghiệp trong Khu chế xuất Linh Trung II,
Phường Bình Chiểu, Thành phố Thủ Đức, TP.HCM.

TP.HCM, THÁNG 08 NĂM 2024

CÔNG TY TNHH BAO BÌ GIẤY NHÔM NEW TOYO



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG của cơ sở

“CÔNG TY TNHH BAO BÌ GIẤY NHÔM NEW TOYO”

Cụ thể là sản xuất giấy nhôm đủ màu, công suất 7.000 tấn sản phẩm/năm;
sản xuất giấy bìa đủ màu, công suất 8.000 tấn sản phẩm/năm; sản xuất giấy lõi gà đủ
màu, công suất 3.000 tấn sản phẩm/năm; sản xuất giấy bìa trắng màng PET,
công suất 420 tấn sản phẩm/năm; sản xuất giấy bìa trắng màng phim, công suất 300 tấn
sản phẩm/năm, cắt xén giấy, công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm; sản xuất đồ gia dụng từ
giấy các loại, giấy nhôm, giấy bìa đủ màu, giấy bìa trắng màng PET, giấy bìa trắng màng
phim các loại (không thực hiện công đoạn in trên sản phẩm) như cốc, chén đĩa, khay, ống
hút, nắp và bao bì giấy khác, công suất 2.500 tấn sản phẩm/năm”

Địa chỉ: Lô số 15, 17, 19 và 21, khu công nghiệp trong Khu chế xuất Linh Trung II,
Phường Bình Chiểu, Thành phố Thủ Đức, TP.HCM.



TP.HCM, THÁNG 08 NĂM 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC BẢNG	iv
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ	iv
Chương I.....	1
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	1
1. Tên chủ cơ sở:.....	1
2. Tên cơ sở:.....	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:	3
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:	3
3.2. Công nghệ của cơ sở:.....	4
3.3. Sản phẩm của cơ sở:	12
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:.....	13
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:	24
5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở:	24
5.1.1. Các hạng mục công trình chính:	24
5.1.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của cơ sở:	29
5.1.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:.....	33
5.2. Danh mục máy móc thiết bị của cơ sở:.....	33
5.3. Nhu cầu lao động:	37
5.4. Hiện trạng hoạt động, hạ tầng kỹ thuật của KCX Linh Trung II:.....	42
Chương II	50
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	50
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:	50
2. Sự phù hợp của Cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:	52
Chương III.....	53
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	53
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:	53
1.1 Thu gom, thoát nước mưa:	53
1.2 Thu gom, thoát nước thải:	54
1.3 Xử lý nước thải:	59
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:	63
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:	72
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:	76
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:	78
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:.....	79
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:.....	87
Chương IV	89

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	89
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:.....	89
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:.....	90
2.1 Nguồn phát sinh khí thải:	90
2.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa:	91
2.3. Dòng khí thải:	91
2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:	91
2.5. Vị trí, phương thức xả khí thải:.....	92
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:	93
4. Quản lý chất thải:	94
4.1. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:	95
4.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:	95
4.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.....	95
4.3.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại	95
4.3.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:	95
4.3.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:.....	95
Chương V.....	97
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	97
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải:.....	97
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải:.....	97
3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo:	98
Chương VI.....	99
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	99
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Cơ sở:	99
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.	99
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:	99
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:	99
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất chủ cơ sở.	99
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	100
CHƯƠNG VII	101
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	101
Chương VIII.....	102
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	102
PHỤ LỤC BÁO CÁO	103

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
CP	Chính phủ
CTNH	Chất thải nguy hại
HĐ	Hợp đồng
KPH	Không phát hiện
MTV	Một thành viên
NĐ	Nghị định
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QH	Quốc hội
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
TT-BTNMT	Thông tư Bộ Tài nguyên và Môi trường
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. 1. Công suất sản xuất của cơ sở.....	3
Bảng 1. 2. Sản phẩm của cơ sở	12
Bảng 1. 3. Danh mục nguyên, nhiên vật liệu của cơ sở.....	13
Bảng 1. 4. Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở.....	21
Bảng 1. 5. Nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở	22
Bảng 1. 6. Nhu cầu sử dụng nước theo hóa đơn nước của cơ sở.....	23
Bảng 1. 7. Quy hoạch sử dụng đất cho các hạng mục thuộc cơ sở.....	24
Bảng 1. 8. Hạng mục các công trình chính.....	25
Bảng 1. 9. Bảng tổng hợp các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở.....	33
Bảng 1. 10. Máy móc thiết bị phục vụ hoạt động của cơ sở theo KHBVMT	34
Bảng 1. 11. Nhu cầu sử dụng lao động tại cơ sở	41
Bảng 1. 12. Quy hoạch sử dụng đất KCX Linh Trung II	42
Bảng 1. 13. Tổng hợp hệ thống cấp điện	44
Bảng 1. 14. Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCX Linh Trung II	44
Bảng 2. 1. Toạ độ ranh giới khu vực của cơ sở	50
Bảng 3. 1. Tổng hợp thông số kỹ thuật các bể tự hoại, bể tách mỡ.....	56
Bảng 3. 2. Danh mục thông số kỹ thuật của bể xử lý nước thải	62
Bảng 3. 3. Danh mục máy móc, thiết bị của HTXLNT	62
Bảng 3. 4. Hóa chất, vật liệu sử dụng của HTXLNT	63
Bảng 3. 5. Thông số kỹ thuật của máy hút rìa giấy hiện hữu	66
Bảng 3. 6. Thông số kỹ thuật của máy hút rìa giấy số 2 sau khi bổ sung.....	67
Bảng 3. 7. Thông số kỹ thuật của một thiết bị thu gom bụi tại công đoạn mài (chà khay), cắt tấm.....	68
Bảng 3. 8. Thông số kỹ thuật lò gia nhiệt	70
Bảng 3. 9. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại nhà máy	73
Bảng 3. 10. Công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.....	73
Bảng 3. 11. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh.....	74
Bảng 3. 12. Công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường	74
Bảng 3. 13. Thống kê khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở	76
Bảng 3. 14. Công trình lưu giữ chất thải nguy hại.....	77
Bảng 3. 15. Các nội dung thay đổi so với Bản Kế hoạch BVMT đã được xác nhận	87
Bảng 3. 16. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn trong giai đoạn hoạt động cơ sở ...	94
Bảng 3. 17. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung trong giai đoạn hoạt động cơ sở	94
Bảng 5. 1. Kết quả quan trắc nước thải năm 2022.....	97

Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc nước thải năm 2023	97
Bảng 5. 3. Kết quả quan trắc khí thải của cơ sở năm 2022	97
Bảng 5. 4. Kết quả quan trắc khí thải của cơ sở năm 2023	98

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1.1. Quy trình sản xuất giấy nhôm đủ màu	4
Hình 1.2. Quy trình sản xuất giấy bìa đủ màu	6
Hình 1.3. Quy trình sản xuất giấy lưới gà đủ màu	7
Hình 1.4. Quy trình sản xuất giấy bìa trắng màng PET	9
Hình 1.5. Quy trình sản xuất giấy bìa trắng màng phim	10
Hình 1.6. Quy trình sản xuất đồ gia dụng từ giấy nhôm, giấy bìa đủ màu, giấy bìa trắng màng PET, giấy bìa trắng màng phim, giấy trắng	11
Hình 1.7. Hình ảnh sản phẩm của Cơ sở	13
Hình 1.8. Hình ảnh khu vực sản xuất của Nhà máy	29
Hình 1.9. Sơ đồ quy trình công nghệ hệ thống lọc nước RO	32
Hình 1.10. Hình ảnh máy móc thiết bị phục vụ hoạt động tại Nhà máy	41
Hình 1.11. Quy trình công nghệ Trạm XLNTTT của KCN trong KCX Linh Trung II	46
Hình 2. 1. Vị trí cơ sở trên Google Map	51
Hình 3. 1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa tại cơ sở	53
Hình 3. 2. Hồ ga đầu nối nước mưa tại Nhà máy	54
Hình 3. 3. Sơ đồ minh họa mạng lưới thu gom, thoát nước thải sinh hoạt của cơ sở	54
Hình 3. 4. Sơ đồ minh họa mạng lưới thu gom, thoát nước thải sản xuất của cơ sở	55
Hình 3. 5. Hình ảnh bể thu gom, xử lý cặn hồ, cặn mực in hệ nước tại Cơ sở	57
Hình 3. 6. Vị trí hồ ga xả nước thải, bể trung gian sau bể tách mỡ của nhà máy	59
Hình 3. 7. Mô hình bể tự hoại 03 ngăn	61
Hình 3. 8. Khu vực để máy phát điện dự phòng	64
Hình 3. 9. Ống khói máy phát điện dự phòng và bộ phận cao su, giảm thanh	64
Hình 3. 10. Quy trình xử lý của máy hút rìa giấy hiện hữu	65
Hình 3. 11. Quy trình xử lý của máy hút rìa giấy sau khi bỏ sung	66
Hình 3. 12. Quy trình thu gom bụi từ công đoạn mài (chà khay), cắt tấm	68
Hình 3. 13. Sơ đồ hút khí tại lò dầu DO	70
Hình 3. 14. Quy trình quản lý chất thải rắn	72
Hình 3. 15. Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt	74
Hình 3. 16. Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường	75
Hình 3. 17. Sơ đồ quy trình ứng phó sự cố tại Công ty	82
Hình 3. 18. Kho chứa hóa chất/keo hồ	85

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở:

CÔNG TY TNHH BAO BÌ GIẤY NHÔM NEW TOYO

– Địa chỉ văn phòng: Lô 15, 17, 19 và 21 KCN trong KCX Linh Trung II, phường Bình Chiểu, TP. Thủ Đức, TP.HCM.

– Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Bà **NHAN HỨC QUÂN**

+ Giới tính: Nữ Chức danh: Tổng giám đốc

+ Sinh ngày: 02/10/1966 Quốc tịch: Việt Nam

+ Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

+ Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 079166001068

+ Ngày cấp: 12/04/2016 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và QLQG về dân cư

+ Địa chỉ thường trú: 141-143 đường số 7, phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP.HCM, Việt Nam.

+ Địa chỉ liên lạc: 141-143 đường số 7, phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP.HCM, Việt Nam.

– Điện thoại: 028 3729 1768; Fax: 028 3729 1767; E-mail: info@newtoyovn.com

Website: www.newtoyovn.com.

– Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV mã số doanh nghiệp 0302476684 đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 11 năm 2001, thay đổi lần thứ 07 ngày 27 tháng 04 năm 2023 do Phòng đăng ký Kinh Doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

– Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số mã số dự án 9971043571, chứng nhận lần đầu ngày 16/11/2001, chứng nhận thay đổi lần thứ bảy ngày 27/04/2021 do Bản Quản lý các khu chế xuất và Công nghiệp TP.HCM cấp.

2. Tên cơ sở:

“CÔNG TY TNHH BAO BÌ GIẤY NHÔM NEW TOYO”

– Địa điểm cơ sở: Lô 15, 17, 19 và 21, KCN trong KCX Linh Trung II, phường Bình Chiểu, TP. Thủ Đức, TP.HCM.

(Hợp đồng thuê đất số 53/TT-01 ngày 03/12/2001 với Công ty Liên doanh khai thác kinh doanh khu chế xuất Sài Gòn – Linh Trung (Sepzone – Linh Trung, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 662635 ngày 15/6/2005 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM cấp).

– Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án:

+ Giấy chứng nhận công trình xây dựng hoàn thành số 30 CN/BQL-KCN-HCM ngày 26/05/2005 do Ban Quản lý các khu chế xuất và Công nghiệp TP.HCM cấp.

+ Giấy phép xây dựng (giai đoạn 2) số 74/GPXD ngày 12/12/2013 do Ban Quản lý các khu chế xuất và Công nghiệp TP.HCM cấp.

+ Giấy phép xây dựng số 53/GPXD ngày 03/6/2015 do Ban Quản lý các khu chế xuất và Công nghiệp TP.HCM cấp.

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy số 1025/TD-PCCC ngày 20/07/2018 do Cảnh sát PC&CC TP.HCM cấp.

+ Biên bản nghiệm thu về PCCC số 388/PC07-Đ5 ngày 03/7/2019 do Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH nghiệm thu.

– Các giấy phép môi trường thành phần:

+ Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 209/UBND-TNMT ngày 12 tháng 01 năm 2022 do Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức cấp.

+ Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH 79.000618.T (cấp lần 6) ngày 31/8/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM cấp.

– Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Theo khoản 3, Điều 9, Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019, cơ sở có tổng vốn đầu tư là 127.657.320.000 VNĐ (Một trăm hai mươi bảy tỷ sáu trăm tám mươi bảy triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng Việt Nam), thuộc tiêu chí đầu tư nhóm B (có tổng mức đầu tư từ 60 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng). Căn cứ theo STT 2, mục I, phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP Danh mục các Dự án đầu tư nhóm II có nguy cơ xấu đến môi trường quy định tại khoản 4 điều 28 Luật BVMT 2020.

Căn cứ theo khoản 3, Điều 41 của Luật Bảo vệ Môi trường 2020 thì cơ sở “*Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo*” tại Lô 15, 17, 19 và 21, KCN trong KCX Linh Trung II, phường Bình Chiểu, TP.Thủ Đức, TP.HCM của Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức cấp Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 209/UBND-TNMT ngày 12 tháng 01 năm 2022 và theo khoản 7, Điều 9 Nghị quyết 98/2023/QH15 về việc thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển TP.HCM thì Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố được thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền của UBND Thành phố, UBND nhân dân các quận, huyện trong phạm vi khu chế xuất, khu công nghiệp, đồng thời căn cứ theo văn bản số 2317/BQL-VP ngày 01/8/2023 về việc thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Nghị quyết 98/2023/QH15 và văn bản số 569/BQL-MT ngày 11/3/2024 do Hepza thông báo thì cơ quan có thẩm quyền cấp phép giấy phép môi trường cho cơ sở là Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh. Báo cáo được trình bày theo mẫu phụ lục X Mẫu báo cáo đề xuất cấp, cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập

trung, cụm công nghiệp đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với Dự án Nhóm I hoặc Nhóm II của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

– Công suất hoạt động:

Bảng 1. 1. Công suất sản xuất của cơ sở

STT	Sản phẩm	Công suất (tấn sản phẩm/năm)	
		Hiện hữu	Theo GPMT
1	Giấy nhôm đủ màu	4.339	7.000
2	Giấy bìa đủ màu	4.093	8.000
3	Giấy lưới gà đủ màu	2.608	3.000
4	Giấy bìa trắng màng PET	72,6	420
5	Giấy bìa trắng màng phim (*)	0	300
6	Cắt xén giấy	655	2.000
7	Đồ gia dụng từ giấy các loại, giấy, nhôm, giấy bìa đủ màu, giấy bìa trắng màng PET, giấy bìa trắng màng phim các loại (không thực hiện công đoạn in trên sản phẩm) như cốc, chén, đĩa, khay, ống hút, nắp và bao bì giấy khác	624	2.500
Tổng cộng		12.391,6	23.220

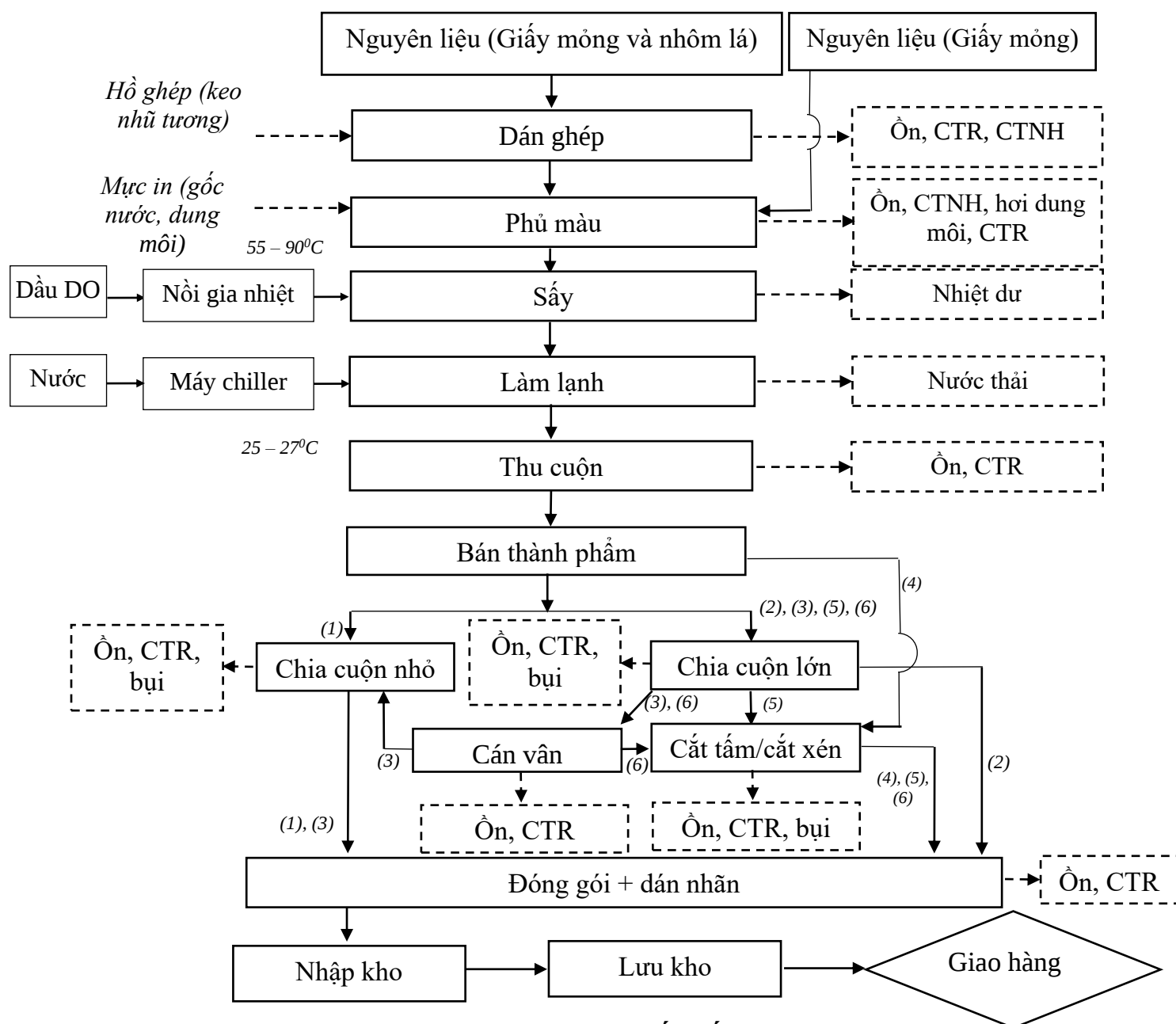
(Nguồn: Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo, 2024)

Ghi chú: Riêng địa chỉ số 24, KCN trong KCX Linh Trung II, phường Bình Chiểu, TP. Thủ Đức, TP.HCM. Cơ sở đang cho thuê nhà xưởng diện tích 2.148,6 m² (cụ thể là Công ty TNHH Bao bì thực phẩm TP) (theo hợp đồng cho thuê xưởng số 01/NTVN-TP/2021 ngày 01/04/2021).

(*) Đối với sản phẩm giấy bìa trắng màng phim do hiện tại chưa có đơn hàng cho sản phẩm này nên hiện tại Nhà máy tạm thời chưa sản xuất.

3.2. Công nghệ của cơ sở:

➤ Quy trình 1: Sơ đồ quy trình sản xuất giấy nhôm đủ màu:



Hình 1.1. Quy trình sản xuất giấy nhôm đủ màu

Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu giấy mỏng và nhôm lá được mua về, sau đó dùng keo dán chặt lại với nhau bởi các máy dán. Giấy nhôm/giấy mỏng (không qua công đoạn dán ghép) sau đó sẽ được phủ màu theo yêu cầu khách hàng.

Sau khi phủ màu xong bán thành phẩm sẽ được sấy ở nhiệt độ $55 - 90^{\circ}\text{C}$ để giúp cho nhôm và giấy sẽ kết dính lại với nhau, đồng thời giúp cho sản phẩm khô hoàn toàn. Nhiệt từ công đoạn sấy sẽ theo đường ống hút nhiệt (có đường kính $D = 400\text{mm}$, $\varnothing 600\text{mm}$ / $680 \times 400\text{mm}$ / $400 \times 300\text{mm}$, vật liệu Tole) thoát ra ngoài môi trường. Lượng chất thải phát sinh từ dán ghép và phủ màu (đối với sử dụng mực in gốc nước) sẽ được thu gom về khu vực xử lý nước thải để xử lý thành dạng bùn và chuyển giao cho đơn vị có chức năng để thu gom theo quy định. Đối với hoạt động phủ màu bằng mực in gốc dung môi thì chất thải phát sinh sẽ được chuyển giao cho đơn vị thu gom CTNH.

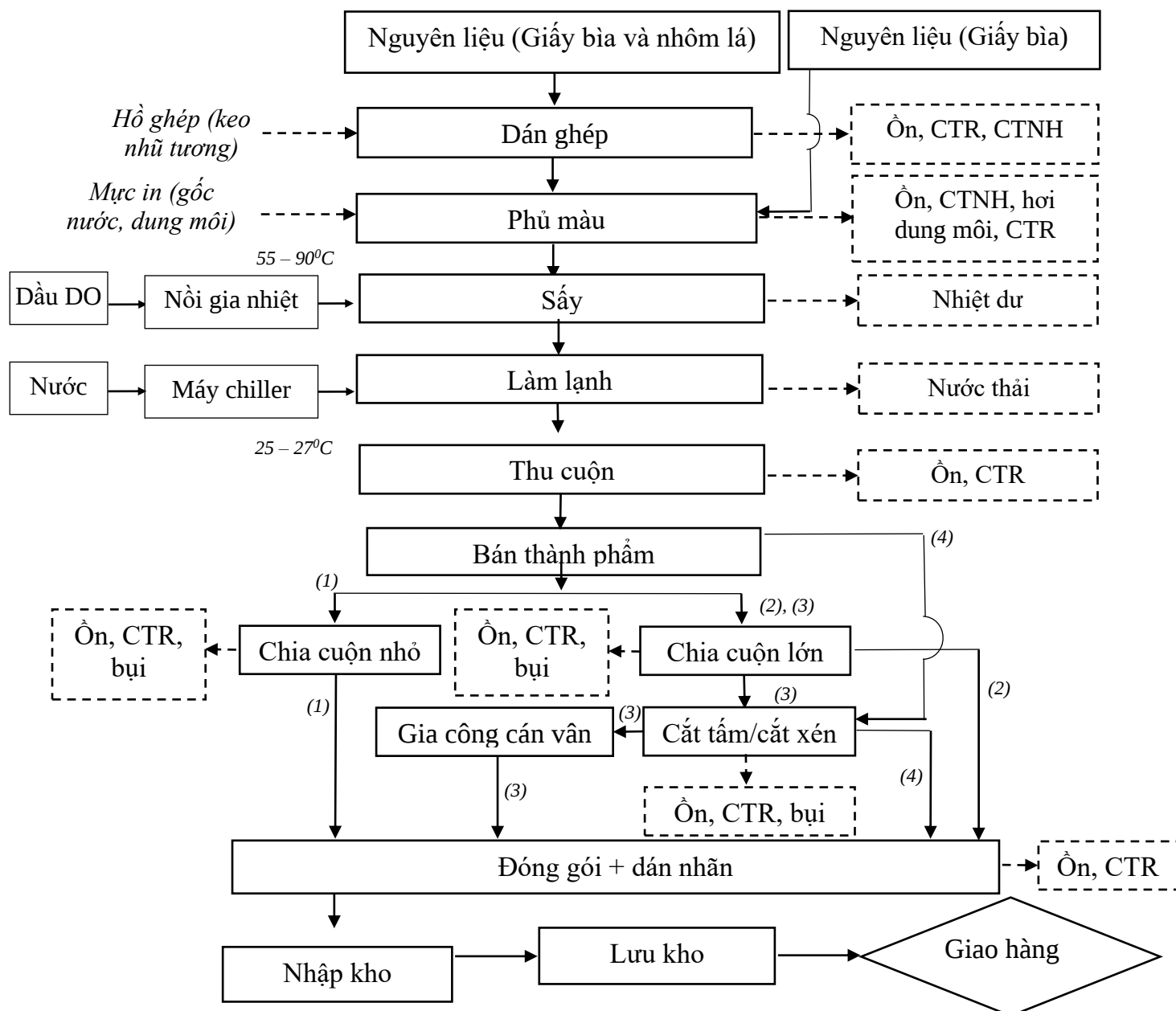
Sau đó, bán thành phẩm sẽ được qua công đoạn làm lạnh ở nhiệt độ 25-27⁰C nhằm hạ nhiệt sản phẩm, tiếp tục qua công đoạn thu cuộn tạo thành bán thành phẩm.

Tùy theo yêu cầu của khách hàng, bán thành phẩm có thể được thực hiện theo 6 quy trình nhỏ như sau:

- + (1) Bán thành phẩm chuyển sang công đoạn chia cuộn nhỏ tạo thành thành phẩm, sau đó chuyển sang công đoạn đóng gói, dán nhãn, nhập kho, lưu kho và chờ xuất hàng.
- + (2) Bán thành phẩm chuyển sang công đoạn chia cuộn lớn tạo thành thành phẩm, sau đó chuyển sang công đoạn đóng gói, dán nhãn, nhập kho, lưu kho và chờ xuất hàng.
- + (3) Bán thành phẩm chuyển sang công đoạn chia cuộn lớn, công đoạn cán vân và chuyển sang công đoạn chia cuộn nhỏ tạo thành thành phẩm, sau đó chuyển sang công đoạn đóng gói, dán nhãn, nhập kho, lưu kho và chờ xuất hàng.
- + (4) Bán thành phẩm chuyển sang công đoạn cắt tấm/cắt xén tạo thành thành phẩm, sau đó chuyển sang công đoạn đóng gói, dán nhãn, nhập kho, lưu kho và chờ xuất hàng.
- + (5) Bán thành phẩm chuyển sang công đoạn chia cuộn lớn, công đoạn cắt tấm/cắt xén tạo thành thành phẩm, sau đó chuyển sang công đoạn đóng gói, dán nhãn, nhập kho, lưu kho và chờ xuất hàng.
- + (6) Bán thành phẩm chuyển sang công đoạn chia cuộn lớn, sau đó qua công đoạn cán vân rồi qua công đoạn cắt tấm/cắt xén tạo thành thành phẩm, sau đó chuyển sang công đoạn đóng gói, dán nhãn, nhập kho, lưu kho và chờ xuất hàng.

Sản phẩm này sử dụng giấy định lượng 43 gsm đến 68 gsm. Sản phẩm cung cấp bao bì giấy nhôm cho khách hàng sản xuất thuốc lá và khách hàng sản xuất bánh.

➤ **Quy trình 2: Sơ đồ quy trình sản xuất giấy bìa đủ màu:**



Hình 1.2. Quy trình sản xuất giấy bìa đủ màu

Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu giấy bìa và nhôm lá được mua về, sau đó dùng keo dán chặt lại với nhau bởi các máy dán. Giấy nhôm/giấy bìa (không qua công đoạn dán ghép) sau đó sẽ được phủ màu theo yêu cầu khách hàng.

Sau khi phủ màu xong bán thành phẩm sẽ được sấy ở nhiệt độ $55 - 90^{\circ}\text{C}$ để giúp cho nhôm lá và giấy sẽ kết dính lại với nhau, đồng thời giúp cho sản phẩm khô hoàn toàn. Nhiệt từ công đoạn sấy sẽ theo đường ống hút nhiệt (có đường kính $D = 400\text{mm}$, $\varnothing 600\text{mm}/680 \times 400\text{mm}/400 \times 300\text{mm}$, vật liệu Tole) thoát ra ngoài môi trường. Lượng chất thải phát sinh từ dán ghép và phủ màu (đối với sử dụng mực in gốc nước) sẽ được thu gom về khu vực xử lý nước thải để xử lý thành dạng bùn và chuyển giao cho đơn vị có chức năng để thu gom theo quy định. Đối với hoạt động phủ màu bằng mực in gốc dung môi thì chất thải phát sinh sẽ được chuyển giao cho đơn vị thu gom CTNH.

Sau đó, sẽ được qua làm lạnh ở nhiệt độ 25-27⁰C nhằm hạ nhiệt sản phẩm và tiếp tục, đưa qua công đoạn thu cuộn tạo thành bán thành phẩm.

Tùy theo yêu cầu của khách hàng, bán thành phẩm có thể được thực hiện theo 4 quy trình nhỏ như sau:

+ (1) Bán thành phẩm chuyển sang công đoạn chia cuộn nhỏ tạo thành thành phẩm, sau đó chuyển sang công đoạn đóng gói, dán nhãn, nhập kho, lưu kho và chờ xuất hàng.

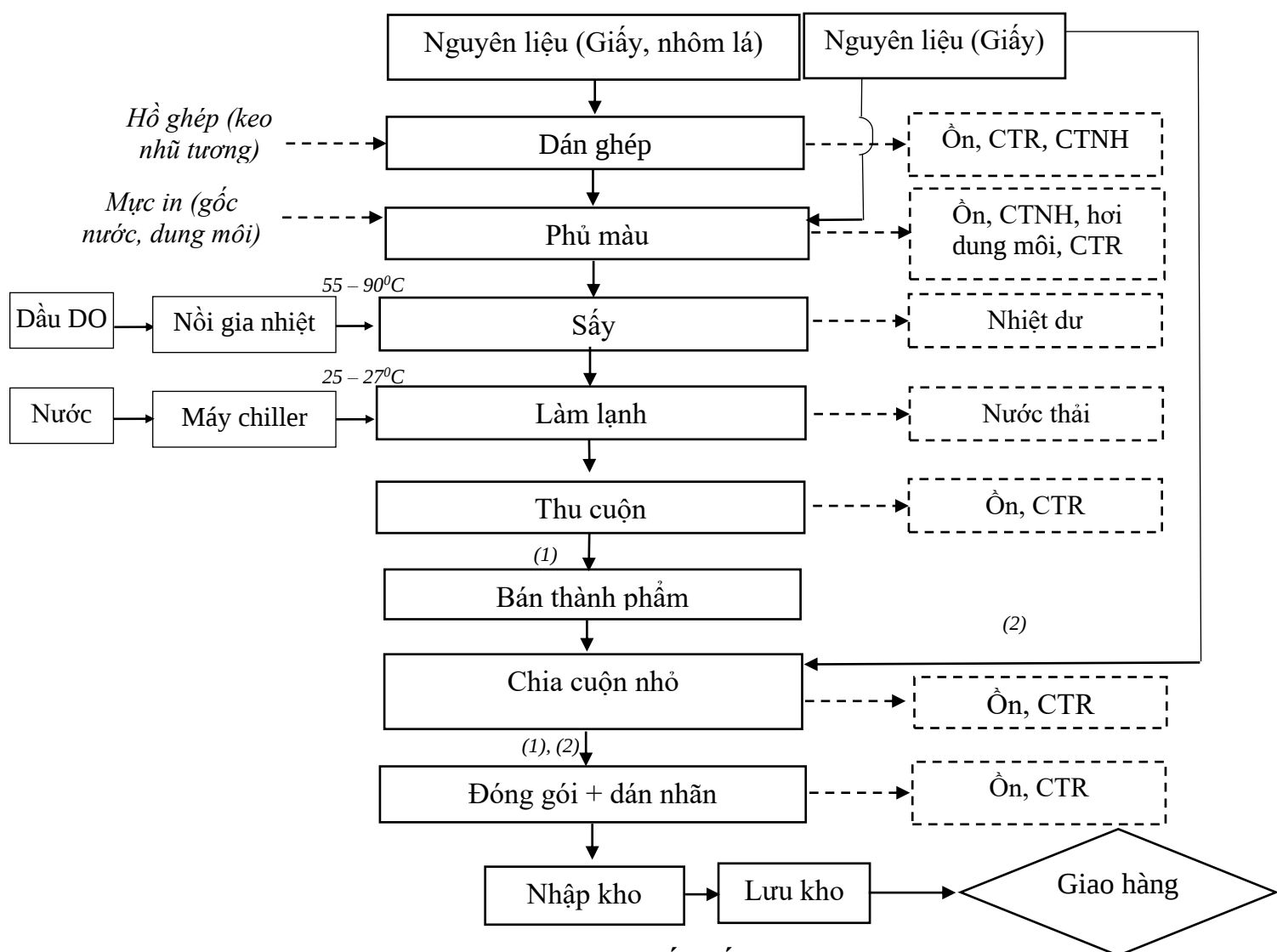
+ (2) Bán thành phẩm chuyển sang công đoạn chia cuộn lớn tạo thành thành phẩm, sau đó chuyển sang công đoạn đóng gói, dán nhãn, nhập kho, lưu kho và chờ xuất hàng.

+ (3) Bán thành phẩm chuyển sang công đoạn chia cuộn lớn, công đoạn cắt tấm/cắt xén, công đoạn cán vân (gia công ngoài). Hàng sau khi gia công từ bên ngoài sẽ được kiểm tra chất lượng, nhập kho, lưu kho và chờ sử dụng.

+ (4) Bán thành phẩm chuyển sang công đoạn cắt tấm/cắt xén tạo thành thành phẩm, sau đó chuyển sang công đoạn đóng gói, dán nhãn, nhập kho, lưu kho và chờ xuất hàng.

Sản phẩm này sử dụng giấy định lượng 230 gsm đến 420 gsm. Sản phẩm cung cấp cho khách hàng sản xuất bao bì, in ấn.

➤ **Quy trình 3: Sơ đồ quy trình sản xuất giấy lười gà đủ màu:**



Hình 1.3. Quy trình sản xuất giấy lười gà đủ màu

Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu giấy và nhôm lá được mua về, sau đó dùng keo dán chặt lại với nhau bởi các máy dán.

Giấy nhôm/giấy bìa sau khi phủ màu xong sẽ được sấy ở nhiệt độ 55 – 90⁰C để giúp cho nhôm lá và giấy sẽ kết dính lại với nhau, đồng thời giúp cho sản phẩm khô hoàn toàn. Nhiệt từ công đoạn sấy sẽ theo đường ống hút nhiệt (có đường kính D = 400mm, Ø600mm/ 680 x 400mm/ 400 x 300mm, vật liệu Tole) thoát ra ngoài môi trường. Lượng chất thải phát sinh từ dán ghép và phủ màu (đối với sử dụng mực in gốc nước) sẽ được thu gom về khu vực xử lý nước thải để xử lý thành dạng bùn và chuyển giao cho đơn vị có chức năng để thu gom theo quy định. Đối với hoạt động phủ màu bằng mực in gốc dung môi thì chất thải phát sinh sẽ được chuyển giao cho đơn vị thu gom CTNH.

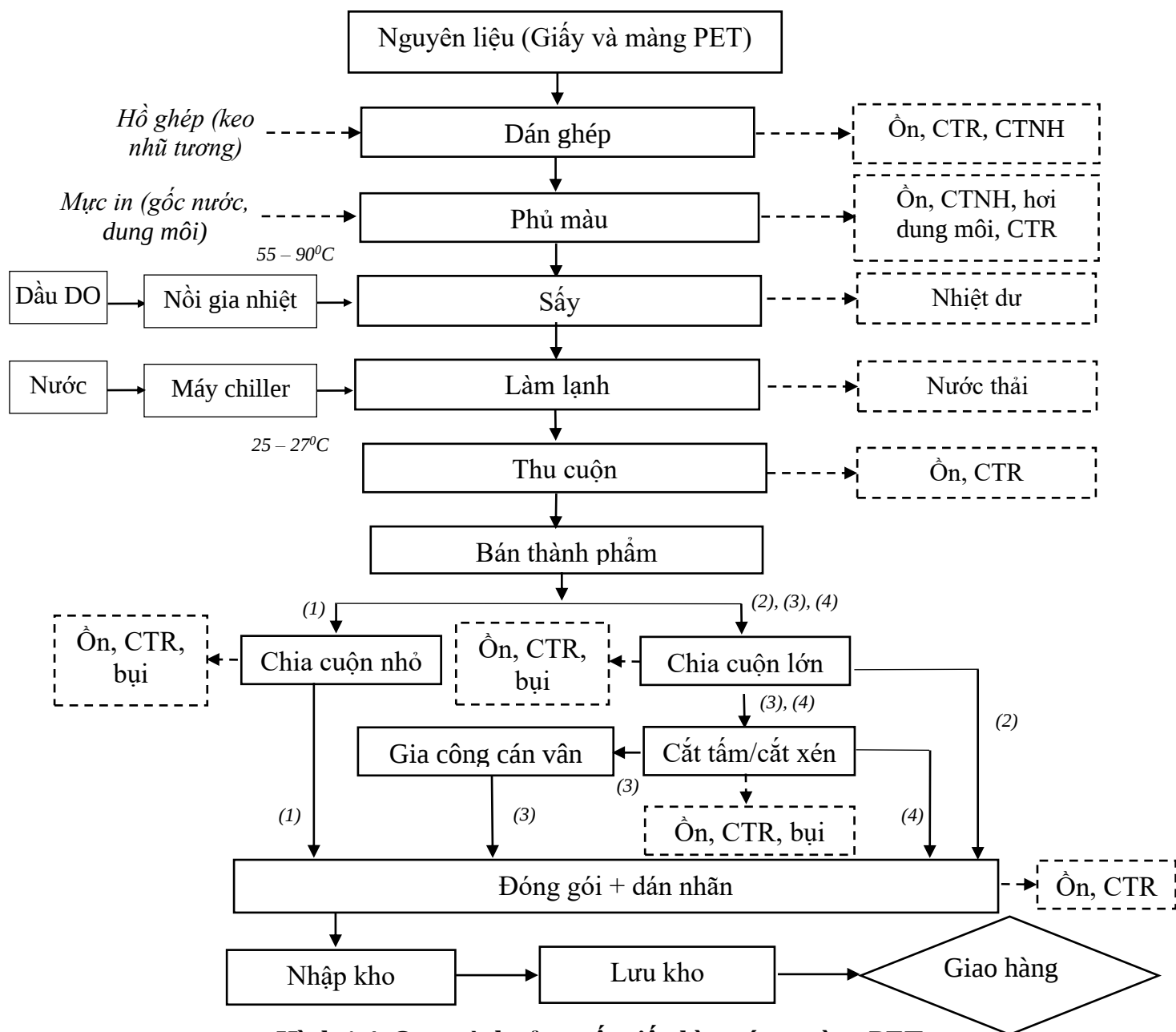
Sau đó sẽ được qua công đoạn làm lạnh ở nhiệt độ 25-27⁰C nhằm hạ nhiệt sản phẩm và tiếp tục qua công đoạn thu cuộn tạo thành bán thành phẩm.

Tùy theo yêu cầu của khách hàng, bán thành phẩm có thể được thực hiện theo 2 quy trình nhỏ như sau:

- + (1) Bán thành phẩm chuyển sang công đoạn chia cuộn nhỏ tạo thành thành phẩm, sau đó chuyển sang công đoạn đóng gói, dán nhãn, nhập kho, lưu kho và chờ xuất hàng
- + (2) Giấy bìa chuyển sang công đoạn chia cuộn nhỏ tạo thành thành phẩm, sau đó chuyển sang công đoạn đóng gói, dán nhãn, nhập kho, lưu kho và chờ xuất hàng.

Sản phẩm này sử dụng giấy định lượng 210 gsm đến 250 gsm. Sản phẩm cung cấp bao bì giấy nhôm cho khách hàng sản xuất bao bì, in ấn.

➤ **Quy trình 4: Sơ đồ quy trình sản xuất giấy bìa tráng màng PET**



Hình 1.4. Quy trình sản xuất giấy bìa tráng màng PET

Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu giấy bìa và màng PET được mua về, sau đó dùng hồ dán chặt lại với nhau bởi các máy dán. Sau đó sẽ được phủ màu theo yêu cầu khách hàng.

Sau khi phủ màu xong bán thành phẩm sẽ được sấy ở nhiệt độ $55 - 90^{\circ}\text{C}$ để giúp cho nhôm và giấy kết dính lại với nhau, đồng thời giúp cho sản phẩm khô hoàn toàn. Nhiệt từ công đoạn sấy sẽ theo đường ống hút nhiệt (có đường kính $D = 400\text{mm}$, $\varnothing 600\text{mm}/ 680 \times 400\text{mm}/ 400 \times 300\text{mm}$, vật liệu Tole) thoát ra ngoài môi trường. Lượng chất thải phát sinh từ dán ghép và phủ màu (đối với sử dụng mực in gốc nước) sẽ được thu gom về khu vực xử lý nước thải để xử lý thành dạng bùn và chuyển giao cho đơn vị có chức năng để thu gom theo quy định. Đối với hoạt động phủ màu bằng mực in gốc dung môi thì chất thải phát sinh sẽ được chuyển giao cho đơn vị thu gom CTNH.

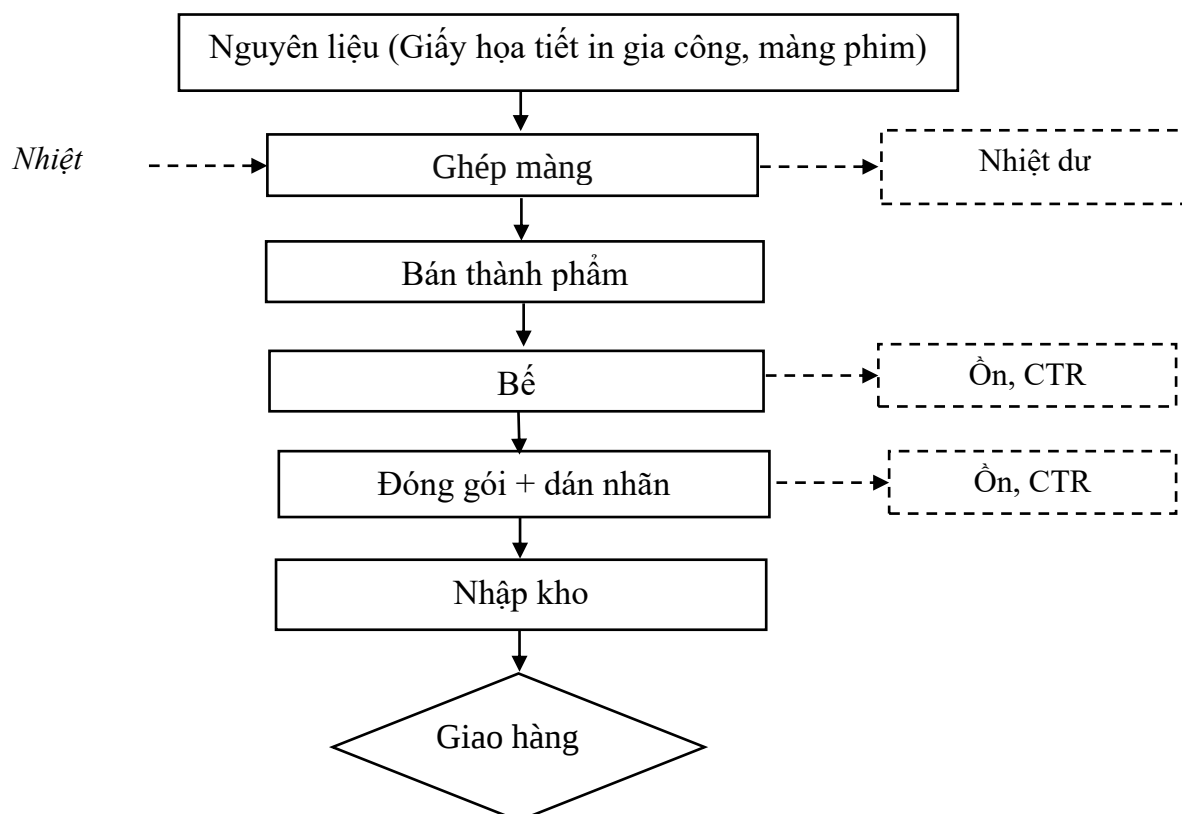
Sau đó sẽ được làm lạnh ở nhiệt độ 25-27⁰C nhằm hạ nhiệt sản phẩm và tiếp tục qua công đoạn thu cuộn tạo thành bán thành phẩm.

Tùy theo yêu cầu của khách hàng, bán thành phẩm có thể được thực hiện theo 4 quy trình nhỏ như sau:

- + (1) Bán thành phẩm chuyển sang công đoạn chia cuộn nhỏ tạo thành thành phẩm, sau đó chuyển sang công đoạn đóng gói, dán nhãn, nhập kho, lưu kho và chờ xuất hàng.
- + (2) Bán thành phẩm chuyển sang công đoạn chia cuộn lớn tạo thành thành phẩm, sau đó chuyển sang công đoạn đóng gói, dán nhãn, nhập kho, lưu kho và chờ xuất hàng.
- + (3) Bán thành phẩm chuyển sang công đoạn chia cuộn lớn, công đoạn cắt tấm/cắt xén công đoạn cán vân (gia công ngoài). Hàng sau khi gia công sẽ được kiểm tra chất lượng, nhập kho, lưu kho và chờ sử dụng.
- + (4) Bán thành phẩm chuyển sang công đoạn chia cuộn lớn, công đoạn cắt tấm/cắt xén tạo thành thành phẩm, sau đó chuyển sang công đoạn đóng gói, dán nhãn, nhập kho, lưu kho và chờ xuất hàng.

Sản phẩm này sử dụng giấy định lượng 230 gsm đến 520 gsm. Sản phẩm cung cấp bao bì cho siêu thị, đóng gói thực phẩm.

➤ **Quy trình 5: Sơ đồ quy trình sản xuất giấy bìa trắng màng phim:**



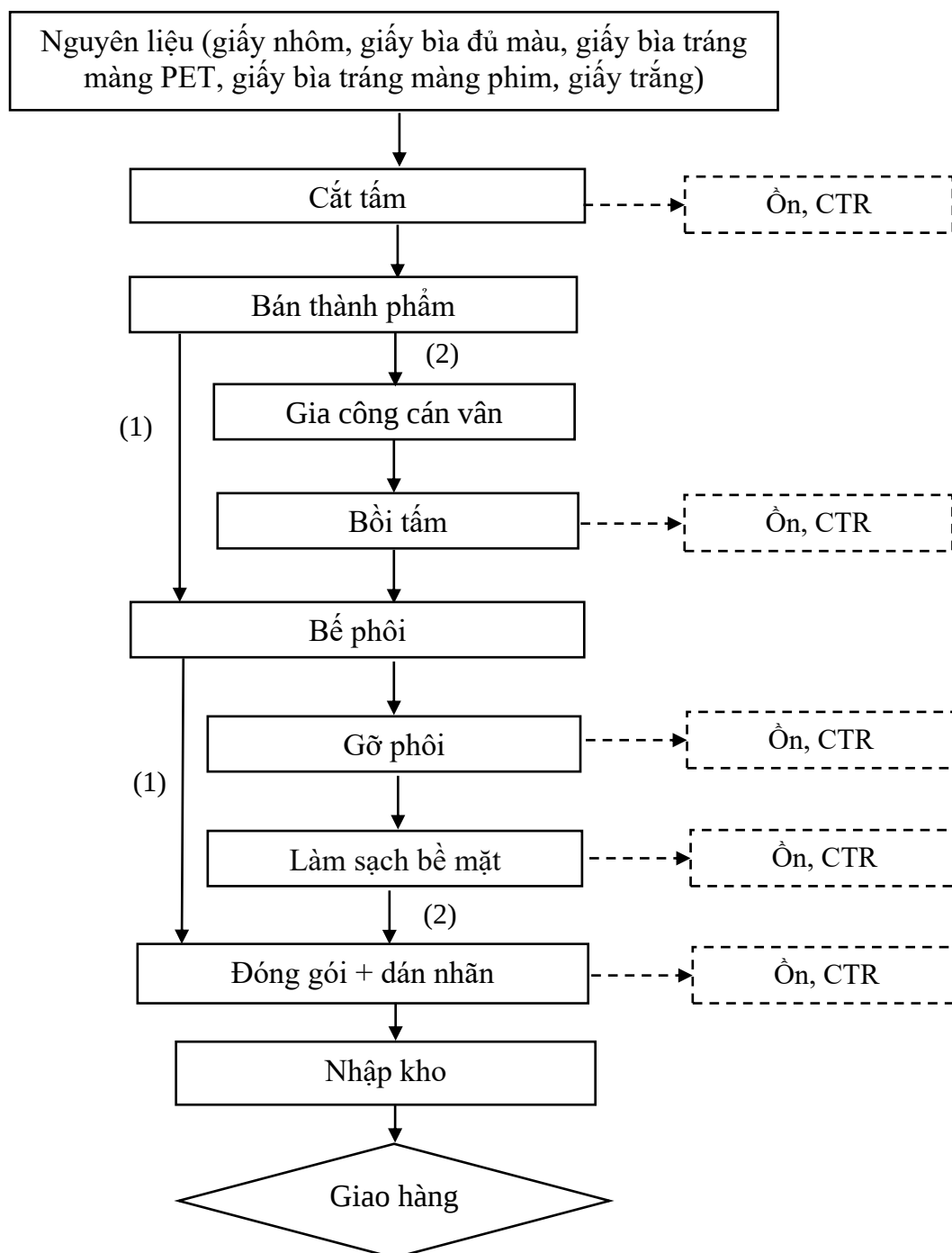
Hình 1.5. Quy trình sản xuất giấy bìa trắng màng phim

Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu là giấy họa tiết gia công bên ngoài được ghép với màng phim bằng nhiệt khoảng 80 - 95⁰C tạo thành bán thành phẩm, sau đó chuyển sang công đoạn bé, đóng gói dán nhãn, nhập kho, lưu kho và giao hàng.

Sản phẩm này sử dụng giấy định lượng 230 gsm đến 370 gsm. Sản phẩm cung cấp bao bì cho siêu thị, đóng gói sản phẩm.

➤ **Quy trình 6: Sơ đồ quy trình sản xuất đồ gia dụng từ giấy nhôm, giấy bìa đủ màu, giấy bìa trắng màng PET, giấy bìa trắng màng phim, giấy trắng:**



Hình 1.6. Quy trình sản xuất đồ gia dụng từ giấy nhôm, giấy bìa đủ màu, giấy bìa trắng màng PET, giấy bìa trắng màng phim, giấy trắng

Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu (giấy nhôm, giấy bìa đủ màu, giấy bìa trắng màng PET, giấy bìa trắng màng phim, giấy trắng) từ 5 quy trình trên lại tiếp tục qua công đoạn cắt tấm tạo thành bán thành phẩm.

Tùy theo yêu cầu của khách hàng, bán thành phẩm có thể qua 2 quy trình sau:

+ (1) Bán thành phẩm chuyển sang công đoạn bế phôi tạo thành thành phẩm phôi giấy, sau đó đóng gói, dán nhãn, nhập kho, lưu kho và giao cho khách hàng.

+ (2) Bán thành phẩm chuyển sang công đoạn gia công cán vân (gia công ngoài). Hàng sau gia công sẽ tiếp tục chuyển sang công đoạn bồi tấm, công đoạn bế phôi, công đoạn gỡ phôi (tách phôi giấy ra khỏi tờ giấy cắt tấm sau khi bế), công đoạn làm sạch (dùng máy chà để loại bỏ các bavia giấy trên bề mặt bế), tạo thành sản phẩm khay giấy.

Sản phẩm đồ gia dụng này cung cấp cho các siêu thị, tiệm bánh, ngành thủy sản và chế biến thực phẩm.

3.3. Sản phẩm của cơ sở:

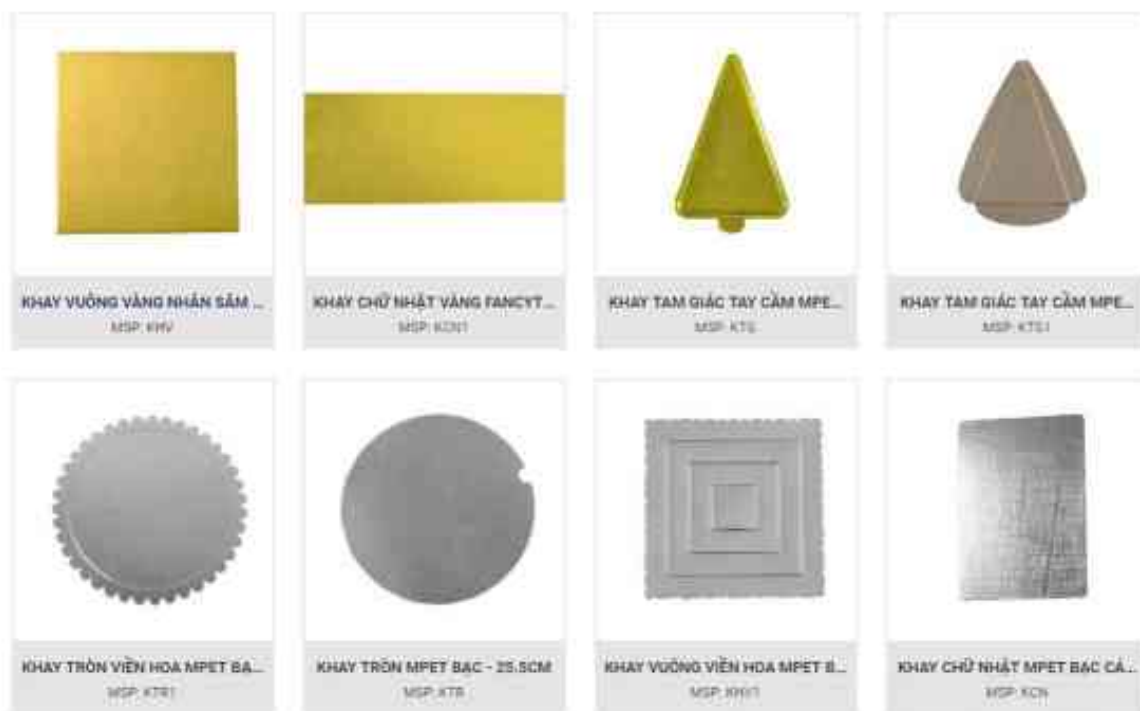
Bảng 1. 2. Sản phẩm của cơ sở

STT	Sản phẩm	Công suất tối đa (tấn sản phẩm/năm)
1	Giấy nhôm đủ màu	7.000
2	Giấy bìa đủ màu	8.000
3	Giấy lưới gà đủ màu	3.000
4	Giấy bìa trắng màng PET	420
5	Giấy bìa trắng màng phim	300
6	Cắt xén giấy	2.000
7	Đồ gia dụng từ giấy các loại, giấy, nhôm, giấy bìa đủ màu, giấy bìa trắng màng PET, giấy bìa trắng màng phim các loại (không thực hiện công đoạn in trên sản phẩm) như cốc, chén, đĩa, khay, ống hút, nắp và bao bì giấy khác	2.500
	Tổng cộng	23.220

(Nguồn: Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo, 2024)

Các sản phẩm của công ty đã được tổ chức Bureau Veritas Certification - Anh Quốc công nhận đạt Chứng nhận chất lượng ISO 9001:2015, thời hạn đến 11/03/2025, FSSC 22000, thời hạn đến 26/05/2026.





Hình 1.7. Hình ảnh sản phẩm của Cơ sở

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

❖ Nguyên, nhiên, vật liệu sử dụng phục vụ cho việc hoạt động của cơ sở được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1. 3. Danh mục nguyên, nhiên vật liệu của cơ sở

TT	Nguyên liệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng	Mục đích sử dụng
I	Nguyên, vật liệu				
1	Giấy	Việt Nam/ Indonesia/ Nhật Bản/ Malaysia	tấn/năm	18.000	Nguyên liệu sản xuất
2	Nhôm	Việt Nam	tấn/năm	4.300	Nguyên liệu sản xuất
3	Hồ	Việt Nam	tấn/năm	600	Nguyên liệu sản xuất
4	Hóa chất (dung môi, mực in, keo phủ, bột màu...)	Việt Nam/ Malaysia	tấn/năm	1.000	Nguyên liệu sản xuất
TỔNG CỘNG				23.900	
II	Nhiên liệu				
1	Dầu DO	Việt Nam	Lít	300.000	Nhiên liệu lò dầu DO (1.500 kVA)
2	Dầu DO	Việt Nam	Lít	500	Máy phát điện dự phòng (1.040 kVA)
TỔNG CỘNG				300.500	

Thành phần và đặc tính dung môi/hóa chất phát sinh từ hoạt động của cơ sở:

Bảng 1. 4. Danh mục các loại hóa chất sử dụng tại cơ sở

STT	Nguyên liệu/Tên thương mại/Thành phần	Mã CAS	Xuất xứ	Trạng thái (rắn, lỏng, khí)	Mục đích sử dụng
1	Ethyl acetate	141-78-6	Việt Nam	Lỏng	Dung môi
2	Iso Propyl alcohol	67-63-0	Việt Nam	Lỏng	Dung môi
3	MEK	78-93-3	Việt Nam	Lỏng	Dung môi
4	Normal Propyl Acetate	109-60-4	Việt Nam	Lỏng	Dung môi
5	Toluen	108-88-3	Việt Nam	Lỏng	Dung môi
6	Bột màu		Việt Nam	Rắn	Tạo màu
6.1	Orasol® Orange 251	85029-59-0			
6.2	Orasol® Yellow 141	94276-33-2			
7	Rhobarr TM 135 Emulsion		Việt Nam	Lỏng	Tráng phủ
7.1	Water	7732-18-5			
7.2	Aqua ammonia	1336-21-6			
7.3	Mixture of: 5-chloro-2-methyl-2H-isothiazol-3-one and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one	55965-84-9			
8	EXP-6141D Barrier Dispersion		Việt Nam	Lỏng	Tráng phủ
8.1	Polyolefin resin	-			
8.2	Water	7732-18-5			
9	Chất phủ bóng mực in Gravure (hệ nước) – TDD Chất phủ bóng mực in gravue hệ nước trên màng nhôm có phủ - TDD		Việt Nam	Lỏng	In phủ
9.1	Nước	1132-18-5			
9.2	Styrene/acrylic copolymer	25212-88-8			
9.3	Styrene/acrylic copolymer	25085-34-1			
9.4	Acrylic Solution	52831-04-6			
9.5	Alkoxlated Alcohol	204336-40-3			
9.6	Polypropylene Glycol	25322- 69 - 4			
10	Mực in mặt ngoài trên giấy - TDD Mực in mặt ngoài màng nhôm - TDD		Việt Nam	Lỏng	In phủ
10.1	Vinyl resin	25086-48-0			
10.2	Ketone resin	25054-06-2			
10.3	n-Propyl acetate	109-60-4			
10.4	Ethyl Acetate	141-78-6			
10.5	PE wax	9002-88-4			
10.6	Blue 15,4	147-14-8			
10.7	Red 57.1	5281-4-9			
10.8	Yellow l4	5468-75-7			
10.9	Carbon Black 7	1333-86-4			
10.10	Cl solvent Yellow 82	85029-58-9			

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo”

STT	Nguyên liệu/Tên thương mại/Thành phần	Mã CAS	Xuất xứ	Trạng thái (rắn, lỏng, khí)	Mục đích sử dụng
10.11	Cl solvent Red 8	85029-59-0			
10.12	Cl solvent Red 35	61725-78-8			
11	Heliopac (hp) / cellacoat (cc) inks - DIC		Việt Nam	Lỏng	In phủ
11.1	Isopropyl axetat	108-21-4			
11.2	Propyl acetate	109-60-4			
11.3	Etyl axetat	141-78-6			
11.4	Etanol	64-17-5			
11.5	2-Propanol	67-63-0			
11.6	1-Propanol	71-23-8			
11.7	Nitroxenluloza	9004-70-0			
12	Vinnol® E 15/45 M		Đức	Bột	Keo phủ
12.1	Vinyl chloride copolymer	28086-69-3			
13	UMCH		Việt Nam	Lỏng	Keo phủ
13.1	Vinyl copolymer	-			
14	PC 8841A		Việt Nam	Lỏng	Keo ghép
14.1	Vinyl acetate polymer	25213-24-5			
15	PC 8866		Việt Nam	Lỏng	Keo ghép
15.1	Vinyl acetate polymer	25213-24-5			
16	Starbond 881		Việt Nam	Lỏng	Keo ghép
16.1	Vinyl Acetate-Ethylene copolymer	-			
16.2	Water	7732-18-5			
16.3	Polyvinyl Alcohol	25213-24-5			
16.4	Compound of foam destroying polymers and hydrophobic particles	-			
17	Starbond 886		Việt Nam	Lỏng	Keo ghép
17.1	Vinyl Acetate-Ethylene copolymer	-			
17.2	Water	7732-18-5			
17.3	Polyvinyl Alcohol	25213-24-5			
17.4	Compound of foam destroying polymers and hydrophobic particles	-			
18	Sodium Hydroxide	1310-73-2	Việt Nam	Bột	Lắng cặn
19	Poly Aluminium Chloride	1327-41-9	Việt Nam	Bột	Lắng cặn
20	Mực in WB TOB FW NTVN TEXT WHITE		Việt Nam	Lỏng	In phủ
20.1	Ammonium hydroxide	1336-21-6			
20.2	Propylidynetrimethanol	77-99-6			
21	Mực in WB Tob FW Purple 2593		Việt Nam	Lỏng	In phủ

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo”

STT	Nguyên liệu/Tên thương mại/Thành phần	Mã CAS	Xuất xứ	Trạng thái (rắn, lỏng, khí)	Mục đích sử dụng
21.1	Ethanol	64-17-5			
22	Mực In WB TOB FW NTB001 BRI VIOLET		Việt Nam	Lỏng	In phủ
22.1	Ethanol	64-17-5			
23	Mực in WB TOB FW BRI INL VIOLET		Việt Nam	Lỏng	In phủ
23.1	Ethanol	64-17-5			
24	Mực in NC TOB BLUE TEXT		Việt Nam	Lỏng	In phủ
24.1	Ethanol	64-17-5			
24.2	Ethyl acetate	141-78-6			
24.3	Propan-2-ol	67-63-0			
24.4	1-Ethoxypropan-2-ol	1569-02-4			
24.5	2,6-Di-tert.-butyl-p-cresol	128-37-0			
25	Mực in WB Tob FW INL Blue 286C		Việt Nam	Lỏng	In phủ
26	Mực in WB Tob FW Light Blue		Việt Nam	Lỏng	In phủ
26.1	Ethanol	64-17-5			
26.2	Propan-2-ol	67-63-0			
27	Mực in WB Tob FW INL Blue		Việt Nam	Lỏng	In phủ
27.1	Ethanol	64-17-5			
28	Mực in WB TOB FW DKN MATT BLUE		Việt Nam	Lỏng	In phủ
28.1	Ethanol	64-17-5			
28.2	Propan-2-ol	67-63-0			
29	Mực in WB TOB FW INL MATT DK BLUE		Việt Nam	Lỏng	In phủ
29.1	Ethanol	64-17-5			
29.2	C.I. Pigment Violet 27	12237-62-6			
30	Mực in WB TOB FW BLUE 285C		Việt Nam	Lỏng	In phủ
30.1	Ethanol	64-17-5			
30.2	Ammonium hydroxide	1336-21-6			
31	Mực in WB TOB FW BRI BLUE 300C		Việt Nam	Lỏng	In phủ
31.1	Ethanol	64-17-5			
32	Mực in WB TOB FW INL BROWN	-	Việt Nam	Lỏng	In phủ
33	Mực in NC TOB IF BASTOS LOGO BROWN		Việt Nam	Lỏng	In phủ
33.1	Ethanol	64-17-5			
33.2	Ethyl acetate	141-78-6			
33.3	Propan-2-ol	67-63-0			
34	Mực in NC TOB LUXURY		Việt Nam	Lỏng	In phủ

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo”

STT	Nguyên liệu/Tên thương mại/Thành phần	Mã CAS	Xuất xứ	Trạng thái (rắn, lỏng, khí)	Mục đích sử dụng
	GOLD				
34.1	Isopropyl acetate	108-21-4			
34.2	Propyl acetate	109-60-4			
34.3	Ethanol	64-17-5			
34.4	Ethyl acetate	141-78-6			
34.5	Propan-2-ol	67-63-0			
34.6	1-Ethoxypropan-2-ol	1569-02-4			
34.7	Propan-1-ol	71-23-8			
34.8	2,6-Di-tert.-butyl-p-cresol	128-37-0			
35	Mực in VB TOB TH Innerframe GOLD		Việt Nam	Lỏng	In phủ
35.1	Ethanol	64-17-5			
35.2	Isopropyl acetate	108-21-4			
35.3	Copper	7440-50-8			
35.4	Zinc	7440-66-6			
35.5	Propan-2-ol	67-63-0			
35.6	1-Ethoxypropan-2-ol	1569-02-4			
35.7	Ethyl acetate	141-78-6			
35.7	Citric acid	77-92-9			
36	Mực in NC TOB TH INF POLY GOLD		Việt Nam	Lỏng	In phủ
36.1	Isopropyl acetate	108-21-4			
36.2	Ethanol	64-17-5			
36.3	Ethyl acetate	141-78-6			
36.4	Propyl acetate	109-60-4			
36.5	Propan-2-ol	67-63-0			
36.6	Propan-1-ol	71-23-8			
36.7	Quaternary ammonium compounds, bis (hydrogenated tallow alkyl) dimethyl, chlorides	61789-80-8			
37	Mực in VB TOB Innerframe Gold G2		Việt Nam	Lỏng	In phủ
37.1	Ethanol	64-17-5			
37.2	Isopropyl acetate	108-21-4			
37.3	Copper	7440-50-8			
37.4	Zinc	7440-66-6			
37.5	Propan-2-ol	67-63-0			
37.6	1-Ethoxypropan-2-ol	1569-02-4			
37.7	Ethyl acetate	141-78-6			
37.8	Citric acid	77-92-9			
38	Mực in VB TOB Gold Text		Việt Nam	Lỏng	In phủ
38.1	Ethanol	64-17-5			
38.2	Isopropyl acetate	108-21-4			

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo”

STT	Nguyên liệu/Tên thương mại/Thành phần	Mã CAS	Xuất xứ	Trạng thái (rắn, lỏng, khí)	Mục đích sử dụng
38.3	Copper	7440-50-8			
38.4	Zinc	7440-66-6			
38.5	Propan-2-ol	67-63-0			
38.5	Citric acid	77-92-9			
39	Mực in NC TOB INF Gold		Việt Nam	Lỏng	In phủ
39.1	Isopropyl acetate	108-21-4			
39.2	Propyl acetate	109-60-4			
39.3	Ethanol	64-17-5			
39.4	Ethyl acetate	141-78-6			
39.5	1-Ethoxypropan-2-ol	1569-02-4			
39.6	Propan-2-ol	67-63-0			
39.7	Propan-1-ol	71-23-8			
39.8	2,6-Di-tert.-butyl-p-cresol	128-37-0			
40	Mực in NC TOB Primer Silver		Việt Nam	Lỏng	In phủ
40.1	Propyl acetate	109-60-4			
40.2	Isopropyl acetate	108-21-4			
40.3	Ethyl acetate	141-78-6			
40.4	Propan-2-ol	67-63-0			
40.5	Propan-1-ol	71-23-8			
40.6	Ethanol	64-17-5			
40.7	2,6-Di-tert.-butyl-p-cresol	128-37-0			
41	Mực in WB TOB FW GOLD LACQUER 032		Việt Nam	Lỏng	In phủ
41.1	Ethanol	64-17-5			
42	Mực in WB Tob Foilwash Green 040	-	Việt Nam	Lỏng	In phủ
43	Mực in WB Tob FW Green	-	Việt Nam	Lỏng	In phủ
44	Mực in WB TOB FW BRI INL GREEN		Việt Nam	Lỏng	In phủ
44.1	Ethanol	64-17-5			
45	Mực in NC TOB NTVN IF PLAIN PACK OLIVE		Việt Nam	Lỏng	In phủ
45.1	Ethanol	64-17-5			
45.2	Propyl acetate	109-60-4			
45.3	Ethyl acetate	141-78-6			
45.4	Propan-2-ol	67-63-0			
45.5	Propan-1-ol	71-23-8			
45.6	2,6-Di-tert.-butyl-p-cresol	128-37-0			
46	Mực in WB TOB FW NVB010 GOLD LACQUER		Việt Nam	Lỏng	In phủ
46.1	Ethanol	64-17-5			
47	Mực in WB TOB FW DT DULL GOLD LACQUER		Việt Nam	Lỏng	In phủ
47.1	Ethanol	64-17-5			

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo”

STT	Nguyên liệu/Tên thương mại/Thành phần	Mã CAS	Xuất xứ	Trạng thái (rắn, lỏng, khí)	Mục đích sử dụng
48	Mực in NC Tob Innerframe Red		Việt Nam	Lỏng	In phủ
48.1	Ethanol	64-17-5			
48.2	Propyl acetate	109-60-4			
48.3	Ethyl acetate	141-78-6			
48.4	Propan-2-ol	67-63-0			
48.5	Propan-1-ol	71-23-8			
48.6	2,6-Di-tert.-butyl-p-cresol	128-37-0			
49	Mực in WB Tob Foilwash Pink		Việt Nam	Lỏng	In phủ
49.1	Ethanol	64-17-5			
49.2	C.I. Pigment Red 169	12237-63-7			
50	Mực in WB Tob FW Dull Foil Red		Việt Nam	Lỏng	In phủ
50.1	Ethanol	64-17-5			
51	Mực in WB Tob FW Rhodamine		Việt Nam	Lỏng	In phủ
51.1	Propan-2-ol	67-63-0			
52	Mực in NC TOB RED		Việt Nam	Lỏng	In phủ
52.1	Ethanol	64-17-5			
52.2	Propyl acetate	109-60-4			
52.3	Ethyl acetate	141-78-6			
52.4	Propan-2-ol	67-63-0			
52.5	Propan-1-ol	71-23-8			
53	Mực in WB TOB FW RHODAMINE 232C		Việt Nam	Lỏng	In phủ
53.1	C.I. Pigment Red 169	12237-63-7			
53.2	Ethanol	64-17-5			
54	Mực in WB TOB FW Foil Red 185C		Việt Nam	Lỏng	In phủ
54.1	Ethanol	64-17-5			
55	Mực in NC TOB Innerframe Black		Việt Nam	Lỏng	In phủ
55.1	Ethanol	64-17-5			
55.2	Propyl acetate	109-60-4			
55.3	Ethyl acetate	141-78-6			
55.4	1-Isopropyl-2,2-dimethyltrimethylene diisobutyrate	6846-50-0			
55.5	Propan-2-ol	67-63-0			
55.6	2,6-Di-tert.-butyl-p-cresol	128-37-0			
56	Mực in UNIBASE + MAGENTA TONER		Việt Nam	Lỏng	In phủ
56.1	Ammonium hydroxide	1336-21-6			

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo”

STT	Nguyên liệu/Tên thương mại/Thành phần	Mã CAS	Xuất xứ	Trạng thái (rắn, lỏng, khí)	Mục đích sử dụng
57	Mực in WB TOB STD FW CLEAR		Việt Nam	Lỏng	In phủ
57.1	Ethanol	64-17-5			
58	Mực in WB TOB FW Gold Lacquer 073				
58.1	Ethanol	64-17-5			
59	Mực in WB Tob STD FW		Việt Nam	Lỏng	In phủ
59.1	Ethanol	64-17-5			
59.2	Zinc oxide	1314-13-2			
60	Mực in WB TOB FW TH GOLD NVB104	-	Việt Nam	Lỏng	In phủ
61	Mực in WB Tob HR FW Clear				
61.1	Ethanol	64-17-5			
61.2	Zinc oxide	1314-13-2			

- **Hồ ghép:**

- Tỷ lệ pha cơ bản: Tùy thuộc vào từng chủng loại hồ sử dụng mà sẽ có tỉ lệ pha tương ứng cho phù hợp. Ví dụ: với loại hồ 881 thì tỉ lệ pha là 200 kg hồ: 160 kg nước, hoặc 260 kg hồ: 100 kg nước, với loại hồ 886 thì tỉ lệ pha là 300 kg hồ: 60 kg nước,....

- Cách pha hồ dán: Định lượng đúng số lượng hồ và nước sạch (hồ bơm vào trước, nước bơm vào sau), sau đó pha hỗn hợp trong máy pha hồ 360 kg, khuấy đều hỗn hợp này từ 10 phút đến 35 phút tùy theo từng chủng loại hồ. Kiểm tra độ nhớt của hồ được thực hiện bởi nhân viên pha hồ và sự kiểm tra chéo của nhân viên QC. Khi độ nhớt đạt yêu cầu thì công nhân pha hồ dán tem nhãn lên thùng hồ đã trước khi đưa vào sản xuất. Trường hợp không đạt sẽ tiến hành kiểm tra lại.

- **Mực in**

- Tỷ lệ pha dung môi:

- + Pha bột màu thành dung dịch màu Orange 251: 90 kg MEK + 45 kg bột màu Orange 251, thời gian khuấy là 25 phút.

- + Pha dung bột màu thành dung dịch màu Yellow 141: 90 kg MEK + 45 kg bột màu Yellow 141, thời gian khuấy là 25 phút.

- + Pha dung dịch keo Vinnol E15/45M: 153 kg dung môi + 25 kg bột keo Vinnol E15/45M, thời gian khuấy là 35 phút.

- + Pha dung dịch keo UMCH: 60 kg dung môi + 120 kg keo UMCH, thời gian khuấy 15 phút.

- + Pha dung dịch keo Heat seal: 70 kg dung môi + 100 kg keo Heat seal, thời gian khuấy 15 phút.

- Tỷ lệ pha mực in: Tùy yêu cầu của từng loại sản phẩm thì công thức pha mực sẽ khác nhau và đã được lập trình sẵn trong hệ thống máy Dispensing.

- Cách pha mực in: Chuyển các thùng chứa dung dịch màu, dung dịch keo vào các trạm bơm của hệ thống máy Dispensing. Tiến hành khởi động máy và pha trộn theo công

thức đã thiết lập sẵn trên máy. Mực in sau khi pha xong sẽ được chuyển vào xưởng sử dụng, chất lượng của mực sẽ được kiểm tra trực tiếp trong quá trình sản xuất, bán thành phẩm sau khi sản xuất ra sẽ được QC kiểm tra chất lượng màu bằng máy so màu.

– Vệ sinh thiết bị: Dung môi được sử dụng để làm sạch thiết bị. Lượng dung môi phát sinh từ quá trình vệ sinh sẽ được thu gom, chuyển giao cho đơn vị có chức năng để thu gom theo quy định dưới dạng CTNH.

– Màu sắc: Có thể pha được tất cả các màu theo yêu cầu cụ thể của từng khách hàng dựa trên các màu cơ bản.

– Độ bền màu: Những loại màu được chọn sử dụng trong hệ mực này phù hợp với tuổi thọ cũng như yêu cầu thông thường của các loại bao bì. Tuy nhiên đối với những điều kiện khác cao hơn (để trực tiếp dưới ánh sáng mặt trời) thì cần phải có yêu cầu rõ khi đặt hàng.

– Tính độc hại:

+ Sức khỏe: có thể gây phản ứng khó thở nếu hít phải.

+ Môi trường: không nên thải đổ trực tiếp vào hệ thống nước thải để tránh sự độc hại về môi trường.

+ Cháy nổ: có thể cháy nổ nếu để gần nguồn phát sinh nhiệt.

❖ *Phế liệu sử dụng:*

Trong quá trình hoạt động cơ sở không sử dụng phế liệu.

❖ *Nguồn cung cấp điện và điện năng sử dụng:*

Nguồn cung cấp điện: Nhà máy sử dụng nguồn điện được cấp từ Tổng Công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh thông qua hệ thống cấp điện của Công ty TNHH Sepzone – Linh Trung (Việt Nam) bao gồm điện để sản xuất, hoạt động văn phòng và thắp sáng.

Ngoài ra, Cơ sở sử dụng 01 máy phát điện dự phòng, công suất 1.040 kVA.

Theo hoá đơn điện (từ tháng 10/2023 đến 03/2024), điện năng phục vụ trong quá trình hoạt động của nhà máy trung bình khoảng 119.593 kWh/tháng, tương đương 4.599,7 kWh/ngày (*Hoá đơn điện đính kèm phụ lục*).

Bảng 1. 5. Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở

STT	Thời gian	Điện năng tiêu thụ (kWh/tháng)
1	Tháng 10/2023	118.284
2	Tháng 11/2023	125.388
3	Tháng 12/2023	113.831
4	Tháng 01/2024	123.608
5	Tháng 02/2024	103.645
6	Tháng 3/2024	132.800
Trung bình		119.593

(Nguồn: Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo, 2024)

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo”

Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo cho Công ty Cổ phần Skylar thuê mái nhà xưởng có diện tích 6.210 m² của Công ty để lắp đặt điện mặt trời phục vụ cho hoạt động sản xuất của Công ty Cổ phần Skylar (theo hợp đồng kinh tế số 01/2021/HĐKT/SKYLAR-NEWTOYO ngày 22/11/2021), thời hạn thuê mái là 20 năm. (đính kèm tại phụ lục báo cáo).

❖ *Nguồn cung cấp nước và nhu cầu sử dụng nước:*

– Nguồn cung cấp: Cơ sở sử dụng nguồn nước được cấp từ nhà máy nước sạch của Công ty TNHH Sepzone – Linh Trung (Việt Nam) để cung cấp cho hoạt động sinh hoạt của công nhân viên, sản xuất, tưới cây và rửa đường.

Cơ sở không sử dụng nước ngầm.

– Nhu cầu sử dụng nước: Căn cứ vào quy mô đầu tư và mục đích sử dụng, nhu cầu sử dụng nước và nhu cầu xả thải của cơ sở được liệt kê ở bảng sau:

Bảng 1. 6. Nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở

TT	Mục đích sử dụng nước	Tiêu chuẩn	Quy mô	Lưu lượng nước cấp sử dụng (m ³ /ngày)	Lưu lượng nước thải phát sinh (m ³ /ngày)	Lưu lượng nước thải ra KCN (m ³ /ngày)
Q₁: Nước cấp cần xử lý sau khi sử dụng						
1	Sinh hoạt	130 lít/người.ngày (TCVN 13606:2023/BXD)	150	19,5	19,5	19,5
2	Nước vệ sinh sàn khu vực văn phòng (Q _{vss})	2 lít/m ² sàn.ngày (QCVN 01: 2021/BXD)	975	1,95	1,95	1,95
3	Nước cấp cho nhà ăn	25 lít/suất ăn TCVN 4513:1988	150	3,75	3,75	3,75
4	Nước cấp cho quy trình sản xuất (pha hồ) (Q _{sx})	Theo kinh nghiệm của Chủ đầu tư	-	10	10	-
5	Nước cấp cho bể thu cặn hồ (*)	Theo thực tế tại cơ sở	-	2	-	-
6	Nước cấp cho hệ thống Chiller	Theo thực tế tại cơ sở	-	0,1	0,1	0,1
Tổng cộng Q₁				37,3	35,3	25,3
Q₂: Nước cấp không xử lý sau khi sử dụng						
7	Nước tưới cây	Theo thực tế tại cơ sở	-	5	-	-
8	Tưới sân, đường khu vực phía trước nhà xưởng, tưới nước làm mát nhà xưởng	Thời điểm cao nhất (Không thường xuyên)	-	3	-	-
9	PCCC (cấp lần đầu 111 m ³)	Không thường xuyên	-	-	-	-

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo”

TT	Mục đích sử dụng nước	Tiêu chuẩn	Quy mô	Lưu lượng nước cấp sử dụng (m ³ /ngày)	Lưu lượng nước thải phát sinh (m ³ /ngày)	Lưu lượng nước thải ra KCN (m ³ /ngày)
10	Nước cấp cho hồ tiêu cảnh	Thời điểm cao nhất (Không thường xuyên)	-	4	-	-
Tổng cộng Q₂				12	-	-
Lưu lượng trung bình Q = Q₁ + Q₂				48,3	35,3	25,3

(Nguồn: Công ty TNHH Bao bì giấy nhôm New Toyo, 2024)

(*) Lượng nước cấp cho quá trình xử lý cặn hồ khoảng 2 m³/lần/tuần trong đó, nước cấp cho bể xử lý cặn hồ khoảng 1,8 m³/lần/tuần, nước cấp cho bồn inox khoảng 0,2 m³/lần/tuần.

Căn cứ theo hóa đơn tiền nước (từ tháng 10/2023 đến 03/2024) thì lượng nước tiêu thụ tại Cơ sở là 626,7 m³/tháng tương đương 24,1 m³/ngày.

Bảng 1. 7. Nhu cầu sử dụng nước theo hóa đơn nước của cơ sở

STT	Tháng	Lượng nước sử dụng (m ³ /tháng)
1	Tháng 10/2023	527
2	Tháng 11/2023	612
3	Tháng 12/2023	731
4	Tháng 01/2024	630
5	Tháng 02/2024	558
6	Tháng 3/2024	702
	Tổng cộng	626,7

(Nguồn: Công ty TNHH Bao bì giấy nhôm New Toyo, 2024)

– Nhu cầu dùng nước cho chữa cháy:

Dựa theo TCVN 2622:1995 (phòng cháy chống cháy cho nhà và công trình), TCVN 3890:2009 và TCVN 7336:2003, hệ thống chữa cháy bao gồm:

- + Hệ thống trụ nước chữa cháy bên ngoài nhà.
- + Hệ thống tủ vòi chữa cháy trong nhà.
- + Hệ thống chữa cháy tự động sprinkler.
- + Số đám cháy xảy ra đồng thời giả thiết là 1 đám.
- + Lưu lượng nước tính toán cho mỗi đám cháy lấy bằng 10 l/s.
- + Tổng lượng nước cần chữa cháy liên tục trong 3h:

$$Q_{cc} = 1 \text{ đám cháy} \times 10 \text{ l/s} \times (3 \times 3.600)/1.000 = 108 \text{ m}^3/\text{đám cháy}.$$

Ngoài ra, Công ty có bể chứa nước ngầm dung tích 81 m³ để dung cho hoạt động PCCC.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:

5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở:

Cơ sở “Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo” được thực hiện tại địa chỉ Lô 15, 17, 19 và 21 đường số 3, KCN trong KCX Linh Trung II, phường Bình Chiểu, TP. Thủ Đức, TP.HCM với tổng diện tích là 20.675,83 m² (diện tích Lô 15 là 4.986,315 m² và diện tích Lô 17 là 4.986,315 m², diện tích Lô 19 là 4.986,315 m², diện tích Lô 21 là 5.716,877 m²). Công ty TNHH Bao bì Giấy Nhôm New Toyo đã thuê đất số 53/TT-01 với Công ty Liên doanh khai thác và kinh doanh khu chế xuất Sài Gòn – Linh Trung (Sepzone – Linh Trung) ngày 03/12/2001, thời gian thuê đất từ 01 giờ ngày 03/12/2001 đến 24 giờ ngày 22/05/2050 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 662635 ngày 15/6/2005 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM cấp.

Riêng đối với Lô 24 với diện tích nhà xưởng là 2.148,6 m² đang được Cơ sở cho thuê và không nằm trong hạng mục công trình chính của Cơ sở. Nhà xưởng tại Lô 24 sử dụng pháp lý và các công trình thuộc phạm vi của đơn vị thuê tách biệt với Nhà máy.

Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở là 20.675,83 m². Tỷ lệ các loại đất quy hoạch để sử dụng trong phạm vi cơ sở được liệt kê trong Bảng sau:

Bảng 1. 8. Quy hoạch sử dụng đất cho các hạng mục thuộc cơ sở

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng	12.189,39	58,96
2	Diện tích sân bãi, đường nội bộ, cây xanh	7.101,73	41,04
Tổng cộng		20.675,83	100

(Nguồn: Công ty TNHH Bao bì giấy nhôm New Toyo, 2024)

5.1.1. Các hạng mục công trình chính:

Cơ sở được xây dựng trên khu đất có diện tích 20.675,73 m² với tổng diện tích đất xây dựng là 12.189,39 m², bao gồm:

Bảng 1. 9. Hạng mục các công trình chính

Stt	Hạng mục	Diện tích xây dựng (m ²)					Tỷ lệ theo hiện hữu (%)	Ghi chú
		Theo bản KHBVMT, diện tích sàn xây dựng	Theo Quyết định số 5/2002/QĐ-BQL-KCN ngày 17/5/2002	Theo GPXD (giai đoạn 2) số 74/GPXD ngày 12/12/2013	Theo GPXD số 53/GPXD ngày 03/6/2015	Hiện hữu		
I	ĐẤT XÂY DỰNG	13.673	12.014	12.104,3	12.189,39	12.189,39	58,96	
1	Nhà văn phòng (2 tầng + tầng áp mái)	2.476	1.220	1.220	1.220	1.220	5,9	Tầng trệt: 1.220 m ² Tầng lầu 1: 1.220 m ² Tầng áp mái: 36 m ²
2	Nhà kho – xưởng	9.672	9.672	9.672	9.672	9.672	46,78	
2.1	Nhà kho – xưởng sản xuất	9.497	9.497	9.497	9.497	9.206	27,11	
2.2	Khu vực chứa rác sinh hoạt	15	15	15	15	9	0,04	
2.2	Khu vực chứa chất thải rắn công nghiệp + ép rác	90	90	90	90	400	19,35	
2.3	Khu vực chất thải nguy hại	-	-	-	-	-	-	Diện tích 40 m ² khu vực dưới tầng trệt của nhà ăn, tường ngăn riêng biệt
2.4	Bể thu gom nước thải cận hồ	30	30	30	30	30	0,15	
2.5	Lò dầu DO	20	20	20	20	27	0,13	
3	Phòng hồ, mực	99	-	-	-	-	-	
4	Nhà ăn (2 tầng)	806	403	403	403	403	1,95	Tầng trệt: 403 m ² Tầng 1: 403 m ²

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo”

5	Phòng hóa chất	96	96	96	96	96	0,46	
6	Trạm điện	128	128	128	128	128	0,62	
7	Nhà bảo vệ	45	45	45	45	45	0,22	
8	Nhà xe 2 bánh	180	180	180	180	180	0,87	
9	Nhà xe tải nhỏ	210	210	210	210	210	1,02	
10	Cầu nổi	60	60	60	60	60	0,29	
11	Nhà kho phụ	-	-	90,3	90,3	90,3	0,44	
12	Nhà kho	-	-	-	85,09	85,09	0,41	
II	CÂY XANH VÀ ĐƯỜNG NỘI BỘ	7.002,73	8.661,73	8.571	8.486,34	7.101,73	41,04	
1	Cây xanh và đường nội bộ	7.002,73	8.661,73	8.571	8.486,34	7.101,73	41,04	
2	Bể nước ngầm PCCC (81 m ³), bể nước sinh hoạt 30 m ³	-	-	-	-	-	-	
Tổng cộng (I + II)		20.675,73	20.675,73	20.675,73	20.675,73	20.675,73	100,00	

(Nguồn: Công ty TNHH Bao bì giấy nhôm New Toyo, 2024)

Các hạng mục công trình chính tại cơ sở:

Theo Quyết định Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp TP.HCM số 85/2002/QĐ-BQL-KCN ngày 17/5/2002 về việc thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình và Giấy chứng nhận hoàn thành công trình xây dựng hoàn thành số 30 CN/BQL-KCN-HCM ngày 26/5/2005 do Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp TP.HCM cấp như sau:

- Nhà văn phòng:

- + Tầng trệt: (90m x 13m) + (50m x 1m), cao 4m. Diện tích 1.220 m².
- + Tầng lầu 1: (90m x 13m) + (50m x 1m), cao 3,8m. Diện tích 1.220 m².
- + Tầng áp mái: Dài 36m, rộng 6m, cao 2,7m. Diện tích 36 m².

Loại nhà dân dụng ba tầng, mái lợp ngói, chiều cao đến đỉnh mái là 10,5m. Kết cấu khung sàn BTCT, móng cọc BTCT, tường bao che xây gạch dày 200.

- Nhà kho – xưởng: (160m x 60m) + (24m x 3m), cao 8,4m. Diện tích 9.672 m².

Loại nhà công nghiệp một tầng, mái lợp tôn dốc về 02 phía, chiều cao đến đỉnh mái là 14m. Kết cấu khung kèo, xà gồ thép, móng cọc BTCT. Tường bao che xây gạch dày 200, cao 6m phía trên ốp đến mái.

- Nhà ăn:

- + Tầng trệt (35m x 11m) + (6m x 3m), cao 4m. Diện tích 403 m².
- + Tầng lầu 1 (35m x 11m) + (6m x 3m), cao 3,5m. Diện tích 403 m².

Loại nhà dân dụng hai tầng, mái lợp ngói dốc về 02 phía, chiều cao đến đỉnh mái là 11,2m. Kết cấu cột, đà, sàn BTCT, xà gồ, vì kèo thép, móng cọc BTCT, tường bao che xây gạch dày 200.

- Phòng hóa chất: Dài 12m, rộng 8m, cao 4,5m. Diện tích 96 m².

Loại nhà dân dụng một tầng, mái bằng BTCT, kết cấu khung BTCT, móng cọc BTCT, tường bao che xây gạch dày 200.

- Trạm điện: Dài 16m, rộng 8m, cao 4m. Diện tích 128 m².

Loại nhà dân dụng một tầng, mái bằng BTCT, kết cấu khung BTCT, móng cọc BTCT, tường bao che xây gạch dày 200.

- Nhà bảo vệ:

- + Nhà bảo vệ 1: Dài 5m, rộng 3m, cao 3m. Diện tích 15 m².
- + Nhà bảo vệ 2: Dài 5m, rộng 3m, cao 3m. Diện tích 15 m².
- + Nhà bảo vệ 3: Dài 5m, rộng 3m, cao 3m. Diện tích 15 m².

Loại nhà dân dụng một tầng, mái lợp ngói dốc về 04 phía, chiều cao đến đỉnh mái là 5,4m, kết cấu khung BTCT, xà gồ, vì kèo thép, móng đơn BTCT đặt trực tiếp trên nền đất thiên nhiên, tường bao che xây gạch dày 200.

Quy mô một tầng, mái lợp tôn. Kết cấu khung kèo, xà gồ thép, móng đơn BTCT đặt trực tiếp trên nền đất thiên nhiên.

- Cầu nổi: Dài 24m, rộng 2,5m, cao 4,8m. Diện tích 60 m².

Mài vòm nhựa. Kết cấu cột, đà, sàn BTCT. Vì kèo thép, móng cọc BTCT.

- Bể nước ngầm:
 - + Bể nước sinh hoạt: Dung tích 30 m³.
 - + Bể nước PCCC: Dung tích 81 m³.
- Công và tường rào: 600 md.

Theo Giấy phép xây dựng (giai đoạn 2) số 74/GPXD ngày 12/12/2013 do Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp TP.HCM cấp có bổ sung thêm công trình xây dựng như sau:

- Nhà kho phụ: 21m x 4,3m = 90,3 m². Chiều cao công trình 5,8m. Số tầng: 01.

Theo Giấy phép xây dựng số 53/GPXD ngày 03/6/2015 do Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp TP.HCM cấp có bổ sung thêm công trình xây dựng như sau:

- Nhà kho: 13,4m x 6,35m = 85,09 m². Chiều cao công trình 6,28m. Số tầng: 01.



Hình ảnh kho nguyên liệu



Hình ảnh kho thành phẩm



Hình ảnh khu vực sản xuất



Hình ảnh kho phụ liệu



Hình 1.8. Hình ảnh khu vực sản xuất của Nhà máy

5.1.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của cơ sở:

❖ Hệ thống cấp điện:

Nguồn cấp điện: Nhà máy sử dụng nguồn điện được lấy từ mạng lưới điện Quốc gia thông qua trạm điện của Công ty TNHH Sepzone – Linh Trung (Việt Nam) nhằm mục đích chiếu sáng, hoạt động máy móc thiết bị tại cơ sở.

Các công trình phụ trợ: Hệ thống cung cấp điện, cấp nước, thoát nước thải, cây xanh,... đã được Công ty TNHH Bao bì giấy nhôm New Toyo xây dựng hoàn thiện. Các hạng mục công trình cụ thể như sau:

• Hệ thống giao thông nội bộ:

Đường giao thông nội bộ trong khu vực đã được Khu công nghiệp trong khu chế xuất Linh Trung II trải bê tông để đảm bảo an toàn, hạn chế bụi trong quá trình vận chuyển.

• Hệ thống thoát nước mưa:

– Hệ thống thoát nước mưa của Cơ sở được xây dựng căn cứ theo quy hoạch thoát nước chung, nước mưa sau khi thu gom được thoát ra hệ thống thoát nước của Khu công nghiệp trong Khu chế xuất Linh Trung II. Nước mưa tại Nhà máy được thu gom như sau:

+ Thoát nước mưa trên mái: lắp đặt các ống xối nhựa PVC có đường kính $\varnothing 90$ nối từ máng xối xuống các hố ga trên mặt đất.

+ Thoát nước mưa chảy tràn trên mặt đất: Hệ thống thoát nước mưa tại Nhà máy đã được xây dựng hoàn chỉnh trước khi thuê xưởng. Dọc theo tuyến thoát nước mưa có các hố ga và có lưới chắn rác tại mỗi hố ga để thu gom rác có kích thước lớn và lắng cặn. Nước mưa tại Nhà máy được thu gom và đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của KCN trong KCX Linh Trung II nằm trên đường số 3.

Điểm đầu nối nước mưa của cơ sở với KCN trong Khu chế xuất Linh Trung II:

+ Số lượng hố ga nước mưa: 02 hố ga, (kích thước hố ga NTY-NM-1: D x R x C = 0,8m x 0,8m x 0,7m; kích thước hố ga NTY-NM-2: D x R x C = 1m x 0,95m x 0,7m).

+ Tọa độ hố ga nước mưa: 02 điểm là NTY-NM-1 (đường số 3), tọa độ (X(m) = 1204516, Y(m) = 688055), NTY-NM-2 (đường số 3), tọa độ (X(m) = 1204510, Y(m) = 688041).

- **Hệ thống thu gom nước thải:**

Chủ cơ sở đã xây dựng hệ thống thu gom nước thải tách riêng với hệ thống thu gom nước mưa.

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân, nhà ăn và lau sàn khu vực văn phòng được thu gom bằng đường ống uPVC có đường kính Ø90 có tổng chiều dài đường ống là 300m, sau đó, theo các ống thoát nước thải có đường ống HDPE Ø200 dọc theo nhà xưởng với 02 điểm đầu nối hệ thống thoát nước thải của KCN trong KCX Linh Trung II tại đường số 3 gần cổng số 1 và gần cổng số 3 của Nhà máy.

Điểm đầu nối nước thải của cơ sở với KCN trong Khu chế xuất Linh Trung II:

+ Số lượng hố ga nước thải: 02 hố ga, (kích thước: D x R x C = 1m x 1m x 2m).

+Điểm đầu nối 1: 01 điểm là NTY-NT-1 trên đường số 3 cổng số 1, tọa độ (X(m) = 1204414, Y(m) = 687986).

+Điểm đầu nối 2: 01 điểm là NTY-NT-2 trên đường số 3 cổng số 3, tọa độ (X(m) = 1204500, Y(m) = 688038).

Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình vệ sinh thiết bị công đoạn pha hồ (dạng lỏng) Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình vệ sinh thiết bị công đoạn pha hồ (dạng lỏng), mực in gốc nước sẽ được thu gom vào các thùng phuy 200 lít. Sau đó, công nhân vận chuyển thùng phuy 200 lít về khu vực xử lý nước thải. Tại đây, công nhân sẽ đưa lượng cặn hồ, cặn mực in thải gốc nước vào bể thu cặn hồ. Đồng thời sẽ châm thêm Polymer và nước vào bồn chứa 1.000 lít, PAC và nước, NaOH và nước đã được pha trộn sẵn chứa trong thùng 100 lít để dẫn lên bồn inox nhằm tạo ra phản ứng keo tụ chuyển thể chất thải thành dạng rắn. Tại đây, phần nước sạch sẽ dẫn qua vào bồn chứa 1.000 lít rồi qua cột lọc (có sử dụng than hoạt tính), nước sau xử lý sau đó sẽ dẫn về thùng chứa 200 lít. Phần cặn bùn ướt sẽ tiếp tục dẫn qua hồ lắng. Công nhân sẽ bỏ thêm sỏi, đá để giúp quá trình xử lý cặn hồ, mực in thải hệ nước loại bỏ các thành phần lơ lửng ra khỏi bùn ướt, xử lý các tạp chất có kích thước nhỏ tạo thành dạng bùn thải và chuyển giao cho đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định. Trường hợp bể lắng 1 đầy thì sẽ có bể lắng 2 dự phòng để xử lý trong thời gian chờ đơn vị thu gom. Phần nước sạch sau đó (cùng với nước từ cột lọc) sẽ đưa ra thùng chứa khoảng 200 lít và bơm dẫn về bể thu cặn hồ để tái sử dụng. Định kỳ 1 tháng/lần lượng chất thải này dưới dạng bùn sẽ được chuyển giao cho đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với cặn mực in gốc dung môi sẽ được thu gom vào thùng phuy 200 lít. Sau đó, chuyển giao cho đơn vị thu gom dưới dạng CTNH.

Đối với cặn hồ dưới dạng bùn đặc sẽ được thu gom vào thùng phuy 200 lít. Sau đó, chuyển giao cho đơn vị thu gom dưới dạng chất thải công nghiệp thông thường.

- **Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt:**

- Diện tích: 9 m², nền BTCT.

- **Kho lưu trữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

- Diện tích: 400 m², nền BTCT.

- Khu lưu chứa chất thải thông thường có mái che, có biển báo, tường bao quanh.

- **Kho chứa CTNH:**

- Diện tích: 40 m².

- Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có kết cấu tường bao, nền bê tông để chống thấm. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã CTNH, thiết bị phòng cháy chữa cháy đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

- **Hệ thống thông tin liên lạc:**

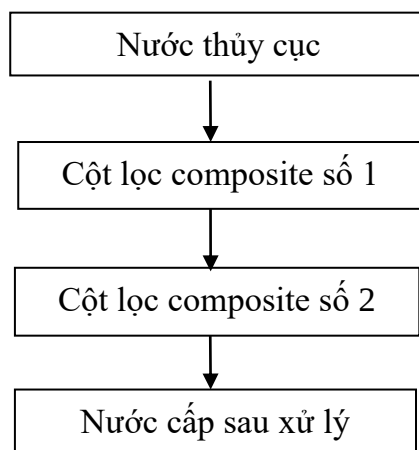
Sử dụng cơ sở hạ tầng của KCN trong KCX Linh Trung II (KCN đã có mạng lưới viễn thông hiện đại đáp ứng đầy đủ và nhanh chóng nhu cầu thông tin liên lạc trong và ngoài nước cho các nhà đầu tư).

- **Hệ thống cấp nước sạch:**

Nguồn nước sử dụng tại Nhà máy là nguồn nước thủy cục, được cấp thông qua hệ thống cấp nước của KCN trong Khu chế xuất Linh Trung II, tại Nhà máy không sử dụng nước dưới đất. Nước sinh hoạt đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch.

- **Hệ thống lọc thô nước cấp thủy cục:**

Hệ thống lọc thô nước cấp thủy cục nhằm xử lý nước cấp đạt tiêu chuẩn để cung cấp nước cho hoạt động của nhà máy.



Hình 1.9. Sơ đồ quy trình công nghệ hệ thống lọc thô nước cấp thủy cục

Thuyết minh quy trình:

Xử lý bậc 1: Nước được dẫn qua cột lọc composite số 1. Đây là cột lọc thô, dạng lọc áp lực có vai trò loại bỏ sắt, mangan chất rắn lơ lửng, bùn mịn, đồng thời khử các chất có tính oxy hóa. Sau khi đã loại bỏ các tạp chất có trong nước, nước tiếp tục được cho qua cột hấp phụ để loại bỏ một số thành phần hữu cơ và clo để đảm bảo quá trình lọc phía sau hoạt động tốt.

Xử lý bậc 2: Nước sau khi qua giai đoạn 1, tiếp tục chảy qua cột lọc composite số 2 để loại bỏ cặn bẩn tạp chất có kích thước rất nhỏ. Nước sau khi qua cột lọc composite số 2 đạt **QCVN 01-1:2018/BYT**, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. Định kỳ 1 lần/năm sẽ thay lõi lọc để đảm bảo chất lượng nước cấp cho hoạt động của cơ sở.

- **Giải pháp thông gió nhà xưởng:**

Thông gió bằng quạt thông gió: Phương pháp này gần giống như phương pháp thông gió tự nhiên, tuy nhiên, các tấm lam được thay thế bằng các quạt thông gió trên tường. Ở phía đối diện các quạt thông gió được đặt những lam gió có lưới lọc bụi hoặc tấm lọc công nghệ để lấy gió bên ngoài vào. Khi quạt thông gió hoạt động sẽ tạo ra sự chênh áp bên trong xưởng, dẫn đến gió từ bên ngoài sẽ tự động tràn vào để thay thế lượng không khí trong xưởng được hút ra.

Ngoài ra, Chủ cơ sở còn lắp đặt hệ thống thông gió cục bộ bằng quạt công nghiệp.

Yêu cầu về nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió: Đảm bảo nhiệt độ nằm trong khoảng 18 – 32 °C, độ ẩm trong khoảng 40 – 80% và tốc độ gió trong khoảng 0,2 - 1,5 m/s theo QCVN 22:2016/BYT, QCVN 24:2016/BYT, QCVN 26:2016/BYT.

- **Hệ thống phòng cháy chữa cháy:**

Hệ thống cấp nước chữa cháy được thiết kế hoàn toàn tự động áp dụng theo các tiêu chuẩn sau:

- Tiêu chuẩn TCVN 5760:1993 Yêu cầu chung về thiết kế lắp đặt và sử dụng hệ thống chữa cháy.

- Tiêu chuẩn TCVN 4513:1993 Cấp nước bên trong – Tiêu chuẩn thiết kế.
- Tiêu chuẩn TCVN 5739:1993 Thiết bị chữa cháy – Đầu nổi.
- Tiêu chuẩn TCVN 2622:1978 và TCVN 2622:1995 Phòng cháy chống cháy cho nhà và công trình.

Công ty đã được Cảnh sát PC&CC TP.HCM cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 1025/TD-PCCC ngày 20/7/2018 và Công trình phòng cháy chữa cháy đã được cảnh sát PCCC&CNCH TP.HCM xác nhận nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy tại văn bản số 388/PC07-Đ5 ngày 03 tháng 07 năm 2019 về việc nghiệm thu PCCC.

- **Hệ thống chống sét:**

Hệ thống chống sét là loại kim thu sét tia tiên đạo, bán kính hoạt động tối thiểu là 55m, với cáp dẫn sét loại đồng trần đường kính 50 mm², được luồn trong ống PVC và dẫn đến hộp đếm sét và hệ tiếp đất.

5.1.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:

Bảng 1. 10. Bảng tổng hợp các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở

STT	Các hạng mục công trình	Đặc điểm
1	Khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt	Diện tích: 9 m ² Vị trí: Được bố trí bên ngoài nhà xưởng có mái che, có biển báo
2	Khu vực chứa chất thải rắn công nghiệp và khu ép phế liệu	Diện tích: 400 m ² Vị trí: Được bố trí bên ngoài nhà xưởng có mái che, có biển báo.
3	Khu vực chứa chất thải nguy hại	Diện tích: 40 m ² Vị trí: Được bố trí nằm ở tầng trệt của khu vực nhà ăn, có tường ngăn riêng biệt, có biển báo.
4	Bể thu gom cặn hồ thải	Diện tích 30 m ² Vị trí: Phía sau khu pha hồ, pha mực
5	Lò dầu DO	Diện tích: 27 m ² Vị trí: Được bố trí bên ngoài nhà xưởng.
6	Khu vực máy hút rìa giấy	Diện tích: 60 m ² Vị trí: Được bố trí bên ngoài nhà xưởng.

5.2. Danh mục máy móc thiết bị của cơ sở:

Máy móc thiết bị được sử dụng để phục vụ hoạt động của cơ sở như sau:

Bảng 1. 11. Máy móc thiết bị phục vụ hoạt động của cơ sở

STT	Thiết bị, phương tiện	Đơn vị	Công suất	Năm sản xuất	Xuất xứ	Tình trạng	Số lượng
I	MÁY MÓC THIẾT BỊ HIỆN HỮU						
1	Máy Sobu 1	Cái	Max 200m/phút	2003	Japan	80%	1
2	Máy dán 2	Cái	Max 180m/phút	2003	Malaysia	80%	1
3	Máy dán 3	Cái	Max 200m/phút	2003	Malaysia	80%	1
4	Máy dán 4	Cái	Max 200m/phút	2018	China	80%	1
5	Máy dán 5	Cái	Max 200m/phút	2019	China	80%	1
6	Máy cắt nhỏ 1	Cái	Max 200m/phút	2003	Japan	80%	1
7	Máy cắt nhỏ 4	Cái	Max 200m/phút	2003	Japan	80%	1
8	Máy cắt nhỏ 5	Cái	Max 200m/phút	2005	Japan	80%	1
9	Máy cắt nhỏ 6	Cái	Max 200m/phút	2005	Japan	80%	1
10	Máy cắt nhỏ 7	Cái	Max 200m/phút	2005	Japan	80%	1
11	Máy cắt lớn 1	Cái	Max 150m/phút	2003	Malaysia	80%	1
12	Máy cắt lớn 2	Cái	Max 150m/phút	2003	Malaysia	80%	1
13	Máy cắt lớn 3	Cái	Max 150m/phút	2009	England	80%	1
14	Máy cắt lớn 4	Cái	Max 450m/phút	2018	Korea	90%	1
15	Máy cắt tấm 2	Cái	Max 200 tờ/phút	2003	England	80%	1
16	Máy cắt tấm 3	Cái	Max 200 tờ/phút	2009	England	80%	1
17	Máy cắt tấm 4	Cái	Max 400 tờ/phút	2017	China	80%	1
18	Máy xén 1	Cái	-	2003	China	80%	1
19	Máy xén 2	Cái	-	2003	Taiwan	80%	1

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo”

STT	Thiết bị, phương tiện	Đơn vị	Công suất	Năm sản xuất	Xuất xứ	Tình trạng	Số lượng
20	Máy xén 3	Cái	-	2012	China	80%	1
21	Máy sửa giấy 1	Cái	-	2003	Vietnam	80%	1
22	Máy sửa giấy 2	Cái	-	2003	Vietnam	80%	1
23	Máy sửa giấy 4	Cái	-	2003	Vietnam	80%	1
24	Máy cuộn màng	Cái	-	2018	Taiwan	80%	1
25	Máy hút rìa giấy số 1	Cái	30.000 m ³ /giờ	2003	Australia	80%	1
26	Máy cán vân 3	Cái	Max 200m/phút	2011	China	80%	1
27	Máy cán vân 4	Cái	Max 200m/phút	2014	China	80%	1
28	Máy cán vân 5	Cái	Max 200m/phút	2016	China	90%	1
29	Máy cắt lõi nhỏ 1	Cái	-	2003	Taiwan	80%	1
30	Máy cắt lõi TQ	Cái	-	2003	China	80%	1
31	Máy dập	Cái	Max 12 lần/phút	2003	Taiwan	80%	1
32	Máy bẻ (cọp)	Cái	Max 20 lần/phút	2011	China	80%	1
33	Máy bẻ tự động 2 (Yoco2)	Cái	Max 60 lần/phút	2016	China	80%	1
34	Máy bồi tấm 1	Cái	-	2011	China	80%	1
35	Máy bồi tấm 2	Cái	-	2016	China	80%	1
36	Máy rút màng co PVC	Cái	-	2011	Vietnam	80%	1
37	Máy cán dán màng	Cái	-	2017	China	85%	1
38	Máy Chiller	Cái	5 HP và 8 HP	2017, 2018	Việt Nam	80%	4
39	Máy khí nén	Cái	11 m ³ , 75HP	2018	Việt Nam	80%	2

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo”

STT	Thiết bị, phương tiện	Đơn vị	Công suất	Năm sản xuất	Xuất xứ	Tình trạng	Số lượng
40	Máy chà nhám	Cái	0,75 kW	2018	Việt Nam	80%	1
II	MÁY MÓC, THIẾT BỊ BỔ SUNG/NÂNG CẤP (*)						
1	Máy cắt nhỏ 8	Cái	Max 400m/phút	2024	China	100%	1
2	Máy cắt nhỏ 9	Cái	Max 400m/phút	2024	China	100%	1
3	Máy cắt lớn 5	Cái	Max 450m/phút	2025	China	100%	1
4	Máy hút rìa giấy số 2	Cái	30.000 m ³ /giờ	2024	Việt Nam	100%	1
5	Hệ thống khuấy trộn và phá bọt	Cái	-	2024	China	100%	1

(Nguồn: Công ty TNHH Bao bì giấy nhôm New Toyo, 2024)

(*) Việc bổ sung máy móc thiết bị nhằm phục vụ cho nhu cầu thị trường, khách hàng về chất lượng sản phẩm đầu ra nhưng không làm tăng công suất sản xuất sản phẩm của Nhà máy trong Giấy chứng nhận đầu tư (Theo biên bản làm việc ngày 19/7/2024 giữa Công ty TNHH Bao bì giấy nhôm New Toyo và Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp TP.HCM).

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo”



Hình ảnh máy dán



Hình ảnh máy dán



Hình ảnh máy cắt lớn



Hình ảnh máy cắt tấm



Hình ảnh máy cắt nhỏ



Hình ảnh máy cán vân



Hình ảnh máy bế



Hình ảnh máy bồi

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo”



Hình ảnh máy cán màng



Hình ảnh máy hàn nhiệt



Hình ảnh máy xén giấy



Hình ảnh máy sửa giấy



Hình ảnh máy cắt lõi



Hình ảnh máy chà khay giấy



Hình ảnh máy pha hồ



Hình ảnh máy pha mực

	
Hình ảnh máy đóng gói	Hình ảnh máy hút rìa giấy

Hình 1.10. Hình ảnh máy móc thiết bị phục vụ hoạt động tại Nhà máy

5.3. Nhu cầu lao động

Tổng số lao động tại cơ sở là 150 người.

Bảng 1. 12. Nhu cầu sử dụng lao động tại cơ sở

Stt	Loại lao động	Số lượng (người)	Thời gian làm việc
1	Ban giám đốc	14	1 ca/ngày, 8h/ca, 300 ngày/năm
2	Nhân viên văn phòng	45	1 ca/ngày, 8h/ca, 300 ngày/năm
3	Quản lý xưởng	3	1 ca/ngày, 8h/ca, 300 ngày/năm
4	Công nhân	80	3 ca/ngày, 8h/ca, 300 ngày/năm hoặc 2 ca/ngày, 12h/ca, 300 ngày/năm
5	Bảo vệ, lao công	8	3 ca/ngày, 8h/ca, 300 ngày/năm
Tổng cộng		150	

(Nguồn: Công ty TNHH Bao bì giấy nhôm New Toyo, 2024)

5.4. Hiện trạng hoạt động, hạ tầng kỹ thuật của KCX Linh Trung II:

Cơ sở “Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo” được triển khai thực hiện tại Lô 15, 17, 19 và 21, đường số 3, KCN trong KCX Linh Trung II, phường Bình Chiểu, TP. Thủ Đức, TP.HCM. KCN trong Khu chế xuất Linh Trung II đã được phê duyệt các quyết định sau:

- KCX Linh Trung II do Công ty TNHH Sepzone - Linh Trung (Việt Nam) là chủ đầu tư, được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy phép hoạt động số 412/GPĐC3 ngày 22/05/2000 với diện tích 61,75 ha tại phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), TP.HCM.

- KCX đã được UBND TP.HCM phê duyệt quy hoạch chi tiết và phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 theo Quyết định số 4040/QĐ-UBND ngày 20/09/2008; phê duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu chế xuất Linh Trung II, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức) theo Quyết định số 6198/QĐ-UBND.

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Khu chế xuất Linh Trung II, thành phố Hồ Chí Minh” đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường phê duyệt theo quyết định số 542/QĐ-BTNMT ngày 25/04/2003.

- KCX Linh Trung II đã được Bộ Tài nguyên và môi trường cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (gia hạn, điều chỉnh lần thứ nhất) số 24/GP-BTNMT ngày 04/02/2021 (thời hạn là 05 năm).

Quy hoạch sử dụng đất của KCX như sau:

Bảng 1. 13. Quy hoạch sử dụng đất KCX Linh Trung II

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng các công trình công nghiệp	44,01	71,27
2	Đất kho bãi	0,26	0,42
3	Đất công trình công cộng và dịch vụ	2,08	3,37
4	Đất giao thông	8,2	13,28
5	Đất hạ công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật	1,24	2,01
6	Đất cây xanh	4,18	6,77
7	Đất xây dựng nhà ở công nhân và chuyên gia	1,78	2,88
Tổng cộng		61,75	100

(Nguồn: Quyết định phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 KCX Linh Trung II, năm 2008)

Đến nay, KCX đã thu hút khoảng 41 dự án đầu tư, lấp đầy 100% diện tích đất công nghiệp. Các ngành nghề đăng ký đầu tư trong KCX bao gồm điện - điện tử, cơ khí chính xác, giày da, may mặc, đồ gỗ,... xuất khẩu và tiêu thụ trong nước.

KCX Linh Trung II thuộc phường Bình Chiểu, TP.HCM, nơi tiếp giáp với phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Một số tuyến đường dẫn vào KCN trong KCX như đường ĐT 743B, ĐT 743, Quốc lộ 1A, Quốc Lộ 13, trong đó đường ĐT 743 là đường kết nối KCN trong KCX Linh Trung II với các tuyến đường khác. Đường ĐT 743 hiện tại có 2 làn đường, có bề rộng mặt đường 16m, phủ bê tông nhựa nóng. Trong khu vực hiện có KCN Đồng An I và KCN trong KCX Linh Trung II với khoảng 285 doanh nghiệp với số lượng công nhân làm việc khoảng 35.000 người.

❖ *Các ngành nghề thu hút đầu tư tại KCX như sau:*

Theo báo cáo ĐTM của Dự án “*Khu chế xuất Linh Trung II, thành phố Hồ Chí Minh*” đã được phê duyệt năm 2003, các ngành nghề được phép thu hút đầu tư vào KCX gồm:

- Chế biến thực phẩm,
- Cơ khí,
- Điện tử,
- Giấy và các sản phẩm về giấy,
- Gỗ và các sản phẩm về gỗ,
- Dệt may,
- **Bao bì,**
- Đồ uống,
- Hàng tiêu dùng,
- Dụng cụ thể thao,
- Sản phẩm về da,
- Đồ gia dụng,...

❖ *Hiện trạng của KCN trong KCX Linh Trung II:*

- Hệ thống cấp nước:
 - Bố trí mạch vòng theo các trục đường.
 - Sử dụng ống ngang rỗng, đường kính từ 100 – 600mm.
 - Độ sâu đặt ống tối thiểu 0,8 m.
 - Trạm cấp nước có công suất 5.000 m³/ngày đêm, đảm bảo nhu cầu cấp nước là 50-60 m³/ha.ngày đêm. Nước được cấp cho các mục đích sản xuất, sinh hoạt, dịch vụ, tưới cây và phòng cháy chữa cháy,...

• Hệ thống cấp điện:

Nguồn điện cấp cho KCN trong Khu Chế xuất Linh Trung II được dẫn về từ trạm điện 110/22kV lưới điện quốc gia. Đã xây dựng mới hệ thống mạng và trạm biến áp phân phối cho toàn khu.

Bảng 1. 14. Tổng hợp hệ thống cấp điện

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng
1	Đường dây trung thế 22kV	km	14,5
2	Cáp ngầm 0,4 kV	km	43
3	Trạm hạ thế 110/22kV	Trạm	1
4	Trạm 22/0,4 kV	Trạm	13

• Hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải:

- Hệ thống thoát nước mưa được tách riêng với hệ thống thoát nước thải.
- Hệ thống thoát nước mưa theo địa hình thoát về hướng rạch Cùmg, sử dụng đường cống thoát nước dạng BTCT D400-2000 đặt ngầm dưới các tuyến đường giao thông.
- Hệ thống thu gom nước thải sử dụng tuyến cống BTCT, D300-800 đặt dọc theo các tuyến đường giao thông của KCX.
- Nước thải từ các nhà máy thành viên trong KCN trong KCX sẽ được xử lý cục bộ, đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của KCX và đầu nối về trạm XLNTTT của KCN trong KCX. Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN trong KCX Linh Trung II như bảng sau:

Bảng 1. 15. Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN trong KCX Linh Trung II

STT	Thông số	Đơn vị	Quy định tiêu chuẩn đầu ra các nhà máy	Quy chuẩn xả của NMXLNT TT
			Giá trị giới hạn (C_{tc})	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, $K_q \times K_f = 0,9$
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	45	40
2	Màu	Pt-Co	50	50
3	pH	-	5 - 9	6 – 9
4	BOD ₅ (20 $^{\circ}\text{C}$)	mg/l	500	27
5	COD	mg/l	800	67,5
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	300	45
7	Asen	mg/l	0,045	0,045
8	Thủy ngân	mg/l	0,0045	0,005
9	Chì	mg/l	0,09	0,09

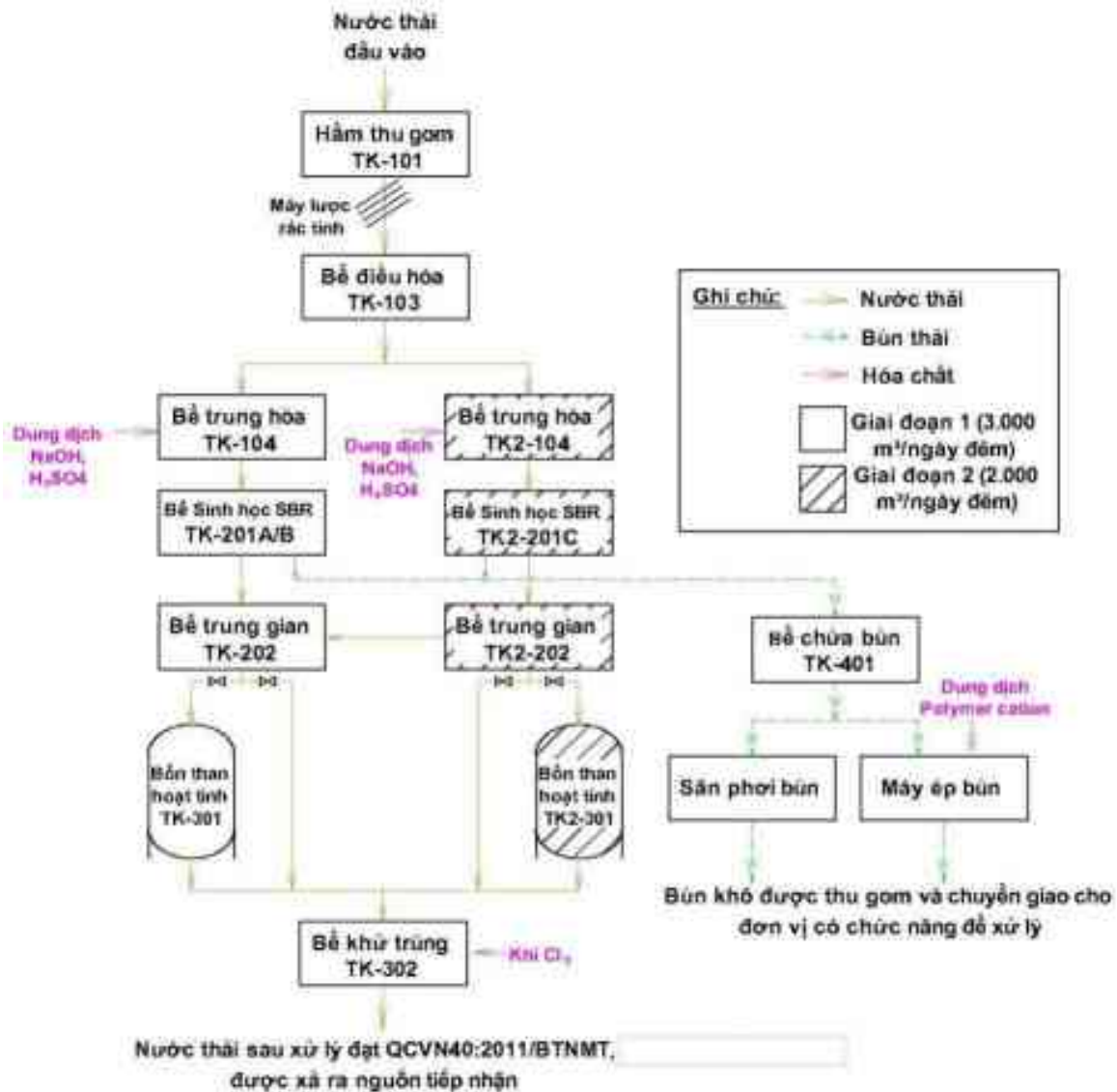
Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo”

STT	Thông số	Đơn vị	Quy định tiêu chuẩn đầu ra các nhà máy	Quy chuẩn xả của NMXLNT TT
			Giá trị giới hạn (C_{tc})	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, $K_q \times K_f = 0,9$
10	Cadimi	mg/l	0,045	0,045
11	Crôm (VI)	mg/l	0,045	0,045
12	Crôm (III)	mg/l	0,18	0,18
13	Đồng	mg/l	1,8	1,8
14	Kẽm	mg/l	2,7	2,7
15	Niken	mg/l	0,18	0,18
16	Mangan	mg/l	0,45	0,45
17	Sắt	mg/l	0,9	0,9
18	Tổng Xianua	mg/l	0,063	0,063
19	Tổng Phenol	mg/l	0,09	0,09
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,5	4,5
21	Sunfua	mg/l	0,18	0,18
22	Florua	mg/l	4,5	4,5
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	4,5
24	Nitơ tổng	mg/l	60	18
25	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	6	3,6
26	Clorua	mg/l	450	450
27	Clo dư	mg/l	2	0,9
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,045	0,045
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,27	0,27
30	Tổng PCB	mg/l	0,0027	0,003
31	Coliform	MPN/100ml	Không quy định	3.000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0	1
34	Photpho hữu cơ	mg/l	0,5	-
35	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	30	-
36	Thiếc	mg/l	1	-
37	Tetracloetylen	mg/l	0,1	-
38	Tricloetylen	mg/l	0,3	-

(Nguồn: Công ty TNHH Sepzone - Linh Trung (Việt Nam))

- Trạm xử lý nước thải tập trung:

Quy trình công nghệ của trạm XLNTTT của KCN trong KCX Linh Trung II như sau:



Hình 1.11. Quy trình công nghệ Trạm XLNTTT của KCN trong KCX Linh Trung II
Thuyết minh quy trình công nghệ:

Nước thải sau khi đã xử lý sơ bộ tại các nhà máy trong KCN trong KCX Linh Trung II (nước thải phải đạt tiêu chuẩn KCN trong KCX Linh Trung quy định cho nước thải đầu ra tại các nhà máy) được đưa vào bể tiếp nhận TK - 100. Tại đây có song chắn rác thô, nhằm loại bỏ các loại rác cỡ lớn, các rác này có thể gây tắc nghẽn đường ống, hư hại cho bơm chìm, sau đó nước được chảy sang bể tập trung TK - 101.

Nước thải từ bể TK - 101 được 3 bơm 101A/B/C (PM-101A/B hoạt động luân phiên theo phao mực nước, PM-101C hoạt động đồng thời với PM-101A/B). Bơm qua đồng hồ đo lưu lượng FE-101/FE2-101 (PM- 101A/B bơm qua FE-101, PM-101C bơm qua FE2- 101) sau đó qua lưới lọc tinh SC- 102A/B/C/D/E/F (PM-101A/B qua SC-102A/B/C, PM- 101C qua SC2-102D/E/F). Các loại rác nhỏ (<5mm) thoát qua lưới lọc thô ở TK - 101 sẽ được giữ lại ở đây. Sau khi qua lưới lọc SC - 102, nước thải được xả xuống

bể điều hòa TK-103, bể điều hòa TK-103 có hệ thống sục khí liên tục 24/24 nhằm ổn định chất lượng nước, trung hòa tạp chất, trung hòa nồng độ và cung cấp DO ban đầu nhằm tránh mùi hôi do quá trình phân hủy kỵ khí xảy ra trước khi đưa vào bể xử lý vi sinh. Sau đó nước được bơm qua bể trung hòa pH (TK-104, TK2-104) bằng 4 bơm PM-103A/B và PM2-103C/D (PM-103A/B bơm qua TK-104, PM2-103C/D bơm qua TK2-104) tại đây có đặt đầu dò pH nhằm mục đích đo pH của nước thải trước khi đưa vào bể vi sinh, được cài đặt bằng chương trình PLC giới hạn trong khoảng (5,5 - 9), nếu pH = 2 - 4, hệ thống bơm pha NaOH vào để trung hòa, nếu pH = 9 - 14 thì bơm H₂SO₄ vào.

Nước sau khi đã trung hòa pH tại bể TK-104/TK2-104 sẽ được đưa vào 3 bể vi sinh SBR-201A/B/C bằng các bơm (PM-103A/B sử dụng cho SBR-201A/B, PM-103C/D sử dụng cho SBR-201C), các bể xử lý vi sinh hoạt động luân phiên dạng mẻ.

Đầu tiên nước thải được bơm vào bể vi sinh khoảng 45 phút (thời gian này còn tùy thuộc vào vị trí phao mực nước thấp), nước sẽ tác động phao tín hiệu làm thay đổi trạng thái phao. Cấp tín hiệu điều khiển bơm tuần hoàn (PM-201A/A0/B/B0/C/C0) hoạt động, có chức năng trộn đều bùn trong bể, sau khi bơm tuần hoàn hoạt động khoảng 30 phút thì sẽ tác động các Blower thổi khí hoạt động, cung cấp DO cho vi sinh hoạt động (GD1: BL-201A/C sử dụng cho SBR-201A/B, BL-201B dự phòng, GD2: BL-201D/E sử dụng cho SBR-201C).

Quá trình đưa nước vào kéo dài khoảng 2 giờ 40 phút (thời gian này còn tùy thuộc vào vị trí phao mực nước cao), mực nước trong bể chạm vào phao giới hạn mực nước cao hệ thống ngưng đưa nước vào.

Khi đó trong bể hệ thống sục khí và tuần hoàn hoạt động song song quá trình này kéo dài khoảng 3 giờ 25-30 phút thì ngưng và chuyển sang giai đoạn lắng. Sau khi lắng 2 giờ nước sẽ được xả xuống bể đệm TK-202/TK2-202 (SBR- 201A/B xả xuống TK-202, SBR-201C xả xuống TK2-202) bằng hệ thống van khí nén điều khiển và cài đặt thời gian hoạt động trong PLC. Xả hết khoảng 1 giờ 45-50 phút, trong quá trình xả nước và bùn lắng được bơm về bể chứa TK-401 trong 5 phút bằng bơm PM-201A1/A2/B1/B2, PM2-201C1/C2. Xả nước xong SBR hoàn tất 1 mẻ xử lý và bắt đầu 1 mẻ xử lý mới.

Nước thải sau xử lý từ:

GD1: Bể TK - 202 được bơm qua 3 bồn AC - Tank 301A/B/C.

GD2: Bể TK2 - 202 được bơm qua 3 bồn AC - Tank 301D/E.

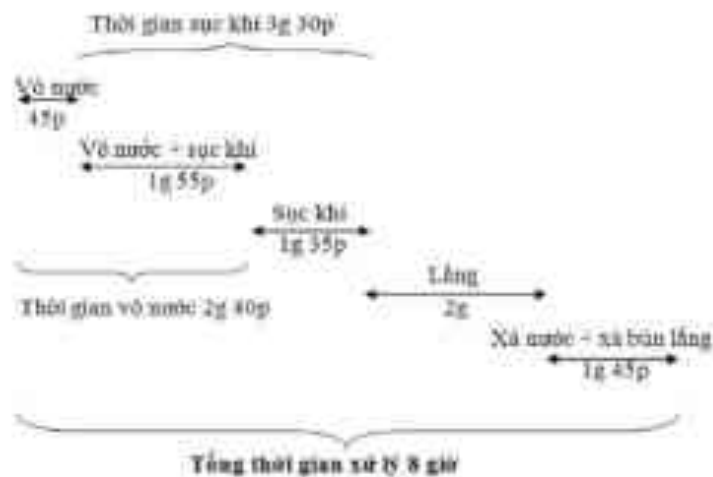
Sau đó đổ vào bể zíc zắc TK-302 tại đây nước thải được khử trùng bằng Clo lỏng. Cuối cùng tràn qua bể TK - 303 rồi đưa ra ngoài môi trường qua tuyến cống riêng đi ngầm bằng vật liệu PVC Ø400, dài 150m theo cơ chế tự chảy đến vị trí Điểm xả 1 với miệng cống xả nước thải được thi công nhô cao hơn mặt thoáng thoát nước của mương hồ (thoát nước chung của Khu) khoảng 0,3m.

Nước đầu ra từ bể TK-302 sẽ được lấy mẫu về bộ đo quan trắc tự động các chỉ tiêu: Nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amino, Lưu lượng đầu vào, Lưu lượng đầu ra. Các dữ liệu quan trắc này đã được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh. Chi tiết chu trình hoạt động của 3 bể vi sinh như sau:

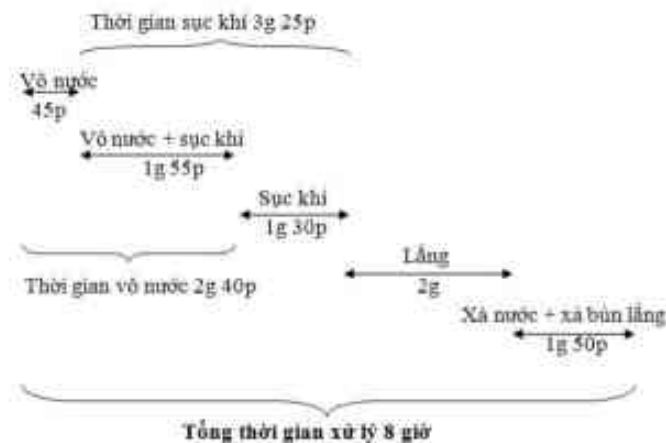
Đối với 03 bể: hoạt động theo thứ tự khi bể SBR 201A hoàn tất giai đoạn xả nước thải và xả bùn lắng thì sẽ bắt đầu lại giai đoạn đưa nước vào; khi bể SBR 201A kết thúc giai đoạn đưa nước vào thì bể SBR 201B đồng thời kết thúc giai đoạn xả nước thải và xả bùn lắng để bắt đầu giai đoạn đưa nước vào; khi bể SBR 201B kết thúc giai đoạn đưa nước vào thì bể SBR 201C đồng thời kết thúc giai đoạn xả nước thải và xả bùn lắng để bắt đầu giai đoạn đưa nước vào, khi bể SBR 201C kết thúc giai đoạn đưa nước vào thì bể SBR 201A đồng thời kết thúc giai đoạn xả nước thải và xả bùn lắng để bắt đầu giai đoạn đưa nước vào.

Đối với từng bể: hoạt động theo các giai đoạn Đưa nước vào nước → Sục khí → Lắng → Xả nước thải và xả bùn lắng với thời gian 8 tiếng/mẻ xử lý, 3 mẻ xử lý/ngày. Thời gian hoạt động của các giai đoạn như sau:

Bể 201 A/B:



Bể 201 C:



Nước đầu ra từ cả 2 giai đoạn sau khi tới bể TK-302 sẽ được lấy mẫu về bộ đo quan trắc tự động tại đây nước thải sau xử lý được đo nhanh các chỉ tiêu như SS, pH, COD, lưu lượng xả tổng nhằm kiểm soát chất lượng nước đầu ra cũng như lưu lượng nước xử lý. Với quy mô hiện hữu, các kết quả quan trắc online, phân tích giám sát nội bộ và quan trắc định kỳ do đơn vị có chức năng thực hiện cho thấy Trạm XLNT vẫn luôn đảm bảo xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($K_q = 0,9$ và $K_f = 1,0$).

Hiện tại, KCN trong KCX Linh Trung II đang vận hành trạm XLNTTT với công suất $5.000 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ và đang hoạt động khá hiệu quả. Lượng nước thải trong năm 2023 đang tiếp nhận tại trạm XLNTTT của KCX là $2.745 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Lượng nước thải phát sinh từ Nhà máy khoảng $25,3 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ nên trạm XLNTTT của KCX hoàn toàn có thể tiếp nhận và xử lý tốt lượng nước thải phát sinh từ nhà máy đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($k_q=0,9$; $k_f=1$) để xả thải ra rạch Cùg.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

Cơ sở “Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo” được thực hiện tại Lô 15, 17, 19 và 21, đường số 3, KCN trong KCX Linh Trung II, phường Bình Chiểu, TP. Thủ Đức, TP.HCM với tổng diện tích khuôn viên là 20.675,83 m².

Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo đã thuê đất từ của Công ty Liên Doanh Khai thác và Kinh doanh Khu chế xuất Sài Gòn – Linh Trung (Sepzone – Linh Trung) theo hợp đồng thuê đất số 53/TT-01 ngày 03/12/2001 để hoạt động của cơ sở.

Cơ sở đã được Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9971043571, chứng nhận lần đầu ngày 16/11/2001, chứng nhận thay đổi lần thứ bảy ngày 27/04/2021.

Cơ sở “Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo” đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức cấp Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 209/UBND-TNMT ngày 12/01/2022 của Dự án “Nâng công suất Nhà máy sản xuất bao bì giấy nhôm từ 10.340 tấn sản phẩm/năm lên 23.220 tấn sản phẩm/năm” tại Lô 15, 17, 19 và 21, KCN trong KCX Linh Trung II, phường Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức, TP.HCM.

Vị trí tiếp giáp của cơ sở như sau:

- Hướng Đông : Giáp Công ty TNHH 99 Vina.
- Hướng Tây : Giáp Công ty TNHH Freetrend Industrial A (Việt Nam).
- Hướng Bắc : Giáp Công ty TNHH Sản xuất Bao bì Packamex Việt Nam.
- Hướng Nam : Giáp Công ty TNHH Freetrend Industrial A (Việt Nam).

Tọa độ ranh giới khu vực cơ sở được thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 2. 1. Tọa độ ranh giới khu vực của cơ sở

MỐC	Tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực TP.HCM: 105 ⁰ 45', múi chiều 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
1	1204428.459	605816.169
2	1204343.468	605950.981
3	1204270.193	605905.964
4	1204356.105	605770.845
1	1204428.459	605816.169



Hình 2. 1. Vị trí cơ sở trên Google Map

Cơ sở nằm trong KCN trong KCX Linh Trung II đã được quy hoạch cụ thể thành các phân khu chức năng riêng biệt, không có nhà dân, cây trồng hay vật nuôi. Xung quanh Nhà máy chỉ có các nhà máy sản xuất khác trong KCN trong KCX Linh Trung II nên hoạt động sản xuất của cơ sở chỉ ảnh hưởng tác động qua lại giữa cơ sở tới các nhà máy lân cận. Ngoài ra, Nhà máy còn cách các công trình khác như:

- Hướng Tây Bắc: cách Công ty TNHH 99 Vina khoảng 30m;
- Hướng Nam : cách Công ty TNHH Did Electronics Việt Nam khoảng 450m;
- Hướng Đông : cách Công ty TNHH May mặc Kim Hồng khoảng 500m;
- Hướng Bắc : cách Ngân hàng BIDV – KCX Linh Trung II khoảng 10m.

Cơ sở nằm trong KCN trong KCX Linh Trung II, trong vòng bán kính 1 km, xung quanh Nhà máy không có các công trình trường học, bệnh viện, trung tâm y tế và không có cảnh quan thiên nhiên như hệ thống núi đồi, khu bảo tồn thiên nhiên.

Hiện trạng khu đất Cơ sở: Khu đất Nhà máy hiện là nhà xưởng đã được xây dựng hoàn chỉnh (được trang bị đầy đủ đầu nối điện, hệ thống cấp thoát nước mưa, nước thải, PCCC tự động).

❖ Đánh giá sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện của cơ sở:

Trên cơ sở phân tích các điều kiện hiện trạng hạ tầng KCN trong KCX Linh Trung II cùng với các chế độ ưu đãi thu hút đầu tư, có thể rút ra một số kết luận cụ thể như sau:

- Vị trí cơ sở hoàn toàn phù hợp với loại hình sản xuất của cơ sở.
- Khi Nhà máy hoạt động, có thể có những ảnh hưởng như sau:

+ Làm gia tăng nhu cầu cấp nước của hệ thống cấp nước KCN trong KCX Linh Trung II.

+ Làm tăng lượng nước thải về Nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN trong KCX Linh Trung II.

+ Làm gia tăng mật độ giao thông trong khu vực.

Hoạt động sản xuất của cơ sở (Ngành sản xuất bao bì) là hoàn toàn phù hợp với ngành nghề đăng ký hoạt động thu hút đầu tư của KCN trong KCX Linh Trung II do đó sẽ phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh. KCX đã xây dựng cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh.

2. Sự phù hợp của Cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:

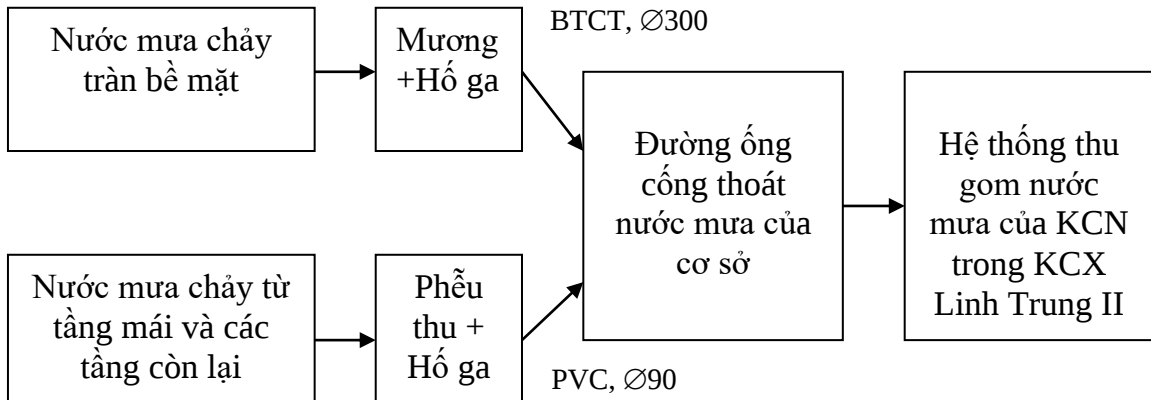
Khả năng chịu tải của môi trường do cơ quan nhà nước khảo sát, đo đạc, tính toán và công bố. Hiện cơ sở thứ cấp đầu nối nước thải vào KCN trong KCX Linh Trung II nên Báo cáo không đề cập phần này. Ngoài ra, nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý của cơ sở là hồ ga đầu nối về hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung của KCN trong KCX Linh Trung II (không phải là nguồn nước sông hồ). Do đó, Báo cáo không đánh giá theo Thông tư 76/2017/TT-BTNMT về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

1.1 Thu gom, thoát nước mưa:



Hình 3. 1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa tại cơ sở

Hệ thống thu gom nước mưa và hệ thống thu gom nước thải được xây dựng riêng biệt.

– Hệ thống thoát nước mưa của Cơ sở được xây dựng căn cứ theo quy hoạch thoát nước chung, nước mưa sau khi thu gom được thoát ra hệ thống thoát nước của Khu công nghiệp trong Khu chế xuất Linh Trung II. Nước mưa tại Nhà máy được thu gom như sau:

+ Thoát nước mưa trên mái: lắp đặt các ống xối nhựa PVC có đường kính Ø90 nối từ máng xối xuống các hố ga trên mặt đất.

+ Thoát nước mưa chảy tràn trên mặt đất: Hệ thống thoát nước mưa tại Nhà máy đã được xây dựng hoàn chỉnh trước khi thuê xưởng. Dọc theo tuyến thoát nước mưa có các hố ga và có lưới chắn rác tại mỗi hố ga để thu gom rác có kích thước lớn và lắng cặn. Nước mưa tại Nhà máy được thu gom theo đường cống BTCT Ø300 và đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của KCN trong KCX Linh Trung II nằm trên đường số 3.

Điểm đầu nối nước mưa của cơ sở với KCN trong Khu chế xuất Linh Trung II:

+ Số lượng hố ga nước mưa: 02 hố ga, (kích thước hố ga NTY-NM-1: D x R x C = 0,8 x 0,8 x 0,7m; kích thước hố ga NTY-NM-2: D x R x C = 1 x 0,95 x 0,7m).

+ Tọa độ hố ga nước mưa: 02 điểm là NTY-NM-1 (đường số 3), tọa độ (X(m) = 1204516, Y(m) = 688055), NTY-NM-2 (đường số 3), tọa độ (X(m) = 1204510, Y(m) = 688041).

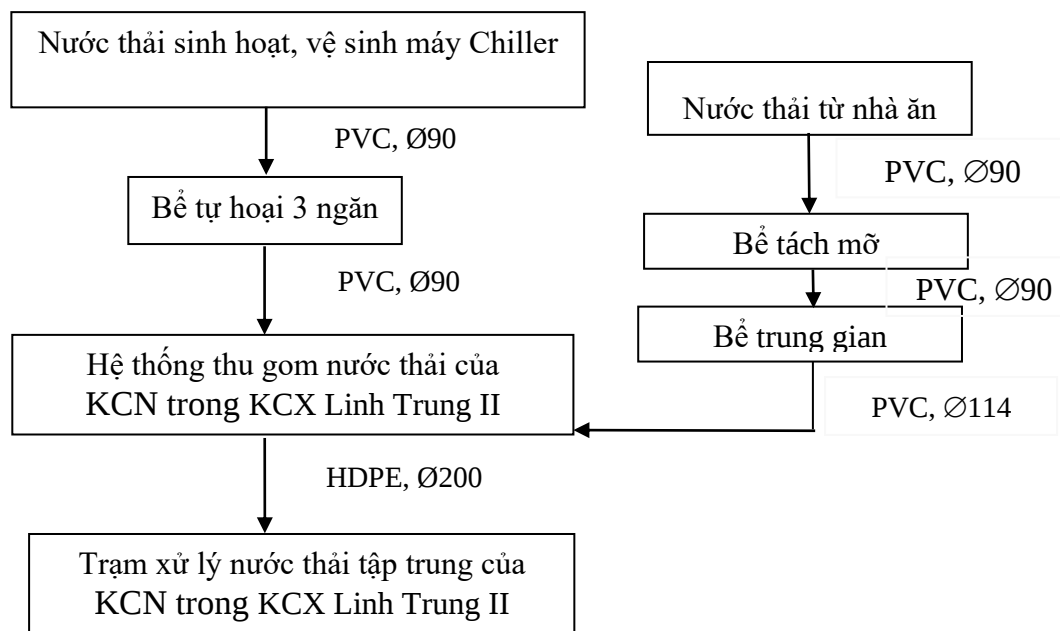
(Biên bản xác nhận đầu nối thoát nước số 405/CV.LT.2023 ngày 27/12/2023 của Công ty TNHH Sepzone – Linh Trung (Việt Nam)).



Hình 3. 2. Hồ ga đấu nối nước mưa tại Nhà máy

1.2 Thu gom, thoát nước thải

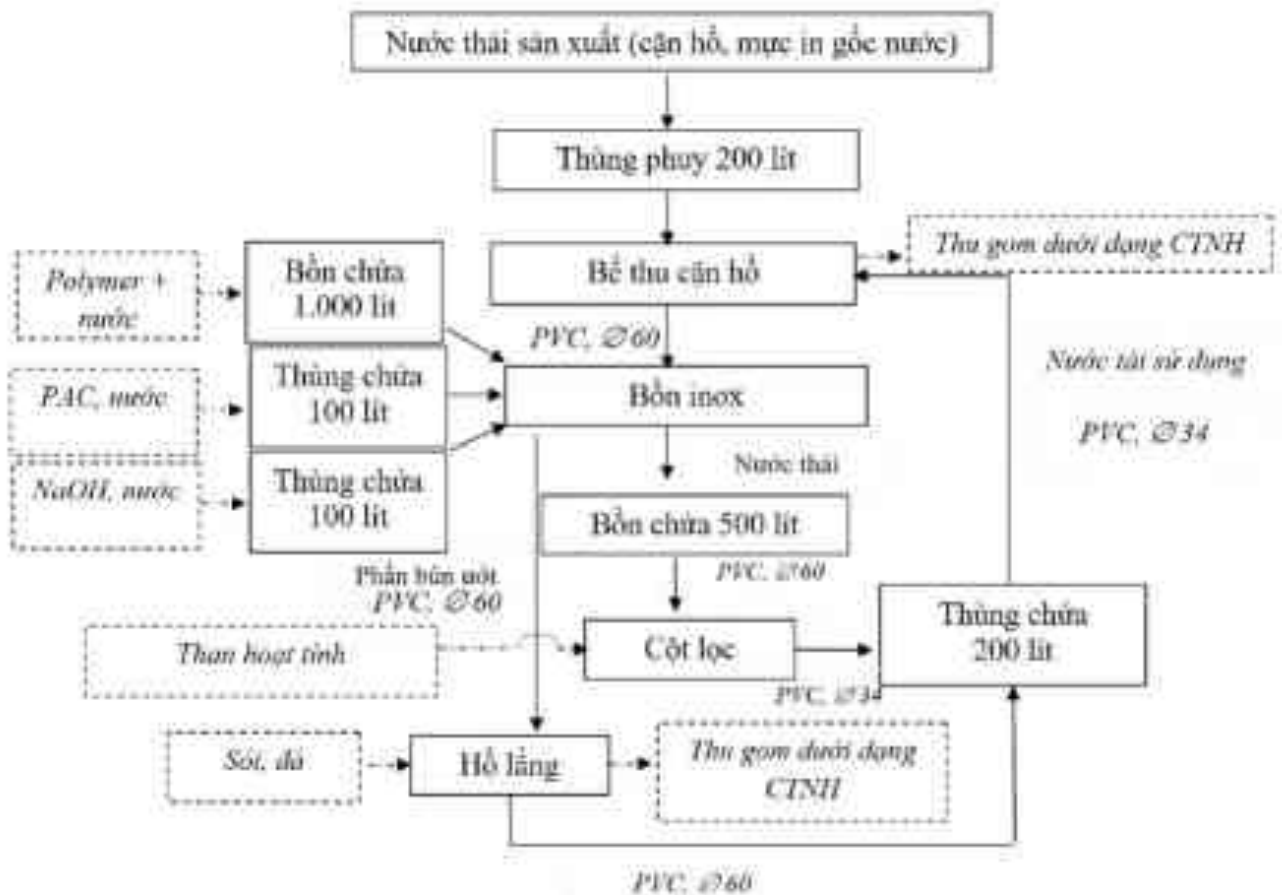
Sơ đồ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở được trình bày trong hình sau:



Hình 3. 3. Sơ đồ minh họa mạng lưới thu gom, thoát nước thải sinh hoạt của cơ sở

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân, vệ sinh máy Chiller được thu gom bằng đường ống uPVC có đường kính Ø90 có tổng chiều dài đường ống là 300m cùng với nước thải từ nhà ăn sau khi qua bể tách mỡ, bể trung gian, sau đó, theo các công thoát nước dọc theo nhà xưởng về Hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy để xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN trong KCX Linh Trung II, nước thải sau xử lý theo công BTCT với 02 điểm đấu nối hệ thống thoát nước thải của KCN trong KCX Linh Trung II tại đường số 3 gần cổng số 1 và gần cổng số 3 của Nhà máy.

Sơ đồ thu gom và xử lý nước thải sản xuất phát sinh tại cơ sở được trình bày trong hình sau:



Hình 3. 4. Sơ đồ minh họa mạng lưới thu gom, thoát nước thải sản xuất của cơ sở

Đối với nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình vệ sinh thiết bị công đoạn pha hồ (dạng lỏng), mực in gốc nước sẽ được thu gom vào các thùng phuy 200 lít. Sau đó, công nhân vận chuyển thùng phuy 200 lít về khu vực xử lý nước thải. Tại đây, công nhân sẽ đưa lượng cặn hồ, cặn mực in thải gốc nước vào bể thu cặn hồ. Đồng thời sẽ châm thêm Polymer và nước vào bồn chứa 1.000 lít, PAC và nước, NaOH và nước đã được pha trộn sẵn chứa trong thùng 100 lít để dẫn lên bồn inox nhằm tạo ra phản ứng keo tụ chuyển thể chất thải thành dạng rắn. Tại đây, phần nước sạch sẽ dẫn qua vào bồn chứa 500 lít rồi qua cột lọc (có sử dụng than hoạt tính), nước sau xử lý sau đó sẽ dẫn về thùng chứa 200 lít. Phần cặn bùn ướt sẽ tiếp tục dẫn qua hồ lắng. Công nhân sẽ bỏ thêm sỏi, đá để giúp quá trình xử lý cặn hồ, mực in thải hệ nước loại bỏ các thành phần lơ lửng ra khỏi bùn ướt, xử lý các tạp chất có kích thước nhỏ tạo thành dạng bùn thải và chuyển giao cho đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định. Trường hợp bể lắng 1 đầy thì sẽ có bể lắng 2 dự phòng để xử lý trong thời gian chờ đơn vị thu gom. Phần nước sạch sau đó (cùng với nước từ cột lọc) sẽ đưa ra thùng chứa khoảng 200 lít và bơm dẫn về bể thu cặn hồ để tái sử dụng. Định kỳ 1 tháng/lần lượng chất thải này dưới dạng bùn sẽ được chuyển giao cho đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với cặn mực in gốc dung môi sẽ được thu gom vào thùng phuy 200 lít. Sau đó, chuyển giao cho đơn vị thu gom dưới dạng CTNH.

Đối với cặn hồ dưới dạng bùn đặc sẽ được thu gom vào thùng phuy 200 lít. Sau đó, chuyển giao cho đơn vị thu gom dưới dạng chất thải công nghiệp thông thường.

1.2.1. Công trình thu gom nước thải:

Nguồn phát sinh: Theo hoạt động thực tế tại Nhà máy nguồn phát sinh nước thải bao gồm nước thải sinh hoạt của công nhân viên, nhà ăn, vệ sinh máy Chiller, nước thải sản xuất từ hoạt động pha hồ.

Công trình thu gom:

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh, nhà ăn và lau sàn khu vực văn phòng được thu gom và xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn.

Bảng 3. 1. Tổng hợp thông số kỹ thuật các bể tự hoại, bể tách mỡ

STT	Hạng mục công trình	Vật liệu	Số lượng	Kích thước (Dài x Rộng x Cao) m	Vị trí
1	Bể tự hoại A2	BTCT	1	2mx1,4mx1,5m	Đặt ngầm khu vực nhà vệ sinh nam gần khu vực P. Trưởng phòng
2	Bể tự hoại A3	BTCT	1	2mx1,4mx1,5m	Đặt ngầm khu vực nhà vệ sinh nữ gần khu vực tiếp khách
3	Bể tự hoại A4	BTCT	1	2mx1,4mx1,5m	Đặt ngầm khu vực nhà vệ sinh nam nữ gần khu vực lưu trữ
4	Bể tự hoại A6	BTCT	1	2mx1,4mx1,5m	Đặt ngầm khu vực nhà vệ sinh nam nữ gần phòng y tế
5	Bể tự hoại B1	BTCT	1	2mx1,4mx1,5m	Đặt ngầm khu vực cống số 1 bảo vệ
6	Bể tự hoại B2	BTCT	1	2mx1,4mx1,5m	Đặt ngầm khu vực cống số 3 bảo vệ
7	Bể tự hoại B3	BTCT	1	2mx1,4mx1,5m	Đặt ngầm khu vực nhà xe tải nhỏ
8	Bể tự hoại C1	BTCT	1	2mx1,4mx1,5m	Đặt ngầm khu vực nhà vệ sinh gần kho hóa chất
9	Bể tự hoại C2	BTCT	1	2mx1,4mx1,5m	Đặt ngầm khu vực ép rác phế liệu
10	Bể tự hoại C3	BTCT	1	2mx1,4mx1,5m	Đặt ngầm khu vực nhà ăn
11	Bể tự hoại C4	BTCT	1	2mx1,4mx1,5m	Đặt ngầm khu vực nhà vệ sinh gần khu vực kho
12	Bể tách mỡ	BTCT	1	0,9mx0,9mx0,9m	Đặt gần khu vực nhà ăn
13	Bể trung gian	BTCT	1	0,8mx0,8mx0,8m	Đặt gần khu vực nhà ăn

(Nguồn: Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo, 2024)

Đối với cặn mực in gốc dung môi sẽ được thu gom vào thùng phuy 200 lít. Sau đó, chuyển giao cho đơn vị thu gom dưới dạng CTNH.

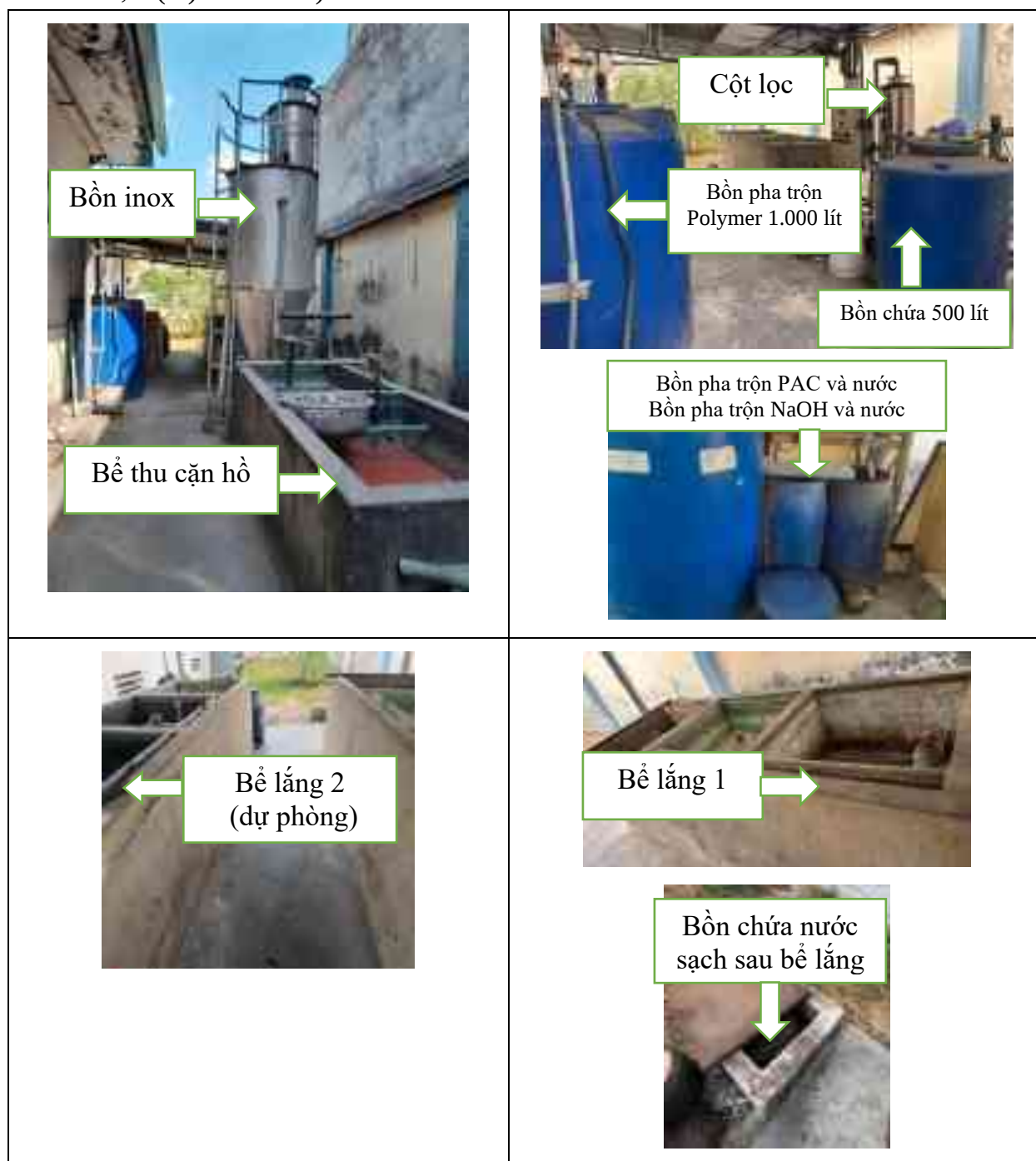
Đối với cặn hồ dưới dạng bùn đặc sẽ được thu gom vào thùng phuy 200 lít. Sau đó, chuyển giao cho đơn vị thu gom dưới dạng chất thải công nghiệp thông thường.

Điểm đầu nối nước thải của cơ sở với KCN trong Khu chế xuất Linh Trung II:

+ Số lượng hồ ga nước thải: 02 hồ ga, (kích thước: D x R x C = 1m x 1m x 2m).

+ Điểm đầu nối 1: 01 điểm là NTY-NT-1 trên đường số 3 cống số 1, tọa độ (X(m) = 1204414, Y(m) = 687986).

+ Điểm đầu nối 2: 01 điểm là NTY-NT-2 trên đường số 3 cống số 3, tọa độ (X(m) = 1204500, Y(m) = 688038).



Hình 3. 5. Hình ảnh bể thu gom, xử lý cặn hồ, mực in gốc nước tại Cơ sở

1.2.2. Công trình thoát nước thải:

Toàn bộ nước thải sinh hoạt từ quá trình sinh hoạt của công nhân, vệ sinh máy Chiller của nhà máy sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn, nhà ăn sau khi qua bể tách mỡ, bể trung gian tại Nhà máy đạt tiêu chuẩn đầu nối của KCN trong KCX Linh Trung II theo đường ống HDPE có đường kính Ø200 dẫn tập trung về 02 hố ga ở góc đường số 3 gần cổng số 1 (tọa độ X(m) = 1204414; Y(m) = 687986) và gần cổng số 3 (tọa độ X(m) = 1204500; Y(m) = 688038), nước thải sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCX để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN trong KCX Linh Trung II xử lý trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận.

Công ty TNHH Bao bì giấy nhôm New Toyo đã được Công ty TNHH Sepzone – Linh Trung (Việt Nam) xác nhận đầu nối thoát nước số 405/CV.LT.2023 ngày 27/12/2023 và Hợp đồng cung cấp dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải số 50A/HĐLT.2022 ngày 01/01/2022.

1.2.3. Điểm xả nước thải sau xử lý:

Nước thải sinh hoạt của nhà máy được xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn đầu nối của KCN trong KCX Linh Trung II sau đó theo đường ống HDPE có đường kính Ø200 chảy vào 02 hố ga ở góc đường số 3 gần cổng số 1 (tọa độ X(m) = 1204414; Y(m) = 687986) và gần cổng số 3 (tọa độ X(m) = 1204500; Y(m) = 688038). Nước thải sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCX để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN trong KCX Linh Trung II xử lý trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận.

Vị trí xả nước thải: đầu nối hoàn chỉnh vào hố ga thoát nước thải ở góc đường số 3 gần cổng số 1 và gần cổng số 3. Số lượng hố ga đầu nối: 02.

Điểm đầu nối nước thải của cơ sở với KCN trong Khu chế xuất Linh Trung II:

+ Số lượng hố ga nước thải: 02 hố ga, (kích thước: D(m) x R(m) x C(m) = 1m x 1m x 2m).

+Điểm đầu nối 1: 01 điểm là NTY-NT-1 trên đường số 3 cổng số 1, tọa độ (X(m) = 1204414, Y(m) = 687986).

+Điểm đầu nối 2: 01 điểm là NTY-NT-2 trên đường số 3 cổng số 3, tọa độ (X(m) = 1204500, Y(m) = 688038).

(Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực TP.HCM 105⁰45', múi chiều 3⁰)



Vị trí hố ga xả nước thải trên đường số 3
công số 1



Vị trí hố ga xả nước thải trên đường số 3
công số 3



Vị trí bể trung gian sau bể tách mỡ của nước
thải nhà ăn



Vị trí bể tách mỡ nước thải nhà ăn

Hình 3. 6. Vị trí hố ga xả nước thải, bể tách mỡ, bể trung gian của nhà máy

1.3 Xử lý nước thải:

a) Nước thải sinh hoạt:

Tổng lượng nước thải sinh hoạt, nước thải từ quá trình sinh hoạt của công nhân, nhà ăn, vệ sinh máy Chiller tại nhà máy khoảng $25,3 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (Chi tiết theo tính toán tại bảng 1.6).

Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo đã xây dựng 11 bể tự hoại với kích thước, 01 bể tách mỡ và 01 bể trung gian nước thải nhà ăn như sau:

+ Bể tự hoại A2: đặt ngầm khu vực nhà vệ sinh nam gần khu vực P. Trưởng phòng, $V = 4,2 \text{ m}^3$ ($D=2\text{m}$; $R = 1,4\text{m}$; $C = 1,5\text{m}$), vật liệu: BTCT.

+ Bể tự hoại A3: đặt ngầm khu vực nhà vệ sinh nữ gần khu vực tiếp khách, $V = 4,2 \text{ m}^3$ ($D=2\text{m}$; $R = 1,4\text{m}$; $C = 1,5\text{m}$), vật liệu: BTCT.

+ Bể tự hoại A4: đặt ngầm khu vực nhà vệ sinh nam nữ gần khu vực lưu trữ, $V = 4,2 \text{ m}^3$ ($D=2\text{m}$; $R = 1,4\text{m}$; $C = 1,5\text{m}$), vật liệu: BTCT.

+ Bể tự hoại A6: đặt ngầm khu vực nhà vệ sinh nam nữ gần phòng y tế, $V = 4,2 \text{ m}^3$ ($D=2\text{m}$; $R = 1,4\text{m}$; $C = 1,5\text{m}$), vật liệu: BTCT.

+ Bể tự hoại B1: đặt ngầm khu vực công số 1 bảo vệ, $V = 4,2 \text{ m}^3$ ($D=2\text{m}$; $R = 1,4\text{m}$; $C = 1,5\text{m}$), vật liệu: BTCT.

+ Bể tự hoại B2: đặt ngầm khu vực công số 3 bảo vệ, $V = 4,2 \text{ m}^3$ ($D=2\text{m}$; $R = 1,4\text{m}$; $C = 1,5\text{m}$), vật liệu: BTCT.

+ Bể tự hoại B3: đặt ngầm khu vực nhà xe tải nhỏ, $V = 4,2 \text{ m}^3$ ($D=2\text{m}$; $R = 1,4\text{m}$; $C = 1,5\text{m}$), vật liệu: BTCT.

+ Bể tự hoại C1: đặt ngầm khu vực nhà vệ sinh gần kho hóa chất, $V = 4,2 \text{ m}^3$ ($D=2\text{m}$; $R = 1,4\text{m}$; $C = 1,5\text{m}$), vật liệu: BTCT.

+ Bể tự hoại C2: đặt ngầm khu vực nhà vệ sinh gần khu vực ép rác, $V = 4,2 \text{ m}^3$ ($D=2\text{m}$; $R = 1,4\text{m}$; $C = 1,5\text{m}$), vật liệu: BTCT.

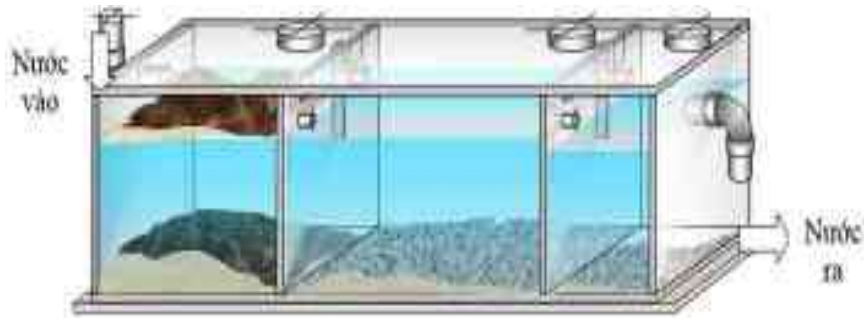
+ Bể tự hoại C3: đặt ngầm khu vực nhà ăn, $V = 4,2 \text{ m}^3$ ($D=2\text{m}$; $R = 1,4\text{m}$; $C = 1,5\text{m}$), vật liệu: BTCT.

+ Bể tự hoại C4: đặt ngầm khu vực nhà vệ sinh gần khu vực kho, $V = 4,2 \text{ m}^3$ ($D=2\text{m}$; $R = 1,4\text{m}$; $C = 1,5\text{m}$), vật liệu: BTCT.

+ Bể tách mỡ: đặt gần khu vực nhà ăn, $V = 0,73 \text{ m}^3$ ($D= 0,9\text{m}$; $R = 0,9\text{m}$; $C = 0,9\text{m}$), vật liệu: BTCT.

+ Bể trung gian sau bể tách mỡ: đặt gần khu vực nhà ăn, $V = 0,5 \text{ m}^3$ ($D= 0,8\text{m}$; $R = 0,8\text{m}$; $C = 0,8\text{m}$), vật liệu: BTCT.

Mô hình bể tự hoại được thể hiện trong hình dưới:



Hình 3. 7. Mô hình bể tự hoại 03 ngăn

Thuyết minh quy trình:

Nước thải từ bồn cầu được xử lý bằng bể tự hoại. Bể tự hoại là công trình đồng thời làm hai chức năng: lắng và phân hủy cặn lắng. Cặn lắng giữ trong bể từ 3 – 6 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất hòa tan. Nước thải lắng trong bể với thời gian dài bảo đảm hiệu suất lắng cao.

Bể tự hoại là một bể trên mặt có hình chữ nhật, với thời gian lưu nước 3 – 6 ngày, 90% - 92% các chất lơ lửng lắng xuống đáy bể, qua một thời gian cặn sẽ phân hủy kỵ khí trong ngăn lắng, sau đó nước thải qua ngăn lọc và thoát ra ngoài qua ống dẫn. Trong ngăn lọc có chứa vật liệu lọc là đá 4 x 6 phía dưới, phía trên là đá 1 x 2.

Trong mỗi bể đều có lỗ thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và tác dụng thứ hai của ống này là dùng để thông các ống đầu vào và ống đầu ra khi bị nghẹt.

Bùn từ bể tự hoại được chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có chức năng để hút và vận chuyển đi nơi khác xử lý.

Nước thải từ nhà ăn sau khi qua bể tách mỡ, bể trung gian cùng với nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại sẽ theo đường ống PVC Ø114, HDPE Ø200 dẫn về hố thu gom nước thải ở góc đường số 3 gần cổng số 1 và gần cổng số 3 của KCN trong KCX để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN trong KCX Linh Trung II xử lý trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận.

- *Yêu cầu về tiêu chuẩn áp dụng đối với nước sau xử lý*

Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN trong Khu chế xuất Linh Trung II trước khi đầu nối về Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN trong Khu chế xuất Linh Trung II.

b) Nước thải sản xuất:

+ Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình vệ sinh thiết bị công đoạn pha hồ (dạng lỏng), mực in gốc nước sẽ được thu gom vào các thùng phuy 200 lít. Sau đó, công nhân vận chuyển thùng phuy 200 lít về khu vực xử lý nước thải. Tại đây, công nhân sẽ đưa lượng cặn hồ, cặn mực in thải gốc nước vào bể thu cặn hồ. Đồng thời sẽ châm thêm Polymer và nước vào bồn chứa 1.000 lít, PAC và nước, NaOH và nước đã được pha trộn

sẵn chứa trong thùng 100 lít để dẫn lên bồn inox nhằm tạo ra phản ứng keo tụ chuyển thể chất thải thành dạng rắn. Tại đây, phần nước sạch sẽ dẫn qua vào bồn chứa 500 lít rồi qua cột lọc (có sử dụng than hoạt tính), nước sau xử lý sau đó sẽ dẫn về thùng chứa 200 lít. Phần cặn bùn ướt sẽ tiếp tục dẫn qua hồ lắng. Công nhân sẽ bỏ thêm sỏi, đá để giúp quá trình xử lý cặn hồ, mực in thải hệ nước loại bỏ các thành phần lơ lửng ra khỏi bùn ướt, xử lý các tạp chất có kích thước nhỏ tạo thành dạng bùn thải và chuyển giao cho đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định. Trường hợp bể lắng 1 đầy thì sẽ có bể lắng 2 dự phòng để xử lý trong thời gian chờ đơn vị thu gom. Phần nước sạch sau đó (cùng với nước từ cột lọc) sẽ đưa ra thùng chứa khoảng 200 lít và bơm dẫn về bể thu cặn hồ để tái sử dụng. Định kỳ 1 tháng/lần lượng chất thải này dưới dạng bùn sẽ được chuyển giao cho đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

+ Nước thải từ cặn mực in gốc dung môi sẽ được thu gom vào thùng phuy 200 lít. Sau đó, chuyển giao cho đơn vị thu gom dưới dạng CTNH.

+ Đối với cặn hồ dưới dạng bùn đặc sẽ được thu gom vào thùng phuy 200 lít. Sau đó, chuyển giao cho đơn vị thu gom dưới dạng chất thải công nghiệp thông thường.

Thông số kỹ thuật cơ bản:

Bảng 3. 2. Danh mục thông số kỹ thuật của bể xử lý nước thải

TT	Hạng mục	Số lượng (bể)	Kích thước DxRxH (m)	Vật liệu	Thời gian lưu
1	Bể thu cặn hồ (được ngăn thành 2 bể nhỏ)	1 bể	2,76x0,84x0,8	BTCT	7 – 10 ngày
2	Hồ lắng 1 (được ngăn thành 3 hồ nhỏ)	1 bể	2,55x0,85x0,95	BTCT	7 – 10 ngày
3	Hồ lắng 2 (dự phòng) (được ngăn thành 3 hồ nhỏ)	1 bể	2,55x0,85x0,95	BTCT	7 – 10 ngày

Danh mục máy móc, thiết bị sử dụng cho HTXLNT tại Nhà máy:

Bảng 3. 3. Danh mục máy móc, thiết bị của HTXLNT

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Tính chất, công suất	Số lượng (cái)
1	Thùng nhựa	- Thể tích: 200 lít - Vật liệu: Nhựa	01
2	Máy bơm	- Công suất: 0,5 HP	01
3	Máy bơm	- Công suất: 2 HP	04
4	Cột lọc	- Thể tích: 200 lít - Vật liệu: Nhựa	01
5	Bồn nhựa	- Thể tích: 1.000 lít - Vật liệu: Nhựa	01
6	Bồn nhựa	- Thể tích: 500 lít - Vật liệu: Nhựa	01
7	Thùng nhựa	- Thể tích: 100 lít - Vật liệu: Nhựa	02
8	Bồn inox	- Thể tích: 2.000 lít - Vật liệu: Inox	01

(Nguồn: Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo, 2024)

- *Điện năng, hóa chất sử dụng*
- Điện năng tiêu thụ được ước tính khoảng: 1.343 Kwh/tháng.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng được thể hiện cụ thể trong bảng sau:

Bảng 3. 4. Hóa chất, vật liệu sử dụng của HTXLNT

STT	Hóa chất sử dụng	Lượng sử dụng (kg/năm)
1	NaOH	125
2	PAC	150
3	Polymer	5
4	Sỏi	500
5	Đá	500
6	Cát	500
7	Than hoạt tính	15
Tổng cộng		1.795

(Nguồn: Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo, 2023)

Do đó, Cơ sở không phát sinh nước thải sản xuất thải ra ngoài môi trường.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

2.1. Đối với bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào cơ sở

Để giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh do hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm, hoạt động sử dụng xe máy, xe ô tô của công nhân viên làm việc tại Nhà máy, Chủ cơ sở đang áp dụng các biện pháp sau:

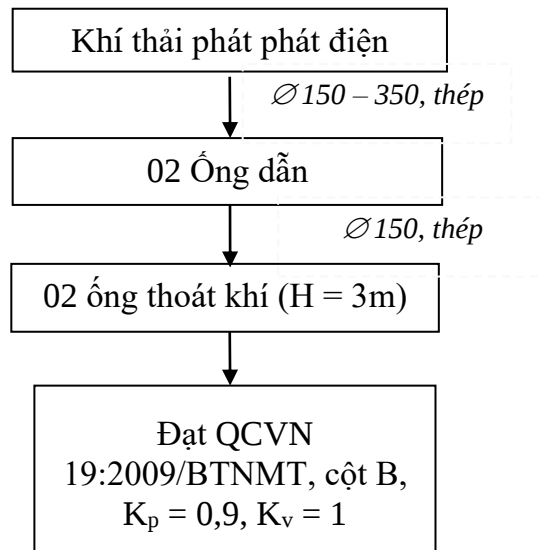
- Đối với xe của nhà máy, lái xe phải được học đầy đủ các luật về giao thông và các quy định về vận chuyển. Lái xe sẽ được giao trách nhiệm chăm sóc và quản lý xe cụ thể.
- Tắt máy xe trong khi chờ và bốc dỡ hàng hóa.
- Khi ký hợp đồng vận chuyển yêu cầu các chủ xe phải đảm bảo về tình trạng kỹ thuật của xe, trình độ lái xe, chấp hành các quy định về môi trường cũng như các quy định khác về vận chuyển hàng hóa và giao thông.
- Thường xuyên dọn dẹp khuôn viên nhà máy sạch sẽ, tránh hiện tượng tồn đọng quá nhiều rác, đất sẽ gây phát tán bụi khi có phương tiện vận chuyển đi qua.
- Xe của nhà máy được kiểm tra kỹ thuật định kỳ, bảo dưỡng đúng kỹ thuật, đảm bảo các thông số khói thải của xe đạt yêu cầu quy định về môi trường. Xe chở đúng tải trọng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về giao thông như chằng, neo đảm bảo an toàn, thời gian lưu thông, phủ bạt chống bụi, không bóp còi nơi cần yên tĩnh.
- Các phương tiện vận chuyển khi đi vào khu vực Nhà máy phải đậu đúng vị trí, tắt máy xe và sau khi bốc dỡ máy móc thiết bị xong mới được nổ máy ra khỏi khu vực.

2.2. Phương án giảm thiểu ô nhiễm bụi, khí thải từ hoạt động máy phát điện dự phòng

Công ty sử dụng 01 máy phát điện dự phòng, công suất 1.040 kVA.

Khi máy phát điện hoạt động, tiếng ồn, khí thải phát sinh gây ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân cũng như ảnh hưởng đến các đơn vị sản xuất xung quanh. Mặc dù, Công ty sử dụng máy phát điện công suất lớn trong trường hợp lưới điện có sự cố, chủ đầu tư áp dụng các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí, tiếng ồn như sau:

- Cách ly khu vực máy phát điện dự phòng với các khu vực khác của nhà máy;
- Gắn bộ phận giảm thanh, lót đệm cao su ở chân để giảm bớt chấn động, độ rung khi hoạt động;
- Sử dụng bộ phận giảm thanh, tường cách âm đối với khu vực đặt máy phát điện.
- Ống khói có chiều cao ($H = 3,4 \text{ m}$) để phát tán khói thải từ máy phát điện.



Hình 3. 8. Khu vực để máy phát điện dự phòng



Hình 3. 9. Ống khói máy phát điện dự phòng và bộ phận cao su, giảm thanh

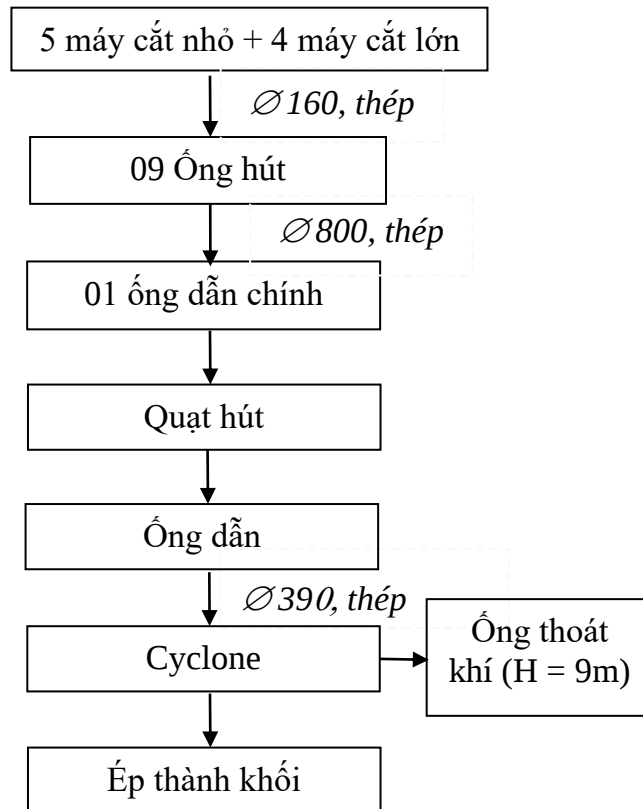
2.3. Phương án giảm thiểu ô nhiễm bụi từ hoạt động sản xuất

Theo quy trình sản xuất của Cơ sở thì tại công đoạn chia cuộn, cắt tấm, cắt xén,... sẽ phát sinh bụi. Dù số lượng không nhiều nhưng trong thiết kế công trình, chủ đầu tư bố trí công đoạn này trong khu vực có quạt hút để hút bụi rồi thoát ra bên ngoài môi trường để giảm thiểu tác động đến sức khỏe người lao động.

Tại công đoạn chia cuộn, chủ đầu tư cũng thiết kế một khu vực đủ điều kiện lao động, thông thoáng bằng quạt công nghiệp. Ngoài ra, Công ty có thiết kế sử dụng máy hút rìa giấy sau khi cắt với công suất 37 kW để giảm thiểu bụi phát sinh.

Chủ đầu tư trang bị thiết bị bao hộ lao động chuyên dụng cho từng công đoạn theo đúng quy định.

❖ **Quy trình xử lý rìa giấy từ quá trình sản xuất:**

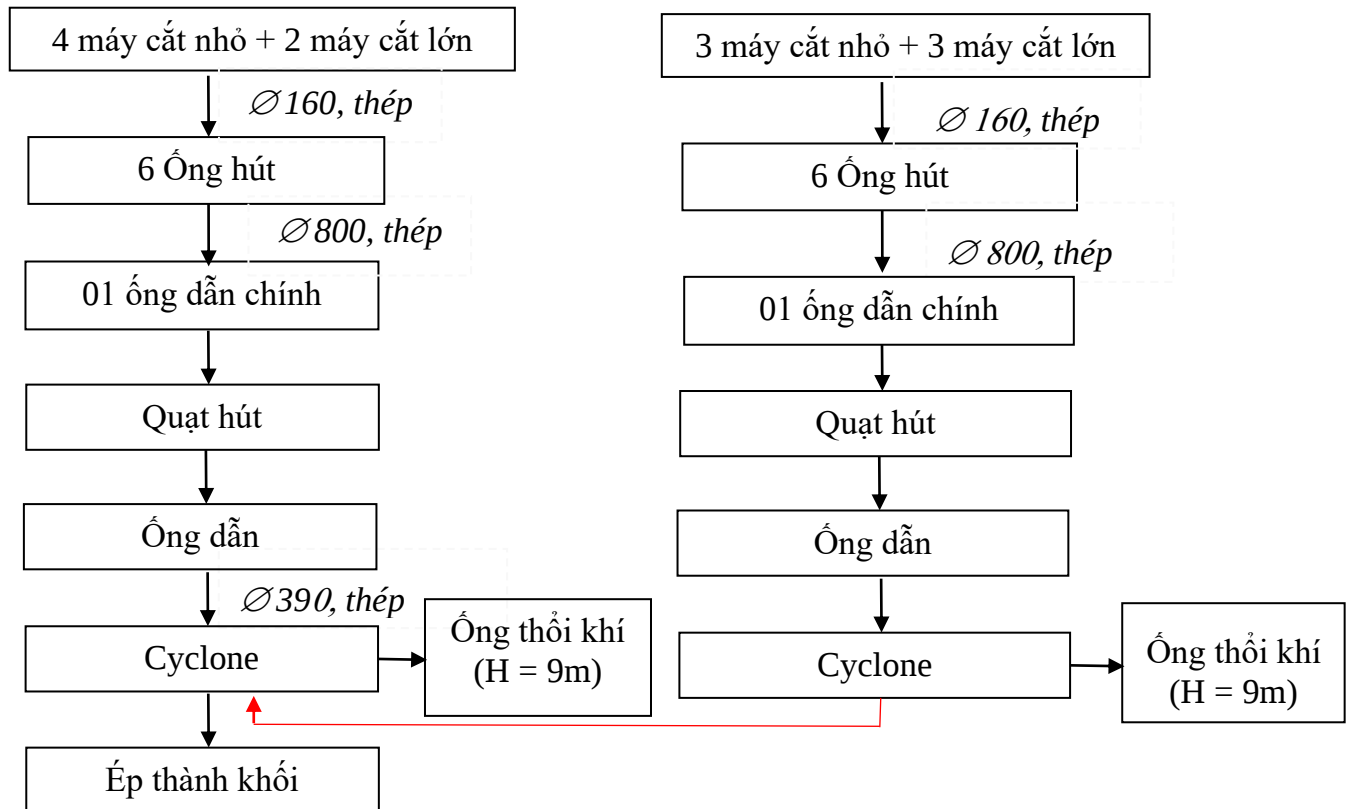


Hình 3. 10. Quy trình xử lý của máy hút rìa giấy hiện hữu

Thuyết minh quy trình:

Trong quá trình chia cuộn bán thành phẩm sẽ có một phần rìa giấy phát sinh. Sau đó, phần rìa này theo ống hút dẫn về ống chính rồi qua quạt hút dẫn vào Cyclone. Rìa giấy trong Cyclone sẽ chuyển động xoáy tròn lắng xuống đáy thiết bị, dưới tác dụng của lực ly tâm thì các rìa giấy sẽ va vào thành và được thu ở phần phía dưới. Sau đó sẽ qua máy ép thành các khối và chuyển giao cho đơn vị thu mua phế liệu để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của Pháp luật. Hơi khí sẽ thoát ra ngoài môi trường (H = 8m) so với mặt đất.

Tuy nhiên, trong tương lai nhà máy sẽ bổ sung thêm một số máy móc, thiết bị như máy cắt nhỏ, máy cắt lớn, đồng thời để giảm tải cho máy hút rìa giấy đang hoạt động. Do đó, Công ty đề xuất bổ sung thêm 01 máy hút rìa giấy để thu gom lượng chất thải phát sinh từ công đoạn chia cuộn.



Máy hút rìa giấy số 1

Máy hút rìa giấy số 2

Hình 3. 11. Quy trình xử lý của máy hút rìa giấy sau khi bổ sung

Thuyết minh quy trình:

Trong quá trình chia cuộn bán thành phẩm sẽ có một phần rìa giấy phát sinh. Sau đó, phần rìa này theo ống hút dẫn về ống chính rồi qua quạt hút dẫn vào Cyclone. Rìa giấy trong Cyclone sẽ chuyển động xoáy tròn lắng xuống đáy thiết bị, dưới tác dụng của lực ly tâm thì các rìa giấy sẽ va vào thành và được thu ở phễu phía dưới. Sau đó sẽ qua máy ép thành các khối và chuyển giao cho đơn vị thu mua phế liệu để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của Pháp luật. Hơi khí sẽ thoát ra ngoài môi trường (H = 8m) so với mặt đất.

Danh mục thông số kỹ thuật của 02 máy hút rìa giấy, cụ thể như sau:

Bảng 3. 5. Thông số kỹ thuật của máy hút rìa giấy hiện hữu

STT	Thiết bị, hạng mục	Tính chất, công suất	Số lượng
Máy hút rìa giấy số 1			
1	Ống thu gom	Vật liệu: Thép, D 160mm	09 cái
2	Ống dẫn	Vật liệu: Thép, D 160mm	09 cái
3	Hệ thống đỡ	Vật liệu: Thép CT3, H = 6m	01 cái
4	Cyclone	Vật liệu: Thép (Ø x H = 1.220m x 8m)	01 cái
5	Quạt hút	Lưu lượng: 30.000 m ³ /giờ Công suất: 40 HP	01 cái

6	Ống thổi khí	Vật liệu: Thép D x R = 500x500mm H= 8m tính từ mặt đất	01 cái
7	Máy ép	Vật liệu: Thép D x R x C = 1,5x1,1x1,0m	01 cái

Bảng 3. 6. Thông số kỹ thuật của máy hút rìa giấy số 2 sau khi bổ sung

STT	Thiết bị, hạng mục	Tính chất, công suất	Số lượng
A	Máy hút rìa giấy số 01 (hiện hữu)		
1	Ống thu gom	Vật liệu: Thép, D 160mm	06 cái
2	Ống dẫn	Vật liệu: Thép, D 160mm	06 cái
3	Hệ thống đỡ	Vật liệu: Thép CT3, H = 6m	01 cái
4	Cyclone	Vật liệu: Thép ($\varnothing$ x H = 1.220m x 8m)	01 cái
5	Quạt hút	Lưu lượng: 30.000 m ³ /giờ Công suất: 40 HP	01 cái
6	Ống thổi khí	Vật liệu: Thép D x R = 500x500mm H= 8m tính từ mặt đất	01 cái
7	Máy ép	Vật liệu: Thép D x R x C = 1,5x1,1x1,0m	01 cái
B	Máy hút rìa giấy số 02 (sau khi bổ sung)		
1	Ống thu gom	Vật liệu: Thép, D 160mm	06 cái
2	Ống dẫn	Vật liệu: Thép, D 160mm	06 cái
3	Hệ thống đỡ	Vật liệu: Thép CT3, H = 6m	01 cái
4	Cyclone	Vật liệu: Thép ($\varnothing$ x H = 1.220m x 8m)	01 cái
5	Quạt hút	Lưu lượng: 30.000 m ³ /giờ Công suất: 40 HP	01 cái
6	Ống thổi khí	Vật liệu: Thép D x R = 500x500 mm H= 8m tính từ mặt đất	01 cái

Ngoài ra, trong quá trình sản xuất, sẽ phát sinh một lượng bụi từ các khâu mài (chà khay), máy cắt tấm. Bụi gây ra những tác hại về mặt kỹ thuật như: Bám vào máy móc thiết bị làm cho máy móc thiết bị chóng mòn, tăng ma sát, bám vào các mạch động cơ điện gây hiện tượng đoản mạch và có thể làm cháy động cơ điện. Bụi phát sinh từ dự án là bụi giấy, bụi mài từ giấy. Lượng bụi nhỏ dễ dàng phát tán trong không khí đi vào phổi qua quá trình hô hấp có thể gây ra viêm mũi, viêm khí phế quản, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe người lao động.

Để giảm thiểu tác động của bụi tới công nhân, nâng cao chất lượng làm việc, công ty đã đầu tư hệ thống thu gom bụi bằng túi lọc bụi để thu gom bụi từ công đoạn mài (chà khay), cắt tấm nhằm tránh bụi phát tán ra môi trường.

Quy trình thu gom bụi như sau: Bụi → Ống hút → Quạt hút → Túi lọc bụi → Không khí bên trong nhà xưởng.

Sơ đồ công nghệ xử lý được trình bày tại hình sau:



Hình 3. 12. Quy trình thu gom bụi từ công đoạn mài (chà khay), cắt tấm

Thuyết minh quy trình:

Các vị trí phát sinh bụi từ công đoạn mài (chà khay), cắt tấm sẽ được thu gom bằng các họng hút, ống dẫn, dưới tác dụng của quạt hút động lực thì bụi phát sinh sẽ được hút vào hệ thống đường ống để dẫn về túi lọc để xử lý bụi. Khí sạch thoát ra bên ngoài túi lọc bụi và thoát ra môi trường không khí xung quanh trong nhà xưởng, còn bụi sẽ được giữ lại bên trong túi lọc.

Lượng bụi trong túi lọc được xem như chất thải rắn công nghiệp thông thường, cuối ngày sẽ được công nhân viên thu gom về kho chứa chất thải công nghiệp thông thường, định kỳ sẽ được đơn vị chức năng đem đi xử lý.

Công ty đã trang bị 05 thiết bị túi lọc bụi di động được bố trí tại các phân xưởng phát sinh bụi:

Các máy trên đều có cấu tạo và thông số kỹ thuật của thiết bị thu gom, xử lý bụi tại công đoạn mài (chà khay), cắt tấm được thể hiện cụ thể tại bảng sau:

Bảng 3. 7. Thông số kỹ thuật của một thiết bị thu gom bụi tại công đoạn mài (chà khay), cắt tấm

TT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Xuất xứ
I	Túi lọc bụi cho công đoạn mài (chà khay)			
1	Ống hút bụi	- Kích thước: D = 100mm, chiều dài 1,85m. - Vật liệu: Nhựa PVC.	01 ống	Việt Nam
2	Túi lọc bụi	- Kích thước thiết bị: D x H = 630 x 2.100mm - Chất liệu: Vải bạt	02 túi	Việt Nam

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo”

TT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Xuất xứ
3	Quạt hút	- Điện áp: 380V/50Hz - Công suất: 4 KW - Lưu lượng: 12.000 m ³ /h	01 cái	Việt Nam
II	Túi lọc bụi cho công đoạn cắt tấm			
1	Ống hút bụi	- Kích thước: D = 100mm, chiều dài 1,85m. - Vật liệu: Nhựa PVC.	03 ống	Việt Nam
2	Túi lọc bụi	- Kích thước thiết bị: D x H = 470 x 1.850mm - Chất liệu: Vải bạt	03 túi	Việt Nam
3	Quạt hút	- Điện áp: 380V/50Hz - Công suất: 2,2 KW - Lưu lượng: 7.000 m ³ /h	03 cái	Việt Nam

(Nguồn: Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo, 2024)

❖ **Các loại hóa chất, vật liệu sử dụng:** Túi lọc bụi.

❖ **Chế độ vận hành:** Vận hành theo ca sản xuất.

2.4. Phương án giảm thiểu hơi dung môi phát sinh từ công đoạn pha hồ, pha mực

Theo quy trình sản xuất của Nhà máy thì hệ mực in được sử dụng là mực in gốc nước/gốc Solvent. Riêng mực in gốc nước không phát sinh hơi dung môi trong quá trình sử dụng. Tuy nhiên, Chủ cơ sở cũng sẽ có các biện pháp giảm thiểu cục bộ như sau:

- **Biện pháp giảm thiểu riêng:** Bố trí khu vực pha hồ tách riêng với khu vực sản xuất. Máy pha hồ hoàn toàn khép kín.

- **Biện pháp giảm thiểu chung:**

- + Trang bị khẩu trang cho công nhân làm việc trực tiếp tại Nhà máy.
- + Trang bị quần áo bảo hộ lao động và găng tay cho công nhân.
- + Thường xuyên vệ sinh nền nhà xưởng và thu gom bụi sinh ra trong quá trình sản xuất để hạn chế bụi phát tán ra môi trường xung quanh.
- + Định kỳ hằng năm tổ chức khám sức khỏe, đào tạo kiến thức về an toàn vệ sinh lao động và diễn tập ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất cho công nhân.
- + Thực hiện thông thoáng nhà xưởng, đảm bảo thoát khí tốt nhờ các quạt cưỡng bức; dây chuyền sản xuất ở dạng khép kín ở mỗi khâu sản xuất như dán,... đóng gói đều bố trí các quạt hút để làm thông thoáng nhà xưởng với công suất 0,75 kW.
- + Công nhân trực tiếp pha chế được trang bị khẩu trang, bao tay, kính chống khí độc và được yêu cầu bắt buộc phải sử dụng để giảm thiểu đến mức thấp nhất từ bụi trong quá trình sản xuất.

+ Các máy móc sẽ thường xuyên kiểm tra, bảo trì định kỳ, đảm bảo thiết bị hoạt động ở điểm tối ưu.

+ Máy dán sử dụng công nghệ hiện đại làm giảm khả năng phát thải chất ô nhiễm.

Với các biện pháp nêu trên, cơ sở đảm bảo xử lý nồng độ khí thải trong phân xưởng sản xuất đạt tiêu chuẩn vệ sinh công nghiệp ban hành theo quyết định số: 3733/2002/QĐ – BYT ngày 10/10/2002 của Bộ Y Tế, QCVN 03:2019/BYT.

2.5. Giảm thiểu khí thải từ lò dầu DO

Hiện tại, Nhà máy sử dụng 01 lò dầu DO.

Nguyên liệu sử dụng là dầu DO.

Thành phần khí thải trong quá trình đốt dầu DO: Trong khí thải đốt dầu DO thường thấy có các chỉ tiêu: CO, SO₂ và hơi nước. Ngoài ra còn có một hàm lượng nhỏ tro và các hạt tro rất nhỏ lẫn với dầu cháy không hết tồn tại dưới dạng sơn khí mà ta thường gọi là mờ hóng.



Hình 3. 13. Sơ đồ hút khí tại lò dầu DO

Thuyết minh quy trình:

Để giảm nhiệt độ phát sinh tại lò dầu DO chủ dự án đã lắp hệ thống chụp hút, quạt hút với lưu lượng 6.500 m³/giờ và dẫn khí ra ngoài qua ống thải cao 14,5m so với nhà xưởng, đường kính 0,3m, làm bằng thép CT3.

Thông số kỹ thuật:

- Chụp hút: thép CT3, kích thước D x R = 0,4 x 0,3m.
- Ống thải: thép CT3, H = 14,5m, D = 0,3m.

Thông số kỹ thuật cơ bản của lò gia nhiệt:

Bảng 3. 8. Thông số kỹ thuật lò gia nhiệt

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật
1	Loại, mã hiệu	TOH 1500-7
2	Số chế tạo	TOH 1555/4648

3	Năm chế tạo	10/2017
4	Nhà chế tạo	Công ty CD Hồng Nhựt
5	Nhiệt độ thiết kế	300 ⁰ C
6	Môi chất tải nhiệt	Dầu tải nhiệt
7	Áp suất thiết kế	7 bar
8	Áp suất làm việc lớn nhất	6 bar
9	Áp suất thử	10,5 Pa
10	Công suất	1.300.000 Kcal/h Tương đương 1.500 kW
11	Diện tích tiếp nhiệt	78 m ²
12	Dung tích tổng cộng	1.260 lít
13	Nhiên liệu sử dụng	Dầu DO
14	Nhiệt độ làm việc	200 ⁰ C

(Nguồn: Công ty TNHH Cơ nhiệt lạnh Hồng Nhựt, 2017)

Lò dầu DO mà Công ty đang sử dụng đã được Viện Nghiên cứu phát triển tiêu chuẩn chất lượng (ISSQ) cấp Giấy chứng nhận kết quả kiểm định số 593/2/KĐ.HCM ngày 29/11/2023, thời hạn đến ngày 25/11/2025 (đính kèm tại phụ lục Báo cáo).

2.6. Giảm thiểu ô nhiễm từ quá trình dán ghép

Hồ sử dụng tại Nhà máy là Vinyl Acetate không gây ảnh hưởng ô nhiễm môi trường nhưng Công ty vẫn sử dụng biện pháp giảm thiểu như:

- Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân, đặc biệt là khẩu trang công nhân lao động trực tiếp.
- Nhà xưởng có thiết kế cao ráo tạo thông thoáng tự nhiên.
- Diện tích các cửa ra vào, cửa sổ lớn để tăng cường quá trình trao đổi nhiệt.
- Định kỳ hằng năm tổ chức khám sức khỏe, đào tạo kiến thức về an toàn vệ sinh lao động và diễn tập ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất cho công nhân.

2.7. Giảm thiểu mùi phát sinh từ khu xử lý nước thải, từ các hố ga, cống của hệ thống thoát nước và từ khu vực lưu trữ chất thải rắn hữu cơ

Trong quá trình hoạt động sản xuất của Nhà máy, mùi hôi phát sinh từ cống thoát nước thải, khu vực chứa rác thải là không thể tránh khỏi. Để giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ hai khu vực này, Chủ Cơ sở có những biện pháp quản lý như sau:

- Thường xuyên vệ sinh nhà xưởng.
- Thu gom rác sinh hoạt hằng ngày, chuyển về khu vực riêng, có mái che chứa trong thùng chuyên dụng và chuyển cho đơn vị có chức năng thu gom 2 ngày/lần.

- Kiểm soát chặt chẽ quá trình vận hành hệ thống xử lý, tránh để xảy ra sự cố hệ thống vi sinh.
- Thường xuyên thu gom bùn tại các bể xử lý, rác tại các hố ga tránh để tồn đọng lâu ngày phát sinh mùi hôi.
- Thường xuyên phun xịt dung dịch khử mùi tại khu vực chứa chất thải sinh hoạt để hạn chế mùi hôi phát sinh.

Nhờ kiểm soát chặt chẽ và thực hiện các biện pháp quản lý, xử lý hiệu quả nên mùi hôi phát sinh trong khu xử lý nước thải, từ các hố ga, cống của hệ thống thoát nước và từ khu vực lưu trữ chất thải rắn hữu cơ hầu như không đáng kể.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Toàn bộ chất thải rắn sẽ được thu gom, lưu giữ và xử lý triệt để theo đúng Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 02/11/2023. Chất thải rắn khi phát sinh sẽ được phân loại tại nguồn theo tính chất (thông thường, kiểm soát, nguy hại). Kế hoạch không chế ô nhiễm chất thải như sau:



Hình 3. 14. Quy trình quản lý chất thải rắn

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

a) Chung loại, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Theo hoạt động tại nhà máy, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được trình bày tại bảng sau:

Bảng 3. 9. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại nhà máy

STT	Thông số	Đơn vị	Số lượng
1	Số lượng công nhân	Người	150
2	Định mức phát thải	Kg/người/ngày	1,3 (*)
3	Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt	Kg/ngày	195

(Nguồn: Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo, 2024)

(*) Dựa trên số lượng công nhân viên tại nhà máy là 150 người đồng thời, theo bảng 2.23 mục 2.12 của QCVN 01:2021/BXD quy định dự án nằm trong khu công nghiệp thuộc đô thị đặc biệt có hệ số phát sinh chất thải sinh hoạt là 1,3 kg/người/ngày.

b) Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Nguồn phát sinh: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại từng nhà máy chủ yếu từ hoạt động của công nhân viên bao gồm các loại vỏ chai, các thực phẩm thừa, lá cây...

Hiện tại, phương án thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt như sau: Để thu gom lượng rác thải sinh hoạt phát sinh, Chủ cơ sở sẽ bố trí các thùng rác có nắp đậy phân bố rải rác tại nhà xưởng, các thùng rác nhỏ tại văn phòng... Hằng ngày, công nhân vệ sinh sẽ thu gom tập trung vào thùng rác bằng nhựa màu xanh lá cây, sau đó tập kết về khu vực chứa rác sinh hoạt của Nhà máy, cụ thể như sau:

Bảng 3. 10. Công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật
Khu chứa chất thải rắn sinh hoạt	01	- Diện tích: 9 m². - Nền và vách bằng bê tông thông thoáng, có mái che. - Vị trí: Đặt bên ngoài nhà xưởng <u>Thùng chứa:</u> - Dung tích 240 lít, số lượng 04 thùng. - Có bánh xe, nắp đậy kín - Vật liệu: Nhựa HDPE - Chịu va đập, nhiệt độ cao

Hiện tại, Công ty đang ký hợp đồng thu gom chất thải rắn sinh hoạt với Công ty TNHH Ngọc Thu theo hợp đồng số 06/2024 ngày 01/01/2024 với tần suất 2 ngày/lần để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của Pháp luật.

Ngoài ra, hàng ngày Công ty đều bố trí nhân viên quét dọn nhà xưởng, sân bãi, đường nội bộ để gom rác phát sinh, đảm bảo khu vực nhà xưởng, khuôn viên luôn sạch sẽ, thoáng mát.



Hình 3. 15. Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt

3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

a) Chung loại, khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Bảng 3. 11. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng khi hoạt động tối đa công suất (tấn/năm)	Hiện hữu (tấn/năm)
1	Cặn hồ hữu cơ	Bùn	10,8	6,457
2	Sản phẩm lỗi, giấy vụn, nhôm vụn, nilon,....	Rắn	1.218	778,716
Tổng cộng			1.228,8	785,173

b) Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

Nguồn phát sinh: từ hoạt động sản xuất của nhà máy.

Để thu gom lượng chất thải này của từng nhà máy, Chủ cơ sở đã áp dụng các biện pháp sau:

Bảng 3. 12. Công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật
Khu vực chứa chất thải công nghiệp thông	01	- Diện tích: 400 m ² . - Nền và vách bằng bê tông thông thoáng, có mái che. - Vị trí: Bố trí bên ngoài nhà xưởng

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo”

Hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật
thường		<u>Vật liệu chứa:</u> - Số lượng 100 thùng, thùng gỗ pallet (1,3mx1mx0,85m), thùng phuy 200 lít

Đối với phế liệu được tái sử dụng hoặc tiếp tục chuyển giao cho các đơn vị thu mua là Công ty TNHH TMDV Hà Phi Long theo hợp đồng số 03Q3/HĐMBPL/2024 ngày 01/07/2024, Công ty TNHH Ngô Đức Nhân theo hợp đồng số 02Q3/HĐMBPL/2024 ngày 01/07/2024 đến thu gom và xử lý theo đúng quy định.

Đối với chất thải rắn không tái sử dụng được, Chủ cơ sở đã hợp đồng với đơn vị có chức năng là Công ty TNHH Đầu tư & Thương mại Lai Ân theo hợp đồng số 01Q3/HĐMBPL ngày 01/07/2024 đến thu gom và xử lý theo đúng quy định.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường tại Cơ sở sẽ được quản lý theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Ngoài ra, Chủ cơ sở thực hiện lưu giữ các chứng từ, nộp chứng từ và lập báo cáo quản lý chất thải rắn cho Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM và Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh định kỳ tích hợp trong Báo cáo Công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định.



Hình 3. 16. Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

a) Chung loại, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở chủ yếu là giẻ lau dính dầu nhớt, bóng đèn huỳnh quang thải, bao bì dính hóa chất, hóa chất, dầu động cơ và hộp số bôi trơn,... được thu gom vào các thùng chứa chuyên dụng, có dán nhãn riêng biệt. Khối lượng và chủng loại CTNH phát sinh dự kiến tại cơ sở khi vận hành ổn định được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3. 13. Thống kê khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Số lượng năm 2023 (kg)	Số lượng năm 2022 (kg)	Số lượng tối đa (kg/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
Thùng phuy rỗng dính hóa chất	Rắn	18 01 02	KS	44.982	39.984	90.000	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Tân Kiên
				5.372	4.165		Công ty TNHH TM - xử lý môi trường Thành Lập
Mực in thải và các thành phần nguy hại	Lỏng	08 02 01	KS	3.692	3.986	4.500	Công ty TNHH TM - xử lý môi trường Thành Lập
Bình chứa sơn, mực nước	Rắn	18 01 03	KS	312	407	1.500	
Chất hấp thụ, vật liệu lọc giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	KS	10.124	6.366	14.400	
Bao bì mềm dính hóa chất thải	Rắn	18 01 01	KS	3.699	3.808	8.400	
Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	NH	25	1	-	
Dung môi thải Solvents	Lỏng	16 01 01	NH	6.400	5.550	8.600	
Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn	Lỏng	17 02 03	NH	36	200	350	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo”

Bùn thải chứa các thành phần nguy hại	Bùn	12 06 05	KS	1.751	1.795	9.800	
Bóng đèn Led thải	Rắn	16 01 13	NH	-	-	80	
Tổng khối lượng phát sinh				76.393	66.262	137.280	

b) Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Nguồn phát sinh: Lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở từ hoạt động bảo trì máy móc thiết bị, chiếu sáng, hoạt động sản xuất từ công đoạn dán ghép, chia cuộn,... bao gồm: giẻ lau dính dầu nhớt, bóng đèn huỳnh quang, bao bì dính hóa chất, hóa chất, dầu động cơ và hộp số bôi trơn,...

Để thu gom lượng chất thải nguy hại của từng nhà máy, Chủ cơ sở đã áp dụng các biện pháp sau:

Bảng 3. 14. Công trình lưu giữ chất thải nguy hại

Hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật
Kho chứa chất thải nguy hại	01	- Diện tích: 40 m². - Vị trí: Được bố trí bên ngoài nhà xưởng <u>Thùng chứa:</u> - Số lượng 20 thùng chứa CTNH 200 lít. - Có bánh xe, nắp đậy kín - Vật liệu: Nhựa HDPE - Chịu va đập, nhiệt độ cao

- Bố trí kho CTNH:

+ Khu vực lưu chứa CTNH của Nhà máy có diện tích 40 m², nằm ở tầng trệt của khu vực nhà ăn, có tường ngăn riêng biệt, có biển báo.

+ Kho chứa CTNH được bố trí riêng biệt, trang bị biển báo, thiết bị lưu chứa phù hợp theo đúng quy định.

+ Kho được gắn biển báo kho chứa CTNH, có rãnh thu gom trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi chất thải lỏng nguy hại.

+ Có cao độ nền cao hơn lối đi để đảm bảo không bị ngập lụt.

+ Có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ CTNH.

- Chủ cơ sở tiến hành dọn dẹp vệ sinh kho định kỳ. Công việc này sẽ góp phần làm tăng tính an toàn tại kho lưu trữ nhằm hạn chế các sự cố.

- Không để lẫn chất thải nguy hại với các chất thải không nguy hại và phải cách ly với các chất thải nguy hại khác.

- Chủ cơ sở có phương án phòng chống sự cố, đảm bảo an toàn trong khu vực lưu giữ.

- Công ty đang ký hợp đồng xử lý chất thải nguy hại với Công ty TNHH Thương mại – Xử lý môi trường Thành Lập theo hợp đồng số 0308/2023/HĐXLCT-NTY ngày 03/08/2023 và Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Ngọc Tân Kiên theo hợp đồng số 03/CTNH/2024 ngày 01/07/2024.

- Trước khi vận chuyển, bao bì phải được dán nhãn rõ ràng, dễ đọc, không bị mờ và phai màu. Nhãn bao gồm các thông tin sau: Tên và mã CTNH, tên và địa chỉ nơi phát sinh CTNH, ngày bắt đầu được đóng gói; dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6707:2009 về Chất thải nguy hại – Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa (sau đây viết tắt là TCVN 6707:2009) với kích thước ít nhất 05 (năm) cm mỗi chiều.

Chất thải nguy hại tại Nhà máy sẽ được quản lý theo đúng Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Ngoài ra, Chủ cơ sở thực hiện lưu giữ các chứng từ, nộp chứng từ và lập báo cáo quản lý chất thải rắn cho Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM và Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh định kỳ tích hợp trong Báo cáo Công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh: Trong quá trình hoạt động của cơ sở phát sinh các nguồn gây tiếng ồn, độ rung như sau:

- Hoạt động giao tiếp và sinh hoạt của con người. Nguồn ồn này xảy ra thường xuyên nhưng cường độ không cao, không đáng lo ngại.

- Phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy: diễn ra tại khu vực bãi đậu xe, khu vực giao nhận hàng hoá. Nguồn ồn này tập trung rải rác và cường độ không cao.

- Quá trình vận hành các loại máy móc, thiết bị: máy dán, máy chia cuộn, máy cắt tấm, máy cán vân, máy xén, máy bồi, máy bế, máy hút rìa giấy,...

Đối với tiếng ồn do phương tiện giao thông:

+ Xe ra vào yêu cầu đi với tốc độ chậm 5km/h, không bóp còi.

+ Không cho các xe nổ máy trong lúc chờ nhận hàng.

+ Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

+ Ngoài các xe chuyên chở nguyên vật liệu, sản phẩm và thu gom chất thải, các phương tiện đều phải giữ ngoài bãi xe.

Đối với tiếng ồn, độ rung trong sản xuất:

+ Khu vực sản xuất được bố trí cách ly với khu vực văn phòng.

+ Định kỳ tra dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng. Thông thường chu kỳ bảo dưỡng đối với thiết bị là 3 – 6 tháng/lần.

- + Bố trí các máy móc thiết bị trong các dây chuyền sản xuất một cách hợp lý đồng thời thường xuyên bảo trì máy móc, thay mới các phụ tùng cũ, hư hỏng.
- + Trang bị nút tai chống ồn cho nhân viên làm việc tại các khu vực có khả năng gây ồn cao.
- + Xây dựng tường bao cách ly, cây xanh xung quanh Nhà máy nhằm giảm thiểu tiếng ồn ảnh hưởng tới các công ty lân cận.
- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:
 - + QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;
 - + QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a) Sự cố cháy nổ:

Để hạn chế các sự cố về cháy nổ, cơ sở đã có những phương án phòng ngừa ứng phó sự cố cháy nổ như sau:

- Lập phương án PCCC và trình cơ quan chức năng phê duyệt, tuân thủ theo phương án PCCC đã được phê duyệt. Chủ đầu tư sẽ tuân thủ các Tiêu chuẩn của Việt Nam về PCCC.
- Trang bị đầy đủ các phương tiện phòng chống cháy nổ theo quy định của công an PCCC. Các phương tiện chữa cháy (bình chữa cháy CO₂, cát, xẻng, sào cắt điện,...) sẽ được kiểm tra thường xuyên và luôn trong tình trạng sẵn sàng.
- Quản lý chặt chẽ và sử dụng an toàn các chất cháy, chất nổ, nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị và dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt, chất sinh lửa, sinh nhiệt; bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy.
- Thường xuyên, định kỳ kiểm tra phát hiện các sơ hở, thiếu sót về phòng cháy và có biện pháp khắc phục kịp thời.
- Chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện, phương án và các điều kiện khác để khi có cháy xảy ra thì chữa cháy kịp thời, có hiệu quả.
- Thành lập đội PCCC. Kiểm tra, đôn đốc, việc chấp hành các quy định, nội quy an toàn về PCCC. Tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC. Đội PCCC được huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ; chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan Cảnh sát PCCC; chịu sự điều động của cấp có thẩm quyền để tham gia hoạt động PCCC.
- Lắp đặt hệ thống chống sét tại các nóc nhà và công trình có độ cao, các trụ điện cao thế, trung thế và các trạm biến áp,... của Nhà máy.
- Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC đối với cán bộ, đội PCCC.
- Dán các số điện thoại cần thiết (bệnh viện, đội PCCC,...) tại các vị trí ở cửa thoát hiểm, cửa ra vào.
- Tổ chức các buổi diễn tập PCCC theo định kỳ.

b) Sự cố bể tự hoại:

Tại bể tự hoại, các sự cố thường gặp có thể xảy ra như sau:

- Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc đường ống dẫn dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được.
- Tắc đường ống dẫn do có rác kích thước lớn thải vào.
- Tắc đường ống dẫn khí gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu.
- Bùn bể tự hoại đầy mà không tiến hành thu gom, xử lý.

Để giảm thiểu sự cố hầm tự hoại cải tiến, cơ sở thực hiện các biện pháp sau đây:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của hầm tự hoại cải tiến, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ.
- Tiến hành thông bồn cầu và đường ống dẫn để tiêu thoát phân và nước tiểu.
- Tiến hành thông ống dẫn khí nhằm hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho bể tự hoại.
- Định kỳ phải tiến hành hút hầm cầu.

c) Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước:

Để hạn chế các sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước, cơ sở đã có những phương án phòng ngừa như sau:

- Đường ống cấp, thoát nước phải có đường cách ly an toàn, không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.
- Khi sự cố rò rỉ đường ống xảy ra, cần phải sửa chữa kịp thời và giảm thiểu đến mức thấp nhất những ảnh hưởng xấu do rò rỉ nước thải đến môi trường và mỹ quan khu vực.
- Nạo vét bùn trong đường cống thoát nước theo định kỳ.

d) Sự cố tai nạn lao động:

Các nguyên nhân dẫn đến tai nạn lao động như sau:

- Công nhân không tuân thủ nghiêm ngặt các nội quy về an toàn lao động.
- Sự bất cẩn về điện trong quá trình vận hành máy móc thiết bị.
- Trượt té khi bốc dỡ hàng hoá.
- Không mang thiết bị bảo hộ lao động khi tiến hành các công việc bảo trì máy móc hoặc làm việc trên cao.

Chủ cơ sở sẽ áp dụng những biện pháp sau để đảm bảo an toàn lao động trong nhà máy:

- Thường xuyên phổ cập kiến thức về an toàn lao động cho công nhân viên làm việc nhằm nâng cao ý thức an toàn lao động.
- Các giám đốc/giám sát thường xuyên nhắc nhở, kiểm tra các nhân viên.
- Thường xuyên kiểm tra trang phục bảo hộ lao động.

e) Phòng chống sự cố tràn đổ hóa chất

Quy định về kho chứa hóa chất:

- Hệ thống kho chứa hóa chất, nguyên nhiên liệu đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn Việt Nam về kỹ thuật, an toàn (hệ thống thông gió, chống sét, hệ thống cứu hỏa,...).

- Nhà kho, khu vực chứa hóa chất, khu pha dung dịch hóa chất đảm bảo các yêu cầu theo TCVN 5507:2002 về hóa chất nguy hiểm – quy phạm an toàn trong sản xuất kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển như:

+ Kho chứa được xây dựng, tuân thủ theo các quy định về cự ly an toàn, các cấp bậc chịu lửa, bố trí giao thông đi lại của người và phương tiện theo đúng các quy định tại TCVN 2622:1995. Tường, sàn kho chịu được lửa, nhiệt độ cao, không phản ứng hóa học và không thấm chất lỏng. Sàn nhà được thiết kế chỗ chứa hóa chất rò rỉ hoặc tràn đổ (rãnh chống tràn), bề mặt không gồ ghề để dễ dọn sạch. Tường bên ngoài chịu được lửa ít nhất là 30 phút; tất cả các bức tường đều không thấm nước; bề mặt bên ngoài của tường trơn nhẵn, có thể rửa một cách dễ dàng mà không bắt bụi.

+ Có lối đi ra, vào phù hợp với cửa chịu lửa được mở hướng ra ngoài. Cửa có kích cỡ tương xứng để cho phép vận chuyển một cách an toàn (lối đi chính rộng 2 m).

+ Kho luôn luôn được giữ khô và tránh sự gia tăng nhiệt độ, tuyệt đối cấm mọi nguồn lửa đối với kho chứa nhiên liệu.

+ Có hệ thống thông gió để làm loãng và hút khí độc sinh ra.

+ Được đánh dấu với ký hiệu cảnh báo thích hợp. Ký hiệu cảnh báo tuân thủ yêu cầu Quốc gia về màu sắc, hình tượng và dạng hình học. Bên cạnh đó, tại kho có bảng hướng dẫn cụ thể tính chất của từng hóa chất những điều cần phải triệt để tuân theo khi sắp xếp, vận chuyển, san rót, đóng gói.

Quy định trong quá trình sử dụng hóa chất cho dây chuyền sản xuất:

- Xưởng sản xuất có tường, sàn chịu được lửa, nhiệt độ cao, không phản ứng hóa học và không thấm chất lỏng. Bề mặt sàn không gồ ghề để dễ dọn sạch.

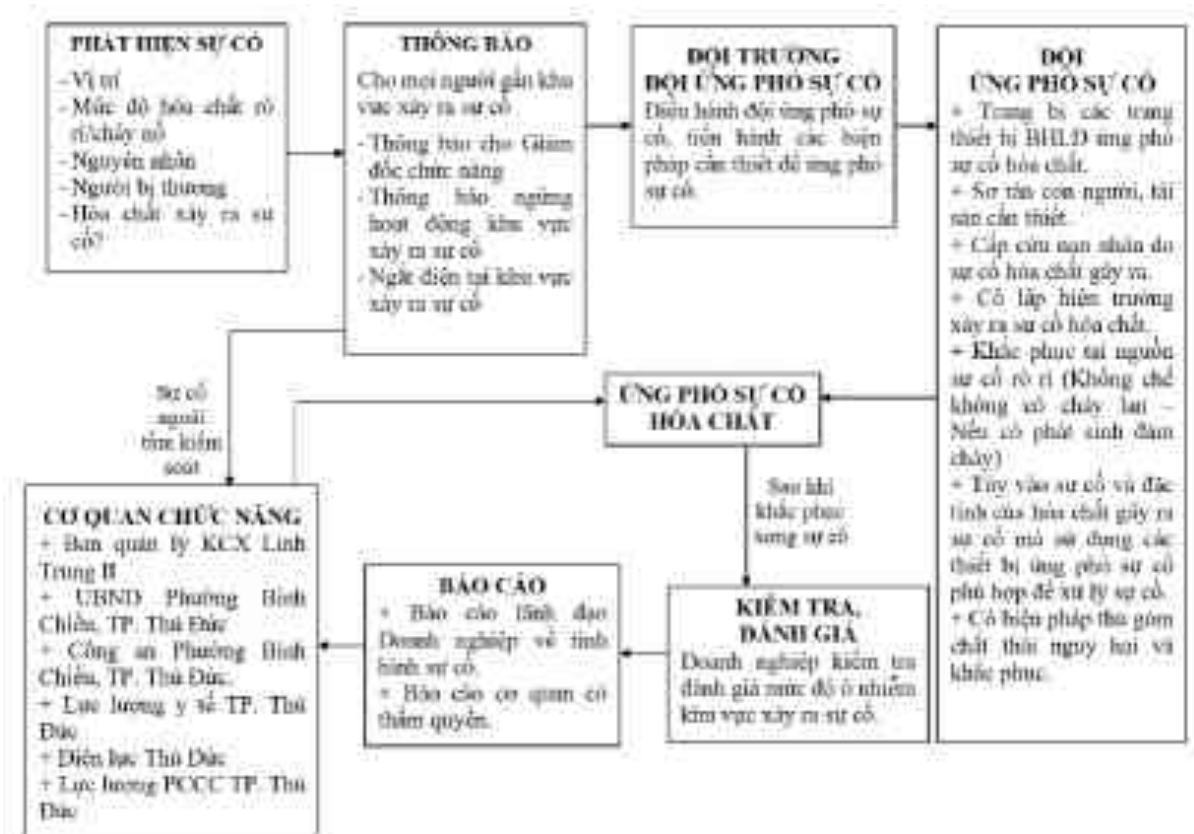
- Các hóa chất phải được dán nhãn nhận biết theo đúng quy định.

- Trang bị phiếu an toàn hóa chất cho từng loại hóa chất (MSDS) và danh mục hóa chất.

- Trang bị bảo hộ lao động, và các hướng dẫn về thao tác, các hướng dẫn về an toàn, nội quy lao động.

- Trang bị bình chữa cháy và bộ spill kit - ứng phó sự cố hóa chất.
- Có lắp đặt hệ thống rửa mắt khẩn cấp khi có sự cố phát sinh.
- Trong quá trình pha chế phải có dụng cụ lót và thu gom hóa chất rơi vãi.
- Thực hiện công tác kiểm tra định kỳ, thùng chứa và phương tiện vận chuyển nội bộ đúng hạn theo quy định. Thay mới các thiết bị không đảm bảo kỹ thuật an toàn.
- Tổ chức các buổi tập huấn, hướng dẫn công nhân về quy trình vận hành công tác phòng ngừa và ứng cứu các sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất. Định kỳ tổ chức huấn luyện, kiểm tra công nhân vận hành về quy trình vận hành tại từng công đoạn sản xuất như trong bơm rót, sang chiết sản phẩm.
- Chủ cơ sở phối hợp cùng với các cơ quan chức năng lập phương án cấp cứu xử lý sự cố rò rỉ, tổ chức, thực hiện diễn tập công tác cấp cứu khi xảy ra sự cố thường xuyên.
- “Xây dựng nội quy an toàn hóa chất”, treo tại khu vực lưu trữ và pha chế hóa chất.

Hành động ứng phó sự cố:



Hình 3. 17. Sơ đồ quy trình ứng phó sự cố tại Công ty

Khi có sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất xảy ra, Cơ sở áp dụng các biện pháp sau:

I		Phối hợp nội bộ
1	Người phát hiện	- Nhận biết được các thông tin sự cố: + Sự cố xảy ra ở đâu? + Mức độ hóa chất rò rỉ/cháy nổ?

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo”

		+ Rò rỉ ở đâu? + Số người bị thương? + Hóa chất xảy ra sự cố? - Thông báo cho mọi người trong khu vực xảy ra sự cố. - Thông báo sự cố cho Đội trưởng đội ứng phó sự cố hóa chất của Công ty; Báo cáo rõ ràng, chính xác cho đội trưởng tình hình sự cố hóa chất rò rỉ hiện tại. - Tham gia hành động ứng cứu khẩn cấp (nếu thuộc lực lượng cứu hộ và xử lý sự cố cơ sở) hoặc trở về vị trí làm việc của mình. - Nhân sự được sắp xếp nhận nhiệm vụ từ cấp trên.
2	Đội trưởng trực tiếp ứng cứu, xử lý sự cố	- Thông báo tình huống khẩn cấp cho mọi người, bộ phận liên quan theo quy trình thông báo tin khẩn cấp, yêu cầu mọi người thực hiện theo đúng quy trình ứng cứu sự cố khẩn cấp. - Sau khi khắc phục xong: yêu cầu phân tích xác định nồng độ hóa chất trong không khí, nguồn nước (nếu có ảnh hưởng) khu vực sự cố và báo cáo lại tình hình cho Lãnh đạo công ty.
3	Đội ứng phó sự cố hóa chất	- Nghe theo chỉ đạo của Đội trưởng đội ứng phó sự cố hóa chất Công ty trực tiếp xử lý sự cố.
II	Phối hợp với các đơn vị bên ngoài	
1	Các đội hỗ trợ bên ngoài: ban quản lý KCN trong khu chế xuất Linh Trung II, Phòng cảnh sát PCCC và cứu hộ cứu nạn, Công an, Điện lực, Trung tâm y tế.	- Khi đến công ty sẽ được hướng dẫn đến vị trí xảy ra sự cố. -Thực hiện triển khai ứng cứu tại các khu vực cụ thể. -Trực tiếp sơ cứu và cấp cứu người bị nhiễm độc do sự cố.

❖ Trường hợp xảy ra cháy:

- Trong tình huống này, triển khai toàn lực các phương tiện chữa cháy tại Công ty tới nơi xảy ra cháy theo phương án chữa cháy nội bộ. Tùy vào mức độ nghiêm trọng, tiến hành thông báo và kêu gọi ứng cứu từ lực lượng PCCC bên ngoài.

- Cô lập đám cháy, ngăn ngừa hiện tượng cháy lan, bảo vệ hiện trường và tạo thuận lợi cho lực lượng chữa cháy làm việc. Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa sự cố nổ và các sự cố phát sinh do hóa chất.

- Bảo vệ hiện trường sau khi đã khắc phục đám cháy, phục vụ cho công tác thống kê, đánh giá, điều tra, lập biên bản của bộ phận chức năng.

Hàng năm, Công ty cử những người lao động làm việc trực tiếp với hóa chất đi huấn luyện về kỹ thuật an toàn hóa chất. Đồng thời, Công ty cũng mời đơn vị có chức năng để hướng dẫn thực hành diễn tập tình huống ứng phó sự cố hóa chất đối với khu vực chứa hóa chất theo đúng quy định.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo”

TT	Các bước	Hành động
1	Người phát hiện – nhân viên làm việc trực tiếp trong phòng pha mực	- Nhận biết được thông tin sự cố: • Sự cố tràn đổ mực in xảy ra ở đâu? • Mức độ mực in rò rỉ, tràn đổ? • Mực in rò rỉ ở đâu? • Số người bị thương? - Thông báo cho mọi người trong khu vực xảy ra sự cố; - Thông báo sự cố cho Đội trưởng đội ứng phó sự cố hóa chất của Công ty – Nguyễn Trọng Thanh Liêm; Báo cáo rõ ràng, chính xác tình hình sự cố hóa chất tràn đổ, rò rỉ mực in hiện tại. - Tham gia hành động ứng cứu khẩn cấp (nếu thuộc lực lượng cứu hộ và xử lý sự cố cơ sở) hoặc trở về vị trí làm việc của mình. - Nhân sự được sắp xếp nhận nhiệm vụ từ cấp trên.
2	Đội trưởng trực tiếp ứng cứu, xử lý sự cố - Ông Nguyễn Trọng Thanh Liêm	- Thông báo tình huống khẩn cấp cho mọi người, bộ phận liên quan theo quy trình thông báo tin khẩn cấp, yêu cầu mọi người thực hiện theo đúng quy trình ứng cứu sự cố khẩn cấp. - Sau khi khắc phục xong: yêu cầu phân tích xác định nồng độ hóa chất trong không khí, nguồn nước (nếu có ảnh hưởng) khu vực sự cố và báo cáo lại tình hình cho Lãnh đạo công ty.
3	Đội ứng phó sự cố hóa chất: Đội sơ cứu và đội cứu hộ	Đội sơ cứu: Đội trưởng - Đỗ Hồng Phước - Đưa người bị thương ra khu vực thoáng khí. - Nếu có dấu hiệu kích ứng hô hấp, chóng mặt, buồn nôn hoặc nhức đầu, đưa đi cấp cứu ngay. - Nếu hóa chất dính vào người nạn nhân: cởi tất cả quần áo bị ô nhiễm, giày dép. Rửa sạch da bằng nước. - Nếu văng hóa chất vào mắt: rửa mắt bằng nước ấm trong ít nhất 15 phút. Đi khám ngay lập tức nếu kích thích vẫn tồn tại hoặc mất thị lực xảy ra. Đội cứu hộ: xử lý hiện trường - Trần Quốc Hải - Nghe theo chỉ đạo của Đội trưởng hỗ trợ trực tiếp xử lý sự cố tràn đổ rò rỉ mực in. - Sử dụng trang thiết bị bảo hộ lao động để tiến hành xử lý sự cố, dùng cát khô để thấm hút dung dịch, thu gom sạch cát vào khu vực chứa chất thải nguy hại (có dán nhãn

		thông tin chi tiết), dùng giẻ lau sạch khu vực sự cố và thông gió khu vực xảy ra sự cố (nếu cần thiết). - Thông báo cho toàn bộ công nhân biết việc đã xử lý xong sự cố, các hoạt động xuất hàng tiếp tục diễn ra bình thường. - Thư ký Phan Ngọc Duyên kiểm tra tình hình thực tế và thông báo yêu cầu đơn vị có chức năng thu gom chất thải định kỳ.
--	--	--



Hình 3. 18. Kho chứa hóa chất/keo hồ

f) Sự cố tại khu vực lò dầu, máy phát điện:

Để hạn chế những tác hại do sự cố hệ thống lò dầu DO tạm ngưng hoạt động (hư hỏng máy móc, thiết bị), thì ngoài việc phải kiểm tra và bảo trì thường xuyên, một số biện pháp được áp dụng để hạn chế đến mức thấp nhất những tác hại như sau:

- Thường xuyên theo dõi và kiểm tra chất lượng khí thải đầu ra của lò dầu;
- Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu khí thải tại ống khói;
- Những người vận hành hệ thống lò dầu, máy phát điện phải được đào tạo các kiến thức cơ bản như sau:

- + Lý thuyết các quá trình xử lý lò dầu cơ bản đang được ứng dụng tại hệ thống lò gia nhiệt dầu DO;
- + Hướng dẫn lý thuyết vận hành hệ thống lò dầu, máy phát điện;
- + Hướng dẫn bảo trì bảo dưỡng thiết bị;
- + Hướng dẫn cách xử lý các sự cố đơn giản;
- + Hướng dẫn an toàn vận hành hệ thống: trong giai đoạn này, những người tham dự khóa huấn luyện sẽ được đào tạo các kiến thức về an toàn khi vận hành hệ thống xử lý lò dầu. Đây là một trong những bài học quan trọng không thể thiếu đối với người trực tiếp vận hành hệ thống lò dầu DO.
- Hướng dẫn thực hành vận hành hệ thống bao gồm:
 - + Thực hành các thao tác vận hành hệ thống lò dầu, máy phát điện;
 - + Thực hành xử lý các tình huống sự cố.
- Thường xuyên kiểm tra sự hoạt động của máy móc thiết bị và các hạng mục công trình lò dầu, máy phát điện.
- Kiểm tra, nhắc nhở, giáo dục ý thức làm việc của công nhân vận hành hệ thống lò dầu kịp thời phát hiện và ứng phó khi xảy ra sự cố.
- Thực hiện nghiêm túc kế hoạch bảo trì thiết bị máy móc, bố trí nhân sự có tay nghề được đào tạo chính quy.

g) Sự cố của bể xử lý cặn hồ, mực in:

Để hạn chế những tác hại do sự cố hệ thống xử lý cặn hồ, mực in tạm ngưng hoạt động (hư hỏng máy móc, thiết bị), thì ngoài việc phải kiểm tra và bảo trì thường xuyên, một số biện pháp được áp dụng để hạn chế đến mức thấp nhất những tác hại như sau:

- Thường xuyên theo dõi và kiểm tra chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống;
- Những người vận hành hệ thống bể xử lý phải được đào tạo các kiến thức cơ bản như sau:
 - + Lý thuyết các quá trình xử lý nước thải cơ bản đang được ứng dụng;
 - + Hướng dẫn lý thuyết vận hành hệ thống xử lý nước thải;
 - + Hướng dẫn bảo trì bảo dưỡng thiết bị;
 - + Hướng dẫn cách xử lý các sự cố đơn giản;
- Thường xuyên kiểm tra sự hoạt động của máy móc thiết bị và các hạng mục công trình xử lý nước thải.
- Kiểm tra, nhắc nhở, giáo dục ý thức làm việc của công nhân vận hành hệ thống xử lý nước thải kịp thời phát hiện và ứng phó khi xảy ra sự cố.
- Thực hiện nghiêm túc kế hoạch bảo trì thiết bị máy móc, bố trí nhân sự có tay nghề được đào tạo chính quy.
- Nhà máy có bố trí bể lắng số 2 dự phòng đề phòng trong trường hợp bể lắng số 1 hiện hữu bị quá tải.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

a) Biện pháp giảm thiểu mùi từ khu vực lưu chứa chất thải, khu vực nhà vệ sinh

Nhằm giảm thiểu mùi hôi gây ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh, Chủ cơ sở đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu cho nhà máy như sau:

- Rác phát sinh từ hoạt động của cơ sở sẽ được thu gom, phân loại và chứa trong các thùng chuyên dụng có nắp đậy.
- Hàng ngày cử nhân viên quét dọn nhà vệ sinh công nhân, định kỳ 1 lần/năm thuê đơn vị chức năng hút từ các bể tự hoại.
- Định kỳ hàng tuần vệ sinh khử trùng khu vực các nhà vệ sinh nhằm hạn chế sự phát triển của các vi khuẩn gây bệnh.

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

So với nội dung Bản Kế hoạch Bảo vệ môi trường (Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 209/UBND-TNMT ngày 12/01/2022 do Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức cấp) thì cơ sở có một số nội dung thay đổi như sau:

- Bổ sung máy móc, thiết bị trong tương lai nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra (Theo bảng 1.11).
- Thay đổi diện tích hạng mục đất sử dụng (Theo bảng 1.8).
- Thay đổi diện tích khu vực lưu chứa chất thải (Theo bảng 3.13).
- Tăng nhu cầu sử dụng nước cấp (Theo bảng 3.13).

Bảng 3. 15. Các nội dung thay đổi so với Bản Kế hoạch BVMT đã được xác nhận

TT	Nội dung thay đổi	Kế hoạch BVMT đã được xác nhận	Nội dung trong giấy phép môi trường	Ghi chú
1	Nhà chứa chất thải rắn			
1.1	Khu vực lưu chứa CTRSH	Diện tích: 15 m ²	Diện tích: 9 m ²	Thay đổi diện tích
1.2	Khu vực lưu chứa chất thải thông thường	Diện tích: 60 m ²	Diện tích: 400 m ² .	Thay đổi diện tích
1.3	Nhà chứa chất thải nguy hại	Diện tích: 20 m ²	Diện tích: 40 m ²	Thay đổi diện tích
1.4	Đèn chiếu sáng	Bóng đèn huỳnh quang Mã CTNH: 12 01 06	Bóng đèn led Mã CTNH: 16 01 13	Chủ đầu tư thay đổi toàn bộ bóng đèn huỳnh quang sang bóng đèn Led
2	Nhu cầu sử dụng nước			
2.1	Nước cấp cho	90 lít/người.ngày	130 lít/người.ngày	Thay đổi quy

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo”

	hoạt động sinh hoạt của công nhân	(QCVN 01:2021/BXD), k = 1,2	(TCVN 13606:2023/BXD)	chuẩn so sánh
2.2	Nước cấp cho hệ thống Chiller	-	0,1 m ³ /ngày	
2.3	Nước cấp cho bể thu cặn hồ	-	2 m ³ /lần/tuần	
2.4	Nước cấp cho hồ tiêu cảnh	-	4 m ³ /lần	
3	Máy móc thiết bị			
3.1	Máy chia cuộn nhỏ (máy cắt nhỏ)	Số lượng: 05 máy	Số lượng: 07 máy	Bổ sung thêm 02 máy vào cuối năm 2024
3.2	Máy chia cuộn lớn (máy cắt lớn)	Số lượng: 04 máy	Số lượng: 05 máy	Bổ sung thêm 01 máy vào năm 2025
3.3	Máy hút rìa giấy	Số lượng: 01 máy Ống thu gom lượng rìa giấy được thu gom từ 09 máy gồm 05 máy cắt nhỏ và 04 máy cắt lớn.	Số lượng: 02 máy Ống thu gom lượng rìa giấy được thu gom từ 06 máy gồm: - 4 máy cắt nhỏ và 2 máy cắt lớn (cắt nhỏ 4, 5, 6, 7 và cắt lớn 2, 3). - 3 máy cắt nhỏ và 3 máy cắt lớn (cắt nhỏ 1, 8, 9 và cắt lớn 1, 4, 5).	Nhà máy sẽ cắt 03 ống thu rìa giấy từ 03 máy (cắt nhỏ 1 và cắt lớn 1, 4) của máy hút rìa giấy số 1 hiện hữu để chuyển sang cho máy hút rìa giấy mới số 2 sẽ đầu tư thêm.

(Nguồn: Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo, năm 2024)

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN trong Khu chế xuất Linh Trung II).

1.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh, từ lavabo rửa tay khu vực nhà xưởng, nhà văn phòng và nhà ăn được xử lý sơ bộ bằng 11 bể tự hoại 3 ngăn (tổng thể tích 46,2 m³), 01 bể tách dầu mỡ (0,73 m³), 01 bể trung gian (0,5 m³) trước khi chảy về hệ thống xử lý thu gom, thoát nước thải của KCN trong KCX Linh Trung II tại 02 hố ga trên đường số 3 cống số 1 và gần cống số 3.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn pha hồ, cặn mực in hệ nước sẽ thu gom xử lý cục bộ. Phần bùn sẽ được chuyển giao cho đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của Pháp luật. Phần nước sạch sẽ dẫn về bể thu cặn hồ để tái sử dụng.

1.1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.1.2.1. Bể tự hoại; Bể tách dầu mỡ, bể trung gian:

- Số lượng: 11 bể tự hoại, 01 bể tách mỡ, 01 bể trung gian.
- Thể tích: 11 bể có thể tích mỗi bể 4,2 m³; 01 bể tách mỡ đặt gần khu vực nhà ăn có thể tích 0,73 m³, 01 bể trung gian đặt gần khu vực nhà ăn có thể tích 0,5 m³.
- Hóa chất sử dụng: không.

- Tóm tắt quy trình: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, nước thải nhà ăn qua bể tách dầu mỡ, bể trung gian → Hố ga cuối → Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN trong Khu chế xuất Linh Trung II.

Hệ thống xử lý nước thải sản xuất:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sản xuất (cặn hồ, mực in gốc nước) → Thùng phuy 200 lít → Bể thu cặn hồ → Bồn inox → Bồn chứa 500 lít → Cột lọc → (bồn inox → hồ lắng → chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải công nghiệp thông thường) Thùng chứa 200 lít → Quay về bể thu cặn hồ.

- Công suất thiết kế: 1 m³/ngày.đêm.
- Hoá chất sử dụng: NaOH, PAC, Polymer, nước, than hoạt tính, sỏi, đá.

1.1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

1.1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đảm bảo cung cấp điện cho các thiết bị được hoạt động liên tục.
- Vận hành hệ thống xử lý theo đúng hướng dẫn vận hành của nhà cung cấp.
- Thường xuyên theo dõi hoạt động, bảo dưỡng định kỳ của các máy móc, tình trạng hoạt động của các bể để có biện pháp khắc phục kịp thời.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những môi nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn.
- Bố trí nhân viên quản lý vận hành công trình xử lý nước thải. Yêu cầu người quản lý, vận hành công trình xử lý nước thải phải có trình độ chuyên môn cần thiết và nắm bắt được một số nguyên tắc, thực hiện đúng các thao tác kỹ thuật về quản lý, vận hành công trình xử lý nước thải.

1.2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lập Kế hoạch vận hành thử nghiệm theo điểm g và điểm h khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Tách rời hoàn toàn hệ thống thu gom, thoát nước thải với hệ thống thu gom, thoát nước mưa; Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng KCN trong Khu chế xuất Linh Trung II, không được phép xả thải trực tiếp ra môi trường dưới mọi hình thức.
- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.
- Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN trong Khu chế xuất Linh Trung II.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

2.1 Nguồn phát sinh khí thải:

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, nguồn phát sinh khí thải chủ cơ sở đề nghị cấp phép như sau:

- + Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng, công suất 1.040 kVA.
- + Nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ lò dầu DO, công suất 1.500 kW.
- + Nguồn số 03: Bụi, khí thải phát sinh từ máy cắt lớn, cắt nhỏ về máy hút rìa giấy số 1.
- + Nguồn số 04: Bụi, khí thải phát sinh từ máy cắt lớn, cắt nhỏ về máy hút rìa giấy số 2.

2.2. Lưu lượng xả khí thải tối đa:

Trong giai đoạn hoạt động, tại cơ sở phát sinh lượng khí thải tối đa là 68.500 m³/ngày, lưu lượng xả thải tối đa chủ cơ sở đề nghị cấp phép là 68.500 m³/ngày.

+ Nguồn số 01: Khí thải, bụi từ máy phát điện dự phòng, công suất 1.040 kVA, lưu lượng xả khí thải tối đa: 2.500 m³/giờ.

+ Nguồn số 02: Khí thải, bụi từ lò gia nhiệt đốt bằng dầu DO, công suất 1.500 kW, lưu lượng xả khí thải tối đa: 6.000 m³/giờ.

+ Nguồn số 03: Bụi, khí thải phát sinh từ máy cắt lớn, cắt nhỏ về máy hút rìa giấy số 1, lưu lượng xả khí thải tối đa: 30.000 m³/giờ.

+ Nguồn số 04: Bụi, khí thải phát sinh từ máy cắt lớn, cắt nhỏ về máy hút rìa giấy số 2, lưu lượng xả khí thải tối đa: 30.000 m³/giờ.

=> **Tổng lưu lượng xả khí thải tối đa là: 2.500 + 6.000 + 30.000 + 30.000 = 68.500 m³/giờ.**

2.3. Dòng khí thải:

Trong giai đoạn hoạt động, số lượng dòng khí thải chủ cơ sở đề nghị cấp phép là 2 dòng khí thải:

+ Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thoát khí của máy phát điện dự phòng, công suất 1.040 kVA (nguồn số 01), lưu lượng quạt hút: 2.500 m³/giờ.

+ Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống thoát khí lò gia nhiệt đốt bằng dầu DO, công suất 1.500 kW (nguồn số 02), lưu lượng quạt hút: 6.000 m³/giờ.

+ Dòng khí thải số 03: Tương ứng với ống thoát khí máy hút rìa giấy số 1 (nguồn số 03), lưu lượng quạt hút: 30.000 m³/giờ.

+ Dòng khí thải số 04: Tương ứng với ống thoát khí máy hút rìa giấy số 2 (nguồn số 04), lưu lượng quạt hút: 30.000 m³/giờ.

2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B, K _p = 0,9, K _v = 1	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
I	Nguồn số 01, 02				
1	CO	mg/Nm ³	900	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ tại Điều 98 Nghị định số	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại
2	SO ₂	mg/Nm ³	450		
3	NO _x	mg/Nm ³	540		
4	Bụi	mg/Nm ³	180		

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo”

5	Lưu lượng	m ³ /h	--	08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.	Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
II	Nguồn số 03, 04				
1	Bụi	mg/Nm ³	180	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí	Không thuộc đối tượng phải quan
2	Lưu lượng	m ³ /h	--	thải định kỳ tại Định 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.	trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Định 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ

2.5. Vị trí, phương thức xả khí thải:

Bảng 6.1. Vị trí, phương thức xả khí thải của từng nguồn phát sinh

STT	Vị trí	Tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực TP.HCM: 105°45', múi chiều 3°)		Phương thức xả thải
		X (m)	Y (m)	
1	Ống thoát khí của máy phát điện dự phòng, công suất 1.040 kVA	1204572	687968	Xả trực tiếp
2	Ống thoát khí lò gia nhiệt đốt bằng dầu DO, công suất 1.500 kW	1197139	604996	Xả trực tiếp
3	Ống thoát khí máy hút rìa giấy số 1	1204526	687989	Xả trực tiếp
4	Ống thoát khí máy hút rìa giấy số 2	1204526	687988	Xả trực tiếp

- Phương thức xả thải:

+ Dòng khí thải số 01: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống khói theo phương thức quạt hút cưỡng bức, xả gián đoạn (chỉ xả thải trong thời gian hoạt động mỗi ngày của nhà máy, 8 giờ/ngày).

+ Dòng khí thải số 02: Khí thải xả vào môi trường qua ống thoát khí theo phương thức xả trực tiếp, không thông qua quạt hút, xả gián đoạn (chỉ xả thải trong thời gian hoạt động mỗi ngày của nhà máy, 24 giờ/ngày).

+ Dòng khí thải số 03: Khí thải xả vào môi trường qua ống thoát khí theo phương thức xả trực tiếp, xả liên tục (chỉ xả thải trong thời gian hoạt động mỗi ngày của nhà máy, 24 giờ/ngày).

+ Dòng khí thải số 04: Khí thải xả vào môi trường qua ống thoát khí theo phương thức xả trực tiếp, xả liên tục (chỉ xả thải trong thời gian hoạt động mỗi ngày của nhà máy, 24 giờ/ngày).

Nguồn tiếp nhận khí thải: Môi trường không khí xung quanh.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

– Nguồn phát sinh: Trong giai đoạn hoạt động Nhà máy nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chủ yếu từ các nguồn sau:

+ Nguồn số 1: Quạt hút của hệ thống xử lý khí thải lò dầu; tọa độ: X(m): 1197139; Y(m): 604996.

+ Nguồn số 2: Khu vực máy cắt nhỏ; tọa độ: X(m): 1204515; Y (m): 687991.

+ Nguồn số 3: Khu vực máy cắt lớn; tọa độ: X(m): 1204505; Y (m): 687965.

+ Nguồn số 4: Khu vực máy cắt tấm; tọa độ: X(m): 1204499; Y (m): 687930.

+ Nguồn số 5: Khu vực máy xén; tọa độ: X(m): 1204508; Y (m): 687961.

+ Nguồn số 6: Khu vực máy sửa giấy; tọa độ: X(m): 1204507; Y (m): 687968.

+ Nguồn số 7: Khu vực máy cán vân; tọa độ: X(m): 1204508; Y (m): 687968.

+ Nguồn số 8: Khu vực máy cắt lõi; tọa độ: X(m): 1204502; Y (m): 687964.

+ Nguồn số 9: Khu vực máy bể; tọa độ: X(m): 1204520; Y (m): 687985.

+ Nguồn số 10: Khu vực máy bồi tấm; tọa độ: X(m): 1204524; Y (m): 687981.

+ Nguồn số 11: Khu vực máy cán dán màng; tọa độ: X(m): 1204497; Y (m): 687596.

+ Nguồn số 12: Khu vực máy phát điện (nguồn không liên tục, chỉ phát sinh khi có hoạt động của máy phát điện); tọa độ: X(m): 1204572; Y (m): 687968.

+ Nguồn số 13: Máy bơm nước thải; tọa độ: X(m): 1204575; Y(m): 688000.

+ Nguồn số 14: Quạt hút của máy hút rìa giấy số 1; tọa độ: X(m): 1204526; Y (m): 687989.

+ Nguồn số 15: Quạt hút của máy hút rìa giấy số 2; tọa độ: X(m): 1204526; Y (m): 687988.

(Sử dụng hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

– Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

Bảng 3. 16. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn trong giai đoạn hoạt động cơ sở

TT	Từ 6 – 21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường: Các điểm ngoài hàng rào khu vực Cơ sở.

Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

Bảng 3. 17. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung trong giai đoạn hoạt động cơ sở

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 – 21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường: Các điểm ngoài hàng rào khu vực Cơ sở.

Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

4. Quản lý chất thải

A. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở khoảng **137.280 kg/năm** với thành phần và khối lượng cụ thể như sau:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Kí hiệu phân loại
1	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất đảm bảo rỗng hoàn toàn (thùng phuy sắt đựng chất thải 200 lít, 1 cái = 17 kg)	Rắn	90.000	18 01 02	KS
2	Bình chứa sơn, mực nước (nhựa)	Rắn	1.500	18 01 03	KS
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ chất thải bị nhiễm TPNH	Rắn	14.400	18 02 01	KS
4	Bao bì mềm chứa hóa chất thải	Rắn	8.400	18 01 01	KS
5	Bùn thải chứa các thành phần nguy hại	Bùn	9.800	12 06 06	KS
6	Dung môi thải	Lỏng	8.600	16 01 01	NH
7	Dầu động cơ và hộp số bôi trơn	Lỏng	350	17 02 03	NH
8	Mực in thải	Rắn	4.500	08 02 01	KS
9	Bóng đèn Led thải	Rắn	80	16 01 13	NH
Tổng khối lượng phát sinh			137.280		

4.1. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của nhà máy với khối lượng ước tính khoảng **1.306,8 tấn/năm** bao gồm: cặn hồ hữu cơ, sản phẩm lỗi, giấy vụn,...

4.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại Nhà máy với khối lượng ước tính khoảng **58.500 kg/năm** chủ yếu bao gồm chất thải hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn dơ,...), chất thải vô cơ (bao gồm nylon dính đồ ăn, vỏ lon, thủy tinh,...).

4.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

4.3.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: 20 thùng phuy chứa CTNH, dung tích 200 lít có dán nhãn phân loại.
- Kho lưu chứa: Diện tích: 40 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Mái che kín nắng mưa, nền bê tông để chống thấm; xung quanh kho chứa CTNH có gờ bao cao 10cm. Khu vực lưu chứa có lắp đặt biển cảnh báo, có dán nhãn phân loại từng mã CTNH, có thiết bị phòng cháy chữa cháy đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

4.3.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: 100 thùng pallet gỗ chứa chất thải rắn công nghiệp, dung tích 1,3mx1mx0,85m, thùng phuy 200 lít có dán nhãn phân loại.
- Kho lưu chứa: Diện tích: 400 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Mái che kín nắng mưa, mặt sàn được bê tông, có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

4.3.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: 04 thùng nhựa HDPE (có nắp đậy), dung tích 240 lít.
- Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt tại nhà máy có diện tích 9 m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu tập kết: Có nền bê tông chống thấm, mái che.

B. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 của Luật Bảo vệ môi trường.

– Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố môi trường khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

– Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại: Khu lưu giữ chất thải được chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

– Công tác phòng cháy và chữa cháy: Trang bị đầy đủ các thiết bị chống cháy nổ, các phương tiện phòng cháy chữa cháy được kiểm tra thường xuyên và ở trong tình trạng sẵn sàng nhằm khắc phục kịp thời khi có sự cố xảy ra. Công nhân được hướng dẫn, tập huấn các phương pháp phòng chống cháy nổ. Thiết bị, máy móc phòng cháy chữa cháy phải đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy, chữa cháy.

– Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải:

Kết quả quan trắc nước thải tại hố ga cuối vào ngày 24/06/2022 và 18/11/2022.

Bảng 5. 1. Kết quả quan trắc nước thải năm 2022

STT	Chỉ tiêu	Kết quả		Tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN trong KCX Linh Trung II
		KT01	KT02	
1	pH(30,4 ⁰ C)	6,95	6,8	5 - 9
2	TSS (mg/l)	27	23	300
3	COD (mg/l)	26	35	800
4	BOD ₅ (mg/l)	12	16	500
5	Tổng N (mg/l)	2	4,12	60
6	Tổng P (mg/l)	0,36	0,71	6
7	NH ₄ ⁺ (tính theo N) (mg/l)	1,57	3,02	10

(Nguồn: Trung tâm Công nghệ Môi trường COSHET, 2022)

Kết quả quan trắc nước thải tại hố ga cuối vào ngày 18/05/2023 và 10/11/2023.

Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc nước thải năm 2023

STT	Chỉ tiêu	Kết quả		Tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN trong KCX Linh Trung II
		KT01	KT02	
1	pH(30,4 ⁰ C)	6,64	6,71	5 - 9
2	TSS (mg/l)	21	16	300
3	COD (mg/l)	18	31	800
4	BOD ₅ (mg/l)	8	13	500
5	Tổng N (mg/l)	4,68	3,19	60
6	Tổng P (mg/l)	0,12	0,24	6
7	NH ₄ ⁺ (tính theo N) (mg/l)	1,03	0,72	10

(Nguồn: Trung tâm Công nghệ Môi trường COSHET, 2023)

Nhận xét: Nước thải phát sinh tại hố ga nhà máy có các chỉ tiêu phân tích của nước thải đều nằm trong giới hạn cho phép của KCN trong KCX Linh Trung II.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải:

Kết quả quan trắc khí thải tại lò đốt dầu DO vào ngày 24/06/2022 và 18/11/2022:

Bảng 5. 3. Kết quả quan trắc khí thải của cơ sở năm 2022

TT	Tên điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Nhóm thông số							
			Lưu lượng (m ³ /h)	Nhiệt độ (°C)	Bụi (mg/Nm ³)	CO (mg/Nm ³)	SO ₂ (mg/Nm ³)	NO _x (mg/Nm ³)	CO ₂ (%)	O ₂ (%)
1	291-05/22-3/KQPT	06/05/2022	5.365	84	57	96,7	KPH	24,5	-	-

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo”

TT	Tên điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Nhóm thông số							
			Lưu lượng (m ³ /h)	Nhiệt độ (°C)	Bụi (mg/Nm ³)	CO (mg/Nm ³)	SO ₂ (mg/Nm ³)	NO _x (mg/Nm ³)	CO ₂ (%)	O ₂ (%)
2	811-11/22-1.2/KQPT	11/11/2022	5.740	89	70	123,4	KPH	46,7	6,5	8,5
QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, K_p= 1, K_v = 1			-	-	200	1.000	500	850	-	-

(Nguồn: Trung tâm Công nghệ Môi trường COSHET, 2022)

Kết quả quan trắc khí thải tại lò đốt dầu DO vào ngày 18/05/2023 và 10/11/2023

Bảng 5. 4. Kết quả quan trắc khí thải của cơ sở năm 2023

TT	Tên điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Nhóm thông số					
			Lưu lượng (m ³ /h)	Nhiệt độ (°C)	Bụi (mg/Nm ³)	CO (mg/Nm ³)	SO ₂ (mg/Nm ³)	NO _x (mg/Nm ³)
1	449-05/23-2/KQPT	18/05/2023	5.034	81	51	76,4	KPH	20,3
2	1179-11/23-3.1/KQPT	10/11/2023	5.723	98	83	450,3	15,7	49,2
QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, K_p= 1, K_v = 1			-	-	200	1.000	500	850

(Nguồn: Trung tâm Công nghệ Môi trường COSHET, 2023)

Nhận xét: Kết quả quan trắc chất lượng môi trường khí thải lò dầu của cơ sở cho thấy tất cả các chỉ tiêu đều đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, K_p= 1, K_v = 1: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo:

Không có.

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Cơ sở:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lập Kế hoạch vận hành thử nghiệm theo *điểm g và điểm h khoản 1, điều 31, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022* của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

2.1.1. Quan trắc nước thải

Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ tại Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.1.2. Quan trắc khí thải

Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ tại Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

Cơ sở không có trạm quan trắc tự động, liên tục.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất chủ cơ sở.

Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ tại Điều 98 và quan trắc nước thải tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Tuy nhiên, căn cứ Khoản 6, Điều 112, Luật Bảo vệ môi trường 2020 khuyến khích doanh nghiệp thực hiện quan trắc nước thải để tự theo dõi, giám sát hệ thống, thiết bị xử lý khí thải của mình. Do đó, Chủ cơ sở đề xuất thực hiện quan trắc nước thải 01 lần/năm. Cụ thể như sau:

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, tổng N, tổng P, Amoni, Dầu mỡ động thực vật.
- Vị trí giám sát: 02 mẫu tại hố ga cuối đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN trong KCX Linh Trung II gần cống số 3.
- Tần suất giám sát: 01 lần/năm.
- Quy chuẩn áp dụng: Tiêu chuẩn đầu nối nước thải của KCN trong KCX Linh Trung II.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Bảng 6. 1. Kinh phí quan trắc môi trường

STT	Nội dung	Số lượng (mẫu)	Tần suất (lần/năm)	Đơn giá (VNĐ)	Kinh phí
1	Quan trắc môi trường nước thải (1 lần/năm)	02	1	5.000.000	10.000.000
Tổng cộng					10.000.000

CHƯƠNG VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Cơ sở qua các đợt kiểm tra thì không nhận được yêu cầu khắc phục các vấn đề về môi trường của thanh tra, kiểm tra và cơ quan chức năng có thẩm quyền.

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Chúng tôi xin đảm bảo tính chính xác, trung thực về các số liệu của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường. Chúng tôi cũng xin bảo đảm rằng các tiêu chuẩn, định mức của các nước và các tổ chức Quốc tế được trích lục và sử dụng trong Báo cáo của chúng tôi đều chính xác và đang có hiệu lực.

Chúng tôi cũng xin cam kết sẽ thực hiện đúng các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở như sau:

- Chủ cơ sở cam kết thực hiện đúng các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở.
- Chủ cơ sở cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động xấu, phòng ngừa và ứng cứu sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở:
 - + Kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí.
 - + Kiểm soát ô nhiễm môi trường nước.
 - + Kiểm soát ô nhiễm do chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.
 - + Biện pháp phòng cháy chữa cháy.
 - + Biện pháp phòng ngừa và ứng cứu sự cố;
- Chủ cơ sở cam kết xử lý nước thải đạt quy chuẩn Việt Nam và vận hành công trình xử lý môi trường trong suốt thời gian hoạt động của cơ sở, tuân thủ theo các quy chuẩn môi trường.
- Chủ cơ sở cam kết đảm bảo hệ thống kết cấu hạ tầng của cơ sở: hệ thống cấp thoát nước; hệ thống giao thông; hệ thống cấp điện; hệ thống thông tin liên lạc và công trình xử lý môi trường.
- Chủ cơ sở cam kết thực hiện đầy đủ các chương trình giám sát môi trường và lập báo cáo công tác môi trường định kỳ 1 năm/lần, gửi về Cơ quan có thẩm quyền.
- Chủ cơ sở nghiêm túc thực hiện các quy chuẩn môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở, cụ thể:
 - + QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;
 - + QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí;
 - + QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
 - + QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung;
 - + Tiêu chuẩn đầu nổi nước thải với KCN trong KCX Linh Trung II.

Chủ đầu tư cam kết tuân thủ theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

Số : 291-05/22-3 / KQPT

Tp.HCM, ngày 13 tháng 05 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH BAO BÌ GIẤY NEW TOYO

2/ Địa chỉ : Lô số 15,17,19 và 21, KCN trong KCX Linh Trung II, T.p Thủ Đức, Tp.HCM

3/ Thời gian lấy mẫu : 06/05/2022

4/ Loại mẫu : Chất lượng không khí

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo
1	Toluen*	NIOSH Method 1501	NIOSH Method 1501	0,005 mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu	Toluen
Điểm đo	(mg/m ³)
Khu vực sản xuất	2,11
QCVN 03:2019/BYT ^(a)	78,125

*Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc**(*) : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận**(a)Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)***BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÒNG GIÁM ĐỐC**

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

Số : 291-05/22-3 / KQPT

Tp.HCM, ngày 13 tháng 05 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH HAO BÌ GIẤY NEW TOYO

2/ Địa chỉ : Lô số 15,17,19 và 21, KCN trong KCX Linh Trung II, T.p Thủ Đức, Tp.HCM

3/ Thời gian lấy mẫu : 06/05/2022

4/ Nội dung : Khí thải

5/ Phương pháp phân tích

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm ³
2	CO*	TCVN 7242:2003	TCVN 7242:2003	2,7 mg/Nm ³
3	NO _x (tính theo NO ₂)*	TCVN 7245:2003	TCVN 7245:2003	1,5 mg/Nm ³
4	SO ₂ *	TCVN 7246:2003	TCVN 7246:2003	5,4 mg/Nm ³
5	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 - 4.521.600 m ³ /h
6	Nhiệt độ*	SOP_HTKT04	-	0÷1.200°C

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu	Lưu lượng	Nhiệt độ	Bụi	CO	SO ₂	NO _x
Nguồn thải	P (m ³ /h)	(°C)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)
Khí thải tại lò hơi (Đo tại nguồn thải)	5.365	84	57	96,7	KPH	24,5
QCVN 19 : 2009/RTNMT (Giá trị giới hạn B)	C _{max} = C x K _p x K _v với K _p =1 và K _v = 1	-	200	1.000	500	850

*Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc**(*) : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận**KPH: Không phát hiện(<MDL)***HỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**
Quách Văn Duy**KIỂM GIAM ĐOC TRUNG TÂM****PHÒNG KIỂM GIAM ĐOC**
TRUNG TÂM
TƯ VẤN CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG VÀ
AN TOÀN VỆ SINH
LAO ĐỘNG
Thái Sanh Bảo Huy**Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy**

BM02-TT17, LẤY BHL 02; SD 03 (NGÀY BH, SD: 29/01/2021)

Số : 291-05/22-3 / KQPT

Tp.HCM, ngày 13 tháng 05 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH BAO BÌ GIẤY NEW TOYO

2/ Địa chỉ : Lô số 15,17,19 và 21, KCN trong KCX Linh Trung II, T.p Thủ Đức, Tp.HCM

3/ Thời gian lấy mẫu : 06/05/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải tại hồ ga nhà máy (X=6005842;Y=1204673)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	Tiêu chuẩn KCX Linh Trung 2	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(30,7°C)	-	6,95	2 - 12,5	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	27	5,0	300	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD*	mg/L	26	2,0	800	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD ₅ **	mg/L	12	1,0	500	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N**	mg/L	2,0	1,56	60	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P**	mg/L	0,36	0,017	6	TCVN 6202: 2008
7	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	1,57	0,011	10	TCVN 6179-1:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**
Quách Văn Duy**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**
ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Số : 811-11/22-1.2 / KQPT

Tp.HCM, ngày 18 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG1/ Địa điểm lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH BAO BÌ GIẤY NEW TOYO**

2/ Địa chỉ : Lô số 15,17,19 và 21, KCN trong KCX Linh Trung II, T.p Thủ Đức, Tp.HCM

3/ Thời gian lấy mẫu : 11/11/2022

4/ Loại mẫu : Chất lượng không khí

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo
1	Toluen*	NIOSH Method 1501	NIOSH Method 1501	0,005 mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu	Toluen
Điểm đo	(mg/m ³)
Khu vực sản xuất	1,77
QCVN 03:2019/BYT ^(a)	78,125

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*) : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(a) Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**
Quách Văn Duy**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHỤ GIÁM ĐỐC**
ThS. Thái Thanh Bảo Huy

Số : 811-11/22-1.2 / KQPT

Tp.HCM, ngày 18 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH BAO BÌ GIẤY NEW TOYO

2/ Địa chỉ : Lô số 15,17,19 và 21, KCN trong KCX Linh Trung II, T.p Thủ Đức, Tp HCM

3/ Thời gian lấy mẫu : 11/11/2022

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp phân tích

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm ³
2	CO*	TCVN 7242:2003	TCVN 7242:2003	2,7 mg/Nm ³
3	NO _x (tính theo NO ₂)*	TCVN 7245:2003	TCVN 7245:2003	1,5 mg/Nm ³
4	SO ₂ *	TCVN 7246:2003	TCVN 7246:2003	5,4 mg/Nm ³
5	CO ₂ *	SOP HTKT03	-	0 - 50% (v/v)
6	O ₂ *	SOP HTKT02	-	0-25% (v/v)
7	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 - 4.521.600 m ³ /h
8	Nhiệt độ*	SOP HTKT04	-	0-1.200°C

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu	Lưu lượng	Nhiệt độ	Bụi	CO	SO ₂	NO _x	CO ₂	O ₂
Nguồn thải	P (m ³ /h)	(°C)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	%	%
Khí thải tại lò hơi (Đo tại nguồn thải)	5.740	89	70	123,4	KPH	46,7	6,5	8,4
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B)	C _{max} = C x K _p x K _v với K _p = 1 và K _v = 1	-	200	1.000	500	850	-	-

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đặc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

KPH: Không phát hiện(<MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**



Quách Văn Duy



Số : 811-11/22-1.2 / KQPT

Tp.HCM, ngày 18 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH BAO BÌ GIẤY NEW TOYO

2/ Địa chỉ : Lô số 15,17,19 và 21, KCN trong KCX Linh Trung II, T.p Thủ Đức, Tp.HCM

3/ Thời gian lấy mẫu : 11/11/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải tại hồ ga nhà máy (X=6005842;Y=1204673)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDI) / Phạm vi đo	Tiêu chuẩn KCX Linh Trung 2	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(30,4°C)	-	6,80	2 - 12,5	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	23	5,0	300	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD*	mg/L	35	2,0	800	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD ₅ **	mg/L	16	1,0	500	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N**	mg/L	4,12	1,56	60	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P**	mg/L	0,71	0,017	6	TCVN 6202: 2008
7	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	3,02	0,011	10	TCVN 6179-1:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*) : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**) : Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**
Quách Văn Duy
KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
THO GIÁM ĐỐC
ThS. Thuần Sinh Bân Huy

Số : 449-05/23-2 / KQPT

Tp.HCM, ngày 25 tháng 05 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG**1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH BAO BÌ GIẤY NEW TOYO****2/ Địa chỉ : Lô số 15,17,19 và 21, KCN trong KCX Linh Trung II, T.p Thủ Đức, Tp.HCM****3/ Thời gian lấy mẫu : 18/05/2023****4/ Loại mẫu : Khí thải****5/ Phương pháp phân tích**

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm ³
2	CO*	TCVN 7242:2003	TCVN 7242:2003	2,7 mg/Nm ³
3	NO _x (tính theo NO ₂)*	TCVN 7245:2003	TCVN 7245:2003	1,5 mg/Nm ³
4	SO ₂ *	TCVN 7246:2003	TCVN 7246:2003	5,4 mg/Nm ³
5	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 - 4.521.600 m ³ /h
6	Nhiệt độ*	SOP_HTKT04	-	0-1.200 ⁰ C

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu	Lưu lượng	Nhiệt độ	Bụi	CO	SO ₂	NO _x
Nguồn thải	P (m ³ /h)	(⁰ C)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)
449-05/23-21. Khí thải tại lò hơi (Đo tại nguồn thải)	5.034	81	51	76,4	KPH	20,3
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B)	C _{max} = C x K _p x K _v với K _p = 1 và K _v = 1	-	200	1.000	500	850

*Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc**(*) : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận**KPH: Không phát hiện(<MDL)***BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG****KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÒNG KIỂM ĐỐC****Quách Văn Duy**
Quách Văn Duy

Số : 449-05/23-2 / KQPT

Tp.HCM, ngày 25 tháng 05 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH BAO BÌ GIẤY NEW TOYO

2/ Địa chỉ : Lô số 15,17,19 và 21, KCN trong KCX Linh Trung II, T.p Thủ Đức, Tp.HCM

3/ Thời gian lấy mẫu : 18/05/2023

4/ Loại mẫu : Chất lượng không khí

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo
1	Toluen*	NIOSH Method 1501	NIOSH Method 1501	0,005 mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu	Toluen
Điểm đo	(mg/m ³)
449-05/23-2K.Khu vực sản xuất	4,64
QCVN 03:2019/BYT ⁽ⁿ⁾	78,125

*Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc**(*) : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận**(a)Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)***BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**PHỤ GIÁM ĐỐC**

ThS. Thái Sơn Bàn Huy

Số : 449-05/23-2 / KQPT

Tp.HCM, ngày 25 tháng 05 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH BAO BÌ GIẤY NEW TOYO

2/ Địa chỉ : Lô số 15,17,19 và 21, KCN trong KCX Linh Trung II, T.p Thủ Đức, Tp.HCM

3/ Thời gian lấy mẫu : 18/05/2023

4/ Loại mẫu : 449-05/23-2NT.Nước thải tại hồ ga nhà máy (X=6005842;Y=1204673)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	Tiêu chuẩn KCX Linh Trung 2	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(30,4°C)	-	6,64	2 - 12,5	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	21	5,0	300	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD*	mg/L	18	2,0	800	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD ₅ **	mg/L	8	1,0	500	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N**	mg/L	4,68	1,56	60	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P**	mg/L	0,12	0,017	6	TCVN 6202: 2008
7	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	1,03	0,011	10	TCVN 6179-1:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

**HỌ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**
Quách Văn Duy**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**

ThS. Thái Sinh Bàn Huy

Số : 1179-11/23-3.1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 17 tháng 11 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH BAO BÌ GIẤY NHÔM NEW TOYO

2/ Địa chỉ : Lô số 15,17,19 và 21, KCN trong KCX Linh Trung II, T.p Thủ Đức, Tp.HCM

3/ Thời gian lấy mẫu : 10/11/2023

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

SIT	Chi tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	1,2 mg/Nm ³
2	CO*	SOP HTKT01	-	0-11400 mg/Nm ³
3	SO ₂ *	SOP HTKT01	-	0-13100 mg/Nm ³
4	NO _x *	SOP HTKT01	-	NO: 0-4920 mg/Nm ³ NO ₂ : 0-2068 mg/Nm ³
5	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 - 4.521.600 m ³ /h
6	Nhiệt độ*	SOP HTKT02	-	0-1200°C

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chi tiêu	Lưu lượng	Nhiệt độ	Bụi	CO	SO ₂	NO _x
Nguồn thải	P (m ³ /h)	(°C)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)
1179-11/23-3.1KT Khí thải tại lò hơi (Đo tại nguồn thải)	5.723	98	83	450,3	15,7	49,2
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn H)	C _{max} = C x K _p x K _v với K _p = 1 và K _v = 1	-	200	1.000	500	850

*Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc**(*) : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận***BỘ PHÂN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**
ThS. Thái Sinh Bảo Huy

Số : 1179-11/23-3.1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 17 tháng 11 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG**1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH BAO BÌ GIẤY NHÔM NEW TOYO****2/ Địa chỉ : Lô số 15,17,19 và 21, KCN trong KCX Linh Trung II, T.p Thủ Đức, Tp.HCM****3/ Thời gian lấy mẫu : 10/11/2023****4/ Loại mẫu : Chất lượng không khí****5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:**

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo
1	Toluen*	NIOSH Method 1501	NIOSH Method 1501	0,007 mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	Toluen (mg/m ³)
1179-11/23-3.1KKXQ.Khu vực sản xuất	2,11
QCVN 03:2019/BYT ^(a)	78,125

*Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc**(*) : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận**(a)Già trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)**Kết quả thử nghiệm được tính ở nhiệt độ 25°C và áp suất tuyệt đối 760 mm thủy ngân, tương đương mg/Nm³.***BỘ PHÂN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**
Quách Văn Duy**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**
ThS. Thái Sinh Hào Huy

Số: 1179-11/23-3.1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 17 tháng 11 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH BAO BÌ GIẤY NHÔM NEW TOYO

2/ Địa chỉ : Lô số 15,17,19 và 21, KCN trong KCX Linh Trung II, T.p Thủ Đức, Tp.HCM

3/ Thời gian lấy mẫu : 10/11/2023

4/ Loại mẫu : 1179-11/23-3.1NT.Nước thải tại hố ga nhà máy (X=6005842; Y=1204673)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	Tiêu chuẩn KCX Linh Trung 2	Phương pháp phân tích
-	Lấy và bảo quản Nước thải*	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
-	Lấy và bảo quản mẫu vi sinh*	-	-	-	-	TCVN 8880:2011
1	pH*(30,7 ⁰ C)	-	6,71	2÷12	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/L	16	1,5	300	SMEWW 2540.D:2023
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)*	mg/L	31	2,0	800	SMEWW 5220.C:2023
4	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)*	mg/L	13	1,0	500	TCVN 6001-1:2021
5	Tổng nitơ**	mg/L	3,19	1,50	60	TCVN 6638:2000
6	Tổng photpho (tính theo P)**	mg/L	0,24	0,016	6	TCVN 6202:2008
7	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	0,72	0,010	10	TCVN 6179-1:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*) : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**) : Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
"PHÓ GIÁM ĐỐC"

ThS. Thái Sanh Bảo Høy



CÔNG TY TNHH BAO BÌ GIẤY NHÔM NEW TOYO
NEW TOYO (VIETNAM) ALUMINIUM PAPER PACKAGING CO., LTD.

[T] : (028) 37291768

(028) 37292603

[F] : (028) 37291767

[E] : info@newtoyo.vn

[A] : 1A 15, 17, 19 và 21 Khu

Công Nghiệp trong KCN Linh

Trung II, P. Bình Chiểu, TP. Thủ

Đức, TP. Hồ Chí Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

— oOo —

Số: 03/UQ-2023

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 09 năm 2023

GIẤY ỦY QUYỀN

**Kính gửi: - SỞ, BAN NGÀNH VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM, MÔI TRƯỜNG
- SỞ CÔNG THƯƠNG**

Tôi tên là : **NHAN HÚC QUÂN**

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Là người đại diện pháp luật của CÔNG TY TNHH BAO BÌ GIẤY NHÔM NEW TOYO

Trụ sở: Lô 15, 17, 19 và 21, Khu công nghiệp trong khu chế xuất linh Trung II, Phường Bình Chiểu, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số: 9971043571 ngày 24/03/2021 (điều chỉnh lần thứ 5) cấp bởi Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh.

Và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số: 0302476684 (thay đổi lần thứ 7) ngày 27/04/2023 cấp bởi Sở kế hoạch và Đầu tư TP. HCM.

Nay tôi ủy quyền cho ông : **NGUYỄN TRÍ DŨNG**

CCCD số: 075072006744 cấp ngày 28/09/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC & TTXH

Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

Thay mặt tôi làm việc với cơ quan chức năng về công tác an toàn thực phẩm, môi trường, xử lý chất thải, hóa chất và những công việc có liên quan khác tại công ty cũng như ký trên các chứng từ, Biên bản làm việc, kết luận kiểm tra (nếu có). Nếu có vướng mắc trong quá trình thực hiện, người được ủy quyền phải kịp thời thông báo tới Tổng Giám Đốc để cơ giải pháp xử lý nhanh chóng và phù hợp.

Hai bên tự đọc và công nhận đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc giao kết Giấy ủy quyền này.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi có văn bản khác thay thế và không bị giới hạn trong thời hiệu 01 (một) năm quy định tại Điều 563 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Người thụ ủy,

Người ủy quyền,



NGUYỄN TRÍ DŨNG

NHAN HÚC QUÂN

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0302476684

Đăng ký lần đầu: ngày 16 tháng 11 năm 2001

Đăng ký thay đổi lần thứ: 7, ngày 27 tháng 04 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BAO BÌ
GIẤY NHỜM NEW TOYO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NEW TOYO (VIETNAM) ALUMINIUM
PAPER PACKAGING CO., LTD

Tên công ty viết tắt: NEW TOYO (VIETNAM) CO., LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

*Lô 15, 17, 19 và 21 KCN trong KCX Linh Trung II, Phường Bình Chiểu, Thành phố
Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Điện thoại: (08) 3729 1768

Fax: (08) 3729 1767

Email: info@newtoyovn.com

Website: www.newtoyovn.com

3. Vốn điều lệ 67.492.320.000 đồng

*Bằng chữ: Sáu mươi bảy tỷ bốn trăm chín mươi hai triệu ba trăm hai mươi nghìn
đồng*

tương đương 3.700.000 USD (Ba triệu bảy trăm ngàn đô -la Mỹ)

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: NEW TOYO INTERNATIONAL HOLDINGS LTD.

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 199601387D

Ngày cấp: 28/02/1996 Nơi cấp: Phòng Thương mại Singapore

Địa chỉ trụ sở chính: Số 47 Scotte Road, Goldbell Towers # 05-03, Singapore 228233,
Singapore

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NHAN HỨC QUÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 02/10/1966

Dân tộc: Hoa

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 079166001068

Ngày cấp: 12/04/2016

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: 141-143 đường số 7, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 141-143 đường số 7, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG

PHỤ TRƯỞNG PHÒNG



Võ Xuân Tú



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ



MÃ SỐ DỰ ÁN: 99.7104.35.71.....

NGÀY CẤP: 24 - 3 - 2021.....

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 9971043571

Chứng nhận lần đầu: ngày 16 tháng 11 năm 2001

Chứng nhận thay đổi lần thứ năm: ngày 24 tháng 3 năm 2021

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 731/TTg ngày 03 tháng 10 năm 1996 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9971043571, chứng nhận lần đầu ngày 16/11/2001, chứng nhận thay đổi lần thứ tư ngày 29/11/2019 do Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bao bì giấy nhôm New Toyo;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bao bì giấy nhôm New Toyo nộp ngày 17/3/2021,

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chứng nhận:

Dự án đầu tư CÔNG TY TNHH BAO BÌ GIẤY NHÔM NEW TOYO;
Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9971043571, chứng nhận lần đầu ngày 16/11/2001, chứng nhận thay đổi lần thứ tư ngày 29/11/2019 do Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh cấp;

Được đăng ký điều chỉnh các nội dung dự án như sau: mục tiêu và quy mô, địa điểm thực hiện.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:



Nhà đầu tư:

NEW TOYO INTERNATIONAL HOLDINGS LTD, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 199601387D, ngày cấp 28/02/1996, nơi cấp Singapore;

Địa chỉ trụ sở chính: số 47 Scotte Road, Goldbell Towers #05-03, Singapore 228233, Singapore; điện thoại: (65) 62382188; email: enquiry@newtoyo.com;

Đại diện bởi Ông Lionel Yap Chee Cheong; chức vụ: Giám đốc điều hành; sinh ngày 24/7/1976; quốc tịch Singapore; hộ chiếu số K1262372E, cấp ngày 25/5/2019, nơi cấp Singapore; địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện nay tại: 18 Canberra Drive #13-39 Eight Courtyards, Singapore 768098, Singapore;

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BAO BÌ GIẤY NHÔM NEW TOYO; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302476684 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 16/11/2001; đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 16/3/2021 (Được cấp đổi từ Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số 412043000321 do Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 19/7/2012);

Địa chỉ trụ sở chính: Lô 15, 17, 19 và 21, khu công nghiệp trong khu chế xuất Linh Trung II, phường Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; điện thoại: 028.37291768; fax: 028.37291767; địa chỉ email: info@newtoyovn.com;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nhan Húc Quân; chức vụ Tổng Giám đốc; sinh ngày 02/10/1966; quốc tịch Việt Nam; căn cước công dân số 079166001068, ngày cấp 12/4/2016, nơi cấp Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú & DI.QLG về dân cư; đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay tại 141-143, đường số 7, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh; số điện thoại: 0903916978; địa chỉ email: hucquan@newtoyovn.com.

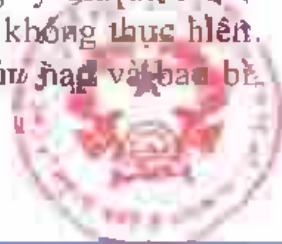
Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: CÔNG TY TNHH BAO BÌ GIẤY NHÔM NEW TOYO.

2. Mục tiêu dự án:

+ Sản xuất các loại giấy nhôm đủ màu, các loại giấy bìa đủ màu, các loại giấy lưới gà đủ màu, các loại giấy bìa tráng màng PET, giấy bìa tráng màng phim và cat xén giấy.

+ Sản xuất đồ gia dụng từ giấy các loại, giấy nhôm, giấy bìa đủ màu, giấy bìa tráng màng PET, giấy bìa tráng màng phim các loại (không thực hiện công đoạn in trên sản phẩm) như cốc, chén đĩa, khay, ống hút nhựa và bao bì giấy khác.



+ Cho thuê nhà xưởng tại Lô 24, khu công nghiệp trong khu chế xuất Linh Trung II.

3. Quy mô dự án:

- + Sản xuất giấy nhôm đủ màu quy mô 7.000 tấn sản phẩm/năm;
- + Sản xuất giấy bìa đủ màu quy mô 8.000 tấn sản phẩm/năm;
- + Sản xuất giấy lưới gà đủ màu quy mô 3.000 tấn sản phẩm/năm;
- + Sản xuất giấy bìa trắng màng PET quy mô 420 tấn sản phẩm/năm;
- + Sản xuất giấy bìa trắng màng phim quy mô 300 tấn sản phẩm/năm;
- + Cắt xén giấy quy mô 2.000 tấn sản phẩm/năm;
- + Sản xuất đồ gia dụng từ giấy các loại, giấy nhôm, giấy bìa đủ màu, giấy bìa trắng màng PET, giấy bìa trắng màng phim các loại (không thực hiện công đoạn in trên sản phẩm) như cốc, chén đĩa, khay, ống hút, nắp và bao bì giấy khác quy mô 2.500 tấn sản phẩm/năm;
- + Cho thuê nhà xưởng diện tích 2.148,6 m².

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô số 15, 17, 19, 21 và 24, khu công nghiệp trong khu chế xuất Linh Trung II, phường Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Diện tích đất sử dụng: 24.773,35 m²

5. Tổng vốn đầu tư của dự án: 127.657.320.000 (Một trăm hai mươi bảy tỷ sáu trăm năm mươi bảy triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng) tương đương 6.850.000 (Sáu triệu tám trăm năm mươi ngàn) đô la Mỹ.

Trong đó, vốn góp thực hiện dự án: 67.492.320.000 (Sáu mươi bảy tỷ bốn trăm chín mươi hai triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng) tương đương 3.700.000 (Ba triệu bảy trăm ngàn) đô la Mỹ, góp bằng tiền, chiếm 52,9% tổng vốn đầu tư.

Tiến độ góp vốn: tháng 10/2011.

6. Thời hạn hoạt động của dự án: đến ngày 22/5/2050.

7. Tiến độ thực hiện dự án:

- Tại Lô số 24, khu công nghiệp trong khu chế xuất Linh Trung II:
 - + Xây dựng nhà xưởng: từ tháng 6/2010 đến tháng 02/2011;
 - + Lắp đặt máy móc thiết bị: từ tháng 02/2011 đến tháng 3/2011;
 - + Vận hành thử: tháng 4/2011;
 - + Sản xuất chính thức: từ tháng 5/2011;
 - + Cho thuê nhà xưởng: từ tháng 4/2021 đến tháng 4/2031.



- Tại các Lô số 15, 17, 19 và 21, khu công nghiệp trong khu chế xuất Linh Trung II:

- + Xây dựng nhà xưởng: từ tháng 12/2001 đến tháng 6/2002;
- + Lắp đặt máy móc thiết bị: tháng 7/2002 đến tháng 11/2002;
- + Vận hành thử: từ tháng 12/2002;
- + Sản xuất chính thức: từ tháng 01/2003.

- Đối với sản xuất đồ gia dụng từ giấy các loại, giấy nhôm, giấy bìa đủ màu, giấy bìa trắng màng PET, giấy bìa trắng màng phim các loại (không thực hiện công đoạn in trên sản phẩm) như cốc, chén đĩa, khay, ống hút, nắp và bao bì giấy khác:

- + Lắp đặt máy móc thiết bị: từ tháng 6/2012 đến tháng 7/2012;
- + Vận hành thử: từ tháng 7/2012 đến tháng 8/2012;
- + Sản xuất chính thức: từ tháng 8/2012.
- Hoàn tất tổng vốn đầu tư: tháng 10/2011.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:

a) Thuế thu nhập doanh nghiệp: Doanh nghiệp được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án theo nguyên tắc kế thừa các ưu đãi đã quy định tại Giấy phép đầu tư, các Giấy phép điều chỉnh và Giấy chứng nhận đầu tư đã được cấp trước đây và phù hợp với các quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp của Việt Nam và các quy định của các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

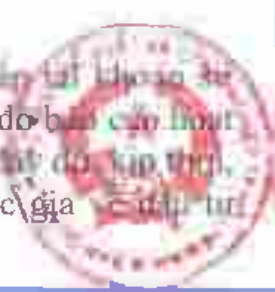
Đối với mục tiêu sản xuất các sản phẩm không phải là giấy nhôm, giấy bìa bạc, giấy bìa vàng, giấy bìa trắng màng PET, giấy sấp vàng, giấy lưỡi gà trắng, giấy lưỡi gà vàng, ống giấy và gia công cắt xén giấy: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế.

b) Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các loại thuế khác: áp dụng theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế.

Điều 3: Các điều kiện đối với hoạt động của dự án:

- Nhà đầu tư có trách nhiệm triển khai dự án đầu tư theo mục tiêu, nội dung, tiến độ cam kết và tuân thủ các quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, các quy định pháp luật về đất đai, môi trường, lao động và pháp luật liên quan trong quá trình triển khai dự án.

- Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư; thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định tại Điều 72 Luật Đầu tư và cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan vào Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.



theo quy định tại Điều 71 Luật Đầu tư; chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

- Nhà đầu tư phải áp dụng và duy trì các biện pháp và phương án cụ thể đáp ứng các yêu cầu về phòng chống cháy nổ, an toàn lao động tại địa điểm thực hiện dự án theo quy định pháp luật hiện hành.

- Dự án sẽ chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn, điều chỉnh có liên quan.

- Đối với hoạt động cho thuê nhà xưởng:

+ Việc cho thuê nhà xưởng của doanh nghiệp phải tuân thủ các điều kiện theo quy định của Luật Kinh doanh Bất động sản, Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan; Bên cho thuê và Bên thuê phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính pháp lý của Hợp đồng thuê nhà xưởng được ký giữa các Bên.

+ Nhà đầu tư phải có phương án bố trí nhà để xe công nhân, lối ra vào, lối thoát hiểm và các công trình phụ trợ khác phục vụ cho Bên thuê trong suốt quá trình thực hiện hoạt động cho thuê nhà xưởng. Áp dụng và duy trì các biện pháp và phương án cụ thể đáp ứng các yêu cầu về phòng chống cháy nổ, an toàn lao động tại địa điểm thực hiện dự án theo quy định pháp luật hiện hành.

+ Bên cho thuê và Bên thuê có trách nhiệm liên hệ Công ty TNHH Sepzone – Linh Trung (Việt Nam) để thỏa thuận về các vấn đề phát sinh từ việc cho thuê có liên quan đến quản lý điều hành của khu chế xuất Sài Gòn-Linh Trung.

+ Doanh nghiệp thuê lại phải có ngành nghề phù hợp với quy hoạch ngành nghề của khu chế xuất Sài Gòn-Linh Trung và được sự chấp thuận của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9971043571, chứng nhận lần đầu ngày 16/11/2001, chứng nhận thay đổi lần thứ tư ngày 29/11/2019 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; 01 bản cấp cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bao bì giấy nhôm New Toyo và 01 bản lưu tại Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.



VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý :

- Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.
- Phải mang Giấy chứng nhận này đến đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền khi: chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người sử dụng đất được phép đổi tên; có thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất; chuyển mục đích sử dụng đất; có thay đổi thời hạn sử dụng đất; chuyển đổi từ hình thức Nhà nước cho thuê đất sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Nhà nước thu hồi đất.
- Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.
- Nếu có thắc mắc hoặc cần tìm hiểu về chính sách, pháp luật đất đai, có thể hỏi cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý đất đai có liên quan. Cán bộ địa chính và cơ quan quản lý đất đai có trách nhiệm giải đáp thắc mắc hoặc cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật đất đai cho người sử dụng đất.



**GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

Số AB 662635

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỨNG NHẬN

I- Tên người sử dụng đất

CÔNG TY TNHH BAO BÌ GIẤY NHÔM NEW TOYO

Giấy phép đầu tư số : 113/GP- KCX- HCM cấp ngày 16 tháng 11 năm 2001

Của Ban Quản lý các KCX và CN Thành Phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ : Lô 15; 17; 19; 21_ KCX Linh Trung 2, Phường Bình Chiểu, Quận Thủ Đức, TP. HCM

II- Thửa đất được quyền sử dụng

1- Thửa đất số : 301-20

2- Tờ bản đồ số : 5 (Tài liệu năm 2003)

3- Địa chỉ thửa đất : Lô 15; 17; 19; 21_ KCX Linh Trung 2, P. Bình Chiểu, Q. Thủ Đức, TP. HCM).

4- Diện tích : 20644,6 m²

(Bằng chữ : Hai mươi nghìn sáu trăm bốn mươi bốn phẩy sáu mét vuông)

5- Hình thức sử dụng : + Sử dụng riêng : 20644,6 m²

+ Sử dụng chung : Không m²

6- Mục đích sử dụng : Đất khu công nghiệp.

7- Thời gian sử dụng : Đến hết ngày 22/5/2050

8- Nguồn gốc sử dụng đất : Thuê đất của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp.

Theo Quyết định số : 755/TTg ngày 11/9/1997 của Thủ Tướng Chính phủ.

Quyết định số : 83/QĐ- UB- QLĐT ngày 07/01/1999 của UBND TP. Hồ Chí Minh.

Theo HĐ thuê lại số : 53/TT-01 với Cty LD KTKD KCX Sài Gòn Linh Trung

III- Tài sản gắn liền với đất

IV- Ghi chú

V- Sơ đồ thửa đất

1204
700

1204
500



Tỷ lệ : 1/ 4000

(Ghi chú : Phần chi tiết xem bản đồ hiện trạng vị trí phân lô số : 3270/GĐ-TNMT có sự kiểm duyệt của Sở Tài Nguyên và Môi Trường ngày 08/10/2004)

Ngày tháng năm 20

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

TUQ.CHỦ TỊCH

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

Điểm	X (m)	Y (m)	Cạnh (m)
1	1204528.31	605714.94	
2	1204570.91	605741.56	50.23
3	1204619.51	605771.92	57.31
4	1204662.28	605798.52	50.37
5	1204704.23	605824.80	49.50
6	1204651.51	605909.30	99.59
7	1204483.07	605804.22	198.53
8	1204479.46	605799.08	6.29
9	1204480.13	605792.18	6.98
1	1204528.31	605714.94	91.00

Hệ tọa độ VN-2000

Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất : T CCC21/1a



TRẦN THẾ NGỌC

Số: 53/TT-01

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

SEPZONE-LINH TRUNG

&

CÔNG TY TNHH NEW TOYO

Ngày ký: 3/12/2001

Lô số: 15,17,19 & 21 – KCX Linh Trung 2

Diện tích: 20.675,83 m²

Thời hạn thuê: 48 năm 5 tháng 19 ngày

THANH TOÁN HÀNG NĂM

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ vào Thỏa Thuận Thuê Đất số 53A/TT-01 ngày giữa Công ty Liên Doanh Khai Thác Kinh Doanh Khu Chế Xuất Sài Gòn Linh Trung và New Toyo International Holdings Ltd.

Hôm nay, ngày 3 tháng 12 năm 2001, hai bên ký hợp đồng gồm có :

CÔNG TY LIÊN DOANH KHAI THÁC VÀ KINH DOANH KHU CHẾ XUẤT SÀI GÒN- LINH TRUNG, (sau đây được gọi là **Sepzone-Linh Trung**).

- Địa chỉ: Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại: 84-8-8962356/ 8962355/ 89623501 Fax: 84-8-8962350.
- Tài khoản số: **02.0001263** tại Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam, Chi Nhánh TP Hồ Chí Minh (Địa chỉ :134 Nguyễn Công Trứ, Q.1, TP Hồ Chí Minh, Điện thoại: 848.8212978/8296568, Fax: 848.8213917)
- Do **ÔNG LIN ZHINONG**, Tổng Giám Đốc
- **ÔNG TRẦN THANH HỒNG**, Phó Tổng Giám Đốc Thứ Nhất, làm đại diện.

VÀ:

CÔNG TY TNHH BAO BÌ GIẤY NHÓM NEW TOYO, được thành lập theo Giấy Phép Đầu Tư số 113/GP-KCN-HCM, do HEPZA cấp ngày 16/11/2001 (sau đây được gọi là **Bên Thuê**)

- Địa chỉ : Lô số **15,17,19 & 21** , khu công nghiệp thuộc Khu Chế Xuất Linh Trung 2, Phường Bình Chiểu, Quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Do **ÔNG WU SE ERH**, Tổng Giám Đốc làm đại diện .

Hai bên đồng ý ký **Hợp Đồng Thuê Đất** (dưới đây được gọi tắt là "**Hợp Đồng**") bao gồm những điều khoản sau:

1. **Sepzone-Linh Trung** cho **Bên Thuê** thuê một thửa đất tại khu công nghiệp thuộc Khu Chế Xuất Linh Trung tại các lô số **15,17,19 & 21** với diện tích **20.675,83m²** (Xem Bản Chỉ Tiết A đính kèm).
2. Thời hạn thuê đất là **48 năm 5 tháng 19 ngày** kể từ 01 giờ ngày **3/12/2001** (tức là Ngày Có Hiệu Lực) đến 24 giờ ngày **22/5/2050**. Ngày có Hiệu Lực sẽ là ngày đến hạn thanh toán của những năm tiếp theo .
3. **Giá Thuê Căn Bản - Phương thức thanh toán - Đặt cọc :**
Theo như **Thỏa Thuận Giữ Đất** được ký ngày **28/6/2001**

3 THANH TOÁN HÀNG NĂM

3.1 Tiền Thuế Căn Bản :

- Từ năm thứ 1 đến năm thứ 10 : USD2,85/m²/năm
- Từ năm thứ 11 đến năm thứ 20 : USD1,90/m²/năm
- Từ năm thứ 21 đến năm thứ 30 : USD1,425/m²/năm
- Từ năm thứ 31 đến năm thứ 50 : USD0,95/m²/năm

3.2 Tổng trị giá hợp đồng: USD1.721.497,07 (Bằng chữ : Một triệu bảy trăm hai mươi một ngàn bốn trăm chín mươi bảy đô-la Mỹ và bảy xu chẵn)

3.3 Phương thức thanh toán - Đặt Cọc Bảo Đảm

3.3.1 Trong thời gian mười (10) ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng này, **Bên Thuê** sẽ chuyển trả cho **Sepzone-Linh Trung** số tiền thuê đất năm đầu tiên, tiền thuế giá trị gia tăng cùng với **Tiền Cọc Bảo Đảm** trị giá bằng tiền thuê đất của năm đầu tiên nhằm đảm bảo việc thực hiện tốt đẹp bản **Hợp Đồng** này. **Sepzone-Linh Trung** sẽ giữ số **Tiền Cọc Bảo Đảm** này và có quyền giữ lại tất cả tiền lãi phát sinh từ đó.

Số tiền đầu tiên **Bên Thuê** phải thanh toán là **USD120.798,55** (Bằng chữ: Một trăm hai mươi ngàn bảy trăm chín mươi tám đô-la Mỹ và năm mươi lăm xu chẵn) bao gồm **Tiền Thuế Đất** của năm đầu tiên là **USD58.926,12**, tiền thuế giá trị gia tăng là **USD2.946,31** và **Tiền Cọc Bảo Đảm** là **USD58.926,12**.

Vào các năm kế tiếp đến Ngày Có Hiệu Lực, **Bên Thuê** sẽ chuyển trả vào tài khoản của **Sepzone-Linh Trung** số tiền thuê của năm kế tiếp đó. Số tiền thuê đất hàng năm sẽ được thanh toán theo bản lập nên trong **Bản Chi Tiết C**.

3.3.2 Trong trường hợp **Bên Thuê** không tiến hành thanh toán tiền thuê đất trễ quá bốn tháng kể từ ngày đến hạn phải thanh toán, **Bên Thuê** coi như đã vi phạm **Hợp Đồng**, trong trường hợp này **Sepzone Linh Trung** có quyền đơn phương chấm dứt **Hợp đồng** này và thu hồi khu đất thuê mà không hoàn trả cho **Bên Thuê** số tiền **Đặt Cọc Bảo Đảm** đã trả. Đồng thời **Sepzone Linh Trung** sẽ yêu cầu **HEPZA** thu hồi giấy phép đầu tư của **Bên Thuê**. Khi chấm dứt **Hợp đồng**, **Bên Thuê** phải thanh toán tất cả các khoản nợ phát sinh cho **Sepzone Linh Trung** bao gồm tiền thuê đất đến hạn, tiền điện nước và bất kỳ khoản nợ nào khác trước khi di chuyển các phương tiện thiết bị trong nhà máy ra khỏi khu đất thuê. Trong trường hợp quá ba (03) tháng kể từ ngày chấm dứt hợp đồng như vừa nêu, nếu **Bên Thuê** vẫn không thanh toán nợ cho **Sepzone Linh Trung**, **Sepzone Linh Trung** có quyền đem nhà xưởng và thiết bị của **Bên Thuê** ra bán đấu giá rộng rãi; số tiền thu được từ việc bán đấu giá trước tiên sẽ được ưu tiên dành cho việc thanh toán nợ cho **Sepzone Linh Trung**, sau khi

thanh toán xong nợ cho Sepzone Linh Trung, số tiền còn dư sẽ hoàn lại cho Bên Thuê.

3.4. Trong trường hợp Bên Thuê không thanh toán đúng kỳ hạn, Bên Thuê phải trả thêm tiền phạt trễ hạn như sau :

1. Trễ trên 1 tháng đến 2 tháng : tiền phạt là 5% số tiền thuê.
2. Trễ trên 2 tháng đến 3 tháng : tiền phạt là 10% số tiền thuê.
3. Trễ trên 3 tháng đến 4 tháng : tiền phạt là 15% số tiền thuê.

4. Trong trường hợp Bên Thuê không tiến hành thanh toán số tiền như đã nêu ở điều 3.3 quá thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày ký Hợp Đồng này thì Hợp Đồng này không còn giá trị, và Tiền đặt cọc giữ đất ghi trong Thỏa Thuận Thuê Đất đã được ký ngày 28/6/2001 sẽ không được hoàn trả lại cho Bên Thuê .

5. Trong thời gian mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được số tiền thuê đất thanh toán lần đầu, Sepzone-Linh Trung sẽ bàn giao thửa đất thuê sẵn sàng cho xây dựng cho Bên Thuê. Đất sẵn sàng cho xây dựng là đất đã giải tỏa, trống trải, không còn chướng ngại, thế đất thiên nhiên thuận lợi.

6. Sepzone-Linh Trung có trách nhiệm từng bước xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ cho hoạt động các xí nghiệp trong Khu Chế Xuất. Sepzone-Linh Trung đảm bảo cung cấp điện và nước cho Bên Thuê cho việc xây dựng và hoạt động.

7. Trong vòng ba (3) tháng kể từ ngày bàn giao đất , Bên Thuê phải khởi công đúng hạn theo Tiến Độ Xây Dựng đã được duyệt.
Trong trường hợp Bên Thuê được phép tự xây dựng nhà xưởng nhưng không hoàn tất việc xây dựng công trình đúng thời hạn quy định, hoặc không khởi công xây dựng đúng hạn, sau ba (3) tháng nếu không có lý do chính đáng từ phía Bên Thuê thì Sepzone-Linh Trung có quyền huỷ bỏ Hợp Đồng và đề nghị Ban Quản Lý các Khu Chế Xuất và Khu Công Nghiệp Thành Phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là HEPZA) thu hồi Giấy Phép Đầu Tư. Bên Thuê sẽ không được hoàn trả số tiền Đặt Cọc Bảo Đảm và Tiền Thuê Đất đã nộp cho Sepzone-Linh Trung.

8. Trong mọi trường hợp diện tích mặt bằng của nhà xưởng và các cấu trúc liên quan khác không được dưới 50% và không vượt quá 70% tổng diện tích khu đất thuê. Các kiến trúc không được xây trên phần hành lang an toàn phía sau Khu Đất. Trừ phần này ra phải dành phần còn lại của toàn bộ diện tích Khu Đất làm đất trống dùng làm bãi đỗ xe, trồng cây cảnh, thảm cỏ và cây xanh . Riêng diện tích trồng cây xanh phải trên 10% tổng diện tích Khu Đất và trong vòng mười hai (12) tháng kể từ lúc ký Hợp Đồng

cây Bền Thuê sẽ tiến hành trồng cây, nếu không, Sepzone-Linh Trung sẽ trồng cây xanh với những chi phí do Bền Thuê trả.

Bền Thuê tự xây dựng nhà xưởng, hàng rào và các kiến trúc khác, phải chứa tại một khoảng đất trống xung quanh Khu Đất để trồng cây xanh, làm lối đi, bêm phòng cháy chữa cháy và lối cổng hậu được xác định như sau:

- Phía tiếp giáp với đường trục chính, chứa sáu (6) mét
- Phía giáp với đường nhánh, chứa bốn mét rưỡi (4,5m).
- Phía tiếp giáp với Khu Đất của các xí nghiệp bên cạnh, chứa ba (3) mét

Nếu kế hoạch đầu tư của Bền Thuê được thực hiện trong nhiều giai đoạn, thì diện tích xây dựng ở giai đoạn đầu có thể dưới mức 50% được quy định trên đây; nhưng tiến trình xây dựng và tỉ lệ diện tích xây dựng phải được ghi rõ trong Kế Hoạch Sử Dụng Đất và phải được thực hiện nghiêm túc.

9. Ngoài Tiền Thuê Đất, Bền Thuê còn phải nộp cho Sepzone-Linh Trung phí bảo trì cơ sở hạ tầng và sử dụng tiện ích công cộng mà Sepzone-Linh Trung qui định. Bền Thuê cũng phải thanh toán điện, nước, điện thoại, fax, xử lý nước thải, xử lý rác và các dịch vụ khác mà Bền Thuê sử dụng hoặc được cung cấp.

10. Sepzone-Linh Trung có trách nhiệm sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống điện cấp thoát nước, hệ thống đường sá và các công trình công cộng nằm ngoài phạm vi khu đất thuê của Bền Thuê

11. Bền Thuê phải có trách nhiệm bảo dưỡng các công trình công cộng ở trên và dưới mặt đất thuộc phạm vi khu đất thuê. Trong trường hợp hư hỏng, mất mát do Bền Thuê gây ra, Bền Thuê phải chịu trách nhiệm sửa chữa và bồi thường thiệt hại cho Sepzone - Linh Trung.

12. Trong suốt thời hạn của Hợp Đồng này, nếu Bền Thuê vi phạm các điều khoản trong Hợp Đồng này hoặc có tình trạng nguy hại đến an toàn, vệ sinh công cộng và những việc sử dụng không thỏa đáng khác, sau khi đã xác minh đúng sự thật, Sepzone-Linh Trung có quyền yêu cầu Bền Thuê phải cải thiện trong một thời hạn ấn định. Nếu Bền Thuê không thực hiện cải thiện theo thời hạn đã ấn định thì Sepzone-Linh Trung có quyền đình chỉ Hợp Đồng này, thu hồi đất và không hoàn lại tiền Đặt Cọc Bảo Đảm đã được Bền Thuê nộp.

13. Mọi tài liệu, giấy báo, yêu cầu, và thông tin có liên quan đến việc thi hành Hợp Đồng này phải được gửi đến các địa chỉ sau đây:

(a) Địa chỉ của Sepzone-Linh Trung: **SEPZONE-LINH TRUNG, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.**

(b) Địa chỉ của Bền Thuê: **NEW TOYO CO., LTD, Lô số 15,17,19 & 21 thuộc Khu Chế Xuất Linh Trung 2, Phường Bình Chiểu, Quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh, Việt nam.**

14. Bên Thuê phải tuân thủ Quy Chế Khu Công Nghiệp, Khu Chế Xuất, Khu Công Nghệ Cao và các quy định liên quan đến đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, các quy định của ban HEPZA và Điều Lệ của Khu Chế Xuất Linh Trung. Bất cứ vi phạm nào cũng sẽ được giải quyết theo pháp luật Việt Nam và những quy định qui chế đã nêu trên.

15. Hợp Đồng này lấy pháp luật Việt Nam làm gốc và làm căn cứ để giải quyết. Mọi tranh chấp hoặc tố tụng bắt nguồn từ Hợp Đồng này, sẽ được Bên Thuê và Sepzone-Linh Trung cùng trao đổi giải quyết. Nếu Bên Thuê và Sepzone-Linh Trung không thể giải quyết những tranh chấp và tố tụng bắt nguồn từ Hợp Đồng này thì những tranh chấp và tố tụng đó sẽ được chuyển đến Tòa Kinh Tế Thành Phố Hồ Chí Minh. Quyết định của Tòa Kinh Tế Thành Phố Hồ Chí Minh là quyết định cuối cùng mà Sepzone-Linh Trung và Bên Thuê phải tuân theo.

16. Bản chi tiết A,B,C là bộ phận không thể tách rời của Hợp Đồng này:

- (a) **Bản Chi Tiết A:** Bản đồ Khu Đất và biên bản bàn giao đất.
- (b) **Bản Chi Tiết B:** Định nghĩa các đặc ngữ trong Hợp Đồng.
- (c) **Bản Chi Tiết C:** Bản chi tiết thanh toán tiền thuê đất.

17. Hợp Đồng này được lập thành tám (08) bản {bốn (04) bản bằng tiếng Việt và bốn (04) bản bằng tiếng Anh} có giá trị ngang nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký. Sepzone-Linh Trung và Bên Thuê mỗi bên giữ bốn (04) bản {hai (02) bản bằng tiếng Việt và hai (02) bản bằng tiếng Anh}.

BÊN THUÊ



WU SE FORT

SEPZONE-LINH TRUNG



LIN ZHINONG

BIÊN BẢN BÀN GIAO ĐẤT **MINUTES ON LAND DELIVERY**

Đã có hợp đồng thuê đất ngày 3 tháng 12 năm 2001 của bên thuê
 Pursuant to the Land Lease contract dated December 3, 2001 of the Tenant

Năm nay, ngày, tháng năm 2001, chúng tôi gồm:
 Today, on, 2001, the two parties consisting of:

Bên cho thuê: CTY LD KTKD KHU CHẾ XUẤT SAIGON LINH TRUNG

Landlord: Sepzone Linh Trung JV. Co.

Đại diện là: Ông LIN ZHINONG

Tổng Giám đốc

Represented by: Mr. LIN ZHINONG

President

Bên thuê: Cty TNHH. NEW TOYO

Tên: NEW TOYO Co., Ltd.,

Đại diện là: Ông WU SE ERH

Tổng giám đốc

Represented by: Mr. WU SE ERH

General Director

Cung cấp và bàn giao các lô đất số: 15-17-19-21 Diện tích: 20,675.83 m2
 Have agreed to deliver a piece of land of: 20,675.83 sq. m. - Lots No: 15-17-19-21

Các mốc ranh giới có tọa độ:

Coordinates of boundary marks:

• Điểm A	X= 1221.357	• Điểm D	X= 1036.638
• Point A	Y= 9476.497	• Point D	Y= 9381.970
• Điểm B	X= 1175.926	• Điểm E	X= 995.286
• Point B	Y= 9565.274	• Point E	Y= 9462.778
• Điểm C	X= 999.221		
• Point C	Y= 9474.848		

(Bản đồ đính kèm)

(attached Location map)

Phía Đông giáp với: Đường số 3

Phía Nam giáp với: Đường B

On the East: Road 3

On the South: Road B

Phía Tây giáp với: Lô 14-16-18-20

Phía Bắc giáp với: Lô 13

On the West: Lots 14-16-18-20

On the North: lot 13

Đất được bàn giao theo hiện trạng tự nhiên. Mặt bằng đã được giải toả.

Land is delivered under natural state. The area has been cleared.

Bản biên bản giao đất này được lập thành 04 (bốn) bản chính, có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

This Minutes on Land Delivered is signed in 04 original copies having equal validity. Each party keeps 02 original copies.

Bên thuê
For Tenant



WU SE ERH

Bên cho thuê
For Landlord



Mr. LIN ZHINONG
Tổng Giám đốc - President

The Land Lease Rental Payment of NEW TOYO Co.Ltd.,

Area : 20,675.83 m2

Year		Unit price (USD/m2 /year)	Description	Contract Value, In which :			Yearly payable (USD)	Security deposit (USD)
				Rental (USD)	VAT (5%) (USD)	Total (USD)		
Dec-2001	1	2.85	2.85 USD x 20,675.83 m2	58,926.12	2,946.31	61,872.43	61,872.43	58,926.12
Dec-2002	2	2.85	2.85 USD x 20,675.83 m2	58,926.12	2,946.31	61,872.43	61,872.43	
Dec-2003	3	2.85	2.85 USD x 20,675.83 m2	58,926.12	2,946.31	61,872.43	61,872.43	
Dec-2004	4	2.85	2.85 USD x 20,675.83 m2	58,926.12	2,946.31	61,872.43	61,872.43	
Dec-2005	5	2.85	2.85 USD x 20,675.83 m2	58,926.12	2,946.31	61,872.43	61,872.43	
Dec-2006	6	2.85	2.85 USD x 20,675.83 m2	58,926.12	2,946.31	61,872.43	61,872.43	
Dec-2007	7	2.85	2.85 USD x 20,675.83 m2	58,926.12	2,946.31	61,872.43	61,872.43	
Dec-2008	8	2.85	2.85 USD x 20,675.83 m2	58,926.12	2,946.31	61,872.43	61,872.43	
Dec-2009	9	2.85	2.85 USD x 20,675.83 m2	58,926.12	2,946.31	61,872.43	61,872.43	
Dec-2010	10	2.85	2.85 USD x 20,675.83 m2	58,926.12	2,946.31	61,872.43	61,872.43	
Dec-2011	11	1.90	1.9 USD x 20,675.83 m2	39,284.08	1,964.20	41,248.28	41,248.28	
Dec-2012	12	1.90	1.9 USD x 20,675.83 m2	39,284.08	1,964.20	41,248.28	41,248.28	
Dec-2013	13	1.90	1.9 USD x 20,675.83 m2	39,284.08	1,964.20	41,248.28	41,248.28	
Dec-2014	14	1.90	1.9 USD x 20,675.83 m2	39,284.08	1,964.20	41,248.28	41,248.28	
Dec-2015	15	1.90	1.9 USD x 20,675.83 m2	39,284.08	1,964.20	41,248.28	41,248.28	
Dec-2016	16	1.90	1.9 USD x 20,675.83 m2	39,284.08	1,964.20	41,248.28	41,248.28	
Dec-2017	17	1.90	1.9 USD x 20,675.83 m2	39,284.08	1,964.20	41,248.28	41,248.28	
Dec-2018	18	1.90	1.9 USD x 20,675.83 m2	39,284.08	1,964.20	41,248.28	41,248.28	
Dec-2019	19	1.90	1.9 USD x 20,675.83 m2	39,284.08	1,964.20	41,248.28	41,248.28	
Dec-2020	20	1.90	1.9 USD x 20,675.83 m2	39,284.08	1,964.20	41,248.28	41,248.28	
Dec-2021	21	1.425	1.425 USD x 20,675.83 m2	29,463.06	1,473.15	30,936.21	30,936.21	
Dec-2022	22	1.425	1.425 USD x 20,675.83 m2	29,463.06	1,473.15	30,936.21	30,936.21	
Dec-2023	23	1.425	1.425 USD x 20,675.83 m2	29,463.06	1,473.15	30,936.21	30,936.21	
Dec-2024	24	1.425	1.425 USD x 20,675.83 m2	29,463.06	1,473.15	30,936.21	30,936.21	
Dec-2025	25	1.425	1.425 USD x 20,675.83 m2	29,463.06	1,473.15	30,936.21	30,936.21	
Dec-2026	26	1.425	1.425 USD x 20,675.83 m2	29,463.06	1,473.15	30,936.21	30,936.21	
Dec-2027	27	1.425	1.425 USD x 20,675.83 m2	29,463.06	1,473.15	30,936.21	30,936.21	
Dec-2028	28	1.425	1.425 USD x 20,675.83 m2	29,463.06	1,473.15	30,936.21	30,936.21	
Dec-2029	29	1.425	1.425 USD x 20,675.83 m2	29,463.06	1,473.15	30,936.21	30,936.21	
Dec-2030	30	1.425	1.425 USD x 20,675.83 m2	29,463.06	1,473.15	30,936.21	30,936.21	
Dec-2031	31	0.95	0.95 USD x 20,675.83 m2	19,642.04	982.10	20,624.14	20,624.14	
Dec-2032	32	0.95	0.95 USD x 20,675.83 m2	19,642.04	982.10	20,624.14	20,624.14	
Dec-2033	33	0.95	0.95 USD x 20,675.83 m2	19,642.04	982.10	20,624.14	20,624.14	

Exhibit: C

The Land Lease Rental Payment of NEW TOYO Co.Ltd.,

Area : 20,675.83 m²

Year		Unit price (USD/m ² /year)	Description	Contract Value, In which :			Yearly payable (USD)	Security deposit (USD)
				Rental (USD)	VAT (5%) (USD)	Total (USD)		
Dec-2035	35	0.95	0.95 USD x 20,675.83 m ²	19,642.04	982.10	20,624.14	20,624.14	
Dec-2036	36	0.95	0.95 USD x 20,675.83 m ²	19,642.04	982.10	20,624.14	20,624.14	
Dec-2037	37	0.95	0.95 USD x 20,675.83 m ²	19,642.04	982.10	20,624.14	20,624.14	
Dec-2038	38	0.95	0.95 USD x 20,675.83 m ²	19,642.04	982.10	20,624.14	20,624.14	
Dec-2039	39	0.95	0.95 USD x 20,675.83 m ²	19,642.04	982.10	20,624.14	20,624.14	
Dec-2040	40	0.95	0.95 USD x 20,675.83 m ²	19,642.04	982.10	20,624.14	20,624.14	
Dec-2041	41	0.95	0.95 USD x 20,675.83 m ²	19,642.04	982.10	20,624.14	20,624.14	
Dec-2042	42	0.95	0.95 USD x 20,675.83 m ²	19,642.04	982.10	20,624.14	20,624.14	
Dec-2043	43	0.95	0.95 USD x 20,675.83 m ²	19,642.04	982.10	20,624.14	20,624.14	
Dec-2044	44	0.95	0.95 USD x 20,675.83 m ²	19,642.04	982.10	20,624.14	20,624.14	
Dec-2045	45	0.95	0.95 USD x 20,675.83 m ²	19,642.04	982.10	20,624.14	20,624.14	
Dec-2046	46	0.95	0.95 USD x 20,675.83 m ²	19,642.04	982.10	20,624.14	12,639.65	-7,984.49
Dec-2047	47	0.95	0.95 USD x 20,675.83 m ²	19,642.04	982.10	20,624.14		-20,624.14
Dec-2048	48	0.95	0.95 USD x 20,675.83 m ²	19,642.04	982.10	20,624.14		-20,624.14
Dec-2049	49	0.95	0.95 USD x 20,675.83 m ² x 0.47year	9,231.76	461.59	9,693.35		-9,693.35
Total				1,639,521.08	81,975.99	1,721,497.07	1,662,570.95	

The final four years' rental will be paid from the advance deposit

EXHIBIT C
BẢNG CHI TIẾT C

THE FIRST PAYMENT OF LAND RENTAL
TIỀN THUÊ ĐẤT THANH TOÁN ĐỢT ĐẦU

1. AREA (DIỆN TÍCH) : 20,675.83m²
2. UNIT PRICE (ĐƠN GIÁ) : USD 2.85/m²/year
Annual payment option (phương thức thanh toán hàng năm)
3. FIRST PAYMENT (THANH TOÁN LẦN ĐẦU) :
- | | | | | |
|------------------|---|-------------------------------------|--------------|------|
| Rental | : | 20,675.83m ² x USD2.85 = | USD58,926.12 | (1a) |
| VAT | : | USD58,926.12 x 5% = | USD2,946.31 | (1b) |
| Security deposit | : | 20,675.83m ² x USD2.85 = | USD58,926.12 | (2) |

Less deposit already paid (trừ tiền đặt cọc đã trả): USD5,000.00 (3)

Payable amount (số tiền phải trả) = (1a) + (1b) + (2) - (3)
(USD58,926.12 + USD2,946.31 + USD58,926.12) - USD5,000.00 = **USD115,798.55**

4. PAYMENT SCHEDULE (THỜI HẠN THANH TOÁN) :

According to this Lease Contract, within ten (10) working days from the date of signing this Contract, New Toyo Aluminium Paper Packaging Co., Ltd shall pay to Sepzone-Linh Trung the amount of **USD115,798.55** (Written as: One hundred fifteen thousand seven hundred ninety eight US dollars and fifty five cents only).

Theo như Hợp đồng Thuê đất này, trong thời gian mười ngày (10) làm việc kể từ ngày ký Hợp đồng này, Công ty TNHH Bao Bì Giấy Nhôm New Toyo sẽ thanh toán cho Sepzone-Linh Trung số tiền **USD115,798,55** (Bằng chữ : Một trăm mười lăm ngàn bảy trăm chín mươi tám đô la Mỹ và năm mươi lăm xu chẵn).

5. SỐ TÀI KHOẢN CỦA SEPZONE-LINH TRUNG (SEPZONE-LINH TRUNG'S ACCOUNT)

02.0001263 Bank for Investment and Development of Vietnam, Ho Chi Minh City Branch
02.0001263 Ngân Hàng đầu Tư và Phát Triển Việt nam, Chi Nhánh TP Hồ Chí Minh

Số: Annex53/TT-01

PHỤ KIỆN
HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT SỐ 53/TT-01

SEPZONE-LINH TRUNG

&

NEW TOYO ALUMINIUM PACKAGING CO., LTD

Ngày ký: 21/02/2005

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

PHỤ KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT SỐ 53/TT-01

(ĐIỀU CHỈNH DIỆN TÍCH ĐẤT THUÊ)

Căn cứ vào **Hợp Đồng Thuê Đất số 53/TT-01** ngày **03/12/2001** ký giữa Công ty Liên Doanh Khai Thác Kinh Doanh Khu Chế Xuất Sài Gòn-Linh Trung và Công ty TNHH BAO BÌ GIẤY NHÔM NEW TOYO.

Hôm nay, ngày **21 tháng 02 năm 2005**, hai bên gồm có :

CÔNG TY LIÊN DOANH KHAI THÁC KINH DOANH KHU CHẾ XUẤT SÀI GÒN- LINH TRUNG, (sau đây được gọi là **Sepzone-Linh Trung**).

- **Địa chỉ:** Ấp 4, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- **Điện thoại:** 84-66-896392/ 896600 ; **Fax:** 84-66-896391.
- **Tài khoản số:** + Tại Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam, Chi Nhánh TP Hồ Chí Minh (Địa chỉ: Khu Chế Xuất Linh Trung 1, P.Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP HCM,ĐT : 848.8974 896, fax: 848.8974 892),
 - **USD A/C:** 314-10-37-000019-9
 - **VND A/C:** 314-10-00-000002-5+ Tại Ngân Hàng Vietcombank Tân Thuận (Địa chỉ: Khu Chế Xuất Linh Trung 2, P Bình Chiểu, Quận Thủ Đức, TP HCM, ĐT : 848.7291 334, Fax: 848.8974 176)
 - **USD A/C:** 018.1.37.000485.4
 - **VND A/C:** 018.0.00.000117.6
- **Tên tài khoản:** Công ty Liên Doanh Khai Thác Kinh Doanh Khu Chế Xuất Sài Gòn-Linh Trung.
- Do Ông **TRẦN THANH HỒNG** - **Tổng Giám Đốc**
Và Ông **LIN ZHI NONG** - **Phó Tổng Giám Đốc Thứ Nhất**, làm đại diện.

VÀ:

CÔNG TY TNHH BAO BÌ GIẤY NHÔM NEW TOYO, được thành lập theo Giấy Phép Đầu Tư số 113/GP-KCN-HCM, do HEPZA cấp ngày 16/11/2001 (sau đây được gọi là **Bên Thuê**)

- **Địa chỉ:** Lô số 15, 17, 19, 21, Khu Chế Xuất Linh Trung 2, Phường Bình Chiểu, Quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Do Ông **WU SE FRH** - **Tổng Giám Đốc** làm đại diện.

đã đồng ý ký **Phụ Kiện** theo những điều kiện và điều khoản sau:

1. Điều 1 và Điều 3.2 của Hợp Đồng Thuê Đất số 53/TT-01 ký ngày 03/12/2001 ("Hợp Đồng") được điều chỉnh như sau:
 - 1.1 **Sepzone-Linh Trung** cho **Bên Thuê** thuê một thửa đất thuộc Khu Chế Xuất Linh Trung 2 tại Lô 15, 17, 19, 21 với diện tích 20.644,60 m² (Xem Bản Chi Tiết A đính kèm)
 - 1.2 Tổng Giá Trị Hợp Đồng (hạn gồm 5% VAT): USD 1.719.270,76 (Bằng chữ: **Một triệu bảy trăm mười chín nghìn hai trăm bảy mươi Đôla Mỹ và bảy mươi sáu xu chẵn**)
2. Bản Chi Tiết A & Bản Chi Tiết C đính kèm theo đây sẽ thay thế cho Bản Chi Tiết A & Bản Chi Tiết C của Hợp Đồng.
3. Tất cả các điều khoản và điều kiện khác được quy định trong **Hợp Đồng** vẫn được giữ nguyên.

Phụ Kiện này được lập thành tám (08) bản gốc [hơn (04) bản bằng Tiếng Việt, hơn (04) bản bằng Tiếng Anh] có giá trị pháp lý ngang nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký. **Sepzone-Linh Trung** và **Bên Thuê** mỗi bên giữ hơn (04) bản [hai (02) bản bằng Tiếng Việt, hai (02) bản bằng Tiếng Anh].

BÊN THUÊ
Đại diện bởi:



WU KHUEN
TỔNG GIÁM ĐỐC

SEPZONE-LINH TRUNG

Đại diện bởi:



LIN THƯƠNG *Trần Thanh Hồng*

BIÊN BẢN BÀN GIAO ĐẤT **MINUTES ON LAND DELIVERY**

Căn cứ Phụ kiện hợp đồng thuê đất ngày 21 tháng 02 năm 2005 của bên thuê
Pursuant to the Annex to the contract to lease land dated February 21, 2005 of the Tenant

Hôm nay, ngày 21 tháng 02 năm 2005 chúng tôi gồm :
Today, on February 21, 2005, the two parties consisting of :

Bên cho thuê : CTY LD KTKD KHU CHẾ XUẤT SAIGON LINH TRUNG

Landlord : Sepzone Linh Trung JV. Co.
Đại diện là : Ông TRẦN THANH HỒNG **Tổng Giám đốc**
Represented by : Mr. TRẦN THANH HỒNG **President**

Bên thuê : Cty TNHH. BAO BÌ GIẤY NHÔM NEW TOYO

Tenant : NEW TOYO ALUMINIUM PAPER PACKAGING CO., LTD.
Đại diện là : Ông WU SE ERH **Tổng giám đốc**
Represented by : Mr. WU SE ERH **General Director**

Cùng nhất trí bàn giao các lô đất số : 15-17-19-21 Diện tích : 20.644.60 m²
Have agreed to deliver a piece of land of : 20,644.60 sq m - Lots No : 15-17-19-21

Các mốc ranh giới có tọa độ :
Coordinates of boundary marks :

▪ Điểm A	X= 1221.357	▪ Điểm D	X= 1036.638
Point A	Y= 9476.497	Point D	Y= 9381.970
▪ Điểm B	X= 1175.926	▪ Điểm E	X= 995.286
Point B	Y= 9565.274	Point E	Y= 9462.778
▪ Điểm C	X= 999.221		
Point C	Y= 9474.848		

Vị trí (bản đồ đính kèm)

Location (attached Location map)

- Phía Đông giáp với : Đường số 3	- Phía Nam giáp với : Đường B
On the East : Road 3	On the South : Road B
- Phía Tây giáp với : Lô 14-16-18-20	- Phía Bắc giáp với : Lô 13
On the West : Lots 14-16-18-20	On the North : lot 13

Đất được bàn giao theo hiện trạng tự nhiên. Mặt bằng đã được giải toả.
Land is delivered under natural state. The area has been cleared.

Biên bản bàn giao đất này được lập thành 04 (bốn) bản chính, có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

This Minutes on Land Delivered is signed in 04 original copies having equal validity. Each party keeps 02 original copies.

Bên thuê

For Tenant


WU SE ERH
TỔNG GIÁM ĐỐC


MR. TRẦN THANH HỒNG
Tổng Giám đốc - President

BẢNG THANH TOÁN TIỀN THUÊ ĐẤT ĐIỀU CHỈNH CTY NEWTOYO KHU LINH TRUNG 2
(THE ADJUSTING PAYMENT OF LAND RENTAL FOR NEWTOYO Co IN LINH TRUNG EPZ 2)

Kỳ thanh toán (Payment period)		Diện tích (Area) (m2)	Đơn giá (Unit price) (USD)	Giá trị HĐ, bao gồm : (Contract value, in which :) (USD)			Tiền thanh toán hàng năm (Year payment) (USD)	Đại cọc đảm bảo (Security deposit) (USD)
				Tiền thuê (Rental) (USD)	VAT (5%) (USD)	Tổng cộng (Total) (USD)		
2001	1	20,675.83	2.85	58,926.12	2,946.31	61,872.43	61,872.43	58,926.12
2002	2	20,675.83	2.85	58,926.12	2,946.31	61,872.43	61,872.43	
2003	3	20,675.83	2.85	58,926.12	2,946.31	61,872.43	61,872.43	
2004	4	20,675.83	2.85	58,926.12	2,946.31	61,872.43	61,872.43	
2005	5	20,644.60	2.85	58,837.11	2,941.86	61,778.97	61,778.97	
2006	6	20,644.60	2.85	58,837.11	2,941.86	61,778.97	61,778.97	
2007	7	20,644.60	2.85	58,837.11	2,941.86	61,778.97	61,778.97	
2008	8	20,644.60	2.85	58,837.11	2,941.86	61,778.97	61,778.97	
2009	9	20,644.60	2.85	58,837.11	2,941.86	61,778.97	61,778.97	
2010	10	20,644.60	2.85	58,837.11	2,941.86	61,778.97	61,778.97	
2011	11	20,644.60	1.90	39,224.74	1,961.24	41,185.98	41,185.98	
2012	12	20,644.60	1.90	39,224.74	1,961.24	41,185.98	41,185.98	
2013	13	20,644.60	1.90	39,224.74	1,961.24	41,185.98	41,185.98	
2014	14	20,644.60	1.90	39,224.74	1,961.24	41,185.98	41,185.98	
2015	15	20,644.60	1.90	39,224.74	1,961.24	41,185.98	41,185.98	
2016	16	20,644.60	1.90	39,224.74	1,961.24	41,185.98	41,185.98	
2017	17	20,644.60	1.90	39,224.74	1,961.24	41,185.98	41,185.98	
2018	18	20,644.60	1.90	39,224.74	1,961.24	41,185.98	41,185.98	
2019	19	20,644.60	1.90	39,224.74	1,961.24	41,185.98	41,185.98	
2020	20	20,644.60	1.90	39,224.74	1,961.24	41,185.98	41,185.98	
2021	21	20,644.60	1.425	29,418.56	1,470.93	30,889.49	30,889.49	
2022	22	20,644.60	1.425	29,418.56	1,470.93	30,889.49	30,889.49	
2023	23	20,644.60	1.425	29,418.56	1,470.93	30,889.49	30,889.49	
2024	24	20,644.60	1.425	29,418.56	1,470.93	30,889.49	30,889.49	
2025	25	20,644.60	1.425	29,418.56	1,470.93	30,889.49	30,889.49	
2026	26	20,644.60	1.425	29,418.56	1,470.93	30,889.49	30,889.49	
2027	27	20,644.60	1.425	29,418.56	1,470.93	30,889.49	30,889.49	
2028	28	20,644.60	1.425	29,418.56	1,470.93	30,889.49	30,889.49	

Kỳ thanh toán (Payment period)		Diện tích (Area) (m2)	Đơn giá (Unit price) (USD)	Giá trị HĐ, bao gồm : (Contract value, in which :) (USD)			Tiền thanh toán hàng năm (Year payment) (USD)	Đại cọc đảm bảo (Security deposit) (USD)
				Tiền thuê (Rental) (USD)	VAT (5%) (USD)	Tổng cộng (Total) (USD)		
2029	29	20,644.60	1.425	29,418.56	1,470.93	30,889.49	30,889.49	
2030	30	20,644.60	1.425	29,418.56	1,470.93	30,889.49	30,889.49	
2031	31	20,644.60	0.95	19,612.37	980.62	20,592.99	20,592.99	
2032	32	20,644.60	0.95	19,612.37	980.62	20,592.99	20,592.99	
2033	33	20,644.60	0.95	19,612.37	980.62	20,592.99	20,592.99	
2034	34	20,644.60	0.95	19,612.37	980.62	20,592.99	20,592.99	
2035	35	20,644.60	0.95	19,612.37	980.62	20,592.99	20,592.99	
2036	36	20,644.60	0.95	19,612.37	980.62	20,592.99	20,592.99	
2037	37	20,644.60	0.95	19,612.37	980.62	20,592.99	20,592.99	
2038	38	20,644.60	0.95	19,612.37	980.62	20,592.99	20,592.99	
2039	39	20,644.60	0.95	19,612.37	980.62	20,592.99	20,592.99	
2040	40	20,644.60	0.95	19,612.37	980.62	20,592.99	20,592.99	
2041	41	20,644.60	0.95	19,612.37	980.62	20,592.99	20,592.99	
2042	42	20,644.60	0.95	19,612.37	980.62	20,592.99	20,592.99	
2043	43	20,644.60	0.95	19,612.37	980.62	20,592.99	20,592.99	
2044	44	20,644.60	0.95	19,612.37	980.62	20,592.99	20,592.99	
2045	45	20,644.60	0.95	19,612.37	980.62	20,592.99	20,592.99	
2046	46	20,644.60	0.95	19,612.37	980.62	20,592.99	12,521.55	-8,061.44
2047	47	20,644.60	0.95	19,612.37	980.62	20,592.99		-20,592.99
2048	48	20,644.60	0.95	19,612.37	980.62	20,592.99		-20,592.99
2049	49	20,644.60	0.95	9,257.21	460.89	9,678.70		-9,678.70
Total (USD)				1,637,400.61	81,870.15	1,719,270.76	1,660,344.64	

(*) The security of USD 56,926.12 is repaid for paying the final 4 years' rental.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

--- oOo ---

HỢP ĐỒNG CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG

(số : 01/NTVN-TP/2021)

- Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của nước CHXHCNVN
- Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9971043571 ngày 24/3/2021 cấp bởi Ban Quản lý các KCN & CX TP.HCM;
- Căn cứ vào nhu cầu và thỏa thuận của hai bên

Hôm nay, ngày 01 tháng 04 năm 2021, tại văn phòng của Công ty TNHH bao bì giấy nhôm New Toyo, chúng tôi gồm:

BÊN THUÊ (BÊN A) : CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ THỰC PHẨM TP

Địa chỉ: 279A Ngô Chí Quốc, KP2, Phường Bình Chiểu, Thành phố Thủ Đức, TP.HCM

Điện thoại: (028) 3896 9259

Người đại diện: Ông NGUYỄN NGỌC THẢO Chức danh: Giám đốc

MST: 0316774553

BÊN CHO THUÊ (BÊN B) : CÔNG TY TNHH BAO BÌ GIẤY NHÔM NEW TOYO

Địa chỉ: Lô 15,17,19 và 21 KCN trong KCX Linh Trung II, Phường Bình Chiểu, Thành phố Thủ Đức, TP.HCM

Điện thoại: (028) 3729 1768

Người đại diện: Bà NHAN HÚC QUÂN Chức danh: Tổng giám đốc

MST: 0302476684

Sau khi thỏa thuận, hai bên đồng ý cam kết thực hiện các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung

Bên B đồng ý cho Bên A thuê khu nhà điều hành và nhà xưởng hiện thuộc quyền sở hữu của Bên B tại lô số 24, KCN trong KCX Linh Trung II, Phường Bình Chiểu, Thành phố Thủ Đức, TP.HCM, cụ thể:

- Tổng diện tích đất sử dụng: 4.128,60 m² (Bằng chữ: Bốn ngàn một trăm hai mươi tám lẻ sáu mét vuông). Trong đó tài sản gắn liền với đất gồm khu nhà điều hành là 1.291,60m² và khu nhà xưởng là 2.148,60m².

- Thời gian thuê với thời hạn 05 (năm) năm kể từ ngày 01/4/2021 đến hết ngày 31/3/2026 để sử dụng làm nơi sản xuất gia công và kinh doanh đồ gia dụng bằng giấy dùng một lần.

- Giá thuê là USD 3.000/tháng (Bằng chữ: Ba ngàn đô-la Mỹ một tháng). Giá thuê chưa bao gồm thuế GTGT và không đổi trong suốt thời gian thuê. Giá thuê hàng tháng đã nêu sẽ được quy đổi tương đương thành tiền Việt Nam Đồng (VND) theo tỷ giá bán ra của Vietcombank tại thời điểm xuất hóa đơn GTGT. Giá thuê chưa bao gồm chi phí điện, nước, dịch vụ cơ sở hạ tầng cung cấp cho hoạt động sản xuất.

- Khi hết hạn hợp đồng, tùy vào tình hình thực tế hai bên có thể thỏa thuận gia hạn.

Điều 2: Phương thức thanh toán

Bên A thanh toán đầy đủ tiền thuê cho Bên B bằng chuyển khoản sau khi Bên A nhận được hóa đơn GTGT hợp lệ của Bên B trong vòng 05 ngày làm việc của tháng kế tiếp.

Chuyển khoản qua ngân hàng của bên B với thông tin như sau:

Người thụ hưởng: Công ty TNHH bao bì giấy nhôm New Toyo

Tài khoản số: 018.1000.333997 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) – Chi nhánh Thủ Đức – TP. HCM.

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của Bên A

- + Thanh toán tiền thuê đầy đủ cho Bên B theo nội dung đã ghi tại điều 2.
- + Thanh toán tiền điện, nước, dịch vụ cơ sở hạ tầng hàng tháng cho Bên B theo hóa đơn GTGT do bên B cung cấp.
- + Thanh toán những khoản chi phí liên quan tới việc sửa chữa, cải tạo nội thất bên trong và bên ngoài nhà xưởng phù hợp với công năng hoạt động sản xuất gia công đã thỏa thuận nhưng không phá vỡ cấu trúc xây dựng có sẵn ban đầu khi chưa được sự đồng ý của Bên B.
- + Đảm bảo các tiêu chí an toàn về PC&CC, môi trường theo yêu cầu của cơ quan chức năng trong quá trình thuê hoạt động.
- + Chịu trách nhiệm mua bảo hiểm hỏa hoạn liên quan đến phạm vi tài sản trên phần diện tích thuê thuộc phạm vi vốn đầu tư của mình.
- + Chịu trách nhiệm mua bảo hiểm tai nạn con người trong suốt thời gian hoạt động sản xuất.
- + Chịu trách nhiệm hoạt động sản xuất theo ngành nghề phù hợp với quy hoạch tại khu công nghiệp và các vấn đề pháp lý liên quan khác.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- + Phát hành hóa đơn GTGT hợp lệ cho Bên A vào ngày cuối kỳ của mỗi tháng.
- + Chịu trách nhiệm mua bảo hiểm hỏa hoạn liên quan đến phạm vi tài sản thuộc vốn sở hữu của mình.
- + Hỗ trợ Bên A trong việc xử lý các phát sinh (nếu có) liên quan đến cơ quan chức năng thuộc phạm vi quyền và nghĩa vụ của mình nhằm bảo đảm lợi ích cho bên thuê trong hạn định.

Điều 5: Cam kết chung

Bên B cam kết nhà xưởng cho thuê thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình, không có tranh chấp về quyền sở hữu.

Hai bên sẽ thỏa thuận lại giá thuê nhà xưởng trước 06 (sáu) tháng khi hợp đồng này chấm dứt hiệu lực. Hai bên cùng đồng ý gia hạn thời gian thuê.

Trong quá trình thực hiện, nếu cần thay đổi hoặc bổ sung nội dung của hợp đồng này thì các bên sẽ tiến hành ký kết Phụ lục hợp đồng. Phụ lục hợp đồng là một phần không tách rời của hợp đồng này.

+ Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ nội dung và các điều khoản của hợp đồng này trên tinh thần hỗ trợ, hợp tác hai bên cùng có lợi.

+ Mọi tranh chấp (nếu có) trong thời gian thuê sẽ được hai bên cùng thảo luận để cùng tìm biện pháp giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng lẫn nhau.

Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 (hai) bản đều có giá trị pháp lý như nhau.



NGUYỄN NGỌC THẢO



NHAN HỨC QUÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUYẾT ĐỊNH

Của Trưởng Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh
V/v : Thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình :

NHÀ MÁY BAO BÌ GIẤY NHÔM – NEW TOYO

Số : 85 / 2002/QĐ-BQL-KCN

Ngày 17 tháng 05 năm 2002

BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Số: 85/2002/QĐ-BQL-KCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 05 năm 2002

**QUYẾT ĐỊNH CỦA TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP TP. HỒ CHÍ MINH**
Về việc chấp thuận thiết kế kỹ thuật và xây dựng công trình
NHÀ MÁY BAO BÌ GIẤY NHÔM – NEW TOYO

**TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP TP. HỒ CHÍ MINH**

- Căn cứ Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 36/CP ngày 24/04/1997 của Chính phủ ban hành Quy chế khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;
- Căn cứ vào Nghị định 24/2000/NĐ-CP ngày 31/07/2000 của Chính phủ qui định chi tiết Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Thông tư số 16/2000/TT-BXD ngày 11/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Hướng dẫn việc quản lý xây dựng đối với hoạt động đầu tư nước ngoài và quản lý các nhà thầu nước ngoài vào nhận thầu xây dựng và tư vấn xây dựng công trình tại Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 7058/QĐ-UB-QLDA ngày 26/12/1998 của UBND TP. Hồ Chí Minh về việc giải quyết thủ tục xây dựng cơ bản trong khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Quyết định số 106/2001/QĐ-UB ngày 05/11/2001 của UBND TP. Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 82/2001/QĐ-UB ngày 19/09/2001;
- Xét hồ sơ trình thẩm định thiết kế công trình: “Nhà máy bao bì giấy nhôm – New Toyo” của Công ty TNHH Bao bì giấy nhôm New Toyo;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1:

Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và xây dựng công trình “Nhà máy bao bì giấy nhôm – New Toyo” do Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc Miền Nam (ACSA) thiết lập.

Gồm các hạng mục sau đây:

- Nhà văn phòng :	Diện tích chiếm đất :	1.220 m ²	Diện tích sàn XD :	2.476 m ²
- Nhà kho - xưởng :	Diện tích chiếm đất :	9.672 m ²	Diện tích sàn XD :	9.672 m ²
- Nhà ăn :	Diện tích chiếm đất :	403 m ²	Diện tích sàn XD :	806 m ²
- Phòng hóa chất :	Diện tích chiếm đất :	96 m ²	Diện tích sàn XD :	96 m ²
- Trạm điện :	Diện tích chiếm đất :	128 m ²	Diện tích sàn XD :	128 m ²
- Nhà bảo vệ :	Diện tích chiếm đất :	45 m ²	Diện tích sàn XD :	45 m ²
- Nhà xe 2 bánh :	Diện tích chiếm đất :	180 m ²	Diện tích sàn XD :	180 m ²
- Nhà xe tải nhỏ :	Diện tích chiếm đất :	210 m ²	Diện tích sàn XD :	210 m ²
- Cầu nối :	Diện tích chiếm đất :	60 m ²	Diện tích sàn XD :	60 m ²

- Bể nước ngầm : Tổng dung tích 111 m³
- Cổng và tường rào : 600 md

- * Diện tích sàn xây dựng : 13.673 m²
- * Diện tích chiếm đất : 12.014 m²
- * Diện tích thuê đất : 20.676 m²
- * Mật độ xây dựng : K = 58,1%

Trên lô đất : Lô số 15-17-19-21

Khu chế xuất : Linh Trung 2

Phường : Bình Chiểu

Quận : Thủ Đức

Thành phố Hồ Chí Minh

Chủ đầu tư : Công ty TNHH Bao bì giấy nhôm New Toyo

Được phép đầu tư xây dựng theo Giấy phép đầu tư số 113/GP-KCN-HCM cấp ngày 16/11/2001 của Ban quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh, đã được thiết kế phù hợp với qui định của pháp luật Việt Nam và đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật về an toàn công trình đã được Công ty Tư vấn Xây dựng Tổng hợp – Bộ Xây dựng thẩm tra thiết kế theo Văn bản số 220/TVXD.XN6-2002 ngày 23/04/2002 và Kết quả thẩm định số 35/BC-BQL-KCN ngày 17/05/2002 của Phòng quản lý Xây dựng & Môi trường thuộc Ban quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh.

Điều 2 :

Công trình được tiến hành xây dựng theo thiết kế đã được thẩm định theo văn bản này với các điều kiện :

- 1- Mặt bằng công trình đã được đền bù, giải phóng và có văn bản bàn giao của địa phương.
- 2- Đã chuẩn bị điều kiện an toàn xây dựng để khởi công xây dựng công trình.
- 3- Đã có thông báo ngày khởi công cho Ban quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh.

Điều 3 :

Chủ đầu tư phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu xâm phạm các quyền lợi hợp pháp của người có liên quan khi tiến hành xây dựng công trình và phải thực hiện các qui định khác của pháp luật Việt Nam liên quan.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký, sau một năm công trình chưa được tiến hành xây dựng hoặc đã khởi công xây dựng nhưng để ngất quăng trên một năm thì chủ đầu tư phải báo cáo lý do và xin gia hạn.

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP TP. HỒ CHÍ MINH

Nơi nhận :

- Cty New Toyo
- Sở Xây dựng
- Lưu : VP-XD



CHƠN TRUNG

BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT & CÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHÒNG QUẢN LÝ XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG
Số : 85 /BC-DQL-KCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 05 năm 2002

BÁO CÁO

VỀ VIỆC THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH : NHÀ MÁY BAO BÌ GIẤY NHÔM – NEW TOYO

Kính gửi : - Trưởng Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp
Thành phố Hồ Chí Minh
- Công ty TNHH Bao bì giấy nhôm New Toyo

Căn cứ vào đơn và hồ sơ trình thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình
"Nhà máy bao bì giấy nhôm – New Toyo" của Công ty TNHH Bao bì giấy nhôm New Toyo;

Căn cứ Nghị định số 36/CP ngày 24/04/1997 của Chính phủ ban hành Quy chế
khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;

Căn cứ vào Nghị định 24/2000/NĐ-CP ngày 31/07/2000 của Chính phủ quy định chi tiết
Lệnh đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Thông tư số 16/2000/TT-BXD ngày 11/12/2000 của
Bộ trưởng Bộ Xây dựng Hướng dẫn việc quản lý xây dựng đối với hoạt động đầu tư nước ngoài
và quản lý các nhà thầu nước ngoài vào nhận thầu xây dựng và tư vấn xây dựng công trình tại
Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 7058/QĐ-UB-QLDA ngày 26/12/1998 của UBND TP. Hồ Chí Minh
về việc giải quyết thủ tục xây dựng cơ bản trong khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 106/2001/QĐ-UB ngày 05/11/2001 của UBND TP. Hồ Chí Minh
về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 82/2001/QĐ-UB ngày 19/09/2001;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ trình thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình
"Nhà máy bao bì giấy nhôm – New Toyo" và đối chiếu với các qui định hiện hành,
Phòng quản lý Xây dựng & Môi trường thông báo kết quả thẩm định như sau :

1- Công nhận chủ đầu tư đã nộp các hồ sơ trình thẩm định thiết kế kỹ thuật theo qui định
gồm các hạng mục :

- Nhà văn phòng :

Tầng trệt	: (90m x 13m) + (50m x 1m)	Cao 4 m	Diện tích : 1.220 m ²
Tầng lầu 1	: (90m x 13m) + (50m x 1m)	Cao 3,8 m	Diện tích : 1.220 m ²
Tầng áp mái	: Dài 36 m Rộng 6 m	Cao 2,7 m	Diện tích : 36 m ²
			Cộng DT : 2.476 m ²

Loại nhà dân dụng ba tầng, mái lợp ngói, chiều cao đến đỉnh mái là 10,5 m. Kết cấu
khung sàn BTCT; móng cọc BTCT. Tường bao che xây gạch dày 200.

- Nhà kho - xưởng : (160m x 60m) + (24m x 3m) Cao 8,4 m Diện tích : 9.672 m²

Loại nhà công nghiệp một tầng, mái lợp tôn dốc về 02 phía, chiều cao đến đỉnh mái là 14m. Kết cấu khung kèo, xà gỗ thép; móng cọc BTCT. Tường bao che xây gạch dày 200 cao 6m phía trên ốp tôn đến mái.

- Nhà ăn :

Tầng trệt : (35m x 11m) + (6m x 3m) Cao 4 m Diện tích : 403 m²

Tầng lầu 1 : (35m x 11m) + (6m x 3m) Cao 3,5 m Diện tích : 403 m²

Cộng DT : 806 m²

Loại nhà dân dụng hai tầng, mái lợp ngói dốc về 02 phía, chiều cao đến đỉnh mái là 11,2m. Kết cấu cột, dầm, sàn BTCT; xà gỗ, vì kèo thép; móng cọc BTCT. Tường bao che xây gạch dày 200.

- Phòng hóa chất : Dài 12 m Rộng 8 m Cao 4,5 m Diện tích : 96 m²

Loại nhà dân dụng một tầng, mái bằng BTCT. Kết cấu khung BTCT; móng cọc BTCT. Tường bao che xây gạch dày 200.

- Trạm điện : Dài 16 m Rộng 8 m Cao 4 m Diện tích : 128 m²

Loại nhà dân dụng một tầng, mái bằng BTCT. Kết cấu khung BTCT; móng cọc BTCT. Tường bao che xây gạch dày 200.

- Nhà bảo vệ :

Nhà bảo vệ 1 : Dài 5 m Rộng 3 m Cao 3 m Diện tích : 15 m²

Nhà bảo vệ 2 : Dài 5 m Rộng 3 m Cao 3 m Diện tích : 15 m²

Nhà bảo vệ 3 : Dài 5 m Rộng 3 m Cao 3 m Diện tích : 15 m²

Cộng DT : 45 m²

Loại nhà dân dụng một tầng, mái lợp ngói dốc về 04 phía, chiều cao đến đỉnh mái là 5,4m. Kết cấu khung BTCT; xà gỗ, vì kèo thép; móng đơn BTCT đặt trực tiếp trên nền đất thiên nhiên. Tường bao che xây gạch dày 100.

- Nhà xe :

Nhà xe 2 bánh : Dài 30 m Rộng 6 m Cao 2,8 m Diện tích : 180 m²

Nhà xe tải nhỏ : Dài 35 m Rộng 6 m Cao 2,8 m Diện tích : 210 m²

Cộng DT : 390 m²

Qui mô một tầng, mái lợp tôn. Kết cấu khung kèo, xà gỗ thép; móng đơn BTCT đặt trực tiếp trên nền đất thiên nhiên.

- Cầu nổi : Dài 24 m Rộng 2,5 m Cao 4,8 m Diện tích : 60 m²

Mái vòm nhựa. Kết cấu cột, dầm, sàn BTCT; vì kèo thép; móng cọc BTCT.

- Bể nước ngầm :

Bể nước sinh hoạt : Dung tích 30 m³

Bể nước PCCC : Dung tích 81 m³

- Cổng và tường rào : 600 m

* Diện tích sàn xây dựng : 13.673 m²

* Diện tích chiếm đất : 12.014 m²

* Diện tích thuê đất : 20.676 m²

* Mật độ xây dựng : K = 58,1%

2- Hồ sơ trình thẩm định thiết kế kỹ thuật đã đạt các yêu cầu theo qui định như sau :

a. Về tư cách pháp nhân các tổ chức tư vấn :

- Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc Miền Nam (ACSA) có tư cách pháp nhân lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật công trình trên.

- Công ty Tư vấn Xây dựng Tổng hợp – Bộ Xây dựng đủ tư cách pháp nhân lập Báo cáo thẩm tra thiết kế công trình trên.

b. Về nội dung thiết kế quy hoạch và kiến trúc :

- Công trình được xây dựng trong Khu chế xuất Linh Trung II phù hợp với Quy hoạch chi tiết đã được Kiến trúc sư thành TP. Hồ Chí Minh duyệt tại Quyết định số 5502/KTST-QH ngày 15/05/2000.

- Kiến trúc công trình đơn giản phù hợp với yêu cầu sử dụng.

c. Về sự tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật thiết kế và an toàn công trình :

- Kết cấu đảm bảo khả năng chịu lực theo TCVN.

- Hệ thống điện, cấp thoát nước đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật.

3- Những vấn đề còn tồn tại cần được giải quyết :

- Chủ đầu tư, đơn vị thiết kế và thi công phải thực hiện các yêu cầu hoàn thiện thiết kế kỹ thuật trong các văn bản sau :

+ Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế số 220/TVXD.XN6-2002 ngày 23/04/2002 của Công ty Tư vấn Xây dựng Tổng hợp – Bộ Xây dựng.

+ Bản thỏa thuận về thiết kế và thi công bị phòng cháy chữa cháy số 64KT/PCCC ngày 01/02/2002 của Phòng Cảnh sát PCCC - Công an TP. Hồ Chí Minh.

+ Quyết định số 577/GCN-SKHCNMT ngày 28/03/2002 của Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường TP. Hồ Chí Minh về việc phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường.

+ Chủ đầu tư phải thiết kế và thi công hệ thống thoát nước mưa và nước bẩn riêng biệt.

- Đồng thời chịu trách nhiệm về sự an toàn, chất lượng công trình và vệ sinh môi trường khu vực thi công.

CÁN BỘ KIỂM TRA

KS. Châu Minh Hiếu

TL. TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP TP. HỒ CHÍ MINH
KT. TRƯỞNG PHÒNG QL XD&MT
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

KS. Nguyễn Thanh Tùng



GIẤY CHỨNG NHẬN CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG HOÀN THÀNH

*** Công trình : NHÀ MÁY BAO BÌ GIẤY NHÔM – NEW TOYO .**

Địa điểm : Lô số 15-17-19-21, Khu công nghiệp trong Khu chế xuất
Linh Trung 2, Phường Bình Chiểu, Quận Thủ Đức,
TP. Hồ Chí Minh.

Chủ đầu tư : Công ty TNHH Bao bì giấy nhôm New Toyo.

Căn cứ :

- Nghị định số 36/CP ngày 24/4/1997 của Chính phủ ban hành Quy chế khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;

- Nghị định 24/2000/NĐ-CP ngày 31/07/2000 của Chính phủ quy định chi tiết Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Nghị định 27/2003/NĐ-CP ngày 19/03/2003 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 24/2000/NĐ-CP ngày 31/07/2000 của Chính phủ; Thông tư số 16/2000/TT-BXD ngày 11/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Hướng dẫn việc quản lý xây dựng đối với hoạt động đầu tư nước ngoài và quản lý các nhà thầu nước ngoài vào nhận thầu xây dựng và tư vấn xây dựng công trình tại Việt Nam;

- Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về việc quản lý chất lượng công trình xây dựng;

- Quyết định số 2841/QĐ-UB ngày 28/07/2003 của UBND TP. Hồ Chí Minh về việc giải quyết thủ tục xây dựng cơ bản trong khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh ;

- Giấy phép đầu tư số 113/GP-KCN-HCM ngày 16/11/2001 của Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh;

- Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật số 85/2002/QĐ-BQL KCN ngày 17/05/2002 của Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh;

- Đơn xin chứng nhận công trình xây dựng hoàn thành ngày 19/04/2005 của Công ty TNHH Bao bì giấy nhôm New Toyo;

Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến như sau :

1/ Hồ sơ nghiệm thu phần xây dựng cơ bản thể hiện :

- Biên bản nghiệm thu và bàn giao công trình đưa vào sử dụng ngày 15/04/2005, gồm có các bên :

+ Đại diện chủ đầu tư : Công ty TNHH Bao bì giấy nhôm New Toyo.

Ông Wu Se Erh - Tổng Giám đốc.

+ Đại diện đơn vị xây lắp : Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thời Đại

Ông Trần Ngọc Thuận - Giám đốc

Đồng ký tên nghiệm thu công trình gồm các hạng mục sau :

* Nhà văn phòng	:	DTXD:	2.476 m ² (2 tầng + tầng áp mái)
* Nhà kho - xưởng	:	DTXD:	9.672 m ²
* Nhà ăn	:	DTXD:	806 m ²
* Phòng hóa chất	:	DTXD:	96 m ²
* Trạm điện	:	DTXD:	128 m ²
* Nhà bảo vệ	:	DTXD:	45 m ²
* Nhà xe 2 bánh	:	DTXD:	180 m ²
* Nhà xe tải nhỏ	:	DTXD:	210 m ²
* Cầu nổi	:	DTXD:	60 m ²
Cộng		DTXD:	13.673 m ²
* Bể nước ngầm	:		111 m ³
* Công và tường rào	:		600 md

- Báo cáo của Chủ đầu tư về chất lượng xây dựng công trình ngày 08/04/2005.
- Báo cáo kiểm định chất lượng xây dựng công trình số 438/TVXD-2005 ngày 23/05/2005 của Công ty Tư vấn Xây dựng Tổng hợp - Bộ Xây dựng.

2/ Các hệ thống kỹ thuật khác đã kiểm tra an toàn bao gồm :

- Giấy chứng nhận nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy số 99PCCC/NT ngày 19/03/2003 của Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy - Công an TP. Hồ Chí Minh.
- Biên bản đo kiểm tra điện trở tiếp đất hệ thống chống sét đánh thẳng số 114 BB.TTKĐ&HL ngày 07/06/2004 Trung tâm Kiểm định và Huấn luyện Kỹ thuật An Toàn Lao động thành phố Hồ Chí Minh - Sở Lao động Thương binh - Xã hội.
- Báo cáo kết quả kiểm tra kỹ thuật an toàn hệ thống điện đông lực số 131/ATĐ/KĐ2-016 ngày 26/04/2005 của Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn khu vực 2 - Bộ Lao động Thương binh và xã hội.
- Văn bản số 1809/TNMT-QLMT ngày 30/03/2004 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc nghiệm thu môi trường Nhà máy của Công ty TNHH New Toyo.

3/ Công trình đã xây dựng xong và hồ sơ nghiệm thu đầy đủ và đúng quy định, được phép đưa vào sử dụng.

Nơi nhận:

- Cty TNHH New Toyo
- Sepzone Linh Trung
- Lưu: VP - XD - DN

K/T. TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP TP. HCM
BAN THƯỜNG TRỰC



Ngô Hoàng Minh

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Giai đoạn 2)

Số : 74 /GPXD

1. Cấp cho: **CÔNG TY TNHH BAO BÌ GIẤY NHÔM NEW TOYO**

Địa chỉ : Lô số 15,17,19,21

Đường : số 3

Khu chế xuất : Linh Trung 2

Quận : Thủ Đức

Thành phố : Hồ Chí Minh

2. Được phép xây dựng công trình: thuộc dự án sản xuất các loại giấy nhôm đủ màu, các loại giấy bìa đủ màu, các loại giấy lưới gà đủ màu, các loại giấy bìa trắng màng PET, giấy bìa trắng màng phim, các loại ống giấy và cắt xén giấy.

- Tổng số công trình xây dựng mới : 01 công trình.

+ Theo thiết kế có kí hiệu: từ KT01 đến KT04 (04 bản).

+ Do Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Dân Quốc lập

+ Gồm các nội dung sau đây:

- Công trình số 1: Nhà kho phụ

. Diện tích xây dựng tầng một : 21 m x 4,3 m = 90,3 m²

. Chiều cao công trình : 5,8 m Số tầng: 01

. Cốt nền xây dựng công trình: +0, 7m so với tim đường nội bộ (đường B).

. Khoảng lùi xây dựng: Theo bản vẽ Mặt bằng Tổng thể ký hiệu KT-01 lập tháng 9/2013 đính kèm hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng giai đoạn 2.

+ Diện tích xây dựng giai đoạn 1 : 12.014 m²

+ Diện tích xây dựng giai đoạn 2 : 90,3 m²

+ Tổng diện tích chiếm đất 2 giai đoạn : 12.104,3 m²

+ Diện tích đất : 20.644,6 m²

+ Mật độ xây dựng : 58,63 %

- Công trình được xây dựng tại:

Địa chỉ : Lô số 15,17,19,21

Đường : số 3

Khu chế xuất : Linh Trung 2

Quận : Thủ Đức

Thành phố : Hồ Chí Minh

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 662635, sổ vào sổ cấp GCN: T00021/1a ngày 15/6/2005.

4. Ghi nhận các công trình đã khởi công: Nhà văn phòng: 2.476 m² (trệt: 1.220 m²); Nhà kho – xưởng : 9.672 m²; Nhà ăn: 806 m² (trệt: 403 m²); Phòng hóa chất: 96 m²; Trạm điện : 128 m²; Nhà bảo vệ: 45 m²; Nhà xe 2 bánh: 180 m²; Nhà xe tải nhỏ: 210 m²; Cầu nổi: 60 m².
5. Hệ thống thoát nước mưa và nước thải phải được thiết kế và thi công riêng biệt;
6. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

TP Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2013

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư (1 bản chính);
- Cty TNHH Sepzone – Linh Trung (Việt Nam) (bản sao);
- P. Đại diện (bản sao);
- Lưu: VT – XD (K.Nam).



Vũ Văn Hòa

Chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung sau đây:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho Công ty TNHH Sepzone – Linh Trung (Việt Nam) trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số : 53 /GPXD

1. Cấp cho: CÔNG TY TNHH BAO BÌ GIẤY NHÔM NEW TOYO

Địa chỉ: Lô số 15, 17, 19, 21

Đường : số 3

KCN trong khu chế xuất Linh Trung II

Quận : Thủ Đức

Thành phố : Hồ Chí Minh

2. Được phép xây dựng công trình: thuộc dự án sản xuất các loại giấy nhôm đủ màu, các loại giấy bìa đủ màu, các loại giấy lõi gà đủ màu, các loại giấy bìa trắng màng PET, giấy bìa trắng màng phim, các loại ống giấy và cắt xén giấy.

- Tổng số công trình xây dựng mới : 01 công trình.

+ Theo thiết kế có kí hiệu: từ KT 01/06 ÷ KT 06/06; (06 bản)

+ Do Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Kiến Thủy lập

+ Gồm các nội dung sau đây:

- Công trình số 1: Nhà kho

. Diện tích xây dựng tầng một : 13,4 m x 6,35 m = **85,09 m²**

Chiều cao công trình : 6,28 m Số tầng: 01

. Cốt nền xây dựng công trình: +0,1m so với tim đường nội bộ (đường số 3).

. Khoảng lùi công trình: Theo bản vẽ Mặt bằng tổng thể hiện trạng và vị trí mở rộng ký hiệu KT 01/06 lập ngày 15/4/2015 đính kèm hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng.

+ Diện tích xây dựng 2 giai đoạn : **12.104,3 m²**

+ Diện tích xây dựng giai đoạn 3 : **85,09 m²**

+ Diện tích sàn xây dựng giai đoạn 3 : **85,09 m²**

+ Tổng diện tích xây dựng 3 giai đoạn : **12.189,39 m²**

+ Diện tích lô đất : **20.644,6 m²**

+ Mật độ xây dựng : **59,04%**

- Công trình được xây dựng tại:

Lô số 15, 17, 19, 21

Đường: số 3

KCN trong khu chế xuất Linh Trung II

Quận: Thủ Đức

Thành phố : Hồ Chí Minh

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 662635 (Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất : T 00021/1a) ngày 15/6/2005 do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp;

4. Hệ thống thoát nước mưa và nước thải phải được thiết kế và thi công riêng biệt và đầu nối vào đúng hệ thống hồ ga khu công nghiệp theo quy định;

5. Ghi nhận các công trình đã khởi công: Nhà văn phòng: 2.476 m² (trệt: 1.220 m²); Nhà kho – xưởng: 9.672 m²; Nhà ăn: 806 m² (trệt: 403 m²); Phòng hóa chất: 96 m²; Trạm điện: 128 m²; Nhà bảo vệ: 45 m²; Nhà xe 2 bánh: 180 m²; Nhà xe tải nhỏ: 210 m²; Cầu nổi: 60 m²; Nhà kho phụ: 90,3 m²;
6. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 6 năm 2015

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư (1 bản chính);
- Thanh tra Sở Xây dựng (bản sao);
- UBND phường Bình Chiểu (bản sao);
- Cty TNHH Sepzone – Linh Trung (Việt Nam) (bản sao);
- Lưu: VT, XD (A.D).

KT, TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Nguyễn Xuân Thủy

Chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung sau đây:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho Ủy ban nhân dân phường Bình Chiểu trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

**GIẤY XÁC NHẬN
ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Sau khi xem xét hồ sơ đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án “Nâng công suất Nhà máy sản xuất bao bì giấy nhôm từ 10.340 tấn sản phẩm/năm lên 23.220 tấn sản phẩm/năm” do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bao bì giấy nhôm New Toyo làm Chủ Đầu tư tại Lô số 15, 17, 19 và 21 khu công nghiệp trong khu chế xuất Linh Trung II, phường Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Dự án “Nâng công suất Nhà máy sản xuất bao bì giấy nhôm từ 10.340 tấn sản phẩm/năm lên 23.220 tấn sản phẩm/năm” do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bao bì giấy nhôm New Toyo làm Chủ Đầu tư hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 9971043571; Chứng nhận lần đầu, ngày 16 tháng 11 năm 2001; Chứng nhận thay đổi lần thứ năm, ngày 24 tháng 3 năm 2021 do Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức xác nhận Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bao bì giấy nhôm New Toyo đã đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án “Nâng công suất Nhà máy sản xuất bao bì giấy nhôm từ 10.340 tấn sản phẩm/năm lên 23.220 tấn sản phẩm/năm” tại Lô số 15, 17, 19 và 21 khu công nghiệp trong khu chế xuất Linh Trung II, phường Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 29 tháng 12 năm 2021.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bao bì giấy nhôm New Toyo có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, công trình, các biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký kèm theo văn bản số 01/KHBVMT/NEWTOTOYO/2021 ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bao bì giấy nhôm New Toyo, đã chỉnh sửa, bổ sung kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án “Nâng công suất Nhà máy sản xuất bao bì giấy nhôm từ 10.340 tấn sản phẩm/năm lên 23.220 tấn sản phẩm/năm”.

2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Tổ chức thực hiện các công trình quản lý, xử lý chất thải theo nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký với thời hạn hoàn thành như sau:

3.1. Về nước thải:

- Toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án phải được

thu gom, xử lý đạt giới hạn tiếp nhận nước thải và đầu nối đúng quy định của Khu Chế xuất Linh Trung II.

-Nước mưa: có hệ thống thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thoát nước thải.

3.2. Về bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung:

Thực hiện các biện pháp giảm thiểu và xử lý bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất đảm bảo đạt các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường theo QCVN 05 : 2013/BTNMT, QCVN 06 : 2009/BTNMT, QCVN 19: 2009/BTNMT, QCVN 20 : 2009/BTNMT, QCVN 26 : 2010/BTNMT, QCVN 27 : 2010/BTNMT.

3.3. Về quản lý chất thải:

- Bố trí thiết bị và khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

- Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, đảm bảo phân loại, lưu giữ và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành.

4. Thực hiện quan trắc chất thải định kỳ với tần suất 01 lần/năm (được tích hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ); bảo đảm nước thải, khí thải, tiếng ồn phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải; thực hiện quản lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện các biện pháp an toàn lao động, các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố rò rỉ nguyên liệu và các sự cố môi trường khác.

Kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án “Nâng công suất Nhà máy sản xuất bao bì giấy nhôm từ 10.340 tấn sản phẩm/năm lên 23.220 tấn sản phẩm/năm” tại Lô số 15, 17, 19 và 21 khu công nghiệp trong khu chế xuất Linh Trung II, phường Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh kèm theo Giấy xác nhận đăng ký này được cấp cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bao bì giấy nhôm New Toyo là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của dự án.

Nơi nhận:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bao bì giấy nhôm New Toyo;
- Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM;
- Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp TP.HCM;
- TT UBND TP. Thủ Đức (CT, PCT.KT);
- Phòng Tài nguyên và Môi trường TP.Thủ Đức;
- UBND phường Bình Chiểu;
- Công ty TNHH Sepzone – Linh Trung (Việt Nam);
- Lưu VT, TM (8b)

20/11/2017



Nguyễn Bạch Hoàng Phụng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 8 năm 2015

**SỔ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI**
Mã số QLCTNH 79.000618.T
(Cấp lần 6)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải chất thải nguy hại:

Tên: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BAO BÌ GIẤY NHÔM NEW TOYO**

Địa chỉ văn phòng/trụ sở chính: Lô 15, 17, 19 và 21, KCN trong KCX Linh Trung 2,, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08,37291768 Fax: 08,37291767

Tài khoản số: 018 1000 333997 Tại: Ngân hàng Vietcombank, chi nhánh Thủ Đức
Giấy chứng nhận đầu tư số 412043000321, chứng nhận lần đầu ngày 16/11/2001, chứng nhận thay đổi lần thứ ba ngày 19/07/2012 do Ban quản lý khu chế xuất và khu công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải chất thải nguy hại đã đăng ký cơ sở phát sinh chất thải nguy hại kèm theo danh sách chất thải nguy hại và chất thải thông thường theo Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 25 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 04 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường
3. Có trách nhiệm áp dụng các biện pháp cần thiết, thông báo cho cơ quan có thẩm quyền khi xảy ra sự cố và thực hiện nghiêm chỉnh các hướng dẫn của cơ quan này.

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động và thay thế Sổ đăng ký có mã số QLCTNH: 79.000618.T cấp lần 5 ngày 26 tháng 11 năm 2014. 

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo;
- Lưu VT: P.QLCTR (2b).
- Dự thảo: Truyền.



Nguyễn Văn Phước



PHỤ LỤC

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH: 79.000618.T do Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM, cấp lần 6, ngày 31 tháng 8 năm 2015)

1. Cơ sở phát sinh chất thải nguy hại

Tên: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BAO BÌ GIẤY NHÔM NEW TOYO**

Địa chỉ cơ sở: Lô 15, 17, 19, 21 và 24, KCN trong KCX Linh Trung 2., quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08,37291768

Fax: 08,37291767

Giấy chứng nhận đầu tư số 412043000321, chứng nhận lần đầu ngày 16/11/2001, chứng nhận thay đổi lần thứ ba ngày 19/07/2012 do Ban quản lý khu chế xuất và khu công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

Loại hình hoạt động: sản xuất bao bì giấy nhôm và ống giấy

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất đảm bảo rỗng hoàn toàn (thùng phuy sắt chứa hóa chất)	Rắn	45.000	18 01 02
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	80	16 01 06
3	Mực in thải và các thành phần nguy hại	Rắn	4.000	08 02 01
4	Bao bì mềm chứa hóa chất thải	Rắn	6.200	18 01 01
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	15.400	18 02 01
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa (bình/thùng nhựa chứa mực, sơn nước)	Rắn	800	18 01 03
7	Dung môi thải	Lỏng	3.600	16 01 01
8	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	Lỏng	200	17 02 03
	Tổng số lượng		75.280	

3. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/năm)
1	Cặn hồ hữu cơ	Rắn	39.000
2	Chất thải rắn sinh hoạt	Rắn	40.500
	Tổng số lượng		79.500

4. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký tự xử lý chất thải nguy hại tại cơ sở:
(không có)

5. Hồ sơ kèm theo Sổ đăng ký:

Bộ hồ sơ đăng ký (với dòng chữ sau trên bìa: "Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại có Mã số QLCTNII: 79.000618.T do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp lần 6 ngày 31 tháng 8 năm 2015...") được Sở Tài nguyên và Môi trường đóng dấu xác nhận trên trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Sổ đăng ký này.



NEW TOYO (VIETNAM) ALUMINIUM PAPER PACKAGING CO., LTD

LOT 15,17,19 AND 21, THE INDUSTRIAL ZONE OF LINH TRUNG II
EXPORT PROCESSING ZONE, BINH CHIEU WARD, THU DUC CITY,
HO CHI MINH CITY, VIETNAM

*Bureau Veritas Certification Holding SAS – UK Branch certifies that the Management System of
the above organisation has been audited and found to be in accordance with the requirements
of the management system standards detailed below*

ISO 9001:2015

Scope of certification

PRODUCING OF ALUMINIUM PAPER

Original cycle start date:	12-03-2004
Expiry date of previous cycle:	NA
Certification / Recertification Audit date:	NA
Certification / Recertification cycle start date:	07-03-2022
Subject to the continued satisfactory operation of the organization's Management System, this certificate expires on:	11-03-2025

Certificate No.:	VN009045	Version:	1	Issue date:	07-03-2022
------------------	----------	----------	---	-------------	------------


LUU THI MAI HUONG



0008

Certification Body Address: 5th Floor, 66 Prescot Street, London E1 8HG United Kingdom

*Local Office: Unit 4 4A, 4th Floor, E-Town 1 Building, 364 Cong Hoa Street, Tan Binh
District, Ho Chi Minh City Vietnam*

Further clarifications regarding the scope and validity of this certificate and the applicability of the management system
requirements, please call: +84 28 3812 2246





Certificate of Registration

**NEW TOYO (VIET NAM) ALUMINIUM
PAPER PACKAGING CO., LTD**

LOT 15, 17, 19 AND 21, THE INDUSTRIAL ZONE OF LINH TRUNG II EXPORT
PROCESSING ZONE, BINH CHIEU WARD, THU DUC CITY, HO CHI MINH CITY,
VIETNAM

COID: VNM 1-6756-536843

*Bureau Veritas Certification Holding SAS, UK Branch certifies that the food safety
management system of the above organization has been assessed and determined to comply with
the requirements of:*

Standard

**FOOD SAFETY SYSTEM CERTIFICATION 22000
FSSC 22000**

Certification scheme for food safety management systems, consisting of the following elements:

ISO 22000:2018

ISO TS 22002-4 2013 Prerequisite programmes on food safety

Part 4: Food packaging manufacturing

And additional FSSC 22000 requirements V5.1

This certificate is applicable for the scope of

**PRODUCTION OF PAPER AND LAMINATED PAPER PACKAGING
FOR FOOD INDUSTRY**

**Food Chain category: Production of Food Packaging and Packaging
Material – Category I**

Initial certification date: **27 May 2020**

Expiry date of previous cycle: **26 May 2023**

Date of certification decision: **31 March 2023**

Certification cycle start date: **31 March 2023**

Subject to the continued satisfactory operation of the organization's Management System,
this certificate expires on: **26 May 2026**

Certificate No./Version: **VN010338 - 1**

Contract No: **15430247**

Issue date: **31 March 2023**

Signed on behalf of the Certification Body

Certification Body: Bureau Veritas Certification Holding SAS, UK Branch
Local office: 4th Floor, Pinnacle Building, 601 Cong Hoa, Tan Binh District, HCM City

*Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of the
management system requirements may be obtained by consulting the organization.
This certificate remains the property of Bureau Veritas Certification Holding SAS – UK Branch.
Validity of this certificate can be verified in the
FSSC 22000 database of certified organizations available on www.fsc22000.com*



0608



Số: 1025 /TD-PCCC

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số ngày...09/ 07/2018...của: Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyco.....

Người đại diện là Ông/Bà: Nhan Húc Quân..... Chức danh: Tổng Giám đốc.

CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỨNG NHẬN:

Xây mới nhà chứa bồn dầu và lắp đặt bổ sung hệ thống chữa cháy tự động
..... khu vực nhà kho.....

Địa điểm xây dựng:Lô 15, 17, 19, 21, KCX.Linh Trung II, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyco.....

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Lắp đặt PCCC Phú Lộc Thọ

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

-Bậc chịu lửa; giao thông phục vụ chữa cháy; giải pháp ngăn cháy; lối thoát nạn;.....
-Hệ thống chữa cháy tự động sprinkler nhà kho, chữa cháy tự động bằng foam nhà chứa bồn dầu;.....
-Mặt bằng bố trí đầu báo cháy tự động nhà chứa bồn dầu.....

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

TP. Hồ Chí Minh ngày 22 tháng 7 năm 2018

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư, BQL các KCX&CN TP HCM;
- C66-BGA; Phòng CS PC&CC Quận 9;
- Lưu: V.TP2



Đại tá Đoàn Văn Chón

**DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

[illegible]

Số: 388 /PC07-Đ5
Về việc nghiệm thu về PCCC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 7 năm 2019

Kính gửi: Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo

Theo đề nghị tại Văn bản ngày 25/6/2019 về việc nghiệm thu phòng cháy và chữa cháy của Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo; căn cứ kết quả kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy tại Biên bản kiểm tra do đại diện Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH) lập ngày 10/1/2019 và ngày 03/7/2019, hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy của Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo.

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH đồng ý xác nhận việc nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo đối với công trình Xây mới nhà chứa bồn dầu và lắp đặt bổ sung hệ thống chữa cháy tự động khu vực nhà kho xây dựng tại lô 15, 17, 19, 21, KCN trong KCX Linh Trung II, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh theo các nội dung sau:

- Bậc chịu lửa, giải pháp ngăn cháy, giao thông phục vụ chữa cháy, lối thoát nạn;
- Hệ thống chữa cháy tự động sprinkler nhà kho, chữa cháy tự động bằng foam nhà chứa bồn dầu;
- Mặt bằng bố trí đầu báo cháy tự động nhà chứa bồn dầu.

Để đảm bảo an toàn phòng cháy và chữa cháy cho công trình Xây mới nhà chứa bồn dầu và lắp đặt bổ sung hệ thống chữa cháy tự động khu vực nhà kho trong suốt quá trình hoạt động, đề nghị Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

1. Thực hiện đúng quy định, quy trình về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan;

2. Duy trì liên tục chế độ hoạt động của các hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan trong suốt quá trình hoạt động như tại thời điểm nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Cảnh sát PCCC&CNCH-BCA;
- Công an quận Thủ Đức;
- Lưu: VT, Đ5.

TRƯỞNG PHÒNG

Thượng tá Huỳnh Quang Tâm

	CÔNG TY TNHH SEPZONE – LINH TRUNG (VIỆT NAM) Khu chế xuất Linh Trung I: P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, TPHCM ĐT: 028 38962 354-356 – Fax: 028 38962 350 Khu chế xuất Linh Trung II: P. Bình Chiểu, Tp. Thủ Đức, TPHCM ĐT: 028 37291 283-284 – Fax: 028 37291 289 Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III: An Tịnh, Trảng Bàng, Tây Ninh ĐT: 0276 3896 600-601 – Fax: 0276 3896 391 www.linhtrungsepz.com	
---	--	--

Số: 405/CV.I.T.2023

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2023

V/v xác nhận đầu nổi thoát nước

Kính gửi: **CÔNG TY TNHH BAO BÌ GIẤY NHÔM NEWTOYO**

Căn cứ:

- Công văn số 267/CV.LT.2023 ngày 20/10/2023 của Công ty TNHH Sepzone – Linh Trung (Việt Nam) về việc kiểm tra hiện trạng và xác nhận đầu nổi thoát nước thải, nước mưa;
- Kết quả kiểm tra hệ thống thu gom, thoát nước thải và nước mưa tại Công ty TNHH Bao bì giấy nhôm Newtoyo ngày 21/11/2023.

Qua đối chiếu giữa bản vẽ thiết kế mặt bằng tổng thể thoát nước của Công ty TNHH Bao bì giấy nhôm NewToyo (sau đây gọi tắt là Công ty) và kết quả kiểm tra thực tế, Sepzone – Linh Trung xác nhận:

Hệ thống thoát nước mưa và nước thải của Công ty tại Khu Chế xuất Linh Trung 2, phường Bình Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM đã được thiết kế, thi công riêng biệt và đầu nổi đúng quy định vào hệ thống thoát nước mưa, nước thải của Khu Chế xuất Linh Trung 2 tại các vị trí như sau:

- Vị trí đầu nổi nước thải:
+ 02 điểm là NTY-NT-1 (đường 3), NTY-NT-2 (đường 3).
- Vị trí đầu nổi nước mưa:
+ 02 điểm là NTY-NM-1 (đường 3), NTY-NM-2 (đường 3).

Kính đề nghị Công ty trong quá trình hoạt động cần thực hiện tốt công tác vận hành, thường xuyên kiểm tra, duy tu hệ thống thoát nước nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố (nếu có). Tuyệt đối không để lẫn nước thải vào hệ thống thoát nước mưa hoặc ngược lại. Đảm bảo việc thoát nước được ổn định và đúng vị trí đầu nổi đã xác nhận như trên.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu P.HC, P.MT - VHCSHT.

Đính kèm:

- Bản vẽ mặt bằng tổng thể thoát nước của Công ty TNHH Bao bì giấy nhôm NewToyo.



Trần Thiện Trung



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----oOo-----

Số: 50A/HĐLT.2022

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Căn cứ:

- Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 được Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015,
- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/6/2014,
- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;
- Nghị định 53/2020/NĐ-CP ngày 05/05/2020 của Chính phủ quy định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT;
- Hợp đồng cung cấp nước sạch số 50/HĐLT.2022 ngày 01/01/2022 ký giữa Công ty TNHH Sepzone – Linh Trung (Việt Nam) và CÔNG TY TNHH BAO BÌ GIẤY NHỒM NEW TOYO;
- Căn cứ vào nhu cầu của Doanh nghiệp và khả năng tiếp nhận, xử lý nước thải của nhà máy xử lý nước thải tập trung tại KCX&CN LINH TRUNG 2;

Hôm nay, ngày 01/01/2022, hai bên gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH SEPZONE - LINH TRUNG (VIỆT NAM)

Địa chỉ: KP 4, P.Linh Trung, Q. Thủ Đức, TP. HCM.

Điện thoại: (08) 38962 354 - Fax : (08) 38962 350

Tài khoản số: (VND) 018.1.00.000117.6 tại Vietcombank, Chi nhánh Thủ Đức

Đại diện: Ông LÊ HOÀNG MINH - Chức vụ: Tổng Giám Đốc
Ông YANG KAI YONG - Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc thứ nhất

BÊN B: CÔNG TY TNHH BAO BÌ GIẤY NHỒM NEW TOYO

Địa chỉ : Lô số 15-17-19-21, KCN trong KCX Linh Trung 2, P. Bình Chiểu, TP. Thủ Đức, TP. HCM

Điện thoại: (028) 37291768 - Fax: (028) 37291767

Mã số thuế: 0302476684

Đại diện: Ông/ Bà. NHAN HÚC QUÂN - Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải theo các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG

- Bên A đồng ý cho Bên B đầu nối hệ thống thoát nước thải sản xuất và sinh hoạt của Bên B vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Bên A tại KCX LINH TRUNG 2.

ĐIỀU 2: KHỐI LƯỢNG - PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN

- 2.1. Bên A tiếp nhận nước thải của Bên B thông qua hố ga đầu nối nằm ngoài hàng rào nhà máy của Bên B và hệ thống công ngầm chung của KCX dân về nhà máy xử lý nước thải tập trung của Bên A để xử lý với yêu cầu mức độ ô nhiễm của nước thải Bên B phải nằm trong giới hạn quy định bởi Bên A (Bảng tiêu chuẩn nước thải quy định đính kèm).
- 2.2. Nước thải của Bên B được hiểu là nước thải ra sau khi Bên B sử dụng nguồn nước sạch được cung cấp bởi Bên A căn cứ vào **Hợp đồng cung cấp nước sạch số 50/HĐLT 2022** ngày 01/01/2022 để sử dụng trong quá trình sản xuất, sinh hoạt của Bên B.
- 2.3. Khối lượng nước thải được tính bằng 80% lượng nước sạch tiêu thụ ghi nhận qua đồng hồ.

ĐIỀU 3: ĐƠN GIÁ XỬ LÝ (chưa bao gồm thuế GTGT)

- 3.1. Phí xử lý 1m³ nước thải đạt Bảng tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCX LINH TRUNG 2 là 9900 VNĐ/ m³. Phí này sẽ được điều chỉnh vào đầu mỗi năm cho phù hợp với tình hình biến động giá thực tế.
- 3.2. Khi có thay đổi về giá, Bên A sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B trước khi áp dụng giá mới. Thông báo này được coi như là một phụ lục đính kèm Hợp đồng này.

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Bên B đồng ý thanh toán phí xử lý nước thải cho Bên A theo thể thức:

- 4.1. **Loại tiền thanh toán:** bằng đồng Việt Nam.
- 4.2. **Hình thức thanh toán:** bằng tiền mặt hoặc bằng chuyển khoản, Bên B trả tiền phí xử lý nước thải cho Bên A theo tài khoản (VNĐ) số **018.1.00.000117.6** tại Vietcombank, chi nhánh Thủ Đức đầy đủ và đúng hạn, căn cứ trên giấy báo hàng tháng.
- 4.3. Nếu quá thời gian qui định bảy (07) ngày tính từ ngày nhận thông báo thanh toán của Bên A, Bên B vẫn không thanh toán cho Bên A, thì Bên B phải chịu phạt tiền lãi chậm thanh toán như sau:
 - a) Chậm đến tối đa mười lăm (15) ngày: tính thêm tiền lãi chậm thanh toán theo lãi suất tiền gửi có kỳ hạn Việt Nam đồng tương ứng thời hạn chậm thanh toán do Vietcombank, chi nhánh Thủ Đức quy định.
 - b) Chậm từ mười sáu (16) ngày đến tối đa ba mươi (30) ngày: tính thêm tiền lãi chậm thanh toán bằng 150% của lãi suất tiền gửi có kỳ hạn Việt Nam đồng tương ứng thời hạn chậm thanh toán do Vietcombank, chi nhánh Thủ Đức quy định.
 - c) Nếu quá ba mươi (30) ngày mà Bên B vẫn không thanh toán tiền nợ thì tính thêm tiền lãi chậm thanh toán bằng 150% của lãi suất tiền gửi kỳ hạn 1 (một) tháng Việt Nam đồng do Vietcombank, chi nhánh Thủ Đức quy định, thì Bên A buộc phải ngưng cung cấp nước sạch cho Bên B và ngừng tiếp nhận xử lý nước thải của Bên B cho đến khi việc thanh toán được giải quyết xong.

ĐIỀU 5: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

- 5.1. Chịu trách nhiệm xử lý nước thải đạt quy chuẩn quy định trước khi xả thải ra môi trường.

- 5.2. Ghi chỉ số đồng hồ nước hàng tháng vào khoảng **ngày 24-26** để làm cơ sở thu phí xử lý nước thải của Bên B.
- 5.3. Bên B đồng ý và không gây cản trở việc Bên A được quyền kiểm tra và thực hiện các nghiệp vụ đầu nối – thu gom - xử lý nước thải tại nhà máy của Bên B định kỳ thường xuyên và đột xuất trong trường hợp xảy ra sự cố có thể gây ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước – xử lý nước thải của Khu chế xuất Linh Trung. Bảo trì, sửa chữa những hư hỏng khách quan của đồng hồ nước.
- 5.4. Kiểm tra việc xử lý nước thải tại nhà máy của Bên B thường xuyên và đột xuất.
- 5.5. Tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại, thắc mắc của Bên B về các vấn đề có liên quan đến đầu nối - xử lý nước thải.
- 5.6. Thông báo trực tiếp đến Bên B trước hai (02) ngày khi tạm ngưng tiếp nhận nước thải hoặc dịch vụ xử lý nước thải của Bên B để phục vụ công tác sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng định kỳ, trừ trường hợp xảy ra sự cố đột xuất.
- 5.7. Tại điểm tiếp nhận nước thải của Bên B, Bên A có trách nhiệm lắp đặt một van kiểm soát để điều khiển đóng mở nhằm tiếp nhận hoặc không tiếp nhận nước thải của Bên B trong các tình huống sự cố môi trường.
- 5.8. Ngừng thực hiện dịch vụ xử lý nước thải hoặc ngưng tiếp nhận nước thải của Bên B trong các trường hợp sau:
 - a) Theo yêu cầu bằng văn bản của Bên B.
 - b) Do bên B vi phạm thời hạn thanh toán hoặc các nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng và các quy định của pháp luật có liên quan.
 - c) Khi nước thải của Bên B có ít nhất 01 (một) thông số vượt tiêu chuẩn cho phép.

ĐIỀU 6: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ BÊN B

- 6.1. Thanh toán phí xử lý nước thải đầy đủ và đúng hạn theo Điều 4 của Hợp đồng này.
- 6.2. Đảm bảo tuân thủ các qui định hiện hành của Nhà nước về bảo vệ môi trường.
- 6.3. Yêu cầu Bên A xác nhận việc đầu nối hệ thống thoát nước của Bên B vào hệ thống thu gom và thoát nước của Bên A.
- 6.4. Yêu cầu Bên A tạm ngưng tiếp nhận nước thải trong một thời gian nhất định. Bên B phải trả các chi phí phát sinh về việc đóng, mở van thoát nước thải (nếu có).
- 6.5. Không được cho đơn vị khác đầu nối thoát nước vào hệ thống thoát nước nếu không có văn bản đồng ý của Bên A.
- 6.6. Bên B có nghĩa vụ phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi để Bên A và các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện việc kiểm tra hoạt động thoát nước định kỳ hoặc đột xuất tại nhà máy của Bên B.
- 6.7. Đảm bảo nước thải không có mức ô nhiễm vượt quá tiêu chuẩn cho phép nêu tại Điều 2 trước khi thải vào đường thoát nước chung. Trong mọi trường hợp, thời điểm mà nước thải có mức ô nhiễm vượt quá tiêu chuẩn cho phép, Bên B phải tự xử lý cục bộ cho đến khi đạt mới được thải vào đường thoát nước chung.
- 6.8. Bên B phải đảm bảo hệ thống thoát nước thải hoạt động ổn định và an toàn trong thời gian hoạt động của nhà máy.
- 6.9. Bên B phải tổ chức thu gom nước thải và nước mưa vào hai hệ thống cống riêng biệt và xả vào các vị trí quy định, không để tình trạng nước mưa hoặc chất thải rắn thoát vào hệ

thống thoát nước thải hoặc chất thải (rắn, lỏng) thoát ra môi trường hoặc thoát vào hệ thống thoát nước mưa.

6.10. Bên B không được để chất thải rắn hoặc chất thải lỏng (không đạt yêu cầu tại Bảng tiêu chuẩn nước thải của Hợp đồng này hoặc trái với quy định của pháp luật) thoát ra môi trường hoặc thoát vào hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải của Bên A. Trường hợp Bên B vi phạm nội dung này thì:

- a) Căn cứ vào tình trạng vi phạm của Bên B, Bên A có quyền ngay lập tức áp dụng các biện pháp cần thiết để cô lập nguồn ô nhiễm hoặc tạm ngưng dịch vụ thoát nước của Bên B.
- b) Bên A sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B về Bên B khắc phục vi phạm trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo. Bên A có quyền áp dụng các biện pháp như tại điểm (a) Điều này cho đến khi khắc phục được vi phạm.
- c) Bên B có nghĩa vụ thanh toán tất cả chi phí mà Bên A áp dụng để xử lý những thiệt hại được phát sinh trực tiếp hay gián tiếp mà nguyên nhân xuất phát từ vi phạm của Bên B. Bao gồm các chi phí tái lập đường ống dẫn nước, chi phí xử lý tăng cường, chi phí thu gom xử lý chất thải, chi phí khắc phục sự cố môi trường... và các khoản phạt do cơ quan quản lý môi trường xử phạt Bên A do ảnh hưởng từ sự vi phạm của Bên B.
- d) Bên A sẽ báo cáo sự việc vi phạm của Bên B cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

6.11. Được Bên A cung cấp thông tin về các sự cố liên quan đến đầu nối - xử lý nước thải: kế hoạch sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải tập trung; các quy định mới liên quan đến đầu nối - xử lý nước thải.

6.12. Bên B có trách nhiệm cung cấp cho Bên A các tài liệu sau:

- + Báo cáo kết quả quan trắc định kỳ (bản scan hoặc photo) chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt quan trắc định kỳ.
- + Tổng khối lượng bùn thải từ hoạt động xử lý nước thải cục bộ phát sinh và chuyển giao xử lý hàng tháng (nếu có).

6.13. Bên B không được khoan, khai thác giếng ngầm. Nếu Bên B khoan giếng ngầm:

- a) Bên A sẽ lập biên bản thu giữ các thiết bị liên quan đến việc khai thác nước ngầm.
- b) Bên B phải lập tức lấp giếng, chấm dứt việc khai thác nước ngầm ngay sau khi nhận được thông báo của Bên A và có nghĩa vụ thanh toán cho Bên A phí xử lý nước thải cho lượng nước mà Bên B khai thác từ giếng ngầm, cụ thể như sau:

Phí xử lý nước thải = Khối lượng nước ngầm khai thác x 80% x Giá xử lý nước thải.

Trong đó:

- Khối lượng nước khai thác = Lưu lượng nước tối đa của máy bơm/giờ x 24 giờ x thời gian khai thác.
 - Thời gian khai thác tính từ khi Bên B khoan giếng đến khi bị phát hiện. Nếu không xác định được thời điểm khoan giếng, thời gian khai thác sẽ tính là một (01) năm
 - Giá xử lý nước thải được tính theo biểu giá từng thời điểm cụ thể của đơn giá.
- c) Nếu Bên B không thực hiện trả phí xử lý nước thải từ giếng khoan trái phép và bồi thường các thiệt hại cho Bên A do việc khoan giếng của Bên B, Bên A sẽ ngừng tiếp nhận xử lý nước thải của Bên B sau khi thông báo cho Bên B ít nhất 15 ngày. Bên A

sẽ không chịu trách nhiệm bất cứ thiệt hại nào cho Bên B do việc ngưng tiếp nhận xử lý nước thải của Bên B.

- d) Bên A chỉ tiếp nhận xử lý nước thải trở lại cho Bên B sau khi Bên B thực hiện bồi thường đầy đủ các thiệt hại gây ra cho Bên A.

6.14. Trong trường hợp Bên B vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào của Hợp đồng này thì Bên B có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho Bên A và bên thứ ba (nếu có). Đồng thời Bên B phải chi trả các khoản phạt do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử phạt Bên A do ảnh hưởng từ sự vi phạm Hợp đồng hoặc vi phạm pháp luật của Bên B.

ĐIỀU 7: GIẢI QUYẾT SỰ CỐ

- 7.1. Trường hợp đồng hồ nước bị trục trặc, kẹt số, hư hỏng không phản ánh được số nước tiêu thụ, hai bên sẽ lập biên bản xác nhận lượng nước tiêu thụ căn cứ vào lượng nước tiêu thụ bình quân của hai (02) tháng liền kề trước đó để làm cơ sở tính tiền.
- 7.2. Trường hợp đồng hồ nước chạy sai hoặc có sự tính toán nhầm lẫn, hai bên cùng kiểm tra xác nhận để hoàn lại hoặc bù trả tiền vào tháng sau. Trong thời gian chờ giải quyết, Bên B vẫn phải thanh toán theo giấy báo của Bên A.

ĐIỀU 8: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- 8.1. Hợp đồng có thể chấm dứt trong các trường hợp sau:
- a) Hợp đồng đã được hoàn thành;
 - b) Theo thỏa thuận chấm dứt bằng văn bản của các bên;
 - c) Một trong các bên phá sản, giải thể;
 - d) Một bên đơn phương chấm dứt Hợp Đồng do lỗi của Bên còn lại.
- 8.2. Quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng:
- a) Một bên có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng khi bên kia vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào đã được các bên thỏa thuận trong hợp đồng hoặc pháp luật có quy định. Bên vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh đối với Bên còn lại và bên thứ ba (nếu có).
 - b) Trường hợp một bên đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không phải do lỗi của bên kia gây ra, thì bên chấm dứt hợp đồng phải bồi thường thiệt hại cho bên kia.
- 8.3. Trước khi chấm dứt hợp đồng, các bên phải thông báo cho bên kia trước 30 ngày, nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên chấm dứt hợp đồng phải bồi thường thiệt hại cho bên kia;
- 8.4. Trong mọi trường hợp chấm dứt Hợp Đồng, Các Bên sẽ cùng thỏa thuận để giải quyết các vấn đề thanh toán của mỗi bên tại thời điểm chấm dứt Hợp Đồng.

ĐIỀU 9: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 9.1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ký, nếu có gì khó khăn, thay đổi trong quá trình thực hiện hai bên sẽ thỏa thuận giải quyết và được thể hiện bằng phụ kiện hợp đồng.
- 9.2. Khi có tranh chấp hợp đồng, hai bên sẽ giải quyết bằng hình thức thương lượng, trong trường hợp không thỏa thuận được với nhau các bên có quyền chuyển hồ sơ đến Tòa án có thẩm quyền để xét xử theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

- 9.3. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày **31/12/2026** và thay thế cho hợp đồng đã ký trước đây. Khi hợp đồng hết hạn, hai bên có thể thỏa thuận gia hạn hợp đồng.
- 9.4. Hợp đồng được lập thành 04 bản (02 tiếng Việt và 02 tiếng Anh), mỗi bên giữ 02 bản (01 tiếng Việt và 01 tiếng Anh) có giá trị pháp lý như nhau. Trong trường hợp có sự không tương hợp giữa phân tiếng Việt và tiếng Anh thì bản tiếng Việt sẽ là bản được ưu tiên tham chiếu khi thực hiện hợp đồng và phân vật.

BÊN A

BÊN B

LÊ HOÀNG MINH

YANG KAI YONG

NEW TOYO

NHAN HUC QUAN

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 01/2021/HĐKT/SKYLAR-NEWTOTOYO

Hôm nay, ngày 22 tháng 11 năm 2021, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN SKYLAR

- Địa chỉ: Tầng 14 – 08A Tòa nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.
- Đại diện bởi: Ông **TRẦN QUANG LUÂN** Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Điện thoại: 0286 680 680
- Mã số thuế: 0316031692

Sau đây gọi là **Bên A**.

2. CÔNG TY TNHH BAO BÌ GIẤY NHÔM NEW TOYO

- Địa chỉ: Lô 15, 17, 19 và 21 KCN trong KCX Linh Trung II, Phường Bình Chiểu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
- Đại diện bởi: Bà **NHAN HỨC QUÂN** Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Điện thoại: (028) 37291768
- Mã số thuế: 0302476684
- Tài khoản ngân hàng số: 0181000333997 Vietcombank – Chi nhánh Thủ Đức, TP.HCM

Sau đây gọi là **Bên B**.

Các bên thống nhất ký “**Hợp Đồng**” này với các điều kiện và điều khoản như sau:

- (A) Bên B mong muốn sử dụng điện mặt trời trên mái nhà làm sản xuất kinh doanh, hướng tới đạt được chứng nhận nhà máy sử dụng năng lượng sạch, các lợi ích khác là sự cấp thiết trong việc nâng cao hình tượng nhà máy, thể hiện là nhà máy xanh và sử dụng năng lượng mặt trời phát điện để tiết kiệm năng lượng.
- Bên A mong muốn lắp đặt, giám sát và bảo trì hoạt động của hệ thống các tấm pin năng lượng mặt trời trên mái nhà/công trình của Bên B (“**Công trình**”) đặt tại Lô 15, 17, 19, 21 KCN trong KCX Linh Trung II, Phường Bình Chiểu, TP. Thủ Đức, TP.HCM (“**Địa điểm**”) với tổng công suất được quy định tại Khoản 2.1 Điều 2 (“**Hệ thống**”):
- (B) Bên B được phép hoạt động trên Địa điểm và có quyền sở hữu đối với Công trình và Bên B mong muốn cho phép Bên A sử dụng mái của Công trình và lắp đặt, giám sát và bảo trì Hệ thống tại Địa điểm theo các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này; và
- (C) Bên B mong muốn nhận, và Bên A mong muốn cho phép Bên B nhận, toàn bộ sản lượng điện được sản xuất từ Hệ thống theo các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này.

NAY, căn cứ vào cơ sở xác lập và xét đến các cam kết và nghĩa vụ được quy định dưới đây và sẽ được thực hiện, Bên A và Bên B thỏa thuận như sau:

ĐIỀU 1. CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI

- 1.1. **Bên A và Bên B** sẽ được gọi chung là “**Các Bên**” và gọi riêng là “**Bên**”.
- 1.2. **Hệ thống điện mặt trời mái nhà** (gọi tắt là “**Hệ thống**” hoặc “**Dự án**”) là Hệ thống thiết bị với công suất như quy định tại Khoản 2.1 Hợp đồng được Bên A đầu tư lắp đặt trên mái nhà xưởng của Bên B để sản xuất điện mặt trời mái nhà.
- 1.3. **Hợp đồng** là Hợp đồng cho thuê mái để thực hiện Dự án tại khu vực mái nhà xưởng của Bên B, cùng các phụ lục, tài liệu đính kèm và mọi sửa đổi, bổ sung bằng văn bản do các bên lập và ký kết.
- 1.4. **Địa điểm** là Nhà xưởng tại: Lô 15, 17, 19, 21 KCN trong KCX Linh Trung II, Phường Bình Chiểu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
- 1.5. **Công trình** là cơ sở nhà xưởng tọa lạc tại Địa điểm, thuộc sở hữu hợp pháp của Bên B, nơi Bên A dự kiến lắp đặt Hệ thống.
- 1.6. **Phần diện tích thuê** là phần diện tích mặt bằng trong phạm vi mái nhà xưởng dùng để xây dựng, lắp đặt công trình, thiết bị của Dự án. Sơ đồ mặt bằng cụ thể được xác định theo mô tả tại Điều 2.1 và Phụ lục 02 - Sơ đồ, bản vẽ Phần diện tích thuê.
- 1.7. “**Một Tháng**” là gồm 30 (ba mươi) ngày lịch kể từ ngày bắt đầu tính thời hạn.
- 1.8. “**Một Năm**” là 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày lịch kể từ ngày bắt đầu tính thời hạn.
- 1.9. “**Điều Kiện Công Trình**” nghĩa là các điều kiện của Công trình/Phần diện tích thuê được ghi nhận trong Khảo Sát Kỹ Thuật, thẩm định do Bên A thực hiện hoặc các hồ sơ, báo cáo khác do Bên B cung cấp cho Bên A.
- 1.10. “**Ngày Làm Việc**” có nghĩa là ngày dương lịch ngoại trừ ngày Thứ 7, Chủ Nhật và bất kỳ ngày nghỉ lễ nào theo pháp luật của Việt Nam.
- 1.11. **Ngày Vận Hành Thương Mại**: có nghĩa là ngày mà toàn bộ các điều kiện sau được thỏa mãn: (i) Hoàn thành công tác nghiệm thu, thử nghiệm đối với Hệ Thống; (ii) Hệ Thống được đấu nối lên hệ thống lưới điện quốc gia, và (iii) Các Bên đã chốt chỉ số Công Tơ Điện Hai Chiều để bắt đầu sử dụng và thanh toán.
- 1.12. **Điện Mặt Trời**: có nghĩa là điện năng được sản xuất bởi Hệ Thống theo nguyên lý biến đổi từ quang năng thành điện năng, được Bên A bán và giao cho Bên B theo các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng.
- 1.13. **Chấp Thuận**: có nghĩa là tất cả các giấy phép, chứng nhận và/hoặc chấp thuận theo yêu cầu của pháp luật và/hoặc của bất kỳ cơ quan/tổ chức có thẩm quyền cho phép việc, bao gồm nhưng không giới hạn, Bên A lắp đặt, vận hành và bảo trì Hệ Thống trên Phần Diện Tích Mái và đấu nối Hệ Thống vào hệ thống lưới điện quốc gia.
- 1.14. **EVN**: có nghĩa là Tập đoàn Điện lực Việt Nam và/hoặc các đơn vị thành viên của EVN.
- 1.15. **Điểm Đầu Nối**: là vị trí (“điểm”) mà ở đó sản lượng điện của Bên A được dẫn vào hệ thống của Bên B và hệ thống lưới điện quốc gia.
- 1.16. **Công Tơ Điện Hai Chiều**: có nghĩa là công tơ điện hai chiều được lắp đặt bởi Bên A tại Điểm Đầu Nối cho mục đích đo lường chính xác sản lượng điện được sản sinh bởi Hệ Thống và được tiêu thụ bởi Bên B và sản lượng điện được Bên A bán cho EVN.

1.17. Từ khi được định nghĩa khác đi hoặc ngữ cảnh của bất kỳ thuật ngữ nào có yêu cầu khác đi: (a) số ít bao gồm cả số nhiều và ngược lại; (b) các cụm từ "trong Hợp đồng này," "của Hợp đồng này" và "theo Hợp đồng này" đề cập đến toàn bộ Hợp đồng này chứ không phải đề cập đến bất kỳ phần hoặc mục cụ thể nào của Hợp đồng này; (c) các tham chiếu đến bất kỳ thỏa thuận, tài liệu hoặc văn kiện nào nghĩa là thỏa thuận, tài liệu hoặc văn kiện đó như được sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm, và (d) các từ "gồm," "bao gồm" và "kể cả" nghĩa là gồm, bao gồm và kể cả "nhưng không giới hạn." Các đề mục hoặc tiêu đề trong Hợp đồng này chỉ để tiện tham khảo và sẽ không được xét đến khi giải thích Hợp đồng này.

PHẦN I: CÁC NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN CHO THUÊ, SỬ DỤNG MÁI

ĐIỀU 2. ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN THUÊ

2.1. Bên B đồng ý cho thuê và Bên A đồng ý thuê phần diện tích trên mái nhà ("Diện Tích Mái") của nhà xưởng có diện tích khoảng **6.210 m²** tính theo mặt bằng xưởng. Bên B cũng đồng ý cho Bên A sử dụng trạm biến áp và hệ thống điện hiện hữu để triển khai đầu tư Hệ thống điện mặt trời mái nhà công suất **408 KWp** tại Địa điểm như mô tả tại Điều 1.4.

Tại lô 15, 17, 19 và 21 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 662635 vào sổ cấp GCN: T00021/1a do Sở Tài Nguyên và Môi trường TP.HCM cấp ngày 15/6/2005.

2.2. Thời Gian Thuê Mái: là 20 (hai mươi) năm kể từ ngày hai Bên ký hợp đồng và bắt đầu hoạt động hệ thống/ Dự án đạt vận hành thương mại (COD).

2.3. Chi Phí Thuê Mái và phương thức thanh toán

2.3.1. Chi Phí Thuê Mái:

Bên A đồng ý trả cho Bên B Chi Phí Thuê Mái (đã bao gồm thuế GTGT) là 3,5% trên tổng Doanh thu mà Bên A có được từ việc bán điện do Hệ Thống sản xuất được.

2.3.2. Phương thức thanh toán:

- Chuyển khoản

- Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày xác định được doanh thu mà Bên A nhận được và Bên A cung cấp tất cả tài liệu và hồ sơ liên quan đến doanh thu của Bên A để Bên B kiểm chứng.

- Bên B xuất hóa đơn GTGT cho Bên A cho phần Chi Phí Thuê Mái theo quy định tại Điều 2.3.1 của Hợp đồng.

- Các Bên đồng ý rằng, Chi phí thuê mái sẽ được thanh toán bằng phương thức khấu trừ trực tiếp vào Tiền điện theo quy định tại Điều 8.3.1 của Hợp đồng.

Để làm rõ, các bên thống nhất, Chi phí thuê mái và Tiền điện sẽ được thực hiện thanh toán cùng một thời điểm.

2.4. Bên A cung cấp tất cả các thiết bị và phụ kiện để lắp đặt Hệ thống năng lượng mặt trời tuân thủ các tiêu chuẩn của nhà sản xuất, độ bền, thông số kỹ thuật, nước xuất xứ theo phụ lục hợp đồng hoặc chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất.

2.5. Hệ thống sau khi lắp đặt phải đảm bảo hoạt động tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật mà Bên A đã cam kết trong báo cáo kỹ thuật theo Phụ lục 01.

2.6. Toàn bộ phần diện tích mái thuê và kết cấu mái thuê hiện hữu đã được Bên A xem xét và chấp thuận.

2.7. Tại thời điểm ký hợp đồng, Bên A hiểu rõ rằng đã xem xét kỹ hiện trạng xung quanh và hoạt động của đơn vị bên dưới, lân cận dự án không gây ảnh hưởng đến hoạt động của Dự Án. Trong tương lai, nếu có các hoạt động mới phát sinh, gây ảnh hưởng đến hoạt động của Dự Án, Các Bên cùng đơn vị liên quan cùng thảo luận và, nếu cần, thực hiện pháp khắc phục và đưa ra các giải pháp trên cơ sở đảm bảo lợi ích công bằng Các Bên liên quan.

ĐIỀU 3. BẢO HÀNH, BẢO TRÌ, DUY TRÌ TÍNH ỔN ĐỊNH, AN NINH CỦA CÔNG TRÌNH

3.1. Bàn giao Công trình

- a. Bàn giao khu vực đủ điều kiện lắp đặt cho Bên A trước ít nhất 05 (năm) ngày tính đến ngày lắp đặt để Bên A tiến hành lắp đặt Hệ thống. Các Bên sẽ ký biên bản bàn giao mặt bằng để ghi nhận hiện trạng mặt bằng khi được bàn giao.
- b. Trừ khi có thỏa thuận khác, Bên A có sẽ ứng trước các chi phí thay thế, sửa chữa hay gia cố hệ thống mái của Công trình để đáp ứng được yêu cầu lắp đặt, vận hành Hệ thống của mình sau khi có sự đồng thuận bằng văn bản của Bên B về phương án chi phí, nguyên vật liệu hay nhà thầu thi công, các chi phí này sẽ được Bên B hoàn trả lại theo phương thức cần trả số tiền mà Bên A phải trả hàng tháng cho đến khi kết thúc theo tỷ lệ được các bên thống nhất theo phương án tài chính của phía để tiến hành sửa chữa, thay thế mái, chi phí sửa chữa, gia cố mái.
- c. Trong trường hợp Bên B, bằng chi phí của mình và tự thực hiện việc sửa chữa, gia cố hệ thống mái để đáp ứng điều kiện lắp đặt Hệ thống trước khi bàn giao cho Bên A, thì Bên B có trách nhiệm hoàn tất việc sửa chữa, gia cố Diện Tích Mái và bàn giao Diện Tích Mái đủ điều kiện thi công cho Bên A.

3.2. Bảo trì Công trình

- a. Bên B sẽ, bằng khoản chi phí và chi tiêu của mình, duy trì Công trình trong tình trạng tốt để đảm bảo sự vận hành bình thường của hệ thống năng lượng mặt trời.
- b. Bên B có toàn quyền tiến hành sửa chữa công trình nếu Công trình không đảm bảo an toàn cho quá trình sản xuất của Bên B. Trong trường hợp Công trình cần thiết phải sửa chữa khẩn cấp, Bên B sẽ nỗ lực thông báo cho Bên A về sự cố và kế hoạch sửa chữa khẩn cấp bằng thư điện tử, điện thoại. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, Bên A trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ, cử nhân sự có mặt tại hiện trường để phối hợp cùng Bên B khắc phục các sự cố, hạn chế tối đa thiệt hại cho các bên.

3.3. Duy trì tính ổn định của Công trình

- a. Trừ khi có thỏa thuận khác, Bên B sẽ chịu trách nhiệm duy trì sự ổn định tính pháp lý của Công trình (đảm bảo thời hạn được phép sử dụng công trình ít nhất là 20 (hai mươi năm), không bị ảnh hưởng hoặc xảy ra bất kỳ tranh chấp từ bất kỳ bên thứ ba nào khác đối với sự tồn tại Hệ thống trên Phần diện tích thuê. Và, cho phép Bên A được sử dụng Phần diện tích thuê một cách ổn định mà không bị bất cứ sự gián đoạn bất hợp pháp nào bởi phía Bên B hay bất kỳ người hoặc đại diện nào do Bên B ủy quyền và/hoặc bất kỳ Bên A nào khác.
- b. Bên B sẽ không thực hiện bất kỳ thay đổi hoặc sửa chữa nào đối với Công trình nếu mà có thể ảnh hưởng bất lợi đến việc vận hành và bảo trì Hệ thống khi không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A. Nếu Bên B muốn thực hiện các thay đổi hoặc sửa chữa đó, Bên B

sẽ gửi thông báo trước bằng văn bản cho Bên A ít nhất 03 (ba) ngày để các Bên thống nhất phương án sửa chữa trước khi tiến hành thay đổi sửa chữa, hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Hệ thống.

3.4. An ninh của Công trình, Hệ thống

- a. Bên B sẽ có trách nhiệm nỗ lực hợp lý về mặt thương mại để duy trì an ninh thực tế cho Công trình và Hệ thống đối với các rủi ro mà Bên B đã biết và các rủi ro mà Bên B lẽ ra đã phải biết. Bên B sẽ không thực hiện các hoạt động, trong hoặc gần Địa điểm hoặc Công trình nếu các hoạt động đó có khả năng hợp lý sẽ gây hư hại, tổn hại hoặc ảnh hưởng bất lợi khác đến Hệ thống.
- b. Hỗ trợ, phối hợp với Bên A thực hiện các biện pháp hợp lý để bảo vệ Hệ thống khỏi bị mất mát hoặc hư hỏng do bên thứ ba phá hủy hoặc mất cắp.
- c. Dù có quy định trên, Bên B đồng ý bồi thường cho Bên A đối với bất kỳ thiệt hại nào phát sinh do (i) trộm cắp (ii) hỏa hoạn bắt nguồn từ nhà máy/ nhân sự của Bên B nhưng không gây ra bởi lỗi của Hệ thống. Ngược lại, Bên A đồng ý bồi thường cho Bên B bất kỳ tổn thất phát sinh nào do (i) trộm cắp (ii) hỏa hoạn bắt nguồn từ Hệ thống/ nhân sự của Bên A nhưng không gây ra bởi lỗi của Bên B.

Trong mọi trường hợp, chi phí bồi thường liên quan đến trách nhiệm của mỗi Bên để bồi thường theo quy định tại Điều này sẽ không vượt quá giá trị một năm của Chi Phí Thuê Mái cho mỗi năm Thời Gian Thuê Mái.

PHẦN II: CÁC NỘI DUNG LIÊN QUAN LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH, BẢO TRÌ HỆ THỐNG, BÁN ĐIỆN

ĐIỀU 4: VẬN CHUYỂN VẬT TƯ, THIẾT BỊ

- 4.1. Bên A chịu trách nhiệm vận chuyển hàng hóa, vật tư đến nơi lắp đặt và có toàn quyền quyết định lựa chọn phương thức vận chuyển hàng hóa, vật tư đến nơi lắp đặt, và tự chịu trách nhiệm trong quá trình bảo quản, lưu kho hàng hóa.
- 4.2. Trong trường hợp Bên B thay đổi địa điểm lắp đặt, Bên B phải thông báo cho Bên A bằng văn bản ít nhất 10 (mười) ngày làm việc trước ngày dự kiến giao hàng. Bên A có quyền từ chối những thay đổi không phù hợp. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến những thay đổi đó (nếu có) sẽ được Bên B thanh toán.

ĐIỀU 5. LẮP ĐẶT HỆ THỐNG

5.1. Các điều kiện sau đây phải được thực hiện trước khi tiến hành lắp đặt:

- a. Bên A có trách nhiệm
 - (i) tiến hành khảo sát vị trí lắp, kiểm tra thực tế Công trình và Địa điểm bao gồm, nếu áp dụng, công tác địa kỹ thuật, và thẩm định bất động sản để xác nhận tính phù hợp của Công trình và Địa điểm đối với Hệ thống;
 - (ii) Nhận được tất cả các phê duyệt quy hoạch và cho phép cần thiết cho việc lắp đặt Hệ thống tại Công trình; và
 - (iii) Nhận được tất cả các phê duyệt và cho phép cần thiết, và ký tất cả các hợp đồng cần thiết, để đấu nối Hệ thống [vào lưới điện phân phối quốc gia.]

- h. Bên B, trong khả năng của mình, sẽ hỗ trợ Bên A làm việc với cơ quan chức năng địa phương (trong trường hợp cần thiết) để việc thi công lắp đặt Hệ thống được tiến hành thuận lợi. Trách nhiệm đấu nối hệ thống vào lưới điện quốc gia thuộc về Bên A.
- c. Sau khi Bên A khảo sát và xác nhận tính an toàn và phù hợp của khu vực lắp đặt, Bên B sẽ tạo điều kiện thuận lợi để Bên A thực hiện công tác lắp đặt Hệ thống của Bên A.

Sau khi đạt được thỏa thuận chung với Bên B, Bên A có thể dời ngày lắp đặt nếu một trong các điều kiện trên không được thực hiện, nếu không phải do nguyên nhân đến từ Bên B làm cho hệ thống không lắp đặt được. Bên A phải hoàn thành việc lắp đặt và đấu nối lưới điện (COD) được quy định thời gian tại điều 5.4.1.

5.2. Nghĩa vụ của Bên A đối với việc khởi công xây dựng và lắp đặt Hệ thống được quy định trên:

- a. Bộ bản vẽ đầy đủ do Bên A phát hành theo đề xuất kỹ thuật, đồng thời được Bên B xác nhận đồng ý. Bên B có trách nhiệm xác nhận đề xuất kỹ thuật do Bên A trình trong vòng tối đa 05 (năm) ngày, quá thời hạn này mà Bên B không phê duyệt hoặc không có phản hồi ý kiến gì, thì xem như Bên B đã thông qua đề xuất kỹ thuật.
- b. Bảng chứng nhận vật liệu Đặt hàng: Biên bản năng lượng mặt trời, tấm pin mặt trời, cấu trúc lắp đặt năng lượng mặt trời, cáp năng lượng mặt trời DC, tủ kết nối, phụ kiện và thiết bị ...
- c. Biên nhận bảo hiểm trong thời gian xây dựng để bảo hiểm cho các thiệt hại tiềm tàng của Bên B như rò rỉ mái nhà, hiện dạng mái nhà hoặc bất kỳ thiệt hại có thể nhìn thấy do hoạt động lắp đặt năng lượng mặt trời.
- d. Sau Ngày vận hành thương mại, Bên A nhận được (i) bảng chứng bảo hiểm cho bảo hiểm vận hành và bảo trì được Bên A trả theo Thỏa thuận này; (ii) bản vẽ xây dựng cho các kế hoạch và thông số kỹ thuật được phê duyệt cho Hệ thống để bàn giao cho Bên B.
- e. Hệ thống và thiết bị sẽ được lắp đặt và / hoặc đặt trên các khu vực của Mặt bằng như được mô tả (hoặc được mô tả) trong Phụ lục 02. Hệ thống và thiết bị chỉ được lắp đặt tại các vị trí và bởi các phương pháp đã được Bên B chấp thuận trước, và tất cả các chi phí và chi phí liên quan sẽ do Bên A chịu. Trừ khi có quy định khác trong Hợp đồng này, Bên A sẽ không có quyền truy cập hoặc sử dụng bất kỳ phần nào khác của Mặt bằng.

5.3. Đảm bảo tính an toàn, ổn định cho Công trình trong quá trình lắp đặt và vận hành:

- a. Bên A cung cấp quy phạm và cam kết về việc thi công an toàn, đảm bảo phù hợp qui định của nhà nước Việt Nam và yêu cầu của Bên B
- b. Bên A đảm bảo Phần diện tích thuê không bị hư hỏng trong quá trình lắp đặt hệ thống; trường hợp Phần diện tích thuê nơi thực hiện công tác lắp đặt bị hư hỏng do lỗi của Bên A thì Bên A có trách nhiệm khắc phục bằng chi phí của Bên A;
- c. Không thực hiện bất kỳ việc sửa đổi nào đối với diện tích mái làm sai lệch thiết kế ban đầu, có tác động đến cấu trúc công trình, ảnh hưởng đến các tiện ích công cộng của nhà, công trình xây dựng. Nếu muốn cải tạo nâng cấp sửa chữa hoặc thay đổi bất cứ chi tiết nào liên quan đến cấu trúc kết cấu nhà, công trình xây dựng đều phải được chấp nhận bằng văn bản của Bên B. Trường hợp vi phạm, Bên A phải có trách nhiệm sửa chữa khôi phục lại hiện trạng ban đầu cho Bên B.

5.4. Thời gian lắp đặt Hệ thống

5.4.1. Thời gian chuẩn bị và hoàn thành lắp đặt Hệ thống dự kiến: 120 (một trăm hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận Bàn giao Phần diện tích thuê đủ điều kiện lắp đặt (trường hợp Bên A đề nghị gia hạn thời gian chuẩn bị/lắp đặt và được Bên B chấp thuận thì thời gian chuẩn bị và lắp đặt sẽ tự động kéo dài tương ứng với thời gian gia hạn), trong đó:

+ Thời gian chuẩn bị vật tư: 60 (sáu mươi) ngày làm việc.

+ Thời gian vận chuyển và lắp đặt: 60 (sáu mươi) ngày làm việc (kể từ khi Bên B bàn giao mặt bằng thi công đáp ứng điều kiện thi công).

5.4.2. Thời gian giới hạn trong công tác thi công xây lắp

(i) Trong thời gian chậm nhất là 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận bàn giao mái, Bên A có trách nhiệm hoàn thành việc xây lắp dự án.

(ii) Bên A phải đưa dự án vào vận hành và phát điện thương mại với điều kiện Bên B đã giao toàn bộ Phần diện tích thuê đủ điều kiện lắp đặt cho Bên A.

(iii) Từ trường hợp có thỏa thuận khác, quá thời hạn quy định trên Bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không phải đền bù bất cứ thứ gì.

ĐIỀU 6. VẬN HÀNH, SỬA CHỮA, BẢO TRÌ HỆ THỐNG

6.1. Bên A sẽ thực hiện quản lý, vận hành, bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ tối thiểu mỗi nửa năm một lần hoặc đột xuất Hệ thống trong quá trình sử dụng để đảm bảo Hệ thống có thể hoạt động ổn định, liên tục và tốt nhất. Bên A sẽ cử cán bộ kỹ thuật có đủ khả năng tiến hành giải quyết sự cố Hệ thống trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm được Bên B thông báo. Để làm rõ, Bên A phải thông báo trước cho Bên B bằng văn bản hoặc email về kế hoạch kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng trước ít nhất 02 (hai) ngày làm việc và phải được Bên B đồng ý trước khi thực hiện. ngoại trừ trường hợp có sự cố khẩn cấp như chập điện gây cháy/nổ, hai Bên sẽ liên hệ xử lý sự cố ngay lập tức.

6.2. Trong quá trình hệ thống vận hành, trong điều kiện thời tiết nắng tốt, các Bên cùng phối hợp để duy trì việc tiếp nhận ánh sáng mặt trời chuyên đổi thành hiệu suất phát điện từ 80%. Trong trường hợp, bất kỳ bên nào phát hiện hoặc có cơ sở để đánh giá hiệu suất của Hệ thống có thể bị suy giảm xuống thấp hơn 80%, thì sẽ phải thông báo ngay cho bên còn lại bằng thư điện tử, điện thoại, trong 24 (hai mươi bốn) giờ, Bên A sẽ cử nhân sự có mặt tại hiện trường để xử lý hoặc phối hợp với nhân sự Bên B để xử lý sự cố từ xa. Bên A sẽ lên phương án sửa chữa chi tiết và thông báo cho Bên B để các bên phối hợp trong việc sửa chữa, khắc phục lỗi của Hệ thống.

Trường hợp Hệ thống xảy ra sự cố không đáp ứng được công suất thiết kế ban đầu trong điều kiện thời tiết nắng tốt nhưng do Bên A chậm trễ sửa chữa do lỗi của Bên A, hoặc Bên B phải sử dụng hoàn toàn nguồn từ EVN trong thời gian dài trên [5 ngày làm việc] thì Bên A chịu trách nhiệm bồi thường Bên B một khoảng định trước là: (Chi Phí Thuê Mái trung bình hai tháng gần nhất chia (:) 30 ngày) x Số ngày bị gián đoạn sử dụng điện từ Hệ Thống.

Số ngày bị gián đoạn sử dụng điện từ Hệ Thống được tính từ ngày Bên B phải sử dụng hoàn toàn nguồn từ EVN từ ngày làm việc thứ sáu trở đi. Việc chi trả khoản tiền bồi thường sẽ được khấu trừ vào đợt thanh toán Tiền điện gần nhất.

6.3. Bên B sẽ hoàn trả cho Bên A chi phí cho bất kỳ sửa chữa hoặc bảo trì do sơ suất của Bên B, hành vi sai trái cố ý hoặc vi phạm Hợp đồng này. Nếu Hệ thống cần được sửa chữa do lỗi của



Bên B, Bên B sẽ thanh toán cho Bên A phần chi phí để chẩn đoán và khắc phục sự cố của Hệ thống. Bên A sẽ thông báo hợp lý cho Bên B trước khi tiến hành việc sửa chữa, đồng thời chi phí đó được thanh toán sau khi Bên B xem xét tính hợp lý của báo giá được cung cấp và xác nhận đồng ý hoặc đề xuất phương án khác (nếu có) để Bên A xem xét tối đa trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày Bên A cung cấp báo giá. Để tránh việc kéo dài thời gian việc tiến hành sửa chữa hoặc bảo trì làm ảnh hưởng đến công suất hoạt động của Hệ thống, trong trường hợp quá thời hạn 03 (ba) ngày làm việc nêu trên mà Bên B không đồng ý hoặc không đưa ra phương án khác về việc sửa chữa, bảo trì được Bên A chấp thuận, thì Bên A được toàn quyền tiến hành sửa chữa bảo trì theo báo giá Bên A đã cung cấp và Bên B buộc phải chấp nhận và chi trả chi phí này cho Bên A.

Bên A sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ công việc nào được thực hiện bởi bên khác trên bất kỳ phần nào của Hệ thống trừ khi Bên A đồng ý trước bằng văn bản.

Trong mọi trường hợp, các chi phí phát sinh liên quan đến trách nhiệm của Bên B để chẩn đoán, khắc phục sự cố của Hệ thống không vượt quá giá trị một năm Chi Phí Thuê Mái của mỗi năm Thời Gian Thuê Mái.

6.4. Bên B được quyền can thiệp vào Hệ thống (và được miễn các trách nhiệm liên quan) trong trường hợp Bên A không tiến hành giải quyết sự cố, kiểm tra, bảo trì Hệ thống quá thời gian quy định (24 (hai mươi bốn) giờ), theo quy trình Bảo hành bảo trì Hệ Thống hoặc trong trường hợp các trường hợp bất khả kháng/khẩn cấp mà việc không giải quyết sự cố, kiểm tra, bảo trì Hệ thống có khả năng gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến Công trình hoặc hoạt động sản xuất bình thường của Bên B.

6.5. Dù có bất cứ quy định gì khác, Bên A có quyền đình chỉ hoạt động của Hệ thống với mục đích duy trì và sửa chữa Hệ thống và việc đình chỉ hoạt động đó sẽ không cấu thành vi phạm Hợp đồng này trừ khi việc đình chỉ đó tiếp tục trong hơn 05 (năm) ngày làm việc, với điều kiện, Bên A sẽ sử dụng các nỗ lực hợp lý về mặt thương mại để giảm thiểu bất kỳ sự gián đoạn nào trong hoạt động cho Bên B. Bên A sẽ thông báo cho Bên B trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ thời điểm sau khi phát hiện của Bên A về bất kỳ lỗi nào trong vận hành của Hệ thống.

6.6. Bên A sẽ đảm bảo tính an toàn, ổn định cho Công trình trong quá trình lắp đặt và vận hành. Đảm bảo mái nhà nơi lắp đặt không bị hư hỏng trong quá trình lắp đặt hệ thống; trường hợp mái nhà nơi thực hiện công tác lắp đặt bị hư hỏng do lỗi của Bên A, hoặc trong quá trình vận hành tại Diện tích thuê nơi thực hiện việc lắp đặt có hiện tượng hư hỏng, dột nước thì Bên A có trách nhiệm khắc phục bằng chi phí của Bên A:

Không thực hiện bất kỳ việc sửa đổi nào đối với diện tích mái làm sai lệch thiết kế ban đầu, có tác động đến cấu trúc công trình, ảnh hưởng đến các tiện ích công cộng của nhà, công trình xây dựng. Nếu muốn cải tạo nâng cấp sửa chữa hoặc thay đổi bất cứ chi tiết nào liên quan đến cấu trúc kết cấu nhà, công trình xây dựng đều phải được chấp nhận bằng văn bản của Bên A. Trường hợp vi phạm, Bên B phải có trách nhiệm sửa chữa khôi phục lại hiện trạng ban đầu cho Bên A (trừ những hao mòn tự nhiên).

6.7. Bên B cho phép Bên A và các đại lý, nhân viên, nhà thầu và bên nhận ủy quyền của Bên A ("Người được Ủy quyền của Bên A") được quyền tiếp cận Địa điểm cho mục đích lắp đặt, giám sát, sở hữu, bảo trì, tiếp cận, di dời và thay thế Hệ thống; thực hiện tất cả các nghĩa vụ của Bên A và thực thi tất cả các quyền của Bên A được quy định trong Hợp đồng này; hoặc

cho Bên B. Mục đích nào khác có thể hữu ích hoặc cần thiết vào từng thời điểm liên quan đến việc lắp đặt, giám sát, bảo trì hoặc sửa chữa Hệ thống.

6.8. Bên B sẽ thông báo cho Bên A trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ sau khi phát hiện bên (i) bất kỳ trục trặc vật chất nào trong hoạt động của Hệ thống; hoặc (ii) bất kỳ sự cố nào có thể được dự kiến sẽ ảnh hưởng xấu đến Hệ thống. Bên B sẽ thông báo cho Bên A ngay lập tức (i) sự gián đoạn trong việc cung cấp năng lượng điện từ Hệ thống; hoặc (ii) phát hiện tình trạng khẩn cấp đáp ứng Hệ thống. Bên B và Bên A sẽ chỉ định nhân sự và thiết lập các quy trình sao cho mỗi Bên có thể đưa ra thông báo về các điều kiện như vậy đòi hỏi phải sửa chữa hoặc thay đổi của Bên A mọi thời gian, 24 (hai mươi tư) giờ mỗi ngày, kể cả cuối tuần và ngày lễ.

ĐIỀU 7: NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU THUẬT BỊ, ĐẢM BẢO BỨC XẠ CHO HỆ THỐNG

7.1. Bên B đồng ý, khi Bên A có yêu cầu, sẽ (i) cho phép Bên A dán nhãn ở vị trí dễ nhận thấy, vào Hệ thống để xác định là tài sản của Bên A; (ii) không phá hoại, gỡ bỏ hoặc che khuất, hoặc cho phép bất kỳ người nào khác ngoài Bên A phá hoại, gỡ bỏ hoặc che khuất nhãn dán đó và (iii) cho phép Bên A nhanh chóng thay thế bất kỳ nhãn dán nào có thể bị phá hoại, gỡ bỏ hoặc che khuất. Không tự ý tháo logo, các dấu hiệu chứng thư, thương hiệu, nhãn hiệu trên Hệ thống trong thời gian thực hiện hợp đồng này.

7.2. Bên B hiểu rằng việc tiếp nhận ánh sáng mặt trời không bị cản trở ("Thức xạ") là điều kiện đòi hỏi việc thực hiện các nghĩa vụ của Bên A và là điều kiện quan trọng của Hợp đồng này. Bên B sẽ không cản trở dưới bất kỳ hình thức nào và, nếu có thể, sẽ không cho phép cản trở dưới bất kỳ hình thức nào Sự phản năng đối với Hệ thống. Bên B sẽ phối hợp với Bên A thực hiện các công việc cần thiết để Hệ thống có thể nhận được ánh sáng mặt trời một cách tốt nhất nhằm phục vụ tối đa năng suất hoạt động của Hệ thống trong quá trình sử dụng. Trong trường hợp Bên B biết được bất kỳ hoạt động hoặc điều kiện nào có thể làm giảm bức xạ của Hệ thống, Bên B sẽ ngay lập tức thông báo cho Bên A và sẽ hợp tác với Bên A trong việc duy trì bức xạ hiệu quả của Hệ thống.

ĐIỀU 8: BÁN ĐIỆN TỪ HỆ THỐNG NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

8.1. Bán điện từ Hệ thống Điện Năng lượng Mặt trời

Bên A đồng ý bán và Bên B đồng ý mua điện được sản xuất từ Hệ thống điện mặt trời áp mái do Bên A lắp đặt ("Mua bán điện"). Phần điện năng thừa sẽ được bán cho Khu chế xuất Linh Trung theo điều kiện quy định cụ thể tại Hợp đồng mua bán điện giữa Bên A và Khu chế xuất Linh Trung tại thời điểm ký kết.

8.2. Thời hạn Mua bán điện

Thời hạn Mua bán điện sẽ bắt đầu vào ngày Bên A gửi cho Bên B thông báo bằng văn bản về việc Hệ thống đã được hoàn thành lắp đặt và có khả năng cung cấp điện đến Điểm Giao Nhận Điện ("COD" hoặc là "Ngày Vận hành Thương mại") và tiếp tục trong thời hạn [20] năm kể từ Ngày Vận hành Thương mại, trừ khi bị chấm dứt trước thời hạn như được quy định trong Hợp đồng này ("Thời hạn Mua bán điện").

Trong trường hợp Bên B đã hoàn thành việc thanh toán Tiền điện theo Thời hạn Mua bán điện như đã được quy định ở đây, hệ thống thiết bị sẽ thuộc Bên B với giá 1.000 đồng sau ngày hết hạn của Điều khoản Mua bán điện.

Tháng COD được thực hiện để đánh dấu thời điểm bắt đầu thanh toán và bàn giao sau Thời hạn Mua bán điện.

8.3. Tiền điện và Điều khoản Thanh toán và nghĩa vụ tài chính khác

8.3.1. Thanh toán

- (i) Trong Thời hạn Mua bán điện, Bên B sẽ trả cho Bên A Tiền điện mỗi tháng một lần. Tiền điện được xác định như sau:

$\text{Tiền điện} = \text{Sản lượng điện năng tiêu thụ} \times (\text{nhân}) \text{Đơn Giá Điện}$

Trong đó:

- Sản lượng điện năng tiêu thụ là toàn bộ sản lượng điện năng tạo ra bởi Hệ Thống, được Bên B sử dụng trong 01 (một) tháng dương lịch. Sản lượng điện năng tiêu thụ được xác định tự động thông qua hệ thống các Công Tơ Điện Hai Chiều được Bên A lắp đặt tại nơi vận hành Hệ thống, theo chỉ số sử dụng ghi vào ngày 25 dương lịch hàng tháng, chỉ số được tính bằng đơn vị kWh. Bên B cam kết ưu tiên sử dụng sản lượng điện phát ra từ Hệ thống.
 - Đơn Giá Điện là đơn giá điện theo công bố từ EVN vào từng thời điểm cụ thể với đơn giá bán điện (ba giá) dành cho khách hàng kinh doanh dịch vụ mà Bên B mua của EVN. Đơn giá điện cho thuê sẽ được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với giá bán điện EVN ban hành từng thời điểm.
- (ii) Sau khi xác định Tiền điện, Bên A sẽ phát hành Thông Báo Tiền điện cho Bên B có kèm theo biên bản xác nhận số KWH điện của hai Bên ("Thông Báo Tiền Điện"), trong đó thể hiện rõ phần điện năng Bên A thực tế tiêu thụ, phần điện năng dư thừa bán lên lưới cho Khu chế xuất Linh Trung. Sau 48 (bốn mươi tám) giờ kể từ khi nhận được Thông Báo Tiền điện mà:
- Bên B không có ý kiến gì, xem như Bên B đồng ý với Thông Báo Tiền điện và thực hiện thanh toán Tiền điện theo quy định của Hợp đồng;
 - Trường hợp Bên B có ý kiến khiếu nại về Tiền điện phải thanh toán, Bên B sẽ thông báo ngay cho Bên A để thực hiện đối chiếu, kiểm tra số liệu. Nếu có sai sót, Bên A sẽ thực hiện điều chỉnh Thông Báo Tiền điện trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm Bên B khiếu nại và gửi Bên B làm cơ sở thanh toán. Nếu không có bất kỳ sai sót nào, Bên B thực hiện thanh toán theo đúng thời hạn nêu tại Thông Báo Tiền điện đã gửi ban đầu.
 - Hình thức thông báo Tiền điện: Bên A thực hiện thông báo bằng một hoặc kết hợp các hình thức sau: Văn bản, fax, Thư điện tử.
- (iii) Bên B sẽ thanh toán phần giá trị Tiền điện còn lại cho Bên A sau khi khấu trừ toàn bộ Chi Phí Thuê mái mà Bên B phải thanh toán cho Bên B tương ứng theo quy định tại Điều 2.3.1 của Hợp đồng này.
- (iv) Phương thức đo sản lượng thực tế: dựa trên đồng hồ/ Công tơ đo đếm điện năng 2 (hai) chiều. Đồng hồ/ Công tơ sẽ được kiểm tra, hiệu chỉnh mỗi 12 (mười hai) tháng.
- (v) Hợp đồng mua bán điện được ký kết giữa Bên A với Khu chế xuất Linh Trung, thủ tục thanh toán theo quy định tại Hợp đồng mua bán điện với Khu chế xuất Linh Trung. Tiền bán điện phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện với Khu chế xuất Linh Trung sẽ được chuyển khoản vào tài khoản của Bên A.

8.3.2. Điều khoản Thanh toán

- (i) Bên B sẽ chuyển khoản Tiền điện vào tài khoản do Bên A chỉ định tại thời điểm thanh toán (Đồng tiền thanh toán là Việt Nam đồng). Bên B sẽ thanh toán Tiền điện vào tài khoản của Bên A bằng hình thức chuyển khoản. Phí dịch vụ ngân hàng cho chuyển khoản (nếu có) sẽ do Bên nhận tiền chịu.
- (ii) Thanh toán sẽ được thực hiện không muộn hơn 07 (bảy) ngày sau khi Bên B nhận được hồ sơ đề nghị thanh toán gồm Thông Báo Tiền điện và Hóa đơn GTGT hợp lệ.
- (iii) Nếu bất kỳ Bên nào không thực hiện đúng nghĩa vụ tài chính của mình, quá 30 ngày kể từ nhận được hồ sơ đề nghị thanh toán, Bên đó sẽ trả lãi với mức lãi suất tương đương với 150% (một trăm năm mươi phần trăm) lãi suất trung hạn áp dụng cho các khách hàng doanh nghiệp do trụ sở chính của ngân hàng Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán cho những ngày thanh toán trễ thực tế.

PHẦN III: CÁC NỘI DUNG QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 9: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ KHÁC CỦA CÁC BÊN

9.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

- a. Thực hiện khảo sát, lên phương án thi công và thực hiện đấu nối vào lưới điện của điện lực địa phương.
- b. Thông báo cho Bên B nếu có bất kỳ thay đổi nào liên quan đến Hệ thống trong quá trình lắp đặt.
- c. Dọn dẹp vệ sinh khu vực thi công sạch sẽ sau khi thi công xong.
- d. Bên A chuyển giao quyền sở hữu toàn bộ Hệ thống cho Bên B theo quy định tại Điều 8.2 của Hợp đồng khi hết hạn hợp đồng nếu không có gia hạn nào được cả hai bên thỏa thuận và hai bên đã hoàn thành nghĩa vụ của mình theo các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng này.
- e. Lượng khí thải CO₂ trong Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu của Bên A, do đó khi chính phủ Việt Nam có chính sách mua lại lượng khí thải CO₂, quyền bán sẽ thuộc về Bên A.
- f. Các Bên đồng ý và xác nhận rằng Bên A sẽ là Bên ký kết Hợp Đồng mua bán điện mặt trời mái nhà trực tiếp với EVN thông qua công tơ đo đếm hai chiều.
 - (i) Bên A sẽ chuẩn bị và nộp mọi hồ sơ xin Giấy Phép đấu nối Hệ Thống Điện Mặt Trời mái nhà với Lưới Điện và Bên B sẽ hợp tác và hỗ trợ Bên A trong trình tự đó bao gồm ký và chuyển giao mọi tài liệu được Bên A yêu cầu hợp lý; và
 - (ii) Bên A sẽ tiến hành và hoàn tất mọi thủ tục trên với chi phí và phí tổn hoàn toàn do Bên A tự chịu.
- g. Không bố trí thiết bị ngay trên hoặc che lấp, ngăn cản hệ thống thoát nước mưa hiện hữu tại diện tích mái.
- h. Bên A phải tự bảo quản trang thiết bị của Dự án trong Thời Gian Thuê Mái. Các chi phí liên quan đến bảo quản trang thiết bị của Dự án do Bên A chi trả.

- i. Bên A và nhà thầu của Bên A sẽ tự thu xếp chỗ ở cho nhân sự của mình trong quá trình thi công và vận hành dự án. Bên B sẽ hỗ trợ Bên A trong việc này trong trường hợp cần làm việc với Ban quản lý hoặc chính quyền địa phương về vấn đề lưu trú của nhân sự Bên A trong quá trình thực hiện Dự án (nếu có).
- j. Bên A phải mua bảo hiểm dự án và bảo hiểm trách nhiệm cho bên thứ ba theo quy định của pháp luật. Bên A phải cung cấp hợp đồng photo cho Bên B.
- k. Bên A phải tuân thủ các quy định về giấy phép xây dựng, chủ trương đầu tư, bảo vệ môi trường (nếu có).
- l. Bên A phải có trách nhiệm nghiêm chỉnh thực hiện quy định của nhà nước trong việc thu hồi/ xử lý rác thải tấm pin mặt trời sau khi sửa chữa, thay thế tại Công trình.
- m. Trong Thời Gian Thuê Mái, bồi thường cho Bên B và đảm bảo Bên B vô can với bất kỳ trách nhiệm, nghĩa vụ, thiệt hại, phạt, khiếu nại và phí tổn kể cả phí tổn luật sư hợp lý do Bên B đã chi trả/ hoặc phải gánh chịu liên quan đến mọi thương tích đối với người hoặc thiệt hại về tài sản cho Bên B, hoặc khách hàng của Bên B, gây ra bởi:
 - (i) Sự vô ý hay cố ý làm sai của Bên A/nhân viên của Bên A trong thời gian Bên A tiến hành việc xây dựng, lắp đặt và vận hành Hệ thống;
 - (ii) Bên A không thực hiện được hay không tuân thủ bất kỳ điều khoản, quy định hay điều kiện nào nêu trong Hợp đồng này.
- n. Được Bên B cho phép và tạo điều kiện để lắp đặt những đường dây điện trên không hoặc trong lòng đất để đảm bảo tính an toàn và thẩm mỹ cho mục đích kết nối với lưới điện.

9.2. Quyền và Nghĩa vụ của Bên B

- a. Bên B sẽ phê duyệt hàn vệt, hiện pháp thi công của Bên A trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc.
- b. Cử người đại diện được ủy quyền hợp pháp để làm việc với Bên A về các vấn đề phát sinh trong quá trình thi công, vận hành Hệ thống tại Địa Điểm trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng, để làm rõ. Bên A vẫn là bên chịu trách nhiệm đối với các công việc nêu trên.
- c. Cho phép và tạo điều kiện thuận lợi để nhân viên của Bên A có thể tiến hành:
 - (i) Lắp đặt Hệ thống.
 - (ii) Lắp đặt, sử dụng các đường dây điện, biến tần, đồng hồ đo đếm để kết nối Hệ thống.
 - (iii) Có quyền sử dụng riêng biệt các công trình tiện ích phụ vụ việc xây dựng lắp đặt, vận hành Dự án (hệ thống thoát nước, hệ thống điện, điện thoại...) theo hợp đồng mà Bên A ký với nhà cung cấp liên quan trong phạm vi Phần diện tích thuê.
- d. Bên B sẽ thực hiện tất cả các hành động cần thiết (bao gồm nhanh chóng ký các mẫu đơn, hồ sơ đăng ký liên quan, và thực hiện các công việc khác) mà Bên A yêu cầu liên quan đến vấn đề này và nỗ lực cao nhất để hỗ trợ Bên A có được sự thỏa thuận, cho phép và chấp thuận liên quan đến việc:
 - (i) bất kỳ chấp thuận và cho phép nào cần thiết cho việc lắp đặt Hệ thống tại Công trình; và



- (ii) bất kỳ sự thỏa thuận và chấp thuận nào từ các cơ quan có thẩm quyền cần thiết để đấu nối Hệ thống vào hệ thống lưới điện phân phối quốc gia.
- e. Bên B hỗ trợ và cung cấp cho Bên A vị trí đặt trạm biến áp phù hợp nhất để kết nối hệ thống lên đường dây trung thế của EVN.
- f. Không tự ý tháo, di dời một phần /toàn bộ Hệ thống đến địa điểm khác với địa điểm đã lắp đặt. Bên B phải bồi thường 100% giá trị của Hệ thống nếu Bên B vi phạm điều khoản này.
- g. Ngay lập tức hoặc trong thời hạn sớm nhất có thể, thông báo cho Bên A (bằng thư điện tử, điện thoại...) nếu phát hiện có bất kỳ dấu hiệu nào cho thấy Hệ thống không an toàn, bị hư hỏng, mất cấp hoặc khi Bên B cần sửa chữa mái nhà nơi lắp đặt Hệ thống để Bên A phối hợp xử lý kịp thời.
- h. Trường hợp Bên B từ chối tiếp nhận chuyển giao toàn bộ Hệ thống như quy định tại điểm d Khoản 9.1. Điều 9; thì Bên B có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Bên A về việc từ chối tiếp nhận Hệ thống trước ít nhất 90 (chín mươi) ngày so với ngày dự kiến kết thúc thời hạn Hợp đồng để Bên A bố trí nhân lực và chuẩn bị cho việc tháo dỡ, thu hồi Hệ thống. Bên A có trách nhiệm thực hiện việc tháo dỡ, thu hồi Hệ thống, trả lại mặt bằng cho Bên B (trừ những hao mòn tự nhiên) và tự xử lý tấm pin năng lượng mặt trời theo quy định của pháp luật hiện hành trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày hết hạn Hợp đồng.
- i. Trừ trường hợp bất khả kháng hoặc trường hợp khẩn cấp hoặc trường hợp Bên A không thực hiện đúng các quy định theo Hợp Đồng này trong việc vận hành Hệ thống, Bên B không được tự ý can thiệp vào hệ thống nếu chưa có được sự đồng ý của Bên A, nếu xảy ra thiệt hại thì Bên B chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.
- k. Trong trường hợp có bất kỳ hoạt động nào làm ảnh hưởng đến Phần Diện Tích Thuê, Bên B thông báo cho Bên A trước ít nhất 05 (năm) ngày làm việc, ngoại trừ khách hàng của Bên B tham quan, không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường và an toàn của Hệ thống. Trường hợp khẩn cấp, Bên B chỉ cần thông báo bằng điện thoại báo cho Bên A được biết và Bên B cử người có mặt tại hiện trường phối hợp cùng Bên A khắc phục sửa chữa, tài sản bên nào thì bên đó bảo quản.
- l. Trong trường hợp, Công trình đã, đang hoặc dự kiến sẽ được thế chấp tại các tổ chức tín dụng/ Bên nhận thế chấp tài sản bảo đảm khác, Bên B có trách nhiệm xin xác nhận từ tổ chức tín dụng/ Bên nhận thế chấp tài sản bảo đảm đó về việc Hệ thống là tài sản tách biệt với tài sản đang thế chấp tại Tổ chức tín dụng/ Bên nhận thế chấp tài sản bảo đảm đó, đây là điều kiện tiên quyết để các bên tiến hành triển khai thực hiện Dự án.

Trong trường hợp phát sinh sự kiện vi phạm với Tổ chức tín dụng/ Bên nhận thế chấp tài sản bảo đảm khác của Bên B mà có thể dẫn đến việc xử lý tài sản bảo đảm là Công trình thì Bên B có trách nhiệm thông báo ngay lập tức cho Bên A và bằng mọi nỗ lực trong khả năng tối đa cho phép trì hoãn việc xử lý tài sản bảo đảm này hoặc thu xếp nguồn tài chính để thanh toán cho Tổ chức tín dụng/ Bên nhận thế chấp tài sản bảo đảm đó. Trong trường hợp Tổ chức tín dụng/ Bên nhận thế chấp tài sản bảo đảm đó buộc phải xử lý Công trình thì thông báo bằng văn bản đến Bên A trước ít nhất 30 (ba mươi) ngày để Bên A thu xếp di dời Hệ thống ra khỏi Địa Điểm.

- m. Trong Thời hạn Mua bán điện, Bên B sẽ thực hiện và duy trì bằng khoản chi phí và chi tiêu duy nhất của mình, bảo hiểm trách nhiệm chung, bảo hiểm cháy nổ và bảo hiểm trách nhiệm dân sự của bên thứ ba đối với Công trình của Bên B.
- n. Bồi thường cho Bên A và đảm bảo Bên A vô can với bất kỳ trách nhiệm, nghĩa vụ, thiệt hại, phạt, khiếu nại và phí tổn kể cả phí tổn luật sư hợp lý do Bên A đã chi trả/ hoặc phải gánh chịu liên quan đến mọi thương tích đối với người hoặc thiệt hại về tài sản cho Bên A, hoặc khách hàng của Bên A, gây ra bởi:
- (i) Sự vô ý hay cố ý làm sai của Bên B/nhân viên của Bên B trong thời gian làm việc của Bên B, bao gồm giờ làm việc bình thường và tăng ca;
 - (ii) Bên B Không thực hiện được hay không tuân thủ bất kỳ điều khoản, quy định hay điều kiện nào nêu trong Hợp đồng này.
- o. Trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác và/ hoặc có văn bản chấp thuận từ Ngân hàng tài trợ vốn cho Dự án, Bên B cam kết không chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Địa điểm hoặc thực hiện bất cứ giao dịch nào dẫn đến việc thay đổi chủ sở hữu đối với quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Địa điểm cho đến khi Bên A hoàn thành nghĩa vụ thanh toán khoản vay cho Ngân hàng tài trợ vốn cho Dự án.
- p. Theo yêu cầu của Bên A, cung cấp Báo cáo tài chính trong ba năm gần nhất để phục vụ các thủ tục huy động vốn từ Ngân hàng liên quan đến Hệ thống tại Địa Điểm.

ĐIỀU 10: ĐIỀU KIỆN NGHIỆM THU

- 10.1. Điều kiện nghiệm thu Hệ thống: Sau khi hoàn tất lắp đặt Hệ thống, các bên tiến hành đóng điện, Hệ thống được nghiệm thu khi dòng Hệ thống đáp ứng toàn bộ các yêu cầu theo quy định tại Hợp Đồng này và điện sản xuất ra từ Hệ thống hòa được vào lưới điện của EVN.
- 10.2. Việc nghiệm thu và bàn giao công trình được thực hiện ở giai đoạn kết thúc quá trình lắp đặt Hệ thống; không mang tính chuyển giao quyền sở hữu Hệ thống.
- 10.3. Sau khi Hệ thống được nghiệm thu, hai bên hiểu rằng kể từ thời điểm này Hệ thống và các thiết bị đi kèm đã được Bên A thiết kế, lắp đặt đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn, chất lượng theo quy định pháp luật và đáp ứng yêu cầu của Bên B theo quy định tại hợp đồng này. Hệ thống, thiết bị đủ điều kiện để vận hành và các thông số do Hệ thống giám sát hiển thị là cơ sở để tính toán chi phí hàng tháng. Bên B sẽ không trì hoãn việc định kỳ phối hợp với Bên A trong việc ghi và xác nhận sản lượng điện tạo ra của Hệ thống và thực hiện thanh toán.

ĐIỀU 11. THIẾT HẠI HỆ THỐNG VÀ CÔNG TRÌNH

11.1. Nghĩa vụ của Bên A

Trong trường hợp bất kỳ Hệ thống nào bị hư hại hoặc tiêu hủy không phải là do hành vi cố ý hoặc cố ý làm sai của Bên B, Bên A sẽ nhanh chóng khắc phục và khôi phục Hệ thống trở lại tình trạng trước đó; tuy nhiên, trong trường hợp nếu hơn 50% bất kỳ Hệ thống nào bị tiêu hủy trong 05 (năm) năm cuối cùng của Thời hạn Mua bán điện, Bên A sẽ không phải khôi phục Hệ thống, thay vào đó Bên A có thể (i) đồng ý thanh toán chi phí khôi phục Hệ thống đó hoặc (ii) chấm dứt Hợp đồng này và thanh toán cho Bên B Khoản Thanh toán Chấm dứt được tính theo quy định tại Điều 12.2(c)(i).

11.2. Nghĩa vụ của Bên B

Trong trường hợp bất kỳ Công trình nào bị hư hại hoặc tiêu hủy do tai nạn dưới bất kỳ hình thức nào hoặc bất kỳ sự cố nào khác không phải do hành vi cẩu thả hoặc cố ý làm sai của Bên A, dẫn đến việc vận hành Hệ thống và/hoặc khả năng của Bên B trong việc nhận diện năng được sản xuất từ Hệ thống bị ảnh hưởng hoặc ngăn cản đáng kể, Bên B sẽ nhanh chóng thông báo cho Bên A và phối hợp cùng Bên A, hoặc người được ủy quyền của Bên A điều tra nguyên nhân bị hư hại hoặc tiêu hủy. Hai bên sẽ cũng xác định nguyên nhân và khắc phục hệ thống một cách nhanh nhất có thể. Bên B sẽ tiếp tục thanh toán cho Bên A số tiền mà Bên B nhận được từ EVN và số điện năng Bên B sử dụng (nếu có).

ĐIỀU 12: VI PHẠM, BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC VÀ THIẾT HẠI

12.1. Vi phạm

Bất kỳ Bên nào không thực hiện các trách nhiệm của mình như được liệt kê dưới đây hoặc gặp phải bất kỳ trường hợp nào được liệt kê dưới đây sẽ được coi là Bên vi phạm, bên kia sẽ được coi là Bên không vi phạm, và mỗi sự kiện của mặc định sẽ là một sự kiện vi phạm.

- a. Việc một Bên không thanh toán bất kỳ số tiền nào đến hạn và phải trả theo Hợp đồng này trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau khi nhận được thông báo bằng văn bản từ Bên không mặc định về việc không thanh toán như vậy (vi phạm Thanh toán);
- b. Bên B mất quyền chiếm hữu và sử dụng Địa điểm; chẳng hạn như mất quyền sở hữu quyền sử dụng đất và/ hoặc Công trình vì bất kỳ lý do;
- c. Việc một Bên không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ cơ bản nào theo Thỏa thuận này trong vòng 15 (mười lăm) ngày sau khi nhận được thông báo bằng văn bản từ Bên không vi phạm yêu cầu khắc phục vi phạm: trừ khi được gia hạn thời gian khắc phục vi phạm (nhưng không quá 30 (ba mươi) ngày) trong trường hợp cần thiết để tiến hành khắc phục vi phạm, nếu (i) Bên vi phạm tiến hành việc khắc phục vi phạm thời gian 30 (ba mươi) ngày và tiếp tục việc khắc phục cho đến khi hoàn thành và (ii) không có bất kỳ tác động bất lợi nghiêm trọng nào xảy ra cho Bên không vi phạm.
- d. Một Bên trở nên mất khả năng thanh toán hoặc là một bên bị phá sản, tổ chức lại, mất khả năng thanh toán, chấm dứt hoạt động, sáp nhập, giải thể, bị xử lý nợ bởi các chủ nợ, hoặc bất kỳ sự chuyển nhượng chung nào vì lợi ích của các chủ nợ hoặc bất kỳ sự kiện tương tự nào xảy ra được thực hiện trong bất kỳ hoạt động tài sản nào đối với một trong Bên. Và bất kỳ hành động yêu cầu phá sản hoặc thủ tục tố tụng nào khác được khởi xướng bởi bên thứ ba, nếu các thủ tục tố tụng đó không bị hủy bỏ trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau khi nhận được thông báo bằng văn bản từ Bên không vi phạm như vậy; hoặc là
- e. Bên B cố ý ngăn Bên A cài đặt Hệ thống hoặc cố tình cản trở hoặc cản trở việc cung cấp năng lượng điện từ Hệ thống. Sự kiện vi phạm như vậy sẽ không loại trừ các nghĩa vụ của Bên B để thực hiện các khoản thanh toán mà nếu không sẽ phải trả theo Thỏa thuận này.

12.2. Biện pháp Khắc phục

- a. Biện pháp Khắc phục đối với Vi phạm Thanh toán

Nếu xảy ra một Vi phạm Thanh toán, Bên Không Vi phạm có thể tạm ngừng thực hiện các nghĩa vụ của Bên Không Vi phạm theo Hợp đồng này. Ngoài ra, Bên Không Vi phạm có thể: (A) vào bất kỳ thời điểm nào trong thời gian tiếp diễn Sự kiện Vi phạm, chấm dứt Hợp

đồng này sau khi gửi thông báo bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày cho Bên Vi phạm, và (B) áp dụng biện pháp khắc phục tài chính và khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại.

b. **Biện pháp Khắc phục đối với Vi phạm khác**

Khi xảy ra một Sự kiện Vi phạm không phải là Vi phạm Thanh toán, Bên Không Vi phạm có thể: (A) vào bất kỳ thời điểm nào trong thời gian tiếp diễn Sự kiện Vi phạm, chấm dứt Hợp đồng này hoặc tạm ngừng thực hiện các nghĩa vụ của Bên Không Vi phạm theo Hợp đồng này, sau khi gửi thông báo bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày cho Bên Vi phạm, và (B) áp dụng bất kỳ biện pháp khắc phục nào theo Hợp đồng này và quy định pháp luật, bao gồm cả việc khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại.

c. **Thiệt hại khi Chấm dứt do Vi phạm**

Khi Bên Không Vi phạm chấm dứt Hợp đồng này do một Sự kiện Vi phạm của Bên Vi phạm, Bên Vi phạm phải thanh toán một Khoản Thanh toán Chấm dứt cho Bên Không Vi phạm được xác định như sau (“Khoản Thanh toán Chấm dứt”):

(i) **Bên B**

Trong trường hợp Bên B là Bên Vi phạm và Bên A chấm dứt Hợp đồng này, Khoản Thanh toán Chấm dứt định trước cho Bên A sẽ là giá trị Doanh thu trung bình của hai năm gần nhất nhân (x) với Thời hạn Mua bán điện còn lại. Nếu Bên B thanh toán toàn bộ Khoản Thanh toán Chấm dứt, Hệ thống sẽ thuộc về Bên B.

Trong trường hợp thời điểm vi phạm chưa xác định được doanh thu, thì khoản bồi thường định trước sẽ được tính bằng Giá trị một năm Tiền điện nhân (x) Thời hạn Mua bán điện còn lại.

(ii) **Bên A**

Trong trường hợp Bên A là Bên Vi phạm và Bên B chấm dứt Hợp đồng này, Khoản Thanh toán Chấm dứt cho Bên B sẽ là Giá trị 01 (một) năm Chi Phí Thuê Mái nhân (x) Thời Gian Thuê Mái còn lại.

Bên A sẽ, bằng khoản chi phí của mình, di dời thiết bị, Hệ thống, khôi phục lại toàn bộ Diện tích mái và các công trình xây dựng của Bên B và hoàn trả hiện trạng các công trình xây dựng như thời điểm bàn giao mặt bằng (trừ những hao mòn tự nhiên) nêu các công trình xây dựng đó bị ảnh hưởng bởi quá trình lắp đặt vận hành Hệ Thống bởi Bên A.

Trong trường hợp Bên A là Bên Vi phạm và Bên B đồng ý giữ lại Hệ thống thì Bên B đồng ý sẽ thu mua Hệ thống điện năng lượng mặt trời với giá EIRR là 16%.

ĐIỀU 13: SỰ ĐẠI DIỆN, BẢO ĐẢM VÀ CAM KẾT

13.1. Đại diện và Bảo đảm Chung

a. **Mỗi Bên đại diện và bảo đảm với Bên còn lại như sau tính từ Ngày Có Hiệu lực:**

- (i) **Mỗi Bên được thành lập hợp lệ và tồn tại hợp pháp theo pháp luật; việc mỗi Bên ký, giao và thực hiện Hợp đồng này đã được cho phép hợp lệ bởi tất cả các chấp thuận nội bộ cần thiết và không vi phạm bất kỳ luật nào; Hợp đồng này là nghĩa vụ hợp lệ của mỗi Bên, có thể thi hành đối với mỗi Bên theo các điều khoản của Hợp đồng này.**

- (ii) Mỗi Bên đã có được tất cả các giấy phép, sự ủy quyền, sự đồng ý và chấp thuận được yêu cầu và cần thiết để mỗi Bên sở hữu các tài sản của mình, tiến hành hoạt động kinh doanh của mình và ký và chuyển giao Hợp đồng này; và mỗi Bên đó tuân thủ tất cả các luật liên quan đến Hợp đồng này trong mọi phương diện trọng yếu.

13.2. Sự Đại diện, Bảo đảm và Cam kết của Bên B

Tính từ Ngày Có Hiệu lực, trong Thời Gian Thuê Mãi, Bên B bảo đảm và cam kết với Bên A như sau:

a. Giấy phép

Bên B được phép hoạt động trên Địa điểm và có quyền sở hữu đối với Công trình.

b. Thỏa thuận Khác

Việc Bên B ký và chuyển giao Hợp đồng này cũng như việc Bên B thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào của Bên B theo Hợp đồng này không mâu thuẫn cũng như không dẫn đến sai phạm hoặc vi phạm theo bất kỳ thỏa thuận hoặc nghĩa vụ nào gây ra bởi Bên B hoặc Công trình.

c. Tính Chính xác của Thông tin

Tất cả thông tin do Bên B cung cấp cho Bên A, trong phạm vi liên quan đến thông số thực tế của Công trình, kế hoạch sử dụng Công trình của Bên B là chính xác.

ĐIỀU 14: BỒI THƯỜNG VÀ GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ

14.1. Quy định Chung

Mỗi Bên ("Bên Bồi thường") sẽ bảo vệ, bồi thường và không gây thiệt hại cho Bên còn lại và các giám đốc, các nhân viên, cổ đông, thành viên hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, cổ đông, đối tác, thành viên, đại lý và nhân viên của Bên còn lại đó, và các công ty liên kết tương ứng của mỗi trong số những người nêu trên (được gọi chung là "Các Bên được Bồi thường"), không bị ảnh hưởng bởi tất cả tổn thất, thiệt hại, chi phí, trách nhiệm và các khiếu nại khác, bao gồm án phí và phí luật sư hợp lý (được gọi chung là "Các Trách nhiệm") phát sinh do hành vi vi phạm Hợp đồng của Bên Bồi thường, bao gồm bất kỳ đại diện hoặc bảo đảm nào được quy định tại Điều 14 và từ tổn thương hoặc từ vong đối với người, và thiệt hại hoặc tổn thất đối với tài sản trong phạm vi gây ra bởi hoặc phát sinh từ các hành vi cẩu thả hoặc việc không hành động, hoặc cố ý làm sai, của Bên Bồi thường (hoặc các nhà thầu, nhà thầu phụ, đại lý hoặc nhân viên của Bên Bồi thường) liên quan đến Hợp đồng này.

14.2. Giới hạn Trách nhiệm pháp lý

a. Không có Thiệt hại mang tính Hệ quả

Các Bên cũng như các thành viên Hội Đồng Quản Trị, cán bộ quản lý, cổ đông, đối tác, thành viên, đại lý và nhân viên, nhà thầu phụ hoặc nhà cung cấp của Các Bên sẽ không phải chịu trách nhiệm về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại gián tiếp, đặc biệt, ngẫu nhiên, mẫu mực, hoặc mang tính hệ quả nào với bất kỳ tính chất nào phát sinh từ việc thực hiện hoặc không thực hiện theo Hợp đồng này ngay cả khi đã được thông báo về tổn thất hoặc thiệt hại đó.

b. Thiệt hại Thực tế

Trừ trường hợp có quy định cụ thể khác, toàn bộ trách nhiệm của Bên A hoặc Bên B theo Hợp đồng này phát sinh từ hoặc liên quan đến việc thực hiện hoặc không thực hiện Hợp đồng này sẽ không vượt quá tổng các khoản thanh toán mà Bên đó phải thực hiện (hoặc, tùy từng trường hợp, dự kiến sẽ thực hiện) theo Hợp đồng này. Các quy định của Điều 14 này sẽ được áp dụng dù trách nhiệm đó phát sinh theo hợp đồng hay theo hình thức khác theo quy định pháp luật.

ĐIỀU 15: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

- 15.1. Việc một trong Các Bên không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ hay chậm thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này do Sự Kiện Bất Khả Kháng thì sẽ không bị coi là vi phạm Hợp Đồng này với điều kiện Bên đó đã thông báo ngay cho Bên còn lại về Sự Kiện Bất Khả Kháng và đã thực hiện toàn bộ các biện pháp có thể trong khả năng của mình để khắc phục hoặc làm giảm bớt các ảnh hưởng của Sự Kiện Bất Khả Kháng. “Sự Kiện Bất Khả Kháng” được hiểu là bất kỳ sự kiện hoặc hoàn cảnh nào không thể lường trước được và không thể tránh được vượt ngoài khả năng kiểm soát hợp lý của và không phải là lỗi hoặc hành vi câu thả của Bên tuyên bố Bất Khả kháng, bao gồm, nhưng không giới hạn ở, các thảm họa tự nhiên chẳng hạn như cháy nổ, lũ lụt hoặc động đất, dịch bệnh và các sự kiện khác chẳng hạn như chiến tranh, phong tỏa hoặc cấm vận, chiếm đóng, nội chiến, dân biến, hành động phá hoại hoặc rối loạn dân sự khác, đình công hoặc rối loạn lao động khác, hoặc việc áp dụng bất kỳ luật, hoặc quy định, hoặc tuyên bố, pháp lệnh hoặc nghị định áp dụng nào do các cơ quan chính phủ ban hành, được ban hành và có hiệu lực làm gián đoạn, cản trở hoặc ngăn cản việc thực hiện Hợp Đồng.
- 15.2. Không bên nào có lỗi do vi phạm hợp đồng do các sự kiện bất khả kháng được nêu ở trên. Tuy nhiên, bên bị ảnh hưởng phải gửi thông báo bằng văn bản cho bên kia lý do trì hoãn, cũng như chậm trễ ước tính. Các nghĩa vụ cam kết của bên đó sẽ bị đình chỉ tạm thời khi xảy ra sự kiện bất khả kháng và bên đó được phép gia hạn thời hạn của hợp đồng tương đương với thời gian chậm trễ do bất khả kháng.
- 15.3. Ngoài trừ trường hợp được quy định rõ ràng ngược lại trong Hợp đồng này, nếu bất kỳ Bên nào trở nên không thể, dù hoàn toàn hay một phần, thực hiện đúng hạn các nghĩa vụ của Bên đó theo Hợp đồng này do một sự kiện Bất Khả kháng, Bên đó sẽ được miễn việc thực hiện bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất Khả kháng (nhưng chỉ trong phạm vi bị ảnh hưởng) và thời hạn thực hiện các nghĩa vụ được miễn đó sẽ được gia hạn trong phạm vi cần thiết một cách hợp lý; với điều kiện là: (i) Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất Khả kháng đó, trong thời gian sớm nhất có thể một cách hợp lý, nhưng không muộn quá 15 (mười lăm) ngày, sau khi biết được về việc xảy ra sự kiện Bất Khả kháng mà Bên đó đã tuyên bố, nhanh chóng thông báo bằng lời nói cho Bên còn lại, sau đó gửi một thông báo bằng văn bản mô tả sự kiện đó một cách hợp lý; (ii) việc tạm ngừng hoặc gia hạn thời gian thực hiện có phạm vi không lớn hơn và có thời hạn không dài hơn phạm vi và thời hạn bắt buộc do sự kiện Bất Khả kháng; và (iii) Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất Khả kháng đó có nghĩa vụ chứng minh việc bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất Khả kháng dẫn đến phải trì hoãn hoặc không thể thực hiện được một phần hay toàn bộ nghĩa vụ theo quy định tại Hợp đồng, và có trách nhiệm sử dụng mọi nỗ lực hợp lý để giảm nhẹ hoặc khắc phục việc không thể thực hiện trong thời gian sớm nhất có thể một cách hợp lý. Thời Gian Thuê Mãi sẽ được gia hạn tương ứng với số ngày bị tạm ngừng do sự kiện Bất Khả kháng.

- 15.4. Theo đó, thời gian thực hiện Hợp Đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng mà bên chịu ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ trong Hợp Đồng đã ký. Nếu sau 30 (ba mươi) ngày liên tiếp, kể từ ngày xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng mà bên chịu ảnh hưởng không thể khắc phục được thì một trong Các Bên có quyền chấm dứt Hợp Đồng.

ĐIỀU 16: CHUYỂN NHƯỢNG, QUYỀN ƯU TIÊN MUA VÀ TÀI TRỢ

16.1. Chuyển nhượng và Cho Thuê lại

- a. Không Bên nào được chuyển nhượng Hợp đồng này, dù toàn bộ hay một phần, nếu không có đồng ý trước bằng văn bản của Bên còn lại, và Bên còn lại không được từ chối hoặc chậm trễ đưa ra sự đồng ý đó một cách bất hợp lý.
- b. Bên B không được bán, chuyển giao, chuyển nhượng hoặc gây cản trở cho Hệ thống hoặc bất kỳ phần nào của Hệ thống, quyền sở hữu của Bên A hoặc các quyền của Bên B theo Hợp đồng này. Trừ trường hợp có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A, Bên B không được cho thuê lại hoặc từ bỏ việc nắm giữ Hệ thống hoặc bất kỳ phần nào của Hệ thống. Bất kỳ sự chuyển nhượng nào về quyền và/ hoặc nghĩa vụ của Bên B theo Thỏa thuận này, sẽ không dẫn đến bất kỳ thay đổi nào đối với các quyền và nghĩa vụ của Bên A theo Thỏa thuận này.
- c. Không trái với quy định ở trên, Bên A có thể (i) thế chấp dòng tiền từ hợp đồng cho bất kỳ Bên tài chính nào, (ii) chuyển giao Thỏa thuận và Hệ thống cho một chi nhánh hoặc công ty con của Bên A và (iii) chuyển giao Thỏa thuận và Hệ thống cho bất kỳ thực thể nào khác mà thông qua đó Bên A có được nguồn tài chính hoặc vốn cho Hệ thống với điều kiện Bên A thông báo cho Bên B bằng văn bản trước ít nhất 15 (mười lăm) ngày về việc thế chấp, cầm cố hoặc chuyển nhượng Hệ thống và Thỏa thuận đó. Bên được chỉ định sẽ tiếp tục thực hiện và tuân thủ Thỏa thuận này.
- d. Tuy nhiên, bất kỳ sự chuyển nhượng nào về quyền và/ hoặc nghĩa vụ của Bên A theo Thỏa thuận này, sẽ không dẫn đến bất kỳ thay đổi nào đối với các quyền và nghĩa vụ của Bên B theo Thỏa thuận này. Sự đồng ý của Bên B đối với bất kỳ sự chuyển nhượng nào khác sẽ không bị rút lại một cách vô lý nếu Bên B đã được cung cấp bằng chứng hợp lý rằng người được chuyển nhượng được đề xuất (i) có kinh nghiệm tương đương trong việc giám sát và bảo trì hệ mặt trời quang điện tương đương với Hệ thống và cung cấp các dịch vụ tương đương với các quy định của Thỏa thuận này và (ii) có khả năng tài chính để duy trì Hệ thống và cung cấp các dịch vụ theo cách thức, yêu cầu của Thỏa thuận này.
- e. Thỏa thuận này sẽ ràng buộc và có hiệu lực đối với lợi ích của người kế nhiệm và người được chuyển nhượng được chấp thuận. Bất kỳ Bên nào vi phạm nội dung tại khoản này, Bên bị vi phạm có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và yêu cầu Bên vi phạm thanh toán Khoản Thanh toán Chấm dứt tương ứng nghĩa vụ của Bên vi phạm được tính theo quy định tại Điều 12.2(c).

16.2. Quyền ưu tiên mua của Bên B

- a. Ngay trước khi dự kiến thực hiện giao dịch chuyển nhượng Hệ thống, trước 30 (ba mươi) ngày hoặc một thời hạn khác được các bên thống nhất, Bên A trước hết phải gửi thông báo bằng văn bản cho Bên B ("Thông Báo Chào Bán") xác định rõ (i) Giá Hệ thống dự định bán, (ii) bên nhận chuyển nhượng đề xuất, và (iii) các điều khoản và điều kiện có liên quan khác của giao dịch được đề nghị đó mà Bên A cho là phù hợp.

- b. Bên B sẽ có 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận Thông Báo Chào Bán để chấp thuận mua Hệ thống hằng văn bản. nếu không đưa ra chấp thuận đó, thì Chào Bán được xem là đã bị từ bỏ. Nếu Bên B chấp thuận Thông Báo Chào Bán, việc bán và mua Hệ thống mà Bên B đã chấp thuận mua sẽ được Bên A và Bên B hoàn tất trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày chấp thuận hằng văn bản của Bên B. Vì mục đích này, Bên A sẽ thực hiện tất cả và bất kỳ hành động nào theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật áp dụng để làm cho việc chuyển nhượng Hệ thống đã được Bên B chấp thuận có hiệu lực và ghi nhận Bên B là chủ sở hữu; và Bên A sẽ chi thị thanh toán Hệ thống đó bằng cách chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng được Bên A chỉ định.

Giá chuyển nhượng trong trường hợp Bên B chấp thuận nhận chuyển nhượng Hệ thống sẽ là: Giá Hệ thống dự định chào bán cho bên thứ ba.

16.3. Tài trợ

- a. Các Bên xác nhận rằng Bên A có thể nhận được tài trợ xây dựng và tài trợ dài hạn hoặc hỗ trợ tín dụng khác từ một hoặc nhiều Bên Tài trợ. "Các Bên Tài trợ" nghĩa là người hoặc những người cung cấp tài trợ xây dựng hoặc tài trợ dài hạn cho Bên A liên quan đến việc xây dựng, sở hữu, giám sát và bảo trì các Hệ thống, hoặc nếu áp dụng, nghĩa là, nếu phù hợp, bất kỳ người nào nhận chuyển nhượng quyền sở hữu đối với các Hệ thống từ Bên A, phụ thuộc vào việc thuê lại các Hệ thống từ người đó. Các Bên đồng ý trên tinh thần thiện chí sẽ xem xét và thương lượng các thay đổi hoặc bổ sung đối với Hợp đồng này mà Các Bên Tài trợ có thể yêu cầu một cách hợp lý; với điều kiện là các thay đổi đó không làm thay đổi các điều khoản kinh tế cơ bản của Hợp đồng này. Liên quan đến việc chuyển nhượng theo Điều 16.1, Bên B đồng ý ký bất kỳ chấp thuận hoặc xác nhận nào theo hình thức và với nội dung được Các Bên Tài trợ đó chấp nhận một cách hợp lý.
- b. Trong trường hợp thay đổi quyền sở hữu từ Bên A sang một Bên Tài trợ khác, Bên A sẽ gửi thông báo cho Bên B trước 30 (ba mươi) với chữ ký của người cuối cùng phụ trách, đóng dấu, scan bản mềm và bản gốc được gửi theo sau đó không quá 07 (bảy) ngày kể từ khi ngày đóng dấu bưu điện. Bên B sau đó đồng ý rằng thanh toán sẽ được chuyển cho Bên Tài trợ được chỉ định kể từ đó trở đi, cho đến khi sự kiện thay đổi quyền sở hữu tiếp theo.

ĐIỀU 17: QUYỀN SỞ HỮU VÀ QUYỀN CHỌN MUA

17.1. Quyền Sở hữu Hệ thống

Trong thời hạn Mua bán điện, Bên A sẽ là chủ sở hữu của Hệ thống vào mọi thời điểm và Hệ thống sẽ là tài sản của Bên A và sẽ không gắn liền với hoặc được xem là một phần của, hoặc tài sản cố định thuộc về Công trình hoặc Địa điểm.

17.2. Quyền Chọn Mua

Bên B bảo lưu quyền mua Hệ thống. Bên A đảm bảo mức giá chuyển nhượng Hệ thống cho Bên B trong trường hợp này với EIRR là 16%. Mức giá mua lại Hệ thống sẽ được các bên thông nhất cụ thể tại thời điểm các bên tiến hành việc chuyển nhượng Hệ thống.

Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, Quyền chọn mua chỉ được thực hiện kể từ năm thuê thứ năm trở về sau.

ĐIỀU 18: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

18.1. Hợp Đồng này sẽ chấm dứt và thanh lý trong các trường hợp sau:

- a. Hết thời hạn Hợp Đồng mà Các Bên không có thỏa thuận gia hạn thời hạn Hợp đồng.
 - b. Theo thỏa thuận của các Bên bằng văn bản.
 - c. Một trong Các Bên có thể chấm dứt Hợp Đồng trước thời hạn sau khi gửi thông báo bằng văn bản cho Bên kia trước ít nhất 30 (ba mươi) ngày trong các trường hợp sau:
 - Dự án không thể triển khai do quá tải hệ thống lưới điện truyền tải của EVN quản lý.
 - Công trình nơi lắp đặt Hệ thống bị hư hại và tiêu hủy do hỏa hoạn, lũ lụt hoặc có các sự kiện khách quan khác nằm ngoài sự kiểm soát của Các Bên khiến Hệ thống không thể hoạt động hoặc sử dụng được từ 30 (ba mươi) ngày trở lên (trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác);
 - d. Một trong các bên được quyền chấm dứt hợp đồng do có sự kiện vi phạm theo quy định tại Điều 12.1 Hợp đồng.
 - e. Các trường hợp chấm dứt khác theo quy định pháp luật.
- 18.2. Ngoại trừ các trường hợp nêu trên, mọi trường hợp chấm dứt Hợp đồng sớm sẽ bị coi là vi phạm Hợp đồng này và chịu trách nhiệm như sau:

- a. Trong trường hợp chấm dứt Hợp Đồng, hai Bên có trách nhiệm thanh lý các khoản phải trả và thực hiện các nghĩa vụ đã phát sinh liên quan đến Hợp Đồng;
- b. Trong trường hợp Bên B vi phạm các thỏa thuận, cam kết, nghĩa vụ của Bên B theo Hợp đồng này dẫn tới việc Bên A không thể thực hiện được một phần hoặc toàn bộ Dự án hoặc Bên B tự ý hủy/ chấm dứt Hợp đồng trái quy định Hợp đồng và các quy định pháp luật mà không xuất phát từ hành vi vi phạm của Bên A thì Bên B phải bồi thường cho Bên A một khoản định trước bằng Giá trị Doanh thu trung bình của hai năm gần nhất nhân (x) với thời hạn Mua bán điện còn lại.

Trong trường hợp tại thời điểm vi phạm, chưa xác định được doanh thu, thì khoản bồi thường định trước sẽ được tính bằng Doanh thu ước tính của Hệ thống nhân (x) Thời hạn Mua bán điện còn lại.

- c. Sau khi hoàn thành việc lắp đặt Hệ thống mà Công ty điện lực kiểm tra không đạt theo tiêu chuẩn quy định thì Bên A phải thu hồi Hệ thống và Bên B không chịu bất cứ khoản phí nào.

Trừ trường hợp quyền sở hữu Hệ thống không được chuyển giao sang cho Bên B theo thỏa thuận của hai bên trong quá trình thực hiện hợp đồng này. Bên A có trách nhiệm khôi phục lại và hoàn trả lại mặt bằng khu vực lắp đặt về tình trạng như nêu tại biên bản bàn giao mặt bằng ban đầu (ngoại trừ các hao mòn tự nhiên được Bên B chấp thuận) trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Hợp Đồng chấm dứt hoặc một thời hạn khác theo thông báo bằng văn bản của Bên B. Nếu Bên A không khôi phục, hoàn trả nguyên trạng mặt bằng khu vực lắp đặt như ban đầu hoặc cố tình trì hoãn việc thực hiện nghĩa vụ, hoặc không hoàn thành việc khôi phục nguyên trạng mặt bằng trong thời hạn được quy định tại điều này, Bên B có toàn quyền tự thực hiện hoặc chỉ định nhà thầu thực hiện các công việc này và Bên A có trách nhiệm thanh toán/bồi hoàn mọi khoản chi phí liên quan đến công việc nêu trên cho Bên B trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Bên B thông báo. Nếu Hợp Đồng chấm dứt do lỗi của Bên B thì Bên B chịu trách nhiệm đối với các chi phí này theo các hóa đơn và chứng từ hợp lệ.

18.3. Trong mọi trường hợp, nếu Bên A tự ý hủy/chấm dứt hợp đồng trái quy định hợp đồng và quy định pháp luật thì Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B một khoản bồi thường định trước bằng Giá trị 01 (một) năm tiền thuê mái nhân (x) Thời Gian Thuê Mái còn lại.

Và Bên A sẽ, bằng khoản chi phí của mình, di dời thiết bị, Hệ thống, khôi phục lại toàn bộ Diện tích mái của Bên B.

18.4. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo quy định tại điểm a, b hoặc c của Điều 18.1 Hợp đồng mà Bên B không nhận chuyển giao Hệ thống, hoặc bất kỳ trường hợp chấm dứt hợp đồng nào do lỗi của Bên B, thì Bên A được toàn quyền tháo dỡ toàn bộ Hệ thống ra khỏi phần Diện tích thuê và di chuyển ra khỏi Địa điểm mà không phụ thuộc vào việc các Bên đã hoàn tất đàm phán về các điều khoản và điều kiện thanh lý Hợp đồng hay chưa. Bên B không được có bất kỳ hành động nào cản trở bất hợp lý Bên A đối với việc tháo dỡ toàn bộ Hệ thống.

ĐIỀU 19: KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

19.1. Hợp đồng sẽ được các bên đồng ý kéo dài Thời Gian Thuê Mái/ Thời hạn Mua bán điện tương ứng với thời gian bị gián đoạn trong các trường hợp sau:

a. Các trường hợp bất khả kháng nêu tại Điều 15 của Hợp đồng này dẫn đến hệ thống ngừng hoạt động.

b. Bên B sửa chữa, thay thế mái tôn.

19.2. Trong trường hợp Thời Gian Thuê Mái/ Thời hạn Mua bán điện gián đoạn từ 07 (bảy) ngày trở lên bởi các lý do tại Điều 19.1 (a) (b) dẫn đến một bên bị ảnh hưởng kinh doanh, thì bên bị ảnh hưởng sẽ được miễn trừ nghĩa vụ tài chính tương ứng với thời gian bị gián đoạn, và bên gây ra sự ảnh hưởng phải chi trả các khoản bồi thường thiệt hại tương ứng với các tổn thất thực tế xảy ra nếu bên bị ảnh hưởng có yêu cầu.

ĐIỀU 20: BẢO MẬT VÀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

20.1. Bảo mật

Các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này và tất cả thông tin và tài liệu liên quan đến Hợp đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn tất cả các dữ liệu xây dựng và giám sát, phải được bảo mật ("Thông tin Mật") và trong thời hạn của Hợp đồng này và trong 20 (hai mươi) năm sau đó sẽ không được bất kỳ Bên nào tiết lộ, dù toàn bộ hay một phần, cho một bên thứ ba (ngoại trừ trường hợp được trình bày tại Điều 20.2 dưới đây) nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên còn lại. Thông tin Mật sẽ không bao gồm (i) bất kỳ thông tin hoặc tài liệu nào đã được công khai hoặc đã được công chúng biết đến, hoặc đang được công khai hoặc đang được công chúng biết đến, mà không phải do bất kỳ hành động hoặc không hành động nào của một Bên; (ii) bất kỳ thông tin hoặc tài liệu nào có được một cách độc lập từ một bên thứ ba cam đoan rằng mình có quyền phổ biến thông tin đó vào thời điểm Bên liên quan có được thông tin đó; (iii) thông tin hoặc tài liệu do Bên liên quan phát triển độc lập với Thông tin Mật.

20.2. Tiết lộ Thông tin Được Phép

Dù có các quy định tại Điều 20.1, không cần phải có sự đồng ý được đề cập tại các quy định tại Điều 20.1 đối với việc bất kỳ Bên nào tiết lộ bất kỳ Thông tin Mật nào trong trường hợp và trong phạm vi việc tiết lộ thông tin đó là hoàn toàn cần thiết một cách hợp lý:

(i) cho các công ty liên kết của Bên đó;

- (ii) các thành viên Hội Đồng Quản Trị, cán bộ quản lý, nhân viên, nhà thầu, đại lý và nhà tư vấn chuyên môn của Bên đó và các thành viên hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên, nhà thầu, đại lý và nhà tư vấn chuyên môn của các công ty liên kết của Bên đó trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện đúng công việc của họ;
 - (iii) cho Bên Tài trợ liên quan đến việc vay vốn hoặc huy động tài trợ hoặc huy động vốn; và
 - (iv) trong phạm vi có thể phải được tiết lộ cho bất kỳ cơ quan có thẩm quyền nào theo yêu cầu của pháp luật.
 - (v) Bên tiết lộ Thông tin Mật sẽ chịu trách nhiệm về bất kỳ hành động hoặc sự chênh lệch của những người và tổ chức được mô tả ở trên nếu những người và tổ chức đó vi phạm các nghĩa vụ theo Điều 20.1 này như thể hành động đó là do Bên tiết lộ Thông tin Mật thực hiện.
- 20.3. Sở hữu trí tuệ: Trường hợp công nghệ và thiết bị do Bên A cung cấp được sử dụng trong Hệ thống, Bên B không chịu trách nhiệm liên quan đến các vi phạm quyền sở hữu trí tuệ phát sinh từ công nghệ và thiết bị đó.
- 20.4. Không Bên nào được sử dụng bất kỳ tên, tên thương mại, nhãn hiệu dịch vụ hoặc nhãn hiệu hàng hóa nào của Bên còn lại trong bất kỳ tài liệu quảng bá hoặc quảng cáo nào nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên còn lại. Các Bên sẽ phối hợp và hợp tác với nhau khi đưa ra các công bố liên quan đến việc ký kết và sự tồn tại của Hợp đồng này, và mỗi Bên sẽ có quyền nhanh chóng rà soát, góp ý và chấp thuận bất kỳ tài liệu công bố, thông cáo báo chí nào hoặc bất kỳ tuyên bố công khai nào khác của Bên còn lại trong đó có đề cập đến, hoặc có mô tả bất kỳ khía cạnh nào của Hợp đồng này. Không Bên nào được đưa ra bất kỳ thông cáo báo chí hoặc công bố nào về các điều khoản cụ thể của Hợp đồng này (ngoại trừ các đề trình hoặc các tuyên bố hoặc thông cáo khác theo yêu cầu của pháp luật áp dụng) nếu không có sự đồng ý trước cụ thể bằng văn bản của Bên còn lại. Không giới hạn tính tổng quát của quy định trước, tất cả các tuyên bố công khai phải phản ánh chính xác các quyền và nghĩa vụ của Các Bên theo Hợp đồng này.

ĐIỀU 21: QUY ĐỊNH CHUNG

- 21.1. Các tranh chấp hay khiếu nại liên quan đến Hợp Đồng này sẽ được đại diện hợp pháp (được ủy quyền bằng văn bản) của Các Bên giải quyết thông qua thương lượng.
- 21.2. Nếu trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày một Bên đưa ra thông báo yêu cầu giải quyết tranh chấp mà đại diện của Các Bên vẫn không giải quyết được thông qua thương lượng thì một trong Các Bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) theo Quy tắc Trọng tài ("Quy tắc VIAC") trong thời gian có hiệu lực. Trong trường hợp những tranh chấp liên quan đến hoặc phát sinh từ Hợp đồng này thì:
- Mỗi Bên sẽ chỉ định một (1) trọng tài viên và hai (2) trọng tài viên được chỉ định sẽ chỉ định một trọng tài viên thứ ba. Trong trường hợp không có hoặc không chọn được thì trọng tài thứ ba sẽ được chỉ định theo Quy tắc VIAC.
 - Nơi phân xử trọng tài là thành phố Hồ Chí Minh.
 - Ngôn ngữ được sử dụng trong tổ tụng trọng tài sẽ là tiếng Việt.
 - Bên thua kiện sẽ phải chịu chi phí liên quan đến giải quyết tranh chấp bao gồm chi phí trọng tài, phí luật sư và các chi phí hợp lý và có liên quan khác.

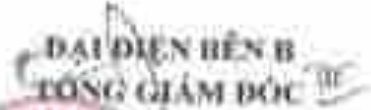
- 21.3. Thông báo: Tất cả các thông báo theo Hợp đồng này đều sẽ bằng văn bản và sẽ được gửi bằng giao nhận cá nhân, fax, thư điện tử, chuyển phát nhanh qua đêm, hoặc thư thông thường, hoặc thư bảo đảm, hoặc thư đăng ký, có hồi báo, và được xem là nhận được khi giao trực tiếp bằng thư cú nhân, có xác nhận nhận được qua hình thức điện tử, vào ngày giao cam kết sau khi gửi chuyển phát nhanh qua đêm, hoặc 02 (hai) ngày sau khi gửi bằng thư. Thông báo sẽ được gửi cho người được xác định trong Hợp đồng này đến địa chỉ được quy định trong Hợp đồng này hoặc địa chỉ khác mà bất kỳ bên nào có thể chỉ định bằng văn bản. Mỗi Bên sẽ xem tài liệu được gửi bằng fax, thư điện tử hoặc được gửi theo hình thức cho mình là một tài liệu gốc.
- 21.4. Ngoại trừ các bên nhận chuyển nhượng và Các Bên Tài trợ, Hợp đồng này và tất cả các quyền theo Hợp đồng này được dự kiến vì lợi ích riêng của Các Bên của Hợp đồng này và sẽ không ngụ ý hoặc xác lập bất kỳ quyền nào của, hoặc bất kỳ nghĩa vụ nào đối với, bất kỳ người nào khác.
- 21.5. Trong quá trình giải quyết tranh chấp, nếu không có thỏa thuận đình chỉ hoặc chấm dứt Hợp đồng, các Bên có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện Hợp đồng.
- 21.6. Tất cả các tài liệu và thư từ liên quan đến Hợp đồng này sẽ được gửi đến các Đại diện của Bên được ủy quyền.
- 21.7. Hợp đồng này được lập thành 06 (sáu) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 04 (bốn) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản.
- 21.8. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN QUANG LUÂN

ĐẠI DIỆN BÊN B
TỔNG GIÁM ĐỐC



NHAN HỨC QUÂN

CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG

STT	HẠNG MỤC	TIÊU CHUẨN	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
1	Tấm Pin	Xếp hạng top trong thị trường được đánh giá bởi Bloomberg	- Công nghệ Multi BusBar Half-Cell MONOPERC - Công suất: $\geq 440\text{Wp}$ - Hiệu suất: $\geq 20\%$ - Bảo hành chính hãng.
2	Máy chuyển đổi điện <i>Inverter</i>	Huawei Sungrow or Tương đương	- Công suất: 100 kW - Nhiệt độ hoạt động: từ -25 đến 60 C - Hiệu suất: 98.7% - Bảo hành chính hãng
3	Trạm đo thời tiết	Then Inverter	Giao diện: Tiếng Anh/ Tiếng Việt Không có bản đồ đường lưới bỏ Đo: + Độ ẩm + Nhiệt độ tấm pin + Tốc độ gió, hướng gió
4	Hệ giám sát	Then Inverter	Có thể truy cập bằng web, ứng dụng di động Giám sát real-time. Quản lý các dự án Lây báo cáo, thống kê dự liệu, kiểm tra lỗi hệ thống
5	Dây tín hiệu RS485	JJ Lapp Cahle /Tương đương	Cáp tín hiệu: RS485 Dây được đi trong ống bọc bảo vệ, không tiếp xúc trực tiếp với môi trường.
6	Dây DC 4/6mm ²	LAPP / LEADER / KIBOR /Tương đương.	Điện thế định mức 1,5kV (max 1.8kV) - Cấp điện mặt trời H1Z2Z2-K - Tiêu chuẩn: EN50618-2014; IEC60227/TCVN7147 & IEC60502 1: IEC61034; IEC60754 - Nhiệt độ hoạt động: lên đến 120°C - Chống tia UV, Chống nước
7	Đầu nối MC4	LEADER / KIBOR/ Tương đương	MC4 đặc chuẩn cho hệ thống NLMT - Tiêu chuẩn: IEC 62852:2014; EN 62852:2015 -Điện thế định mức: 1500VDC - Chống nước: IP68

8	Hệ thống khung giá đỡ	AntaiSolar/ Mibet Tương đương	Nhôm chuyên dụng cho hệ NLMT - Nhôm định hình, Vít inox, tuổi thọ ngoài trời đến 25 năm. - Bảo hành: >02 năm. - Chống ăn mòn, chống nước. - Tải gió: 30-40 m/s. - Chuẩn vật liệu nhôm Al 6005-T5 - Kết hợp hệ thống tiếp địa hệ thống và chống sét.
9	Dây AC	TAISIN / CADIVI / Tương đương	Phù hợp hệ thống - Cấp chuẩn động lực: Cu or Al/XLPE/PVC - Tiêu chuẩn: EN50618-2014; IEC60227/TCVN7147 & IEC60502_1; IEC61034; IEC60754
10	Cáp tiếp địa	TAISIN / CADIVI / Equipvalent	Phù hợp hệ thống năng lượng mặt trời - CU/PVC - Tiêu chuẩn: EN50618-2014; IEC60227/TCVN7147 & IEC60502_1; IEC61034; IEC60754
11	Tủ điện AC	Sunlight / Hải Nam / Asian / Tương đương	- Tiêu chuẩn IP54, Form 2R - Thiết bị điện: Schnieder / ABB / Mitsubishi / Tương đương. - Bao gồm: + Đồng hồ đo + ACB chính + MCCB cho mỗi inverter + 1 dự phòng - Tiêu chuẩn: IEC 61439, IEC 60529
12	Máng cáp AC / ĐC	Việt Nam	Độ dày tối thiểu 1.5mm Mạ kẽm nhúng nóng. Bulong, Vít: Inox 304
13	Ruột gà sắt	Smartube / CVI. / Tương đương	- Bảo vệ (Class 3) - Tiêu chuẩn: BS 31 & BS 4568
14	Lỗi đi và Hàng rào cứu sinh	Đơn vị thi công	Lỗi đi Mạ kẽm nhúng nóng, hoạt tải tối thiểu 100KG/m ² ; kết nối bởi Bulong Inox 304 Hàng rào cứu sinh Cáp không ri, kích thước Ø 12mm Móc nhôm không ri.

Phụ lục 2:

TỔNG THỂ MẶT BẰNG LẤP ĐẶT

Vị trí: Lô 15, 17, 19, 21 KCN trong KCX Linh Trung II, Phường Bình Chiểu, TP. Thủ Đức.
TP.HCM (được đính kèm sau khi có bản vẽ)

Số: 06/2024/HĐNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

()

HỢP ĐỒNG

DỊCH VỤ THU GOM, VẬN CHUYỂN RÁC TRONG KCN TRONG KCX LINH TRUNG II

Căn cứ:

- Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 được Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;
- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 23/6/2014 ;
- Công văn số 4957/ BQL-MT ngày 04/12/2018 của Ban Quản Lý các Khu Chế Xuất & Khu Công Nghiệp thực hiện Quy định về phân loại chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) tại nguồn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của các bên,

Hôm nay, ngày 01 tháng 01 năm 2024, tại KCN trong KCX LINH TRUNG II , hai bên gồm có:

Bên A: CÔNG TY TNHH NGỌC THU
 Địa chỉ: 8/7 Tổ 2, KP 2, P. Linh Trung, Q. Thủ Đức, TP.HCM
 Điện thoại: 38295935 – 0906 666615 Fax: 028 38295936
 Số tài khoản: 018.100.177.3996 VIETCOMBANK CN THỦ ĐỨC
 Đại diện: Ông NGUYỄN THANH QUYỀN Chức vụ: PHÓ GIÁM ĐỐC

BÊN B: CÔNG TY TNHH BAO BÌ GIẤY NHÔM NEW TOYO
 Địa chỉ: Lô số 15,17,19,21 , KCN trong KCX Linh Trung II , P.Bình Chiểu.Tp Thủ Đức, Tp.HCM
 Điện thoại: 028.37291.768 Fax: 028.37291.767
 MST: 0302476684
 Đại diện: Bà NHAN HỨC QUÂN Chức vụ: TỔNG GIÁM ĐỐC

Sau khi thảo luận, hai bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác trong khu chế xuất Linh Trung II, với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1:

1. Bên A nhận thu gom, vận chuyển và chuyển giao xử lý rác sinh hoạt và rác công nghiệp không chứa thành phần nguy hại trong quá trình sản xuất của Bên B.
2. Địa điểm nơi Bên A tiến hành thu gom rác là tại bồn chứa rác bên trong khu vực nhà máy của Bên B.
3. Lịch thu gom, vận chuyển: Bên A sẽ thu dọn rác của Bên B trong giờ hành chính từ thứ Hai đến thứ Bảy, nghỉ vào các ngày lễ/ Tết và Chủ nhật.

ĐIỀU 2: GIÁ PHÍ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**2.1 Giá phí (chưa bao gồm thuế GTGT):**

- 2.1.1 a. Giá thu gom rác sinh hoạt: **1.000.000 đồng/tấn**
b. Giá thu gom và vận chuyển chất thải công nghiệp thông thường (chất thải rắn không nguy hại): **1.900.000 đồng/tấn**
- 2.1.2 Trong thời gian thực hiện hợp đồng nếu có thay đổi về giá, Bên A sẽ thông báo cho Bên B bằng văn bản trước khi áp dụng giá mới, và thông báo này được xem như là một Phụ lục của Hợp đồng này, làm Phụ lục Hợp đồng (nếu cần).
- 2.1.3 Trọng lượng rác thải thông thường được ước tính theo khối rác như sau:
 - ✚ Loại rác công nghiệp có trọng lượng nặng như bột, sơn, đất, đá, v.v,...: 04 thùng nhựa 240lít = 1 m³ = 1 tấn.
 - ✚ Loại rác công nghiệp có trọng lượng nhẹ như vải, da, mousse, simili, v.v.... Rác sinh hoạt : 10 thùng nhựa 240lít = 2.4 m³ = 1 tấn.
 - ✚ Trong trường hợp rác thải của Bên B có loại và trọng lượng khác với ước lượng hình quân trên, Bên A sẽ cùng Bên B cân kiểm tra để xác định khối lượng và trọng lượng, nếu cần. Tuy nhiên, mức tối thiểu vẫn là 5m³ = 1 tấn dù có rác rất nhẹ, vì sự công kênh, choán chỗ của loại rác này khi bốc dỡ, vận chuyển và chuyển giao cho xe ép rác.
- 2.1.4 Đối với loại rác thải nguy hại (rác thải chứa yếu tố độc hại, phóng xạ, dễ cháy, dễ nổ, dễ ăn mòn, dễ lây nhiễm, gây ngộ độc hoặc đặc tính nguy hại khác v.v...) thì phải xử lý đặc biệt, Bên B phải tự tìm kiếm đơn vị có đủ chức năng để xử lý và trả chi phí xử lý đối với các chất thải này.

2.2 Thanh toán:

- 2.2.1 Hàng ngày lấy rác hai bên sẽ ghi nhận vào sổ theo dõi số lượng, Bên B có trách nhiệm cử người kiểm tra và ký nhận vào sổ của Bên A. Thời điểm chốt khối lượng rác được thu gom trong tháng là từ ngày 24 - 26 hàng tháng. Từ ngày 26 đến ngày 30 hàng tháng, hai bên sẽ đối chiếu quyết toán khối lượng đã thu gom và vận chuyển trong tháng để Bên B thanh toán tiền cho Bên A.

2.2.2 Bên B thanh toán cho Bên A 100% số tiền trong vòng 07 ngày sau khi Bên A phát hành giấy báo. Trường hợp quá thời hạn 07 ngày tính từ ngày thông báo của Bên A, Bên B vẫn không thanh toán thì phải chịu phạt tiền lãi như sau:

- a) Chậm đến tối đa mười lăm (15) ngày: tính thêm tiền lãi chậm thanh toán theo lãi suất tiền gửi có kỳ hạn Việt Nam đồng tương ứng với thời hạn chậm thanh toán do ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, chi nhánh Thủ Đức quy định.
- b) Chậm từ mười sáu (16) ngày đến tối đa ba mươi (30) ngày: tính thêm tiền lãi chậm thanh toán bằng 150% lãi suất tiền gửi có kỳ hạn Việt Nam đồng tương ứng với thời gian chậm thanh toán do ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, chi nhánh Thủ Đức quy định.
- c) Nếu quá ba mươi (30) ngày mà Bên B vẫn không thanh toán tiền nợ và tiền phạt thì tính thêm tiền lãi chậm thanh toán kể từ ngày hết hạn đến thời điểm thanh toán thực tế bằng 150% của lãi suất tiền gửi kỳ hạn một (01) tháng Việt Nam đồng do Vietcombank, chi nhánh Thủ Đức quy định. Việc thu dọn rác chỉ sẽ được tiếp tục sau khi Bên B thanh toán đủ các khoản phải trả cho Bên A.

ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM HAI BÊN

3.1 Trách nhiệm của Bên A:

- a) Bên A có trách nhiệm thu gom sạch rác tại khu vực chứa rác tại nhà máy của Bên B theo như các điều kiện hợp đồng.
- b) Bên A có trách nhiệm đảm bảo rác thu gom được chuyển giao xử lý theo đúng quy định.
- c) Bên A có trách nhiệm thu gom và vận chuyển gọn, không làm rơi rớt rác để đảm bảo vệ sinh môi trường và mỹ quan khu vực.
- d) Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thu gom, vận chuyển chất thải rắn không nguy hại.
- e) Bên A có trách nhiệm báo ngay cho Bên B nếu trong lúc thu gom rác mà có phát hiện các sự việc có thể gây nguy hiểm cháy, nổ... để Bên B có thể ngăn chặn và xử lý kịp thời.
- f) Bên A sẽ tự trang bị phương tiện lưu và chứa rác, để vận chuyển rác thải của bên B đến trạm trung chuyển.

3.2 Trách nhiệm của Bên B:

- a) Bên B sẽ tự trang bị bồn, bồn chứa đủ lượng rác thải không nguy hại. Các bồn, bồn này có mái che hoặc nắp đậy để tránh ướt nước và được đặt tại vị trí thuận tiện cho việc thu gom, vận chuyển rác ra khỏi nhà máy.
- b) Bên B có trách nhiệm lưu chứa rác thành các loại riêng biệt: phân biệt rác thải sinh hoạt và rác thải công nghiệp; phân biệt rác kim loại và không kim loại. Các loại rác có mùi hôi phải được chứa đựng riêng trong các túi nylon.

- c) Nếu có các loại rác thải nguy hại, hoặc có nguy cơ ô nhiễm, Bên B phải giải quyết để bảo đảm không còn độc hại trước khi thải ra hồ, bồn rác. Trong trường hợp Bên B để các chất thải nguy hại, chất ô nhiễm nguy hiểm lẫn lộn chung với rác sinh hoạt có lẫn chất thải rắn công nghiệp thông thường. Bên A có quyền từ chối thu gom chất thải ngày hôm đó đồng thời lập biên bản sự việc. Và, nếu các chất này gây nguy hại cho nhân viên thu dọn của Bên A, Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm theo nội dung biên bản đã lập.
- d) Bên B phải luôn cảnh giác đối với các loại rác thải công nghiệp dễ cháy. Cần phải chứa rác xa các nguồn gây lửa, điện; không để gần lối đi, cầu thang hay kho hàng. Bên B phải luôn nhắc nhở nhân viên của mình về ý thức và kiến thức phòng cháy chữa cháy.
- e) Các loại bình, lon chứa khí gas thường dùng như: bình gas đốt, xịt muối, xịt phòng... dù đã sử dụng hết, Bên B cũng phải để riêng biệt, không được thải các loại bình, lon này vào chung thùng rác.
- f) Các loại vật lạ mà không rõ xuất xứ, không rõ tác dụng. Bên B cũng phải để riêng biệt và báo cho nhân viên thu dọn biết.
- g) Các loại hóa chất, các loại chất có thể tự gây cháy... dù đang ở bất cứ trạng thái nào, Bên B cũng đều phải để riêng biệt, bao gói cẩn thận và thông báo kịp thời cho nhân viên thu dọn của Bên A.
- h) Bên B phải thực hiện đúng các quy định về phân loại chất thải rắn tại nguồn của Thành phố.
- i) Thông báo cho Bên A trong trường hợp khối lượng chất thải rắn tăng đột biến để Bên A có kế hoạch điều động phương tiện vận chuyển (báo trước 02 ngày về số điện thoại: Mr Tùng K2 0902.900.750 & Mr Vũ K1 0902.808.800).
- j) Bên B có trách nhiệm luôn quét dọn, cọ rửa khu lưu chứa rác sau khi rác đã được thu gom để đảm bảo vệ sinh khu vực.
- k) Bên B có thể thuê thùng nhựa chuyên dụng, dung tích 240 lít để chứa rác sinh hoạt (nếu có nhu cầu) Giá thuê là 55.000 đồng/ thùng/ tháng (chưa bao gồm thuế GTGT).
- l) Bên B có trách nhiệm bảo quản, sử dụng đúng mục đích và hồi thường thiệt hại nếu có bất kỳ sự hư hỏng hoặc mất mát nào xảy ra đối với số lượng thùng rác mà Bên B đã thuê số thùng rác của bên A (nếu có). Giá trị bồi thường được tính dựa trên đơn giá của Công ty cổ phần nhựa Sài Gòn tại thời điểm phát sinh.
- m) Bên B tự trang bị thùng nhựa chuyên dùng, dung tích 240 lít để chứa rác sinh hoạt và bỏ chứa rác công nghiệp.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

4.1 Hợp đồng này có giá trị kể từ ngày ký đến hết ngày **31/12/2024**, hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng. Nếu có gì cần sửa đổi bổ sung, hai bên sẽ thỏa thuận bằng phụ lục hợp đồng. Sau khi hai bên hoàn tất nghĩa vụ thì hợp đồng này tự động thanh lý theo quy định.

4.2 Các bên cam kết thi hành nghiêm chỉnh và đầy đủ các điều khoản của Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện nếu có xảy ra tranh chấp liên quan đến việc giải thích hoặc thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ giải quyết bằng thương lượng hòa giải. Trong trường hợp tranh chấp không

giải quyết được bằng phương thức hòa giải, trong vòng ba mươi (30) ngày, mỗi bên có quyền khởi kiện ra Tòa án có thẩm quyền tại TP.HCM để xét xử theo quy định của pháp luật Việt Nam. Án phí do bên thua kiện chi trả.

4.3 Hợp đồng được lập thành hai (02) bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ một (01) bản và đều có giá trị pháp lý như nhau.



Nguyễn Thanh Quyền

ĐẠI DIỆN BÊN B



**NHAN HÚC QUÂN
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Số: 01 /PLHĐ.NT-2024

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG**Dịch vụ thu gom, vận chuyển rác KCN trong KCX Linh Trung II**

- Căn cứ vào Hợp đồng vận chuyển và xử lý rác KCN trong KCX Linh Trung II số 06/2024/HĐNT ký ngày 01/01/2024 giữa Công ty TNHH Ngọc Thu và Công ty TNHH Bao Bì Giấy Nhôm New Toyo (sau đây gọi tắt là **Hợp đồng**);

Hôm nay, ngày **01 tháng 01 năm 2024**, tại Văn phòng Ngọc Thu trong Khu chế xuất Linh Trung II (phường Bình Chiểu, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh), chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY TNHH NGỌC THU

Địa chỉ: 8/7 Tổ 2, KP 2, P. Linh Trung, Q. Thủ Đức, TP.HCM

Điện thoại: 38295935 – 0906 666615 Fax: 028 38295936

Số tài khoản: 018.100.177.3996 VIETCOMBANK CN THỦ ĐỨC

Đại diện: Ông NGUYỄN THANH QUYỀN Chức vụ: **PHÓ GIÁM ĐỐC****BÊN B: CÔNG TY TNHH BAO BÌ GIẤY NHÔM NEW TOYO**

Địa chỉ: Lô số 15,17,19,21 , KCN trong KCX Linh Trung II , P.Bình Chiểu.Tp Thủ Đức, Tp.HCM

Điện thoại: 028.37291.768 Fax: 028.37291.767

MST: 0302476684

Đại diện: Bà NHAN HỨC QUÂN Chức vụ: **TỔNG GIÁM ĐỐC**

Hai bên thỏa thuận ký Phụ lục hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác trong KCN trong KCX Linh Trung II số 06/2024/HĐNT ngày 01/01/2024 ký giữa Công ty TNHH Ngọc Thu và Công ty TNHH Bao Bì Giấy Nhôm New Toyo để sửa đổi một số điều khoản của **Hợp đồng** như sau :

Điều 1: Sửa đổi khoản 2.1.3 Điều 2 của Hợp đồng: Thỏa thuận điều chỉnh cách quy đổi khối lượng rác sinh hoạt thông thường hàng tháng như sau: 20 thùng nhựa 240 lít= 1 tấn. (tương đương 50kg/ thùng)

Điều 2: Phụ lục hợp đồng thu gom, vận chuyển rác trong KCX Linh Trung II này là một bộ phận không thể tách rời của **Hợp đồng**. Tất cả các nội dung và điều khoản khác của **Hợp đồng** vẫn không thay đổi.

Phụ lục hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký có giá trị kể từ ngày ký đến hết ngày **31/12/2024** .

Phụ lục hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản tiếng Việt , mỗi bên giữ 01 (một) bản .



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN PHẾ LIỆU
Số: 03Q3/HĐMBPL/2024

- Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 được Quốc Hội thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005, có hiệu lực thi hành từ 01/01/2006.
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai đơn vị.

Hôm nay, ngày 01 tháng 07 năm 2024, hai bên chúng tôi gồm :

Bên A (bên Bán): CÔNG TY TNHH BAO BÌ GIẤY NHÔM NEW TOYO

Giấy chứng nhận đầu tư số: 412043000321 cấp ngày 19/07/2012.

Địa chỉ : Lô 15,17,19 & 21, KCN trong KCX Linh Trung II, Bình Chiểu, TP.Thủ Đức,TP. HCM
Điện thoại : 08.37291728 Fax: 08.37291767
Tài khoản số : 018.1000.333997 tại Vietcombank – CN Thủ Đức – TP. HCM
Mã số thuế : 0302476684
Đại diện : Bà NHAN HÚC QUÂN Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Bên B (bên Mua): CÔNG TY TNHH TMDV HÀ PHI LONG

Địa chỉ : F10/27G Võ Hữu Lợi, Ấp 6, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, TP. HCM
Điện thoại : 0933885959
Đại diện : Ông TRIỆU TÙNG OAI Chức vụ: Trợ lý Giám Đốc
CMND số : 079070031695 cấp tại TPHCM

Theo giấy ủy quyền số 01/UQ-2023

Sau khi bàn bạc và thảo luận, hai bên đồng ý ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa với những nội dung và điều khoản như sau:

Điều 1. MẶT HÀNG – SỐ LƯỢNG - ĐƠN GIÁ – TRỊ GIÁ:

Bên A cung cấp cho bên B sản phẩm phế liệu, chi tiết như sau:

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
01	Rỉa giấy vụn	Kg	600
02	Rỉa giấy nhôm <=10mm	Kg	600
03	Giấy màng Mpet	Kg	1.200
04	Giấy nhũ vàng	Kg	1.500
05	Ống sắt	Kg	7.000
06	Giấy bìa vàng bạc đầu cuộn	Kg	2.000
07	Giấy bìa vàng bạc cuối cuộn	Kg	3.000
08	Giấy bìa trắng	Kg	4.000
09	Giấy trắng MG	Kg	4.000
10	Chipboard	Kg	2.000
11	Nhôm vụn	Kg	20.000
12	Sắt vụn	Kg	5.000
13	Nilon	Kg	5.000

14	Nhựa tổng hợp	Kg	5.000
----	---------------	----	-------

Ghi chú: Đơn giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và không thay đổi trong quý 03/2024.

Điều 2. ĐIỀU KIỆN GIAO HÀNG

- ❖ Thời gian giao hàng: hàng giao trong quý 03/2024.
- ❖ Địa điểm giao hàng: tại kho công ty New Toyo (Việt Nam).
- ❖ Chi phí bốc xếp: mỗi bên chịu một đầu theo thỏa thuận.
- ❖ Bên A khi giao hàng phải kèm theo hóa đơn giá trị gia tăng và phiếu xuất kho hợp lệ của lô hàng đó. Bên B đặt tiền cọc cho Bên A tương ứng với giá trị thu mua trong tháng (+/- 10%) và được tất toán công nợ vào ngày 31/12 hàng năm

Điều 3. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- ❖ Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản qua ngân hàng trong vòng 06 ngày làm việc (tính từ ngày Bên A xuất hóa đơn giá trị gia tăng) và Bên B nhận đủ hàng. Việc thanh toán đúng hạn của bên B là cơ sở để bên A duy trì việc bán phế liệu cho những đợt sau.
- ❖ Bên A phát hành hóa đơn giá trị gia tăng bán chính thể hiện đầy đủ chi tiết về chủng loại hàng hóa, số lượng, đơn giá. Đính kèm là bản chính phiếu xuất kho có đủ chữ ký của các bên giao và nhận hàng.

Điều 4. BẤT KHẢ KHÁNG

- ❖ Trường hợp xảy ra các sự kiện bất khả kháng như: hỏa hoạn, đình công, hư hỏng thiết bị sản xuất, và các sự kiện khác ngoài khả năng kiểm soát, xử lý và dự kiến của cả hai bên làm ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất và thời gian giao hàng thì Bên A phải thông báo đến bên B bằng văn bản (qua fax, mail hoặc giao đến văn phòng bên B) trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Điều 5. PHẠT VI PHẠM VÀ RỜI THƯỜNG THIẾT HẠI

- ❖ Bên nào trong quá trình thực hiện hợp đồng này có những hành vi vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bên bị thiệt hại.
- ❖ Bên bị thiệt hại có nghĩa vụ cung cấp những bằng chứng xác thực có căn cứ chứng minh thiệt hại của mình do hành vi vi phạm hợp đồng của bên kia gây ra.

Điều 6. ĐIỀU KHOẢN GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- ❖ Trong trường hợp có những tranh chấp phát sinh từ việc thực hiện hợp đồng này mà hai bên không giải quyết được bằng thương lượng, hai bên A và B thống nhất đưa sự việc ra giải quyết tại Tòa án cấp có thẩm quyền của Việt Nam. Bản án đã có hiệu lực thi hành của Tòa là căn cứ duy nhất hoặc hai bên tuân theo.
- ❖ Án phí do bên thua kiện chịu.

Điều 7. ĐIỀU KHOẢN CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG:

- ❖ Hợp đồng này tự động thanh lý khi bên A đã giao đủ số lượng hàng theo hợp đồng cho bên B và bên B đã thanh toán toàn bộ tiền hàng cho bên A theo thời hiệu của hợp đồng.
- ❖ Trong trường hợp một bên muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn phải báo trước cho bên còn lại trước 30 ngày và phải được sự đồng ý chấp thuận của bên còn lại. Việc này nhằm tránh những tổn thất phát sinh (nếu có) cho bên còn lại do việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn của một bên.

Điều 8. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- ❖ Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ nội dung và các điều khoản của hợp đồng này trên tinh thần hỗ trợ, hợp tác hai bên cùng có lợi.
- ❖ Nếu có phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, cần bổ sung hoặc chỉnh sửa nội dung của hợp đồng, hai bên thống nhất sẽ thông báo cho nhau bằng văn bản và phải được sự chấp nhận của cả hai bên. Hai bên sẽ tiến hành ký kết các phụ lục hợp đồng bằng văn bản cho việc chỉnh sửa bổ sung này. Phụ lục hợp đồng là một phần không tách rời của hợp đồng.

- ❖ Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến hết ngày 30/09/2024.
- ❖ Hợp đồng được lập thành 02 bản chính, mỗi bên giữ 01 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN B



ĐẠI DIỆN BÊN A



**NGHÂN TRƯỞNG QUẢN
TỔNG GIÁM ĐỐC**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN PHẾ LIỆU

Số: 02Q3/HĐMBPL/2024

- Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 được Quốc Hội thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005, có hiệu lực thi hành từ 01/01/2006
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai đơn vị

Hôm nay, ngày 01 tháng 07 năm 2024, hai bên chúng tôi gồm:

Bên A (bên Bán): CÔNG TY TNHH BAO BÌ GIẤY NHÔM NEW TOYO

Giấy chứng nhận đầu tư số: 412043000321 cấp ngày 19/07/2012.

Địa chỉ : Lô 15,17,19 & 21, KCN trong KCX Linh Trung II, phường Bình Chiểu, TP.Thủ Đức, TP. HCM

Điện thoại : 08.37291728

Fax: 08.37291767

Tài khoản số : 018.1000.333997 tại Vietcombank – CN Thủ Đức – TP. HCM

Mã số thuế : 0302476684

Đại diện : Bà NHAN HỨC QUÂN

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Bên B (bên Mua): CÔNG TY TNHH NGÔ ĐỨC NHÂN

Địa chỉ : 106 Phong Phú, Quận 8, TP. HCM

Điện thoại : 08.9500592

Mã số thuế : 0305691136

Đại diện : Ông NGÔ TỶ

Chức vụ: Giám Đốc

Sau khi bàn bạc và thảo luận, hai bên đồng ý ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa với những nội dung và điều khoản như sau:

Điều 1. MẶT HÀNG – SỐ LƯỢNG - ĐƠN GIÁ – TRỊ GIÁ:

Bên A cung cấp cho bên B sản phẩm phế liệu, chi tiết như sau:

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
01	Giấy nhôm màu tím	kg	20.000
02	Giấy nhôm bạc / vàng cuối cuộn	kg	12.000
03	Giấy nhôm vàng cuộn	kg	12.000
04	Giấy nhôm bạc cuộn	kg	20.000
05	Giấy nhôm bạc/ vàng tím	kg	3.000
06	Ông lõi	Cái	8.000

Ghi chú: Đơn giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và không thay đổi trong quý 03/2024.

Điều 2. ĐIỀU KIỆN GIAO HÀNG

- ❖ Thời gian giao hàng: hàng giao trong quý 03/2024.
- ❖ Địa điểm giao hàng: tại kho công ty New Toyo (Việt Nam).
- ❖ Chi phí bốc xếp: mỗi bên chịu một đầu theo thỏa thuận.

- ❖ Bên A khi giao hàng phải kèm theo hóa đơn giá trị gia tăng và phiếu xuất kho hợp lệ của lô hàng đó. Bên B đặt tiền cọc cho Bên A tương ứng với giá trị thu mua trong tháng (+/- 10%) và được tất toán công nợ vào ngày 31/12 hàng năm.

Điều 3. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- ❖ Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản qua ngân hàng trong vòng 06 ngày làm việc (tính từ ngày Bên A xuất hóa đơn giá trị gia tăng) và Bên B nhận đủ hàng. Việc thanh toán đúng hạn của bên B là cơ sở để bên A duy trì việc bán phế liệu cho những đợt sau.
- ❖ Bên A phát hành hóa đơn giá trị gia tăng bản chính thể hiện đầy đủ chi tiết về chủng loại hàng hóa, số lượng, đơn giá. Đính kèm là bản chính phiếu xuất kho có đủ chữ ký của các bên giao và nhận hàng.

Điều 4. BẤT KHẢ KHÁNG

- ❖ Trường hợp xảy ra các sự kiện bất khả kháng như: hỏa hoạn, đình công, hư hỏng thiết bị sản xuất, và các sự kiện khác ngoài khả năng kiểm soát, xử lý và dự kiến của cả hai bên làm ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất và thời gian giao hàng thì Bên A phải thông báo đến bên B bằng văn bản (qua fax, mail hoặc giao đến văn phòng bên B) trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Điều 5. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

- ❖ Bên nào trong quá trình thực hiện hợp đồng này có những hành vi vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bên bị thiệt hại.
- ❖ Bên bị thiệt hại có nghĩa vụ cung cấp những bằng chứng xác thực có căn cứ chứng minh thiệt hại của mình do hành vi vi phạm hợp đồng của bên kia gây ra.

Điều 6. ĐIỀU KHOẢN GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- ❖ Trong trường hợp có những tranh chấp phát sinh từ việc thực hiện hợp đồng này mà hai bên không giải quyết được bằng thương lượng, hai bên A và B thống nhất đưa sự việc ra giải quyết tại Tòa án cấp có thẩm quyền của Việt Nam. Bản án đã có hiệu lực thi hành của Tòa là căn cứ duy nhất buộc hai bên tuân theo.
- ❖ Án phí do bên thua kiện chịu.

Điều 7. ĐIỀU KHOẢN CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- ❖ Hợp đồng này tự động thanh lý khi bên A đã giao đủ số lượng hàng theo hợp đồng cho bên B và bên B đã thanh toán toàn bộ tiền hàng cho bên A theo thời hiệu của hợp đồng.
- ❖ Trong trường hợp một bên muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn phải báo trước cho bên còn lại trước 30 ngày và phải được sự đồng ý chấp thuận của bên còn lại. Việc này nhằm tránh những tổn thất phát sinh (nếu có) cho bên còn lại do việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn của một bên.

Điều 8. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- ❖ Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ nội dung và các điều khoản của hợp đồng này trên tinh thần hỗ trợ, hợp tác hai bên cùng có lợi.
- ❖ Nếu có phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, cần bổ sung hoặc chỉnh sửa nội dung của hợp đồng, hai bên thống nhất sẽ thông báo cho nhau bằng văn bản và phải được sự chấp nhận của cả hai bên. Hai bên sẽ tiến hành ký kết các phụ lục hợp đồng bằng văn bản cho việc chỉnh sửa bổ sung này. Phụ lục hợp đồng là một phần không tách rời của hợp đồng.
- ❖ Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến hết ngày 30/09/2024.
- ❖ Hợp đồng được lập thành 02 bản chính, mỗi bên giữ 01 bản và có giá trị pháp lý như nhau.



Nguyễn Văn Thọ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN PHẾ LIỆU
Số : 01Q3/HĐMBPL/2024

- Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 được Quốc Hội thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005, có hiệu lực thi hành từ 01/01/2006.
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai đơn vị.

Hôm nay, ngày 01 tháng 07 năm 2024, hai bên chúng tôi gồm :

Bên A (bên Bán): CÔNG TY TNHH BAO BÌ GIẤY NHÔM NEW TOYO

Giấy chứng nhận đầu tư số: 412043000321 cấp ngày 19/07/2012.

Địa chỉ : Lô 15,17,19 & 21, KCN trong KCX Linh Trung II, Bình Chiểu,TP.Thủ Đức, TP. HCM
Điện thoại : 08.37291728 Fax: 08.37291767
Tài khoản số : 018.1000.333997 tại Vietcombank – CN Thủ Đức – TP. HCM
Mã số thuế : 0302476684
Đại diện : Bà NHAN HÚC QUÂN Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Bên B (bên Mua): CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI LAI AN

Địa chỉ : 68/15 Ngô Chí Quốc, P. Bình Chiểu, TP. Thủ Đức, TP. HCM
Điện thoại : 0903713497
Mã số thuế : 0313024908
Đại diện : Bà NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH Chức vụ: Giám Đốc

Sau khi hàn hạc và thảo luận, hai bên đồng ý ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa với những nội dung và điều khoản như sau:

Điều 1. MẶT HÀNG – SỐ LƯỢNG - ĐƠN GIÁ – TRỊ GIÁ:

Bên A cung cấp cho bên B sản phẩm phế liệu, chi tiết như sau:

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
01	Thùng phuy nắp mở (mới)	Cái	100.000
02	Thùng phuy nắp mở (ri sét)	Cái	70.000

Ghi chú: Đơn giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và không thay đổi trong quý 03/2024

Điều 2. ĐIỀU KIỆN GIAO HÀNG

- ❖ Thời gian giao hàng: hàng giao trong quý 03/2024.
- ❖ Địa điểm giao hàng: tại kho công ty New Toyo (Việt Nam).
- ❖ Chi phí bốc xếp: mỗi bên chịu một đầu theo thỏa thuận.
- ❖ Bên A khi giao hàng phải kèm theo hóa đơn giá trị gia tăng và phiếu xuất kho hợp lệ của lô hàng đó. Bên B đặt tiền cọc cho Bên A tương ứng với giá trị thu mua trong tháng (+/- 10%) và được tất toán công nợ vào ngày 31/12 hàng năm.

Điều 3. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- ❖ Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản qua ngân hàng trong vòng 06 ngày làm việc (tính từ ngày Bên A xuất hóa đơn giá trị gia tăng) và Bên B nhận đủ hàng. Việc thanh toán đúng hạn của bên B là cơ sở để bên A duy trì việc bán phế liệu cho những đợt sau.

- ❖ Bên A phát hành hóa đơn giá trị gia tăng bản chính thể hiện đầy đủ chi tiết về chủng loại hàng hóa, số lượng, đơn giá. Đính kèm là bản chính phiếu xuất kho có đủ chữ ký của các bên giao và nhận hàng.

Điều 4. BẤT KHẢ KHÁNG

- ❖ Trường hợp xảy ra các sự kiện bất khả kháng như: hỏa hoạn, đình công, hư hỏng thiết bị sản xuất, và các sự kiện khác ngoài khả năng kiểm soát, xử lý và dự kiến của cả hai bên làm ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất và thời gian giao hàng thì Bên A phải thông báo đến bên B bằng văn bản (qua fax, mail hoặc giao đến văn phòng bên B) trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Điều 5. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

- ❖ Bên nào trong quá trình thực hiện hợp đồng này có những hành vi vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bên bị thiệt hại.
- ❖ Bên bị thiệt hại có nghĩa vụ cung cấp những bằng chứng xác thực có căn cứ chứng minh thiệt hại của mình do hành vi vi phạm hợp đồng của bên kia gây ra.

Điều 6. ĐIỀU KHOẢN GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- ❖ Trong trường hợp có những tranh chấp phát sinh từ việc thực hiện hợp đồng này mà hai bên không giải quyết được bằng thương lượng, hai bên A và B thống nhất đưa sự việc ra giải quyết tại Tòa án cấp có thẩm quyền của Việt Nam (hoặc Tòa Kinh tế thuộc Tòa An Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh). Bản án đã có hiệu lực thi hành của Tòa là căn cứ duy nhất buộc hai bên tuân theo.
- ❖ Án phí do bên thua kiện chịu.

Điều 7. ĐIỀU KHOẢN CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- ❖ Hợp đồng này tự động thanh lý khi bên A đã giao đủ số lượng hàng theo hợp đồng cho bên B và bên B đã thanh toán toàn bộ tiền hàng cho bên A theo thời hiệu của hợp đồng.
- ❖ Trong trường hợp một bên muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn phải báo trước cho bên còn lại trước 30 ngày và phải được sự đồng ý chấp thuận của bên còn lại. Việc này nhằm tránh những tổn thất phát sinh (nếu có) cho bên còn lại do việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn của một bên.

Điều 8. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- ❖ Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ nội dung và các điều khoản của hợp đồng này trên tinh thần hỗ trợ, hợp tác hai bên cùng có lợi.
- ❖ Nếu có phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, cần bổ sung hoặc chỉnh sửa nội dung của hợp đồng, hai bên thống nhất sẽ thông báo cho nhau bằng văn bản và phải được sự chấp thuận của cả hai bên. Hai bên sẽ tiến hành ký kết các phụ lục hợp đồng bằng văn bản cho việc chỉnh sửa bổ sung này. Phụ lục hợp đồng là một phần không tách rời của hợp đồng.
- ❖ Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến hết ngày 30/09/2024.
- ❖ Hợp đồng được lập thành 02 bản chính, mỗi bên giữ 01 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN B



Nguyễn Ngọc Bình

ĐẠI DIỆN BÊN A



**NHAN HƯC QUẢN
TỔNG GIÁM ĐỐC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ
THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 03/CTNH/2024

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của nước CHXHCNVN;
- Căn cứ vào Luật Bảo vệ Môi trường số 52/2005/QH11 ngày 29/11/2005 nước CHXHCNVN;
- Căn cứ vào Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/04/2011 của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường về việc hướng dẫn điều kiện thi hành nghề và thủ tục lập hồ sơ, đăng ký, cấp giấy phép hành nghề, mã số quản lý chất thải công nghiệp;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của 02 đơn vị.

Hôm nay, ngày 01 tháng 07 năm 2024, hai bên chúng tôi gồm :

BÊN A: CÔNG TY TNHH BAO BÌ GIẤY NHÔM NEW TOYO

Mã số thuế: 0302476684

Địa chỉ : Lô 15,17,19 và 21, KCN trong KCX Linh Trung II, phường Bình Chiểu, TP.Thủ Đức, TP.HCM

Điện thoại: 08.37291768

Fax : 08.37291767

Tài khoản giao dịch : 018.1000.333997, Ngân hàng Vietcombank – CN Thủ Đức – TP.HCM

Đại diện bởi Bà: **NHAN HÚC QUÂN**

Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**

BÊN B: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT NGỌC TÂN KIÊN

Mã số thuế: 0303907051

Địa chỉ công ty : 481 Kinh Dương Vương, P. An Lạc, Q. Bình Tân, TP.HCM.

Địa chỉ : Lô G05 – 4 và Lô MB4 – 1, KCN Đức Hòa 1, Đức Hòa Đông, Đức Hòa, Long An

Điện thoại : 08 3 877 0847

Fax: 08 3 756 1697

Tài khoản giao dịch: 80833969 – Ngân hàng ACB, phòng giao dịch An Lạc, Bình Tân, TP.HCM

Đại diện bởi Bà: **HỒ THỊ KIM HÀ**

Chức vụ: **Giám đốc**

Sau khi bàn bạc, cùng thỏa thuận và nhất trí ký kết hợp đồng xử lý chất thải nguy hại với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC

1.1/ Bên A đồng ý thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại (gọi tắt là CTNH) cho Bên A theo danh mục chất thải nguy hại ghi tại Khoản 2.1 Điều 2 hợp đồng này.

1.2/ Bên B thực hiện các công việc trên theo đúng Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/04/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn điều kiện hành nghề và thủ tục lập hồ sơ, đăng ký, cấp giấy phép hành nghề, mã số quản lý chất thải nguy hại.

ĐIỀU 2: ĐẶC TÍNH - ĐỊA ĐIỂM - THỜI GIAN THU GOM VÀ VẬN CHUYỂN

2.1/ Đặc tính: Thùng phuy sắt nhiễm dung môi, ken.

2.2/ Địa điểm thu gom: Tại kho CTNH của bên A (Phân Xưởng Giấy Nhôm – Lô 15,17,19,21).

2.3/ Địa điểm xử lý: Lô G05 – 04 & Lô MB4 – 1, Khu công nghiệp Đức Hoà 1, Đức Hoà Đông, tỉnh Long An.

2.4/ Thời gian giao nhận: Bên A báo trước cho Bên B ít nhất 03 ngày.

2.5/ Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng.

ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ

3.1/ Trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên A

- Có trách nhiệm phân loại và lưu giữ tạm các chất thải nguy hại theo đúng quy định.
- Đảm bảo thành phần chất thải theo đúng như hợp đồng đã ký.
- Bố trí đường đi đến các địa điểm thu gom chất thải nguy hại thuận tiện, không bị cản trở.
- Bố trí xe nâng hỗ trợ bên B xếp các thùng đựng chất thải nặng lên phương tiện vận chuyển.
- Cử cán bộ chuyên môn giám sát, phối hợp thực hiện hợp đồng và giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có).
- Đảm bảo các chi tiết máy, thiết bị, tài sản còn sử dụng được không lẫn trong CTNH khi giao cho Bên B.
- Cử người hướng dẫn cho nhân viên của Bên B khi vào thu gom CTNH.
- Giao chứng từ CTNH (9 liên) cho xe đến lấy CTNH trước khi ra khỏi khuôn viên nhà máy.
- Bên A phải giao hàng đúng số xe vận chuyển CTNH của bên B đã đăng ký trong giấy phép vận chuyển. Nếu Bên A giao hàng không đúng số xe thì Bên B không chịu bất cứ trách nhiệm nào.

3.2/ Trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên B

- Cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại giấy phép hành nghề vận chuyển, xử lý và tiêu hủy CTNH còn hiệu lực.
- Có trách nhiệm thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp bị cơ quan hữu quan xử lý hoặc bị phạt do Bên B vi phạm quy trình hoạt động thu gom, xử lý, vận chuyển CTNH cho bên A thì Bên B sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và Bên A sẽ không chịu bất cứ trách nhiệm liên quan nào.
- Có trách nhiệm xuất trình cho bên A hợp đồng liên doanh với bên thứ ba về việc xử lý những CTNH mà bên B không được phép xử lý (nếu có).
- Chịu trách nhiệm tổ chức nhân công thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH ghi toàn theo kế hoạch và phương án đã thống nhất giữa hai bên, tuân thủ nội quy và quy định của bên A phù hợp với pháp luật hiện hành.
- Cử cán bộ chuyên môn giám sát khối lượng CTNH khi giao nhận, phối hợp trong việc thực hiện hợp đồng và giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có).
- Có trách nhiệm kiểm tra các chứng từ liên quan đến thành phần CTNH trong hợp đồng do Bên A cung cấp. Trường hợp phát hiện sai lệch hoặc không phù hợp thì hai bên sẽ cùng nhau thương lượng để giải quyết theo đúng quy định hiện hành. Không tiết lộ nội dung các chứng từ trên cũng như nội dung hợp đồng cho bên thứ ba.
- Có trách nhiệm giao trả lại liên 04 và liên 05 của chứng từ CTNH sau khi đã thu gom, vận chuyển, xử lý và xuất hóa đơn GTGT hợp lệ, đúng thời hạn cho Bên A theo quy định của pháp luật.
- Trong quá trình giao nhận CTNH ra khỏi kho Bên A thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình vận chuyển, xử lý của mình.
- Bên B chịu trách nhiệm xử lý CTNH của Bên A tại địa điểm xử lý ghi ở Khoản 2.3 Điều 2. Bên A không chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu như Bên B xử lý CTNH của Bên A không đúng địa điểm đã đăng ký với cơ quan chức năng.
- Bên B sẽ thu mua lại thùng phuy nhiễm dung môi, keo của bên A sau khi bên B đã xử lý theo đơn giá như sau :

- + Thùng phuy chứa dung môi, keo: 160.000 đồng/cái
- + Thùng nhựa chứa mực (20 kg) : 2.000 đồng/cái
- + Thùng sắt chứa mực (20 kg) : 1.000 đồng/cái
- + Thùng nhựa chứa mực (200 kg) : 100.000 đồng/cái
- + Thùng phuy nắp mở (dính hóa chất): 20.000 đồng/cái
- + Thùng phuy chứa dung môi, keo (cao 84cm): 90.000 đồng/cái
- + Thùng nhựa chứa mực (100 kg) : 40.000 đồng/cái

(Đơn giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và không thay đổi trong quý 03/2024)

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Bên B thanh toán tiền mặt / chuyển khoản cho bên A trong vòng 02 ngày làm việc sau khi nhận hàng. Bên A có trách nhiệm cung cấp chứng từ hợp lệ (phiếu xuất kho và hóa đơn tài chính) để bên B làm cơ sở thanh toán

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

5.1/ Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản của hợp đồng này, trong khi thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc hai bên phải chủ động gặp nhau để giải quyết và thống nhất bằng văn bản, không làm tổn hại lợi ích của mỗi bên.

5.2/ Mọi sửa đổi, bổ sung của hợp đồng chỉ có giá trị khi có đầy đủ chữ ký xác nhận của đại diện có thẩm quyền giữa hai bên. Trong quá trình thực hợp đồng nếu có những vấn đề phát sinh, vướng mắc thì hai bên sẽ cùng thương thảo để lập Phụ lục hợp đồng bổ sung.

5.3/ Trường hợp có tranh chấp mà hai bên không tự thương lượng được thì sẽ chuyển hồ sơ cho Tòa án kinh tế TP. Hồ Chí Minh giải quyết theo pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 6: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

6.1/ Hợp đồng có giá trị kể từ ngày ký đến hết ngày 30/09/2024.

6.2/ Hợp đồng này chỉ có giá trị với Bên A và Bên B, không có hiệu lực với bất cứ bên thứ ba nào khác.

6.3/ Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản và đều có giá trị pháp lý ngang nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

Hồ Thị Kim Hà

ĐẠI DIỆN BÊN A



CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
BAO BẢO VÀ DỊCH VỤ
NEW TOYC

NHAN HỨC QUẢN
TỔNG GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 0308/2024/HĐXLTL-NTY

- Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Bảo Vệ Môi Trường số 72/2020/QH13 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 01/01/2022;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Giấy phép hành nghề Quản lý chất thải nguy hại do Bộ tài nguyên và Môi trường cấp ngày 04 tháng 01 năm 2021, mã số 3-4-5-6.021.VX (Cấp lần 02)
- Căn cứ vào chức năng và điều kiện xử lý chất thải nguy hại của Công ty TNHH TM Xử lý Môi trường Thành Lập;
- Căn cứ vào nhu cầu của hai bên;

Hôm nay, ngày 03 tháng 08 năm 2024, chúng tôi gồm:

Bên A : CÔNG TY TNHH BAO BÌ GIẤY NHÔM NEW TOYO

Đại diện : Bà NHAN HÚC QUÂN Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ : Lô 15,17,19 và 21, KCN trong KCX Linh Trung 2, Phường Bình Chiểu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại : (84.28) 3729 1768

Mã số thuế : 0302476684

Tài khoản : 018 1000 333 997 - Ngân Hàng Vietcombank – CN Thủ Đức, TP. HCM

Bên B : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI – XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG THÀNH LẬP

Đại diện : Ông TĂNG TỰ THỂ Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : 39 Cao Triều Phát, Phường Tân Phong, Quận 7, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại : 028 3860 3072 Fax: 028 3974 5075

Mã số thuế : 0301761350

Tài khoản số : 3938999 Tại Ngân Hàng Eximbank - Chi nhánh Tp.HCM

Sau khi thỏa thuận, hai bên đồng ý ký kết hợp đồng với các điều khoản sau đây:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý chọn Bên B thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại (gọi tắt là CTNH) theo đúng chức năng hành nghề của Bên B đã được cấp phép và theo đúng pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

Toàn bộ chất thải được chuyên chở và đưa về xử lý tại Nhà máy xử lý chất thải nguy hại của Công ty TNHH TM Xử lý Môi trường Thành Lập, tại: Lô 147 Tổ 3 Ấp Bàu Trăn, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

ĐIỀU 2. SỐ LƯỢNG, DANH MỤC CHẤT THẢI XỬ LÝ VÀ ĐƠN GIÁ

2.1 Số lượng

Số lượng chất thải được tính theo số lượng thực tế mà Bên A giao cho Bên B thông qua Biên bản giao nhận có xác nhận của đại diện hai bên.

2.2 Danh mục chất thải và đơn giá

1. Đơn giá xử lý chất thải nguy hại và công nghiệp

Stt	Tên hàng hóa	Mã CTNH	ĐVT	Đơn giá (VNĐ/ĐVT)
I. CHẤT THẢI NGUY HẠI				
01	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ hàn mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng NH)	160113	Kg	5.000
02	Mực in thải chứa các thành phần nguy hại (TPNH)	080201	Kg	4.500
03	Bao bì mềm chứa hóa chất thải	180101	Kg	5.000
04	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các TPNH	180201	Kg	5.000
05	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	170203	Kg	2.000
06	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	120606	Kg	5.000
II. CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP				
01	Cặn hồ hữu cơ	--	Kg	4.000

Ghi chú:

- Đơn giá xử lý trên chưa bao gồm thuế VAT;
- Khối lượng chất thải đều được quy đổi bằng đơn vị kilogram;

2. Đơn giá thu mua

STT	Tên hàng hóa	DVT	Đơn giá thu mua sau xử lý (VNĐ/dvt)
1	Ban hi cứng thái hằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất đảm bảo rỗng rỗng hoàn toàn (thùng phuy sắt nắp mở đựng chất thải 200L. 1 cái = 18kg)	Cái	50.000
2	Bình, thùng nhựa chứa mực và sơn	Kg	1.000
3	Dung môi thải	Phuy	150.000

Ghi chú:

- Đơn giá thu mua trên chưa bao gồm thuế VAT;

ĐIỀU 3. ĐỊA ĐIỂM THU GOM VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1 Địa điểm thu gom

Địa điểm thu gom chất thải: Lô 15, 17, 19 và 21, KCN trong KCX Linh Trung 2, Phường Bình Chiểu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Sau thu gom và xử lý chất thải, căn cứ trên Biên bản giao nhận thực tế có xác nhận của đại diện hai bên, Bên B phát hành hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên A về chi phí xử lý chất thải nguy hại.

3.2 Phương thức thanh toán

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B trong vòng 30 ngày hằng chuyển khoản, sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ.

“Hóa đơn giá trị gia tăng” hợp lệ do Bên B phát hành.

ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

4.1 Trách nhiệm của Bên A

Toàn bộ chất thải của Bên A phải được thu gom, phân loại chất thải theo từng loại riêng biệt và có nhãn chất thải: chất thải rắn chứa bao PE, chất thải lỏng chứa vào thùng có nắp đậy kín và lưu trữ tại một khu vực riêng biệt, cố định để thuận tiện khi Bên B đến thu gom chất thải.

Cử cán bộ chuyên môn giám sát khối lượng CTNH khi giao nhận, phối hợp trong việc thực hiện hợp đồng và giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có).

Bên A tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ của Bên B thực hiện đóng gói chất thải, cử nhân viên giám sát trong quá trình thu gom chất thải hay cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào cổng Bên A.

Thanh toán cho bên B đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng.

4.2 Trách nhiệm của Bên B

Cung cấp cho bên A đầy đủ các loại giấy phép hành nghề vận chuyển, xử lý và tiêu hủy CTNH còn hiệu lực.

Bên B có trách nhiệm thực hiện vận chuyển theo yêu cầu của Bên A để tránh tình trạng ứ đọng kho bãi, bảo đảm chất thải được xử lý và tái chế, tái sử dụng theo đúng quy định hiện hành của Chính phủ Việt Nam về bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được xử lý bằng các phương pháp đã đăng ký trong giấy phép xử lý, tiêu hủy CTNH đã được cấp của Bên B. Trường hợp bị cơ quan hữu quan xử lý hoặc bị phạt do bên B vi phạm quy trình hoạt động thu gom, xử lý, vận chuyển CTNH cho Bên A thì Bên B sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và Bên A sẽ không chịu bất cứ trách nhiệm liên quan nào.

Có trách nhiệm xuất trình cho Bên A hợp đồng liên doanh với bên thứ 3 về việc xử lý những CTNH mà bên B không được phép xử lý (nếu có)

Bên B có trách nhiệm làm thủ tục xuất trình giấy tờ cần thiết và thực hiện tốt nội quy của Bên A khi xe và công nhân của Bên B ra/vào cổng Bên A.

Trong quá trình giao nhận CTNH ra khỏi kho Bên A, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra trong quá trình vận chuyển, lưu giữ và xử lý thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Vận chuyển chất thải ra khỏi cổng của Bên A khi đủ chuyến và chỉ chờ loại hàng trong danh mục chất thải của Hợp đồng này.

Bên B phải mang đầy đủ các phương tiện thiết bị chuyên dụng cần thiết khi đến thu gom chất thải. Tuân thủ quy chế quản lý chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật về việc thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH.

Cử cán bộ chuyên môn giám sát khối lượng CTNH khi giao nhận, phối hợp trong việc thực hiện hợp đồng và giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có)

Có trách nhiệm kiểm tra các chứng từ liên quan đến thành phần CTNH trong hợp đồng do Bên A cung cấp. Trường hợp phát hiện sai lệch hoặc không phù hợp thì hai bên sẽ cùng nhau thương lượng để giải quyết theo đúng quy định hiện hành. Không tiết lộ nội dung các chứng từ trên cũng như nội dung hợp đồng cho bên thứ ba.

Sau khi tiếp nhận chất thải được bên A bàn giao, Bên B phải lập 01 hồ "Chứng từ chất thải nguy hại" gồm 03 liên theo phụ lục III Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

Bên B phải cung cấp các hồ sơ liên quan đến việc thu gom và xử lý chất thải cho Bên A, để Bên A có căn cứ ký hợp đồng và khi Bên A yêu cầu.

Bên B chịu trách nhiệm xử lý CTNH của bên A tại địa điểm xử lý ghi ở Điều 1. Bên A không chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu như Bên B xử lý CTNH của bên A không đúng địa điểm đã đăng ký với cơ quan chức năng.

ĐIỀU 5. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã ký, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại. Nếu muốn hủy hợp đồng thì phải thông báo trước cho đối phương 30 ngày.

Mọi tranh chấp phát sinh đều được ưu tiên giải quyết trên tinh thần hợp tác, thương lượng. Nếu hai bên không tự giải quyết được vấn đề, cả hai cùng thống nhất sẽ đưa ra giải quyết theo quy định pháp luật Việt Nam hiện hành và theo quyết định Tòa án nhân dân TP. HCM hoặc Tòa án Kinh tế có thẩm quyền. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà cả hai bên đều phải tuân thủ. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu trách nhiệm thanh toán.

Các phụ lục, biên bản thỏa thuận kèm theo là hồ phận không thể tách rời và có hiệu lực theo hiệu lực của Hợp đồng này.

Bên B có trách nhiệm photo và đóng dấu các giấy phép kinh doanh, giấy phép hành nghề xử lý chất thải theo yêu cầu của Luật Bảo vệ môi trường cho Bên A.

ĐIỀU 6. TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

Thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng là nghĩa vụ của các bên liên quan trong hợp đồng và cũng là một nguyên tắc luật định. Tuy nhiên, không phải lúc nào hợp đồng cũng được thực hiện một cách suôn sẻ. Vẫn có thể có những biến cố xảy ra làm ảnh hưởng đến quá trình thực hiện hợp đồng của các bên. Trong đó có những sự cố nằm ngoài khả năng dự đoán và kiểm soát của các bên, xảy ra không phải do lỗi của các bên, mà do các “sự kiện bất khả kháng” như: lũ lụt, hỏa hoạn, bão, động đất, sóng thần, chiến tranh, bạo loạn, đảo chính, đình công, cấm vận, thay đổi chính sách của chính phủ,...

Khi có các sự kiện này xảy ra làm chậm trễ quá trình thực hiện hợp đồng của một trong các bên liên quan đến hợp đồng, thì bên xảy ra sự cố phải nhanh chóng thông báo cho Bên còn lại, để cùng nhau giải quyết các vấn đề phát sinh

ĐIỀU 7. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này có hiệu lực **01 năm** kể từ ngày ký.

Hợp đồng này đồng thời được xem như biên bản thanh lý khi hết hiệu lực hợp đồng.

Việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng chỉ có hiệu lực thi hành bằng cách: Hai bên thỏa thuận ký kết phụ lục bổ sung hoặc ký kết hợp đồng mới. Phụ lục bổ sung hợp đồng là một hồ phận không thể tách rời với hợp đồng và có hiệu lực như hợp đồng chính. Nếu phụ lục bổ sung hợp đồng có những điều khoản trái với điều khoản nào trong hợp đồng thì được coi điều khoản đó trong hợp đồng chính đã được sửa đổi.

Hợp đồng này gồm 07 (bảy) Điều, 05 (năm) trang và được lập thành 04 (bốn) bản. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(CHỦ NGUỒN THẢI)



**NGƯỜI HỮU QUẢN
TỔNG GIÁM ĐỐC**

ĐẠI DIỆN BÊN B

(CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ CHUYÊN XỬ LÝ)



**GIÁM ĐỐC
Bằng Văn Học**

Tra cứu tại Website: <https://slt-tt78.vnpt-invoice.com.vn> Mã tra cứu: 00F2429D78D6D24728B47AFB3EDC79DE2B

Tra cứu tại Website: <https://slt-tt78.vnpt-invoice.com.vn> Mã tra cứu: 0019F4BE552CBA4A90A038AD960809020.

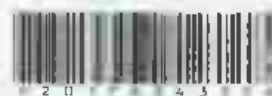
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

SO:

2	058894 - LTR - KĐ2
---	--------------------



TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN KHU VỰC II (CISR)

www.kiemdinh.vn - Tel: (028) 38965873 - Số ĐKCN: 01/GCN-KĐ

Đã kiểm định lần đầu : NỘI GIA NHIỆT DẦU

Mã hiệu: TOH 1500-7

Số chế tạo: TOH 1555/4648

Năm chế tạo: 10/2017

Nhà chế tạo: Công ty TNHH Cơ nhiệt lạnh Hồng Nhựt

Đặc tính kỹ thuật:

- | | |
|-----------------------------|------------------|
| - Công suất nhiệt | 1.300.000 Kcal/h |
| - Áp suất làm việc cho phép | 5,0 bar |
| - Nhiệt độ làm việc | 200 °C |

Lắp đặt tại: Lô 15, 17, 19 & 21 KCN trong KCX Linh Trung 2, Quận Thủ Đức, TP.HCM

Của: **CÔNG TY TNHH BAO BÌ GIẤY NHÔM NEW TOYO**

Trụ sở chính: Lô 15, 17, 19 & 21 KCN trong KCX Linh Trung 2, Quận Thủ Đức, TP.HCM

Biên bản kiểm định số: B77024/02/HCM/KĐ2-10

Ngày 05-12-2017

Kết quả: **ĐẠT YÊU CẦU (*)**

Thời hạn kiểm định lần tới: Ngày 05-12-2019



Tp.Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2017



Trưởng Đơn Cơ

(*) Với điều kiện tổ chức, cá nhân sử dụng phải tuân thủ các quy định về sử dụng và bảo quản tại quy chuẩn kỹ thuật và quy định của nhà sản xuất

Serial: 01-1701076006

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN
TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG (ISSQ)**

GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

Số

595	2	KD.HCM
-----	---	--------

VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG - CN MIỀN NAM

23 Đường Hoa Hồng, Phường 2, Q. Phú Nhuận, TP. HCM
ĐT: (028) 35 178 286 - Số đăng ký chứng nhận: 75/GCN-KĐ

I. TÔ CHỨC, CÁ NHÂN SỬ DỤNG

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH BẢO BÌ GIẤY NHÔM NEWTOYO**

Địa chỉ: Lô 15,17,19 và 21 KCN trong KCX Linh Trung II, P. Bình Chiểu, TP. Thủ Đức

II. ĐỐI TƯỢNG KIỂM ĐỊNH

Tên đối tượng kiểm định: **NỒI GIA NHIỆT DẦU**

- Mã hiệu: **TOH 1500-7** - Năm chế tạo: **10/2017**

- Số chế tạo: **TOH 1555/4648** - Nước sản xuất: **Cty CB Hưng Nghiệp**

Đặc tính, thông số kỹ thuật:

- Áp suất thiết kế: **7,0 bar** - Công suất: **1.300.000 Kcal/h**

- Áp suất làm việc: **< 5,0 bar** - Công dụng: **Gia nhiệt dầu**

Lắp đặt: Lô 15,17,19 và 21 KCN trong KCX Linh Trung II, Bình Chiểu, TP. Thủ Đức

Đã được kiểm định (*Định kỳ*) đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định

số: 593 /04/KĐ.HCM ngày 25 tháng 11 năm 2023 (*)

Tem kiểm định số: **655166**

Giấy chứng nhận kết quả kiểm định có hiệu lực đến ngày: **25 / 11 / 2025**

TP. HCM ngày 29 tháng 11 năm 2023



KS. Hoàng Anh Xuân

(*) Với điều kiện tổ chức, cá nhân sử dụng phải tuân thủ các quy định về sử dụng và bảo quản tại quy chuẩn kỹ thuật và quy định của nhà sản xuất

VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN
TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 11 năm 2023

**BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN
NỒI GIA NHIỆT DẦU**
Số: 593.102/KĐ.HCM

Chúng tôi gồm:

1. KS: Nguyễn Công Sơn - Số hiệu kiểm định viên: 747/KĐV-LĐTBXH
2. KS: - Số hiệu kiểm định viên:

Thuộc : Viện Nghiên cứu Phát triển Tiêu chuẩn chất lượng (ISSQ)

Số đăng ký chứng nhận của tổ chức kiểm định: 75/GCN-KĐ

Đã tiến hành kiểm định :

NỒI GIA NHIỆT DẦU

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị: **CÔNG TY TNHH BAO BÌ GIẤY NHÔM NEW TOYO**

Địa chỉ: Lô 15, 17, 19 và 21 Khu công nghiệp trong Khu chế Xuất Linh Trung II, P. Bình Chiểu, TP. Thủ Đức, Tp.HCM

Địa chỉ (Vị trí) lắp đặt: Lô 15, 17, 19 và 21 Khu công nghiệp trong Khu chế Xuất Linh Trung II, P. Bình Chiểu, TP. Thủ Đức, Tp.HCM

Quy trình kiểm định, tiêu chuẩn áp dụng: QTKĐ: 02-2016/BLĐTBXH

Chứng kiến kiểm định và thông qua biên bản có:

1. Ông (Bà): Nguyễn Văn Trinh - Chức vụ: GD kỹ thuật
2. Ông (Bà): Nguyễn Xuân Thịnh - Chức vụ: Giám sát kỹ thuật

I – THÔNG SỐ CƠ BẢN CỦA BÌNH

- | | | | |
|------------------------------|--------------------|--|--------------------|
| - Loại, mã hiệu: | TOH 1500-7 | - Áp suất thiết kế: | 7,0 bar |
| - Số chế tạo: | TOH 1555/4648 | - Áp suất làm việc: | 5,0 bar |
| - Năm chế tạo: | 10/2017 | - Công suất: | 1.300.000 Kcal/h |
| - Nhà chế tạo: | Cty CP Hồng Nhựt | - Nhiên liệu sử dụng: | Dầu DO |
| - Nhiệt độ thiết kế: | 300 ⁰ C | - Nhiệt độ làm việc: | 200 ⁰ C |
| - Môi chất tải nhiệt: | Dầu tải nhiệt | - Công dụng: | Gia nhiệt dầu |
| - Ngày kiểm định lần trước : | 11/2021 | - Do: Viện Nghiên cứu Phát triển TCCI. | |

II – HÌNH THỨC KIỂM ĐỊNH

Lần đầu ☐ Định kỳ ☒ Bất thường ☐

Lý do trong trường hợp kiểm định bất thường:.....

III – NỘI DUNG KIỂM ĐỊNH

1 - Kiểm tra hồ sơ:

- Nhận xét: Đầy đủ, đạt yêu cầu

- Đánh giá kết quả: Đạt ☒ Không đạt ☐

2 - Kiểm tra kỹ thuật bên ngoài, bên trong:

Hạng mục kiểm tra	Đạt	Không đạt
Khoảng cách	☒	
Cửa	☒	
Cầu thang, sàn thao tác	☒	
Chiếu sáng vận hành	☒	

Hệ thống tiếp địa an toàn, chống sét	✓	
Tình trạng mối hàn, mối ghép	✓	
Tình trạng các bộ phận chịu áp lực	✓	
Hệ thống bơm tuần hoàn	✓	
Các thiết bị, bộ phận phụ trợ	✓	
Van an toàn	✓	
Áp kế	✓	
Đo mức	✓	
Đo nhiệt độ	✓	
Các thiết bị bảo vệ, đo lường, tự động khác	✓	

Đánh giá kết quả:

- Nhận xét:

- Đánh giá kết quả: Đạt ☒ Không đạt ☐**2 – Thử nghiệm:**

Nội dung thử	Áp suất thử (bar)	Thời gian duy trì (phút)
Thử bền	/	/
Thử kín	5	60
Thử vận hành	5	60

Đánh giá kết quả:

- Nhận xét:

- Đánh giá kết quả: Đạt ☒ Không đạt ☐**IV – KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**1. Bình được kiểm định có kết quả: Đạt ☒ Không đạt ☐

2. Đã được dán tem kiểm định số: Tại vị trí: Tủ điều khiển

3. Áp suất làm việc cho phép: 5 bar

4. Nhiệt độ làm việc của dầu: 200 °C

5. Áp suất đặt của van an toàn:

Vị trí	Áp suất mở (bar)	Áp suất đóng (bar)
Trên nồi	6	5,5
Trên đường ống		

6. Các kiến nghị:

Thời gian thực hiện kiến nghị:

V- THỜI HẠN KIỂM ĐỊNH

Kiểm định định kỳ: ngày ... tháng 11 năm 2025

Lý do rút ngắn thời hạn kiểm định (nếu có): Theo điều 10.1 QTKĐ:07-2016/BLĐTBXH

Biên bản được thông qua ngày: ngày ... tháng 11 năm 2023

Tại: VP công ty

Biên bản được lập thành ... bản, mỗi bên giữ ... bản.

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG
 Cam kết thực hiện đầy đủ và đúng thời hạn các kiến nghị
 (Ký tên và đóng dấu)
 Nguyễn Văn Bình

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Nguyễn Văn Bình
 Nguyễn Văn Bình

KIỂM ĐỊNH VIÊN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN
 TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG
KIỂM ĐỊNH VIÊN
 747KĐV4 ĐTB

Nguyễn Văn Bình



CÔNG TY TNHH CƠ NHIỆT LẠNH
HỒNG NHỰT

LÝ LỊCH
LÒ DẦU TẢI NHIỆT
CÔNG SUẤT
1.300.000 *kCal/h*
(~ 1.500 *kW*)

MÃ HIỆU: **TOH1500 – 7**

SỐ CHÉ TẠO: **TOH1555/4648**

SỐ THỨ TỰ:

*Khi chuyển thiết bị cho đơn vị khác,
Phải giao quyền lý lịch này kèm theo các hồ sơ lý lịch.*

2022/11/03



**CÔNG TY TNHH CƠ NHIỆT LẠNH
HỒNG NHỰT**

**LÝ LỊCH
LÒ DẦU TẢI NHIỆT
CÔNG SUẤT
1.300.000 *kCal/h*
(~ 1.500 *kW*)**

MÃ HIỆU: **TOH1500 – 7**

SỐ CHẾ TẠO: **TOH1555/4648**

SỐ THỨ TỰ:

*Khi chuyển thiết bị cho đơn vị khác.
Phải giao quyền lý lịch này kèm theo các hồ sơ lý lịch.*



NHỮNG CHỈ TIÊU CHẾ TẠO THIẾT BỊ

Giấy phép chế tạo số: 37 / CA-AP, do Thanh tra Nhà nước về ATLĐ,
Bộ Lao Động – Thương Hình và Xã Hội
cấp ngày 21 tháng 06 năm 2002

1. Tiêu chuẩn áp dụng: *TCVN 7704: 2007, TCVN 8366: 2010*
QCVN 01: 2008/BLĐTBXH

2. Tên và địa chỉ của nhà máy chế tạo thiết bị:

CÔNG TY TNHH CƠ NHIỆT LẠNH HỒNG NHỰT

117A Bình Thới, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Tên thiết bị: **LÒ DẦU TÀI NHIỆT**

4. Mã hiệu thiết bị (hoặc đặc điểm kết cấu thiết bị): **TOH 1500 – 7**
(Dạng chùm ống xoắn đặt nằm ngang)

5. Số chế tạo **TOH1555/4648**

6. Tháng năm chế tạo **10/2017**

7. Nhiệt độ thiết kế **300°C**

8. Áp suất thiết kế **0,7 MPa**

9. Áp suất làm việc lớn nhất **0,6 MPa**

10. Áp suất thử **1,05 MPa**

11. Công suất nhiệt **1.300.000 kCal/h (~ 1.500 kW)**

12. Diện tích tiếp nhiệt **78 m²**

13. Dung tích tổng cộng **1260 lít**

14. Công dụng của thiết bị **Gia nhiệt dầu**

15. Vị trí đóng tên, mã hiệu của cơ sở chế tạo: Trên thân thiết bị

Journal of Management Education

[illegible]

Chú thích

1. Về phương pháp chế tạo cần nói rõ là hàn hoặc tán đinh.
2. Về phương pháp hàn cần nói rõ là hàn hồ quang, hàn xi điện, hàn tiếp xúc... hoặc hàn hơi.

NHỮNG SỐ LIỆU VỀ KIM LOẠI CHẾ TẠO THIẾT BỊ

[illegible]

SỐ LIỆU VỀ ỐNG CỤT, MẶT BÍCH, NẮP ĐẦY VÀ CÁC CHI TIẾT LẮP SIẾT

[illegible]

KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG MÔI HÀN

[illegible]

Chú thich

Các biên bản kiểm tra chất lượng mỗi hàn, sơ đồ và vị trí chiếu hoặc dò siêu âm phải kèm theo lý lịch của thiết bị với đầy đủ kết luận của đơn vị tiến hành kiểm tra

NHỮNG SỐ LIỆU VỀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ

TT	Tên đơn vị lắp đặt thiết bị	Tên đơn vị sử dụng thiết bị	Ngày tháng hoàn thành việc lắp đặt	Nơi lắp đặt
	Công Ty TNHH Cơ Nhiệt Lạnh Hồng Nhựt	Công Ty TNHH Bao Bì Giấy Nhôm New TOYO		

Những số liệu khác về lắp đặt kèm theo trang này của lý lịch phải có:

1. Bản vẽ sơ đồ mặt bằng của đơn vị trong đồ có vị trí đặt thiết bị và các phòng xường kế cận với nhà đặt thiết bị.
2. Biên bản khám nghiệm của cán bộ thanh tra kỹ thuật an toàn hoặc biên bản khám nghiệm của hội đồng kỹ thuật, tổ chức theo qui định của Quy phạm.
3. Các chứng từ về những vật liệu bổ sung khi lắp đặt như vật liệu, que hàn, dây hàn và kết quả kiểm tra chất lượng mỗi hàn phải được giữ trong hồ sơ riêng kèm theo lý lịch thiết bị.

NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ QUẢN LÝ VÀ VẬN HÀNH AN TOÀN THIẾT BỊ

[illegible]

Ghi chú

1. Các quyết định của Thủ trưởng đơn vị phải đính kèm theo trang này.
2. Người được giao nhiệm vụ kiểm tra việc sử dụng an toàn thiết bị là các cán bộ kỹ thuật chuyên trách thuộc biên chế phòng kỹ thuật cơ điện của đơn vị sử dụng.

PHẦN MỘT

TÍNH KIỂM TRA BỀN CÁC BỘ PHẬN CHỊU ÁP LỰC CHÍNH CỦA THIẾT BỊ

1. ỐNG CHẾ TẠO CUỘN COIL.

Thông số thiết kế

- + Đường kính ngoài $d_{os} = 73 \text{ mm}$
- + Áp suất thiết kế $p_{tk} = 0,7 \text{ N/mm}^2$
- + Vật liệu chế tạo Thép ASTM A106 Gr. B

1. Áp suất tính toán

Được xác định theo áp suất thiết kế cộng với cột áp thủy tĩnh

$$p = p_{tk} + p_{tt} = 0,7 + 0,01 = 0,71 \text{ N/mm}^2$$

2. Nhiệt độ tính toán

Nhiệt độ tính toán chọn theo yêu cầu làm việc của thiết bị

$$t = 300^\circ\text{C}$$

3. Ứng suất cho phép và hệ số hàn

Thép ASME SA106 Gr. B ở nhiệt độ 300°C có ứng suất cho phép $f = 138 \text{ N/mm}^2$

Ống không hàn nên hệ số hàn $\gamma = 1$

4. Chiều dày tối thiểu của ống

Chiều dày nhỏ nhất của ống được xác định theo công thức

$$e = e_{cs} + c$$

Trong đó

c Chiều dày bổ sung do ăn mòn, $c = 0,75 \text{ mm}$

e_{cs} Chiều dày tính toán

$$e_{cs} = \frac{p \cdot d_{os}}{2 \cdot f \cdot \gamma + p} = \frac{0,71 \cdot 73}{2 \cdot 138 \cdot 1 + 0,71} = 0,19 \text{ mm}$$

Vậy chiều dày tối thiểu

$$\rightarrow e = e_{cs} + c = 0,94 \text{ mm}$$

Theo bảng 1 (trang 30) TCVN 7704: 2007, chiều dày tối thiểu của ống khi chịu áp suất trong $e \geq 2,6 \text{ mm}$

→ Chiều dày thực tế của ống là $5,16 \text{ mm}$

→ Thỏa điều kiện bền

II. ỚNG GÓP

Thông số thiết kế

- + Đường kính ngoài $d_{os} = 141 \text{ mm}$
- + Áp suất tính toán $p = 0,71 \text{ N/mm}^2$
- + Nhiệt độ tính toán $t = 300^\circ\text{C}$
- + Vật liệu chế tạo Thép *ASME SA106 Gr. B*

1. Ứng suất cho phép và hệ số hàn

Thép *ASME SA106 Gr. B* ở nhiệt độ 300°C có ứng suất cho phép $f = 138 \text{ N/mm}^2$

Ống không hàn nên hệ số hàn $\gamma = 1$

2. Chiều dày tối thiểu của ống

Chiều dày nhỏ nhất của ống được xác định theo công thức

$$e = e_{cs} + c$$

Trong đó

c Chiều dày bổ sung do ăn mòn, $c = 0,75 \text{ mm}$

e_{cs} Chiều dày tính toán

$$e_{cs} = \frac{p \cdot d_{os}}{2 \cdot f \cdot \gamma + p} = \frac{0,71 \cdot 141}{2 \cdot 138 \cdot 1 + 0,71} = 0,36 \text{ mm}$$

Vậy chiều dày tối thiểu

$$e = e_{cs} + c = 1,11 \text{ mm}$$

Theo bảng 1 (trang 30) *TCVN 7704: 2007*, chiều dày tối thiểu của ống khi chịu áp suất trong $e \geq 3,5 \text{ mm}$

→ Chiều dày thực tế của ống là $6,55 \text{ mm}$

→ Thỏa điều kiện bền

PHẦN HAI

TÍNH TOÁN CÔNG SUẤT NHIỆT CỦA THIẾT BỊ

Công suất nhiệt được tính toán sơ bộ dựa trên tổng diện tích tiếp nhiệt và năng suất trao đổi nhiệt riêng trên 1 đơn vị diện tích.

1. Diện tích tiếp nhiệt

Diện tích tiếp nhiệt của thiết bị được xác định theo công thức sau:

$$F = F_1 + F_2 + F_3$$

Trong đó

- F_1 Diện tích tiếp nhiệt của ống ở buồng lửa
- F_2 Diện tích tiếp nhiệt của ống ở pass 2
- F_3 Diện tích tiếp nhiệt của ống ở pass 3

a. Diện tích tiếp nhiệt của buồng lửa

$$F_1 = \varphi * (\pi * d/2) * l = 0,85 * (\pi * 0,073/2) * 185 = 18,03 \text{ m}^2$$

Trong đó

- d Đường kính ngoài của ống truyền nhiệt, $d = 73 \text{ mm}$
- l Chiều dài tiếp nhiệt của ống cuộn coil trong, $l = 185 \text{ m}$
- φ Hệ số tính đến sự che khuất của các ống, $\varphi = 0,85$

b. Diện tích tiếp nhiệt của ống pass 2

$$\begin{aligned} F_2 &= \varphi * (\pi * d/2) * (l_1 + l_2) \\ &= 0,85 * (\pi * 0,073/2) * (185 + 215) = 38,99 \text{ m}^2 \end{aligned}$$

Trong đó

- l_1 Chiều dài tiếp nhiệt của ống cuộn coil trong, $l_1 = 185 \text{ m}$
- l_2 Chiều dài tiếp nhiệt của ống cuộn coil ngoài, $l_2 = 215 \text{ m}$
- d Đường kính ngoài của ống xoắn, $d = 73 \text{ mm}$
- φ Hệ số tính đến sự che khuất của các ống, $\varphi = 0,85$

c. Diện tích tiếp nhiệt của ống pass 3

$$F_3 = \varphi * (\pi * d/2) * l = 0,85 * (\pi * 0,073/2) * 215 = 20,96 \text{ m}^2$$

Trong đó

- d Đường kính ngoài của ống xoắn, $d = 73 \text{ mm}$
- l Chiều dài tiếp nhiệt của ống lò, $l = 215 \text{ m}$
- φ Hệ số tính đến sự che khuất của các ống, $\varphi = 0,85$

Tổng diện tích tiếp nhiệt là:

$$F = 18,03 + 38,99 + 20,96 = 78 \text{ m}^2$$

2. Năng suất trao đổi nhiệt riêng

$$q = \Delta t * k$$

Trong đó

Δt Chênh lệch nhiệt độ trung bình giữa khói và dầu, $\Delta t \sim 600^{\circ}C$

k Hệ số truyền nhiệt

$$k = \frac{1}{\frac{1}{\alpha_1} + \frac{\delta}{\lambda} + \frac{1}{\alpha_2}}$$

α_1 Hệ số trao đổi nhiệt đối lưu của khói, $\alpha_1 = 37 \text{ W}/(\text{m}^2 \cdot \text{K})$

α_2 Hệ số trao đổi nhiệt đối lưu của dầu, $\alpha_2 = 1000 \text{ W}/(\text{m}^2 \cdot \text{K})$

δ Chiều dày vách, $\delta = 5,16 \text{ mm}$

λ Hệ số dẫn nhiệt của ống, $\lambda = 45 \text{ W}/(\text{m} \cdot \text{K})$

$$\rightarrow k = \frac{1}{\frac{1}{37} + \frac{5,16 \cdot 10^{-3}}{45} + \frac{1}{1000}} = 35,5 \text{ W}/(\text{m}^2 \cdot \text{K})$$

$$\rightarrow q = 600 * 35,5 = 21.321 \text{ W}/\text{m}^2$$

3. Năng suất nhiệt của thiết bị

$$Q = F * q = 78 * 21,32 = 1.663 \text{ kW}$$

$$\rightarrow Q = 1.430.000 \text{ kCal/h}$$

Kết luận:

- Thiết bị này đáp ứng được công suất nhiệt thiết kế $Q_o = 1.300.000 \text{ kCal/h}$

Thiết bị này đã được chế tạo và lắp đặt phù hợp với Tiêu chuẩn Việt nam về thiết bị chịu áp lực: TCVN 7704: 2007, QCVN 01: 2008/BIĐTBXH, cùng các yêu cầu kỹ thuật chế tạo sản phẩm. Thiết bị đã được thử khi nén với áp suất thử như sau:

- | | |
|-------------|-------------------------|
| + Cuộn coil | 10,5 kG/cm ² |
| + Ống góp | 10,5 kG/cm ² |

Xác nhận: Thiết bị này có thể làm việc an toàn với môi chất và các thông số đã ghi trong lý lịch này.

Ngày 30 tháng 10 năm 2017

Người lập lý lịch
(Ký tên)



Ks. Nguyễn Toàn Phong

Phó Giám Đốc

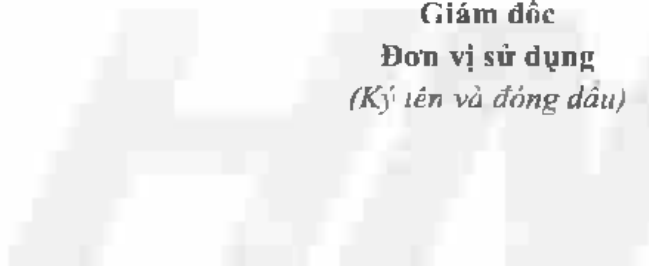
Đơn vị chế tạo

(Ký tên và đóng dấu)



Ks. Phạm Huy Nguyễn Hoà

Giám đốc
Đơn vị sử dụng
(Ký tên và đóng dấu)



Chú thích

Kèm theo Lý lịch này có thêm các tài liệu kỹ thuật sau đây:

1. Các bản vẽ cấu tạo thiết bị có ghi rõ kích thước chính.
2. Các tài liệu kỹ thuật về kiểm tra chất lượng vật liệu và chất lượng mối hàn.
3. Các bản hướng dẫn lắp đặt hàn quản và sử dụng an toàn thiết bị
4. Biên bản khám nghiệm xuất xưởng theo đúng yêu cầu của quy phạm

ĐẶC ĐIỂM CÁC DỤNG CỤ KIỂM TRA, ĐO LƯỜNG, CÁC CƠ CẤU AN TOÀN VÀ CÁC VAN CHÍNH ĐÃ LẮP VÀO THIẾT BỊ

[illegible]

Chú thich

1. Về vật liệu chế tạo chỉ ghi tên gọi mà không cần ghi mã hiệu và đặc tính
Ví dụ: gang, thép, đồng, v.v.
2. Về chỗ lắp nên kèm theo sơ đồ minh họa cho rõ.

KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

Ngày	Kết quả kiểm định	Áp suất làm việc cho phép (at)	Thời hạn Kiểm định tiếp theo
05/12/17	Thiết bị đã được kiểm định kỹ thuật an toàn theo quy trình kiểm định hiện hành Kết luận: Đạt yêu cầu	S.O	15/12/2019
		TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH KẾT KẾT KHU VỰC II MEMBERSHIP VIEN THỜI HẠN 10-01/KDV	
11/2019	Thiết bị đã được kiểm định kỹ thuật an toàn theo quy trình kiểm định hiện hành Kết luận: Đạt yêu cầu	S.O	11/2021
		VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ THIẾT KẾ CHUẨN CHẤT LƯỢNG KIỂM ĐỊNH VIEN THỜI HẠN K. Nguyễn Văn Hòa	
11/2021	Thiết bị đã được kiểm định kỹ thuật an toàn theo quy trình kiểm định hiện hành Kết luận: Đạt yêu cầu	S	11/2023
		VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ THIẾT KẾ CHUẨN CHẤT LƯỢNG KIỂM ĐỊNH VIEN THỜI HẠN K. Nguyễn Văn Hòa	
11/2023	Thiết bị đã được kiểm định kỹ thuật an toàn theo quy trình kiểm định hiện hành Kết luận: Đạt yêu cầu	S	11/2025
		VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ THIẾT KẾ CHUẨN CHẤT LƯỢNG KIỂM ĐỊNH VIEN THỜI HẠN K. Nguyễn Văn Hòa	

Chú thích

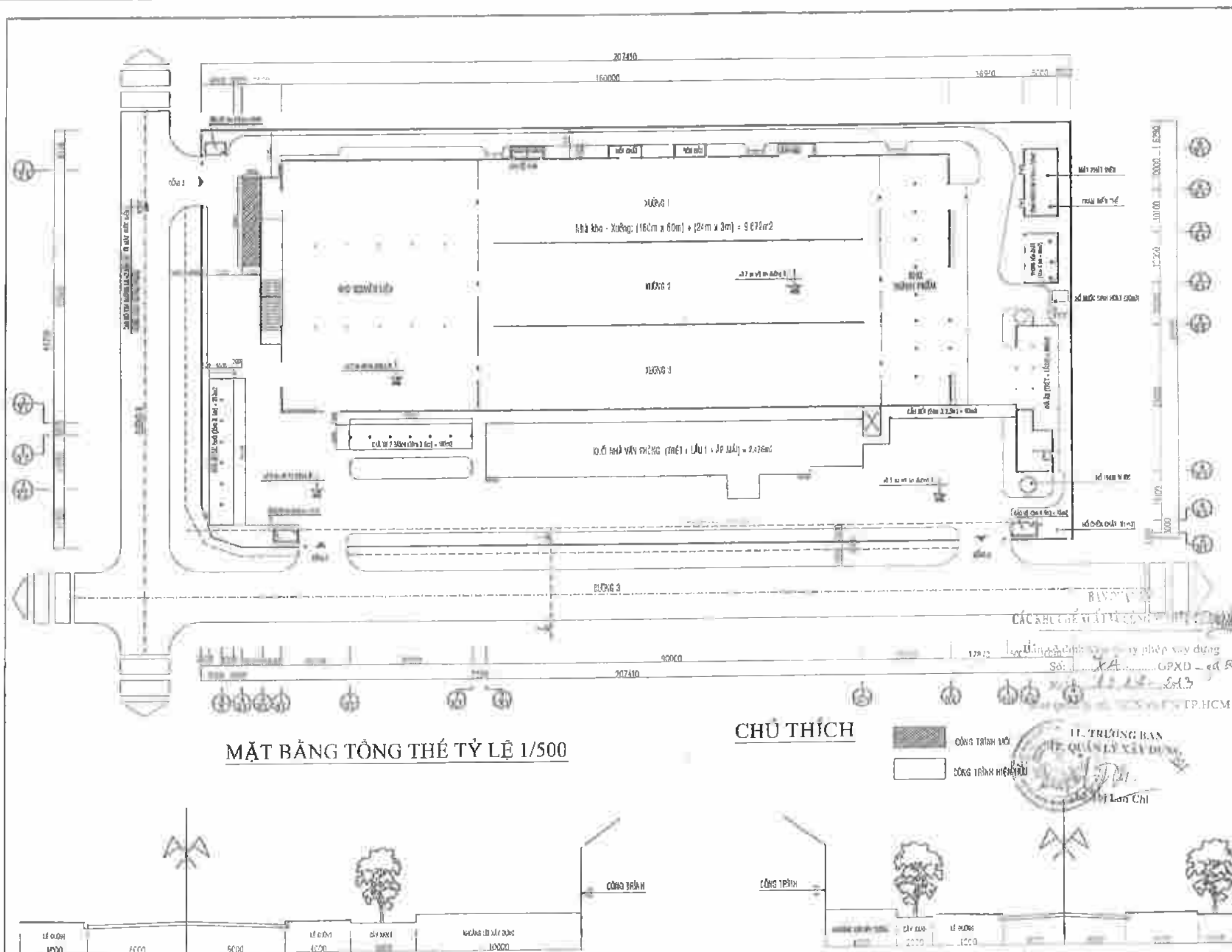
Kết quả Kiểm định do Hội đồng kỹ thuật của đơn vị sử dụng tiến hành cùng ghi chép vào trang này

DĂNG KÝ SỬ DỤNG LẦN ĐẦU (*)

- Tên đơn vị sử dụng:
- Thiết bị: Số đăng ký:
- Ngày đăng ký:
- Cơ quan đăng ký:
- Lý lịch này gồm 24 trang và các bản vẽ sau đây:
 1.
 2.
 3.
 4.
 5.
 6.
 7.
 8.

Ngày tháng năm 201.....
Thủ trưởng cơ quan đăng ký
(Ký tên, đóng dấu)

(*) Phần này dành riêng cho cơ quan đăng ký và đóng dấu.



MẶT BẰNG TỔNG THỂ TỶ LỆ 1/500

CHỦ THÍCH

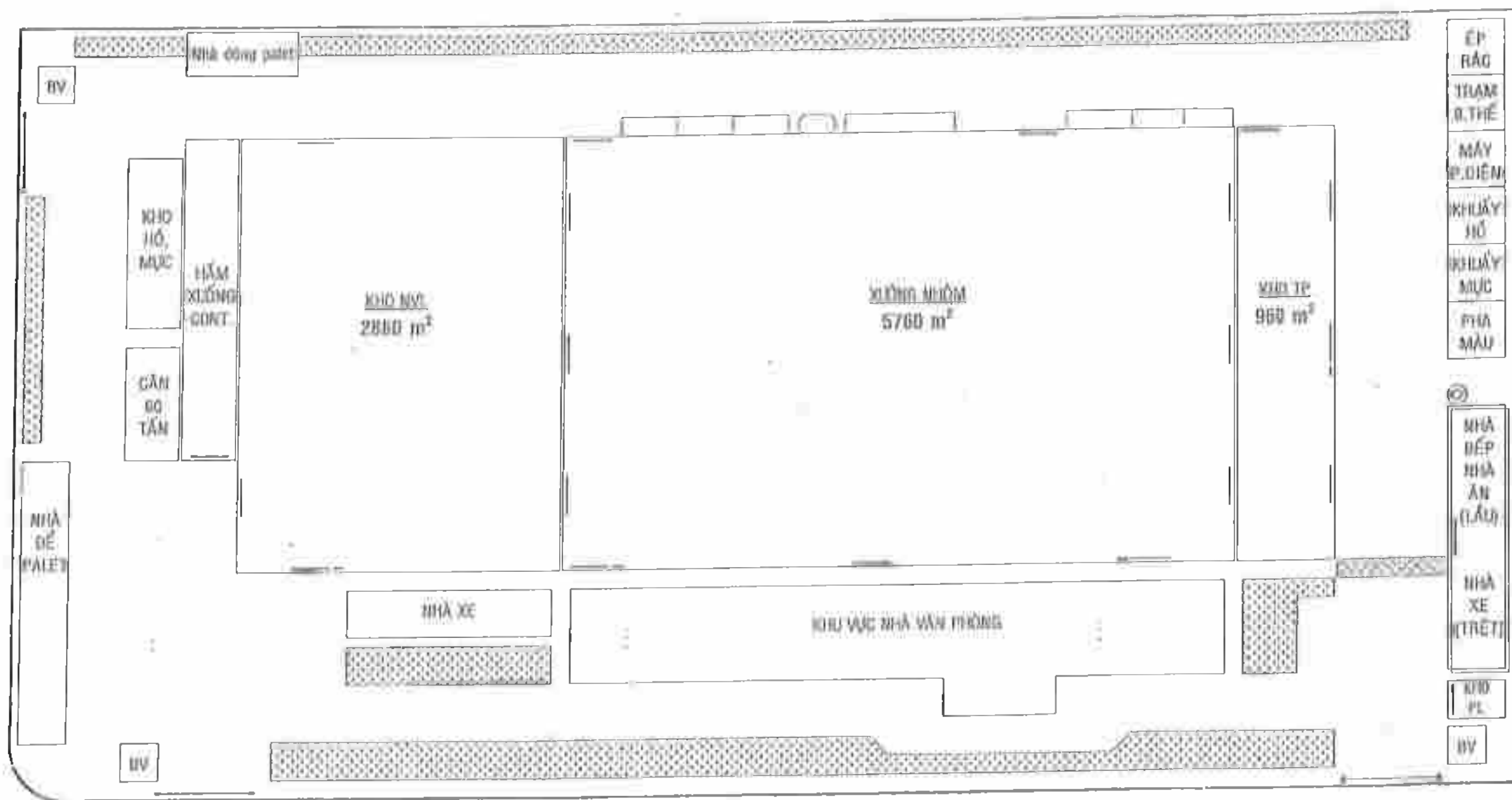
- CÔNG TRÌNH MỚI
- CÔNG TRÌNH HIỆN HỮU

11. TRƯỞNG BAN
HỘI QUẢN LÝ XÂY DỰNG
[Signature]
Lan Chi

MẶT CẮT ĐƯỜNG B

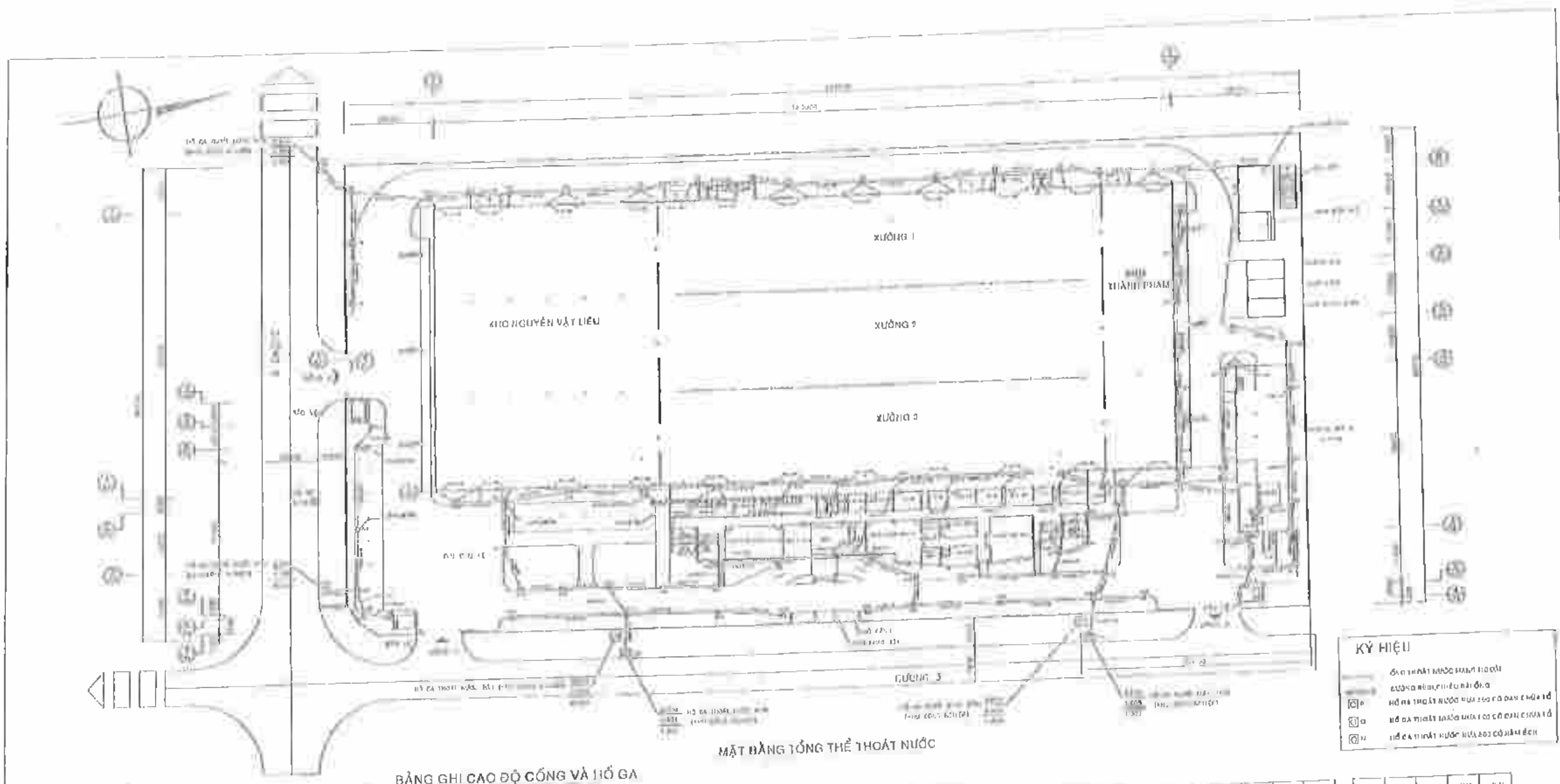
MẶT CẮT ĐƯỜNG SỐ 3

Lưu	Hủy	Số bản
1		
2		
3		
CHỦ ĐẦU TƯ:		
CÔNG TY TNHH NEW TOWN (VIỆT NAM)		
 NGUYỄN HỮU QUÂN TỔNG GIÁM ĐỐC		
CÔNG TRÌNH:		
NHÀ XƯỞ (PHU)		
ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH:		
CƠ QUAN CHỦ ĐẦU TƯ:		
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG QUỐC GIA		
GIÁM ĐỐC:		
 NGUYỄN VĂN NGHĨA		
KTS, LÊ THANH HẢI		
THIẾT KẾ KIẾN TRÚC		
KTS, LÊ THANH HẢI		
THIẾT KẾ		
KTS, ĐỖ THANH TÙNG		
TÊN BẢN VẼ		
MẶT BẰNG TỔNG THỂ		
NGÀY PHÁT HÀNH: 8/2013		
TỶ LỆ BẢN VẼ		KT-01



PHẠM HỮU QUÂN
TỔNG GIÁM ĐỐC

Người vẽ	Nguyễn Thị Ngọc	Trần Văn	MẶT BẰNG XƯỞNG NHÔM	
Kiểm tra				
 NEW TOYO (VN) ALUMINIUM PAPER PACKAGING CO., LTD			Số lượng:	
			Tỷ lệ	

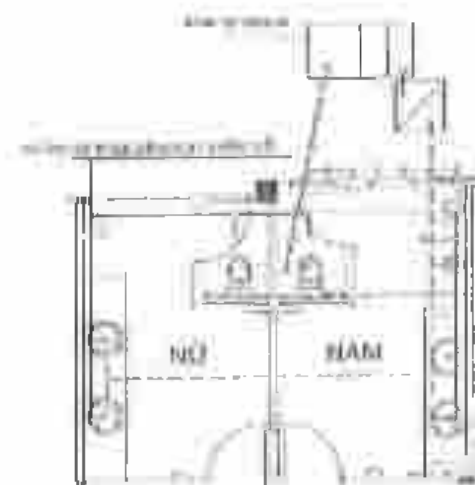
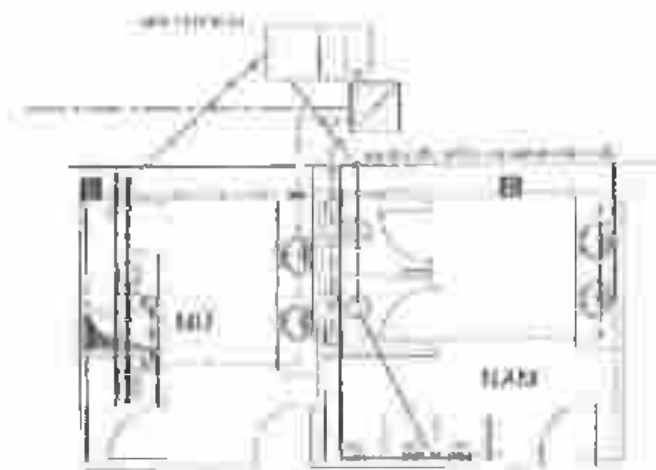
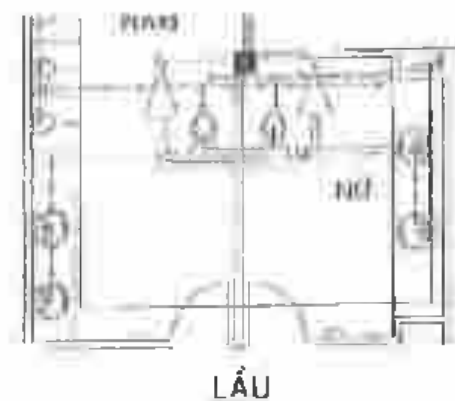


KÝ HIỆU

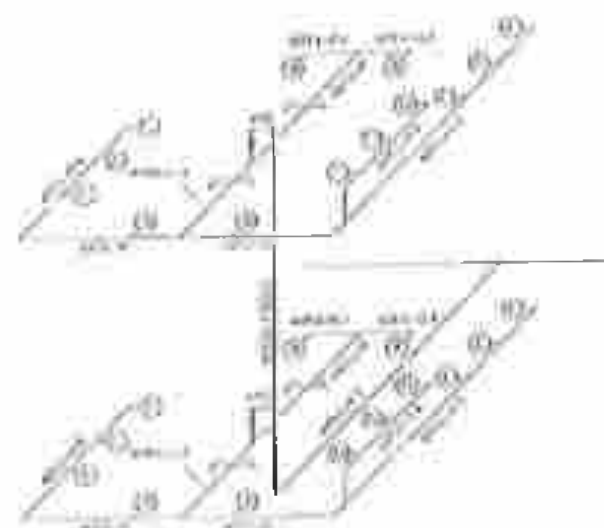
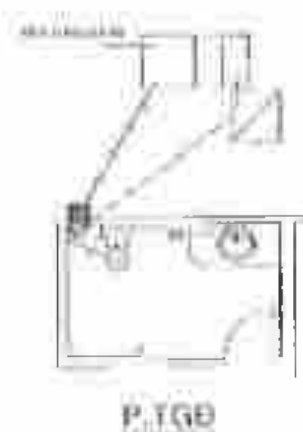
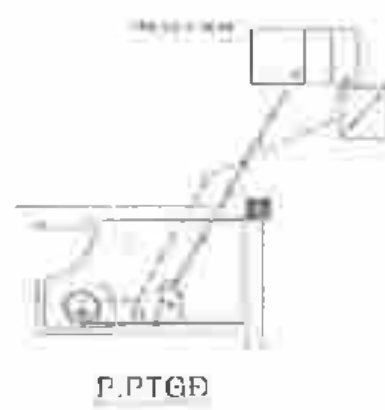
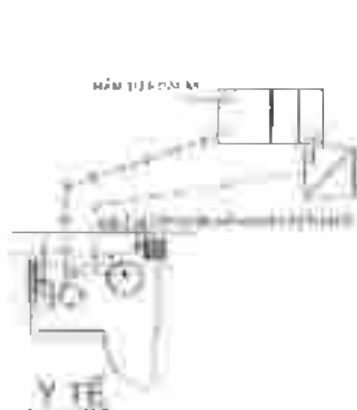
[Symbol] Đường thoát nước mưa
 [Symbol] Đường thoát nước thải
 [Symbol] Đường thoát nước ngầm
 [Symbol] Đường thoát nước mặt
 [Symbol] Đường thoát nước ngầm
 [Symbol] Đường thoát nước mặt

BẢNG GHI CAO ĐỘ CỐNG VÀ HỐ GA

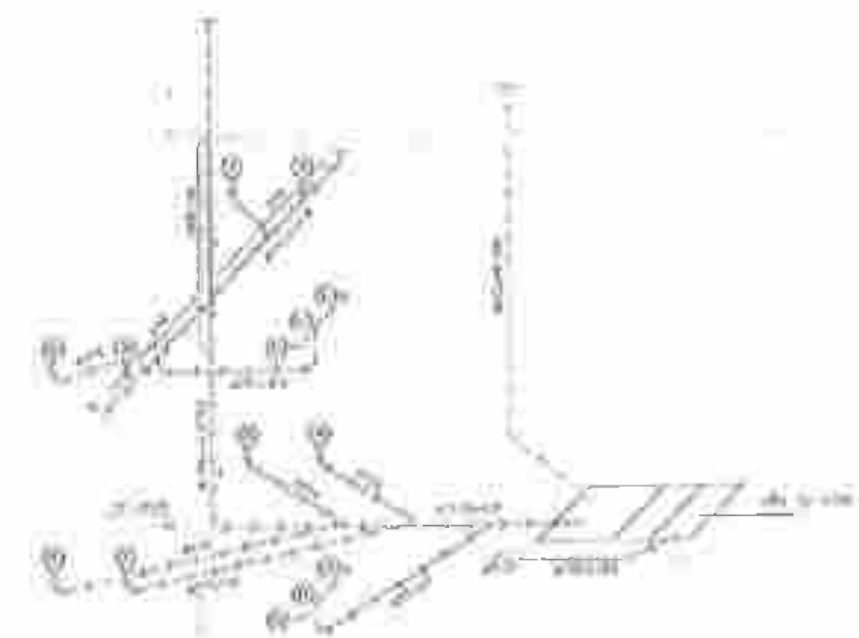
Điểm đặt	Đ1	Đ2	Đ3	Đ4	Đ5	Đ6	Đ7	Đ8	Đ9	Đ10	Đ11	Đ12	Đ13	Đ14	Đ15	Đ16	Đ17	Đ18	Đ19	Đ20	Đ21	Đ22	Đ23	Đ24	Đ25	Đ26	Đ27	Đ28	Đ29	Đ30	Đ31	Đ32	Đ33	Đ34	Đ35	Đ36	Đ37	Đ38	Đ39	Đ40	Đ41	Đ42	Đ43	Đ44	Đ45	Đ46	Đ47	Đ48	Đ49	Đ50	Đ51	Đ52	Đ53	Đ54	Đ55	Đ56	Đ57	Đ58	Đ59	Đ60	Đ61	Đ62	Đ63	Đ64	Đ65	Đ66	Đ67	Đ68	Đ69	Đ70	Đ71	Đ72	Đ73	Đ74	Đ75	Đ76	Đ77	Đ78	Đ79	Đ80	Đ81	Đ82	Đ83	Đ84	Đ85	Đ86	Đ87	Đ88	Đ89	Đ90	Đ91	Đ92	Đ93	Đ94	Đ95	Đ96	Đ97	Đ98	Đ99	Đ100	Đ101	Đ102	Đ103	Đ104	Đ105	Đ106	Đ107	Đ108	Đ109	Đ110	Đ111	Đ112	Đ113	Đ114	Đ115	Đ116	Đ117	Đ118	Đ119	Đ120	Đ121	Đ122	Đ123	Đ124	Đ125	Đ126	Đ127	Đ128	Đ129	Đ130	Đ131	Đ132	Đ133	Đ134	Đ135	Đ136	Đ137	Đ138	Đ139	Đ140	Đ141	Đ142	Đ143	Đ144	Đ145	Đ146	Đ147	Đ148	Đ149	Đ150	Đ151	Đ152	Đ153	Đ154	Đ155	Đ156	Đ157	Đ158	Đ159	Đ160	Đ161	Đ162	Đ163	Đ164	Đ165	Đ166	Đ167	Đ168	Đ169	Đ170	Đ171	Đ172	Đ173	Đ174	Đ175	Đ176	Đ177	Đ178	Đ179	Đ180	Đ181	Đ182	Đ183	Đ184	Đ185	Đ186	Đ187	Đ188	Đ189	Đ190	Đ191	Đ192	Đ193	Đ194	Đ195	Đ196	Đ197	Đ198	Đ199	Đ200	Đ201	Đ202	Đ203	Đ204	Đ205	Đ206	Đ207	Đ208	Đ209	Đ210	Đ211	Đ212	Đ213	Đ214	Đ215	Đ216	Đ217	Đ218	Đ219	Đ220	Đ221	Đ222	Đ223	Đ224	Đ225	Đ226	Đ227	Đ228	Đ229	Đ230	Đ231	Đ232	Đ233	Đ234	Đ235	Đ236	Đ237	Đ238	Đ239	Đ240	Đ241	Đ242	Đ243	Đ244	Đ245	Đ246	Đ247	Đ248	Đ249	Đ250	Đ251	Đ252	Đ253	Đ254	Đ255	Đ256	Đ257	Đ258	Đ259	Đ260	Đ261	Đ262	Đ263	Đ264	Đ265	Đ266	Đ267	Đ268	Đ269	Đ270	Đ271	Đ272	Đ273	Đ274	Đ275	Đ276	Đ277	Đ278	Đ279	Đ280	Đ281	Đ282	Đ283	Đ284	Đ285	Đ286	Đ287	Đ288	Đ289	Đ290	Đ291	Đ292	Đ293	Đ294	Đ295	Đ296	Đ297	Đ298	Đ299	Đ300	Đ301	Đ302	Đ303	Đ304	Đ305	Đ306	Đ307	Đ308	Đ309	Đ310	Đ311	Đ312	Đ313	Đ314	Đ315	Đ316	Đ317	Đ318	Đ319	Đ320	Đ321	Đ322	Đ323	Đ324	Đ325	Đ326	Đ327	Đ328	Đ329	Đ330	Đ331	Đ332	Đ333	Đ334	Đ335	Đ336	Đ337	Đ338	Đ339	Đ340	Đ341	Đ342	Đ343	Đ344	Đ345	Đ346	Đ347	Đ348	Đ349	Đ350	Đ351	Đ352	Đ353	Đ354	Đ355	Đ356	Đ357	Đ358	Đ359	Đ360	Đ361	Đ362	Đ363	Đ364	Đ365	Đ366	Đ367	Đ368	Đ369	Đ370	Đ371	Đ372	Đ373	Đ374	Đ375	Đ376	Đ377	Đ378	Đ379	Đ380	Đ381	Đ382	Đ383	Đ384	Đ385	Đ386	Đ387	Đ388	Đ389	Đ390	Đ391	Đ392	Đ393	Đ394	Đ395	Đ396	Đ397	Đ398	Đ399	Đ400	Đ401	Đ402	Đ403	Đ404	Đ405	Đ406	Đ407	Đ408	Đ409	Đ410	Đ411	Đ412	Đ413	Đ414	Đ415	Đ416	Đ417	Đ418	Đ419	Đ420	Đ421	Đ422	Đ423	Đ424	Đ425	Đ426	Đ427	Đ428	Đ429	Đ430	Đ431	Đ432	Đ433	Đ434	Đ435	Đ436	Đ437	Đ438	Đ439	Đ440	Đ441	Đ442	Đ443	Đ444	Đ445	Đ446	Đ447	Đ448	Đ449	Đ450	Đ451	Đ452	Đ453	Đ454	Đ455	Đ456	Đ457	Đ458	Đ459	Đ460	Đ461	Đ462	Đ463	Đ464	Đ465	Đ466	Đ467	Đ468	Đ469	Đ470	Đ471	Đ472	Đ473	Đ474	Đ475	Đ476	Đ477	Đ478	Đ479	Đ480	Đ481	Đ482	Đ483	Đ484	Đ485	Đ486	Đ487	Đ488	Đ489	Đ490	Đ491	Đ492	Đ493	Đ494	Đ495	Đ496	Đ497	Đ498	Đ499	Đ500	Đ501	Đ502	Đ503	Đ504	Đ505	Đ506	Đ507	Đ508	Đ509	Đ510	Đ511	Đ512	Đ513	Đ514	Đ515	Đ516	Đ517	Đ518	Đ519	Đ520	Đ521	Đ522	Đ523	Đ524	Đ525	Đ526	Đ527	Đ528	Đ529	Đ530	Đ531	Đ532	Đ533	Đ534	Đ535	Đ536	Đ537	Đ538	Đ539	Đ540	Đ541	Đ542	Đ543	Đ544	Đ545	Đ546	Đ547	Đ548	Đ549	Đ550	Đ551	Đ552	Đ553	Đ554	Đ555	Đ556	Đ557	Đ558	Đ559	Đ560	Đ561	Đ562	Đ563	Đ564	Đ565	Đ566	Đ567	Đ568	Đ569	Đ570	Đ571	Đ572	Đ573	Đ574	Đ575	Đ576	Đ577	Đ578	Đ579	Đ580	Đ581	Đ582	Đ583	Đ584	Đ585	Đ586	Đ587	Đ588	Đ589	Đ590	Đ591	Đ592	Đ593	Đ594	Đ595	Đ596	Đ597	Đ598	Đ599	Đ600	Đ601	Đ602	Đ603	Đ604	Đ605	Đ606	Đ607	Đ608	Đ609	Đ610	Đ611	Đ612	Đ613	Đ614	Đ615	Đ616	Đ617	Đ618	Đ619	Đ620	Đ621	Đ622	Đ623	Đ624	Đ625	Đ626	Đ627	Đ628	Đ629	Đ630	Đ631	Đ632	Đ633	Đ634	Đ635	Đ636	Đ637	Đ638	Đ639	Đ640	Đ641	Đ642	Đ643	Đ644	Đ645	Đ646	Đ647	Đ648	Đ649	Đ650	Đ651	Đ652	Đ653	Đ654	Đ655	Đ656	Đ657	Đ658	Đ659	Đ660	Đ661	Đ662	Đ663	Đ664	Đ665	Đ666	Đ667	Đ668	Đ669	Đ670	Đ671	Đ672	Đ673	Đ674	Đ675	Đ676	Đ677	Đ678	Đ679	Đ680	Đ681	Đ682	Đ683	Đ684	Đ685	Đ686	Đ687	Đ688	Đ689	Đ690	Đ691	Đ692	Đ693	Đ694	Đ695	Đ696	Đ697	Đ698	Đ699	Đ700	Đ701	Đ702	Đ703	Đ704	Đ705	Đ706	Đ707	Đ708	Đ709	Đ710	Đ711	Đ712	Đ713	Đ714	Đ715	Đ716	Đ717	Đ718	Đ719	Đ720	Đ721	Đ722	Đ723	Đ724	Đ725	Đ726	Đ727	Đ728	Đ729	Đ730	Đ731	Đ732	Đ733	Đ734	Đ735	Đ736	Đ737	Đ738	Đ739	Đ740	Đ741	Đ742	Đ743	Đ744	Đ745	Đ746	Đ747	Đ748	Đ749	Đ750	Đ751	Đ752	Đ753	Đ754	Đ755	Đ756	Đ757	Đ758	Đ759	Đ760	Đ761	Đ762	Đ763	Đ764	Đ765	Đ766	Đ767	Đ768	Đ769	Đ770	Đ771	Đ772	Đ773	Đ774	Đ775	Đ776	Đ777	Đ778	Đ779	Đ780	Đ781	Đ782	Đ783	Đ784	Đ785	Đ786	Đ787	Đ788	Đ789	Đ790	Đ791	Đ792	Đ793	Đ794	Đ795	Đ796	Đ797	Đ798	Đ799	Đ800	Đ801	Đ802	Đ803	Đ804	Đ805	Đ806	Đ807	Đ808	Đ809	Đ810	Đ811	Đ812	Đ813	Đ814	Đ815	Đ816	Đ817	Đ818	Đ819	Đ820	Đ821	Đ822	Đ823	Đ824	Đ825	Đ826	Đ827	Đ828	Đ829	Đ830	Đ831	Đ832	Đ833	Đ834	Đ835	Đ836	Đ837	Đ838	Đ839	Đ840	Đ841	Đ842	Đ843	Đ844	Đ845	Đ846	Đ847	Đ848	Đ849	Đ850	Đ851	Đ852	Đ853	Đ854	Đ855	Đ856	Đ857	Đ858	Đ859	Đ860	Đ861	Đ862	Đ863	Đ864	Đ865	Đ866	Đ867	Đ868	Đ869	Đ870	Đ871	Đ872	Đ873	Đ874	Đ875	Đ876	Đ877	Đ878	Đ879	Đ880	Đ881	Đ882	Đ883	Đ884	Đ885	Đ886	Đ887	Đ888	Đ889	Đ890	Đ891	Đ892	Đ893	Đ894	Đ895	Đ896	Đ897	Đ898	Đ899	Đ900	Đ901	Đ902	Đ903	Đ904	Đ905	Đ906	Đ907	Đ908	Đ909	Đ910	Đ911	Đ912	Đ913	Đ914	Đ915	Đ916	Đ917	Đ918	Đ919	Đ920	Đ921	Đ922	Đ923	Đ924	Đ925	Đ926	Đ927	Đ928	Đ929	Đ930	Đ931	Đ932	Đ933	Đ934	Đ935	Đ936	Đ937	Đ938	Đ939	Đ940	Đ941	Đ942	Đ943	Đ944	Đ945	Đ946	Đ947	Đ948	Đ949	Đ950	Đ951	Đ952	Đ953	Đ954	Đ955	Đ956	Đ957	Đ958	Đ959	Đ960	Đ961	Đ962	Đ963	Đ964	Đ965	Đ966	Đ967	Đ968	Đ969	Đ970	Đ971	Đ972	Đ973	Đ974	Đ975	Đ976	Đ977	Đ978	Đ979	Đ980	Đ981	Đ982	Đ983	Đ984	Đ985	Đ986	Đ987	Đ988	Đ989	Đ990	Đ991	Đ992	Đ993	Đ994	Đ995	Đ996	Đ997	Đ998	Đ999	Đ1000	Đ1001	Đ1002	Đ1003	Đ1004	Đ1005	Đ1006	Đ1007	Đ1008	Đ1009	Đ1010	Đ1011	Đ1012	Đ1013	Đ1014	Đ1015	Đ1016	Đ1017	Đ1018	Đ1019	Đ1020	Đ1021	Đ1022	Đ1023	Đ1024	Đ1025	Đ1026	Đ1027	Đ1028	Đ1029	Đ1030	Đ1031	Đ1032	Đ1033	Đ1034	Đ1035	Đ1036	Đ1037	Đ1038	Đ1039	Đ1040	Đ1041	Đ1042	Đ1043	Đ1044	Đ1045	Đ1046	Đ1047	Đ1048	Đ1049	Đ1050	Đ1051	Đ1052	Đ1053	Đ1054	Đ1055	Đ1056	Đ1057	Đ1058	Đ1059	Đ1060	Đ1061	Đ1062	Đ1063	Đ1064	Đ1065	Đ1066	Đ1067	Đ1068	Đ1069	Đ1070	Đ1071	Đ1072	Đ1073	Đ1074	Đ1075	Đ1076	Đ1077	Đ1078	Đ1079	Đ1080	Đ1081	Đ1082	Đ1083	Đ1084	Đ1085	Đ1086	Đ1087	Đ1088	Đ1089	Đ1090	Đ1091	Đ1092	Đ1093	Đ1094	Đ1095	Đ1096	Đ1097	Đ1098	Đ1099	Đ1100	Đ1101	Đ1102	Đ1103	Đ1104	Đ1105	Đ1106	Đ1107	Đ1108	Đ1109	Đ1110	Đ1111	Đ1112	Đ1113	Đ1114	Đ1115	Đ1116	Đ1117	Đ1118	Đ1119	Đ1120	Đ1121	Đ1122	Đ1123	Đ1124	Đ1125	Đ1126	Đ1127	Đ1128	Đ1129	Đ1130	Đ1131	Đ1132	Đ1133	Đ1134	Đ1135	Đ1136	Đ1137	Đ1138	Đ1139	Đ1140	Đ1141	Đ1142	Đ1143	Đ1144	Đ1145	Đ1146	Đ1147	Đ1148	Đ1149	Đ1150	Đ1151	Đ1152	Đ1153	Đ1154	Đ1155	Đ1156	Đ1157	Đ1158	Đ1159	Đ1160	Đ1161	Đ1162	Đ1163	Đ1164	Đ1165	Đ1166	Đ1167	Đ1168	Đ1169	Đ1170	Đ1171	Đ1172	Đ1173	Đ1174	Đ1175	Đ1176	Đ1177	Đ1178	Đ1179	Đ1180	Đ1181	Đ1182	Đ1183	Đ1184	Đ1185	Đ1186	Đ1187	Đ1188	Đ1189	Đ1190	Đ1191	Đ1192	Đ1193	Đ1194	Đ1195	Đ1196	Đ1197	Đ1198	Đ1199	Đ1200	Đ1201	Đ1202	Đ1203	Đ1204	Đ1205	Đ1206	Đ1207	Đ1208	Đ1209	Đ1210	Đ1211	Đ1212	Đ1213	Đ1214	Đ1215	Đ1216	Đ1217	Đ1218	Đ1219	Đ1220	Đ1221	Đ1222	Đ1223	Đ1224	Đ1225	Đ1226	Đ1227	Đ1228	Đ1229	Đ1230	Đ1231	Đ1232	Đ1233	Đ1234	Đ1235	Đ1236	Đ1237	Đ1238	Đ1239	Đ1240	Đ1241	Đ1242	Đ1243	Đ1244	Đ1245	Đ1246	Đ1247	Đ1248	Đ1249	Đ1250	Đ1251	Đ1252	Đ1253	Đ1254	Đ1255	Đ1256	Đ1257	Đ1258	Đ1259	Đ1260	Đ1261	Đ1262	Đ1263	Đ1264	Đ1265	Đ1266	Đ1267	Đ1268	Đ1269	Đ1270	Đ1271	Đ1272	Đ1273	Đ1274	Đ1275	Đ1276	Đ1277	Đ1278	Đ1279	Đ1280	Đ1281	Đ1282	Đ1283	Đ1284	Đ1285	Đ1286	Đ1287	Đ1288	Đ1289	Đ1290	Đ1291	Đ1292	Đ1293	Đ1294	Đ1295	Đ1296	Đ1297	Đ1298	Đ1299	Đ1300	Đ1301	Đ1302	Đ1303	Đ1304	Đ1305	Đ1306	Đ1307	Đ1308	Đ1309	Đ1310	Đ1311	Đ1312	Đ1313
----------	----	----	----	----	----	----	----	----	----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------



THOÁT NƯỚC TẮM RỬA

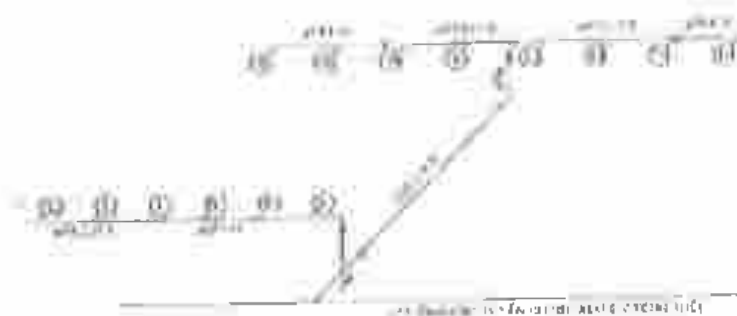
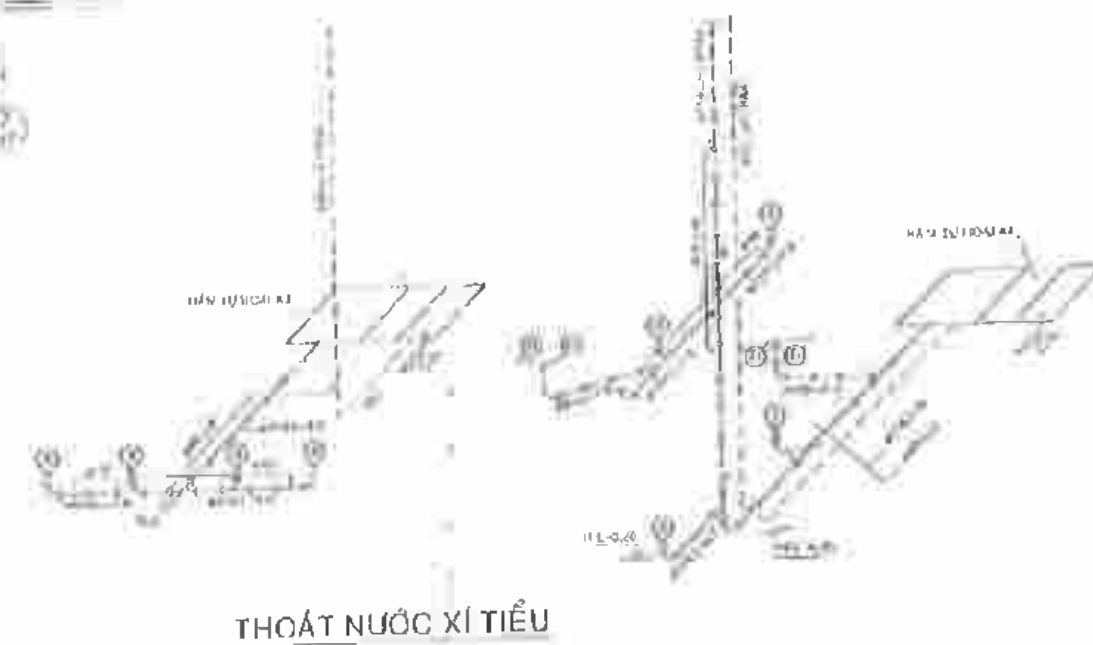
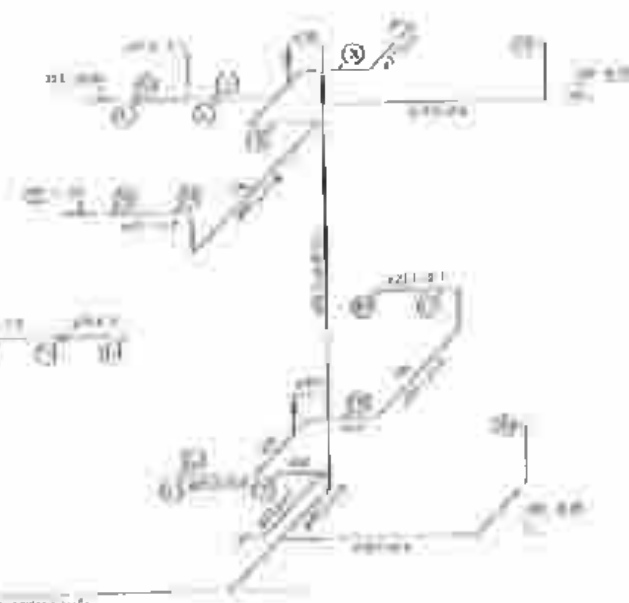
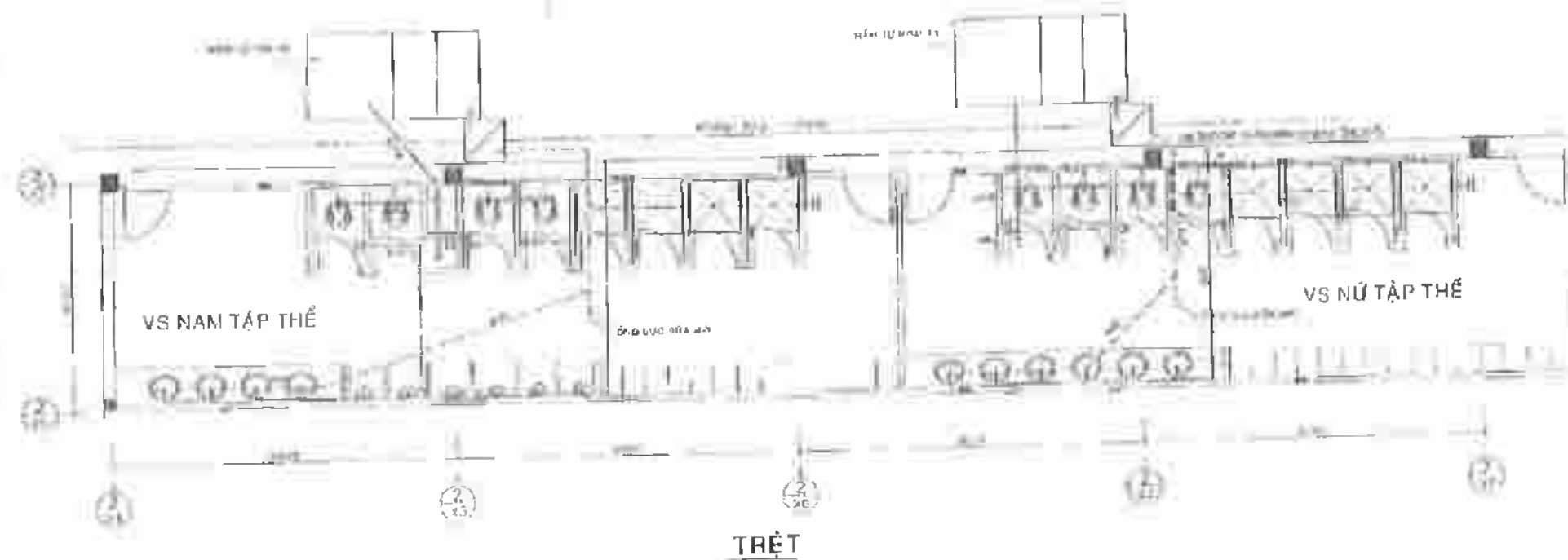
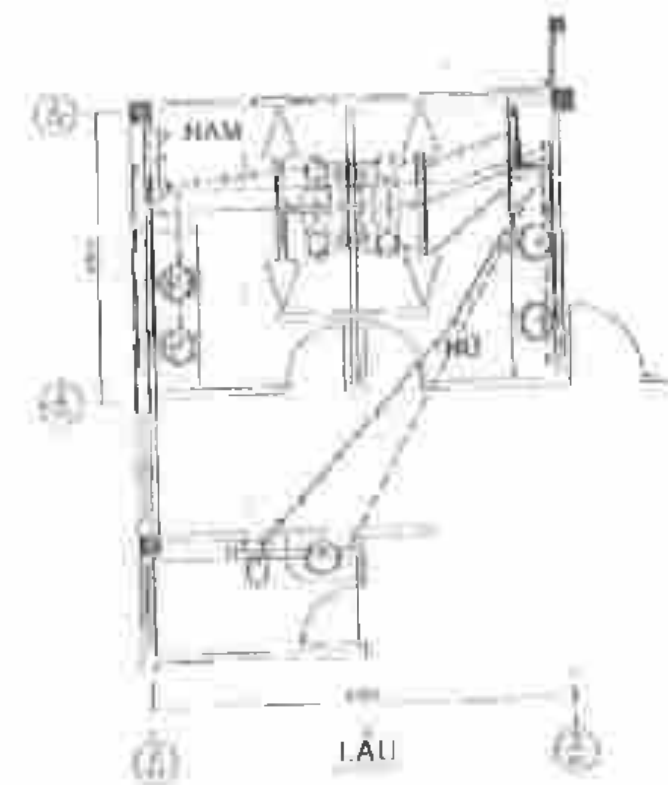


CẤP NƯỚC

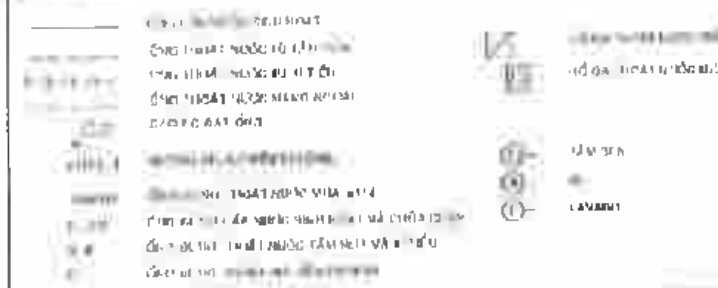
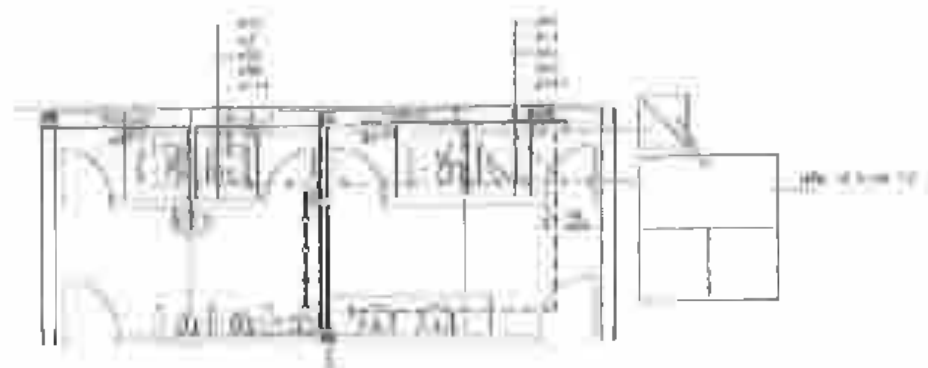


THOÁT NƯỚC XÍ TIỂU

[illegible]

[illegible]

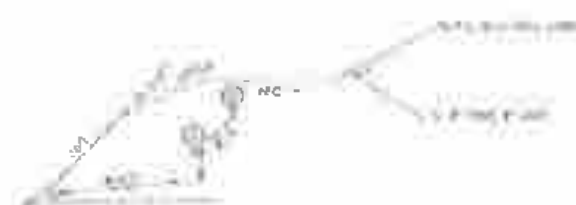
KÝ HIỆU

[illegible]

CẤP NƯỚC



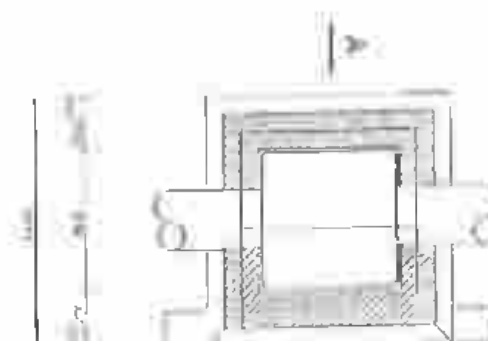
CẤP NƯỚC



THOÁT NƯỚC TẮM PÚA



THOÁT NƯỚC TẮM RỬA



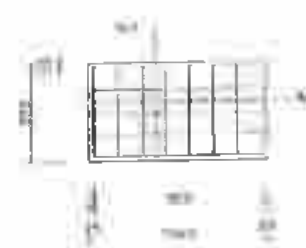
MẬT BẰNG HỔ GA HÀM ÉCH 800



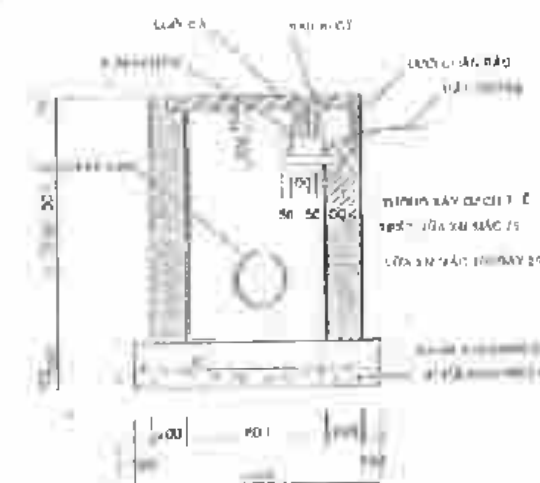
THOÁT NƯỚC XÍ TIỂU



BỤNG CHẴN VÀ LUỖI GÀ



ĐÀN HỒ GA HÀM ẾCH



MẮT CẮT A-A

HỌ TÊN NGUYỄN VĂN NEW 1070	CHỨC VỤ CHỦ TỊCH 	MÃ QUÂN QUẢN LÝ 1070 NGÀY ĐAT 10/10/70	CẤP QUỐC GIA 	CHỨC VỤ CHỦ TỊCH 	CHỨC VỤ CHỦ TỊCH 
----------------------------------	--	---	---	--	--

